ISSN 1859 – 1000

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

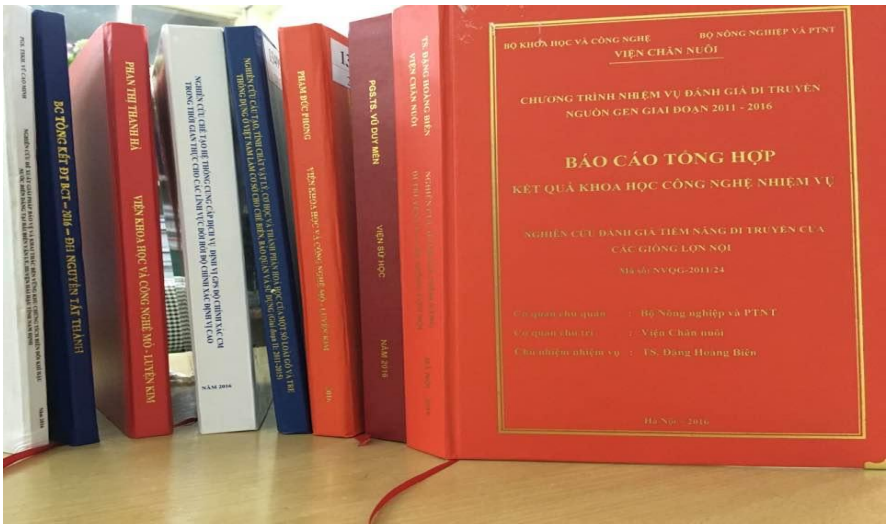

SỐ 06

2022

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Định kỳ 1số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban:	THS. VŨ ANH TUẤN
Phó Trưởng ban:	ThS. Võ Thị Thu Hà ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh
Uỷ viên thư ký:	ThS. Nguyễn Thị Thưa CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	ii
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	9
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	133

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ".***

Xuất bản phẩm ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"***được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: **http://sti.vista.gov.vn**. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thờithông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: *quanly@vista.gov.vn*

Website: http://www.vista.gov.vn/

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

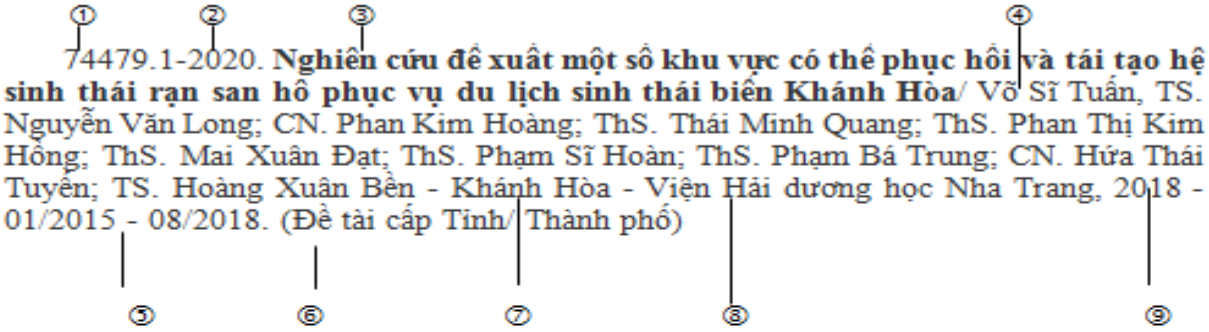

①	Mã tra cứu
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU

1. Khoa học tự nhiên 9

10101. Toán học cơ bản 9

10102. Toán học ứng dụng 9

10103. Thống kê 11

10201. Khoa học máy tính 11

10202. Khoa học thông tin 12

10302. Vật lý các chất cô đặc 12

10401. Hoá hữu cơ 13

10403. Hoá lý 13

10406. Hoá keo 14

10501. Địa chất học 14

10508. Trắc địa học và bản đồ học 15

10511. Khí hậu học 16

10513. Thuỷ văn; Tài nguyên nước 16

10601. Sinh học lý thuyết 17

10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh 17

10607. Nấm học 18

10611. Thực vật học 19

10615. Đa dạng sinh học 19

10616. Công nghệ sinh học 19

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ 21

20102. Kỹ thuật xây dựng 22

20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị 24

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải 25

20105. Kỹ thuật thuỷ lợi 27

20106. Kỹ thuật địa chất công trình 30

20201. Kỹ thuật điện và điện tử 31

20202. Người máy và điều khiển tự động 32

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v.) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),. 32

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông 34

20205. Viễn thông 37

20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác 38

20302. Chế tạo máy nói chung 39

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp 40

20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ôtô và giao thông 40

20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thuỷ 41

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng 42

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân 43

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm) 44

20403. Kỹ thuật hoá dược 45

20404. Kỹ thuật hoá vô cơ 45

20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ 46

20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim 46

20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim 47

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học 47

20602. Kỹ thuật phân tích mẫu bệnh phẩm 48

20603. Kỹ thuật phân tích mẫu thuốc 48

20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh....49

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật....49

20704. Viễn thám....51

20899. Công nghệ sinh học môi trường khác....52

20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men....52

20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.....53

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)....54

21102. Kỹ thuật đồ uống....55

21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác....56

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác....56

3. Khoa học y, dược....57

30108. Vi sinh vật học y học....58

30199. Y học cơ sở khác....58

30213. Ghép mô, tạng....58

30215. Da liễu, Hoa liễu....59

30219. Tiêu hoá và gan mật học....59

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư....60

30299. Y học lâm sàng khác....60

30310. Sức khoẻ nghề nghiệp; tâm lý ung thư học, Hiệu quả chính sách và xã hội của nghiên cứu y sinh học....61

30399. Các vấn đề y tế khác....61

30401. Dược lý học....62

30402. Dược học lâm sàng và điều trị....62

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc 64

30499. Dược học khác.....65

30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc.....66

30599. Công nghệ sinh học y học khác 66

4. Khoa học nông nghiệp 67

40101. Nông hoá 67

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....68

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....70

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc 73

40106. Bảo vệ thực vật.....75

40107. Bảo quản và chế biến nông sản 75

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác 76

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....76

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi.....77

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi 77

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác 78

40405. Giống cây rừng.....79

40504. Nuôi trồng thuỷ sản.....80

40506. Quản lý và khai thác thuỷ sản 81

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....82

5. Khoa học xã hội 84

50102. Tâm lý học chuyên ngành 85

50202. Kinh doanh và quản lý 86

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-074 94

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác.....94

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,. 102

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác 106

50401. Xã hội học nói chung 108

50404. Dân tộc học 110

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội 111

50499. Xã hội học khác 113

50501. Luật học 114

50599. Các vấn để pháp luật khác 116

50601. Khoa học chính trị 117

50602. Hành chính công và quản lý hành chính 121

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá 123

50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội 125

599. Khoa học xã hội khác 127

6. Khoa học nhân văn 128

60103. Khảo cổ học và tiền sử 128

60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung 128

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam 129

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ 130

60399. Các vấn đề của triết học và tôn giáo khác 132

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

10101. Toán học cơ bản

81527.06-2022 **Một vài lớp toán tử quan trọng trong hình học Riemann và trong không gian các hàm hình chỉnh**/ PGS.TS. Nguyễn Thạc Dũng, PGS.TS. Phạm Trọng Tiến - Hà Nội- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 12/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tính liên thông tại vô hạn của các đa tạp con\delta-ổn định được dìm trong các dạng không gian mẫu. Khảo sát các tính chất triệt tiêu của không gian các dạng vi phân với năng lượng Lp hữu hạn. Ước lượng gradient cho nghiệm của các phương trình truyền nhiệt các không gian đo metric trơn với độ cong Bakrry-Emery bị chặn dưới và tính bị chặn của gradient của hàm trọng. Khảo sát các tính chất Harnack và Liouville của nghiệm nhiệt. Khảo sát tính liên thông tại vô hạn của các đa tạp con f-cực tiểu được dìm trong một không gian đo metric trơn. Nghiên cứu các tính chất hình học, topo của các không gian đo metric trơn sử dụng các tính chất giải tích của các dạng vi phân điều hòa, các dạng vi phân riêng. Nghiên cứu các không gian con bất biến của các toán tử đạo hàm, toán tử tích phân, toán tử nhân tính và các tính chất của toán tử kết hợp có trọng.

Số hồ sơ lưu: 19433

81755.06-2022 **Xấp xỉ nghiệm một số bài toán không chỉnh cho phương trình dạng elliptic và parabolic**/ TS. Lê Minh Triết, PGS.TS. Phạm Hoàng Quân; ThS. Lưu Hồng Phong; ThS. Phan Toại Tuyn; KS. Phạm Minh Trí - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2020 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu các dạng bài toán có ứng dụng nhiều trong các ngành khoa học kĩ thuật: bài toán ngược cho phương trình elliptic phi tuyến, bài toán nhiệt ngược trong tọa độ cực và bài toán nhiệt ngược không thuần nhất với toán tử bậc không nguyên. Với mỗi bài toán, xây dựng các nghiệm chỉnh hóa dựa trên các phương pháp tựa giá trị biên có điều chỉnh, phương pháp chặt cụt tích phân. Từ đó, thu được tốc độ hội tụ của nghiệm chỉnh hóa dựa vào một vài điều kiện tiên nghiệm.

Số hồ sơ lưu: HCM-026-2021

10102. Toán học ứng dụng

81438.06-2022 **Phân tích kinh tế định lượng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam**/ TS. Lương Quang Huy, ThS. Trần Đỗ Bảo Trung; TS.Đỗ Tiến Anh; ThS. .Vương Xuân Hòa; ThS. Nguyễn Văn Minh; ThS. Nguyễn Văn Huy; TS. Nguyễn Tùng Lâm; ThS. Phạm Nam Hưng; ThS. Trần Thị Bích Ngọc; TS. Đỗ Kim Phương; CN. Nguyễn Thị Vân Anh; TS. Đặng Xuân Cự; KS. Vũ Ngọc Dũng - Hà Nội- Cục Biến đổi khí hậu, 2021 - 07/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định phương pháp phân tích kinh tế định lượng về chi phí– lợi ích cho các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (KNK) trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam; Phân tích kinh tế định lượng được các giải pháp giảm nhẹ phát thải KNK trong NDC cho 06 vùng kinh tế- xã hội ở Việt Nam; Đề xuất bổ sung chính sách, cơ cấu tổ chức, giải pháp nâng cao năng lực cho 06 vùng kinh tế- xã hội khi thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK được ưu tiên, góp phần nâng cao hiệu quả của NDC Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19406

81603.06-2022 **Phát triển và ứng dụng các phương pháp gần đúng cho hệ dao động phi tuyến và điều khiển dao động**/ GS. TSKH. Nguyễn Đông Anh, PGS. TS. Ninh Quang Hải; TS. Nguyễn Xuân Nguyên; TS. Dương Ngọc Hảo; ThS. Nguyễn Cao Thắng; ThS. Phan Thị Trà My - Hà Nội- Viện Cơ học, 2021 - 12/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phát triển các phương pháp gần đúng làm tăng độ chính xác của lời giải gần đúng hoặc cho phép phát hiện các tính chất dao động của các hệ dao động phi tuyến, các hệ có cấu trúc phức tạp nano, micro, hệ áp điện,… chịu kích động ngẫu nhiên hoặc tiền định. Trên cơ sở của các tính chất dao động, phát triển các phương pháp điều khiển nhằm giảm các dao động có hại và khai thác dao động có lợi trong các hệ kỹ thuật. Xây dựng nhóm nghiên cứu và tạo điều kiện phát triển cho các nhà nghiên cứu (lâu năm và trẻ), có năng lực nhưng chưa có điều kiện nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 19479

81858.06-2022 **Tối ưu kết cấu thép theo tiêu chuẩn AISC-LRFD sử dụng phương pháp phân tích kết cấu phi tuyến phi đàn hồi**/ TS. Trương Việt Hùng, TS .Hà Mạnh Hùng, PGS.TS. Phạm Hoàng Anh; TS. Trần Đức Học; ThS. Nguyễn Bá Duẩn; KS. Lê Mạnh Tiến - Hà Nội- Trường Đại học Thủy lợi, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng một chương trình có khả năng tính toán sức chịu tải và hành vi phi tuyến của kết cấu công trình chịu tác dụng của tải trọng tĩnh. Đề xuất một thuật toán tối ưu mới có khả năng tìm kiếm hiệu quả các giải pháp tối ưu cho các bài toán tối ưu kết cấu công trình thép. Xây dựng chương trình tối ưu kết cấu thép chịu tải trọng tĩnh sử dụng phân tích phi tuyến tính phi đàn hồi. Chương trình cho phép thực hiện quá trình tối ưu trong khoảng thời gian chấp nhận được xét đến nhiều tổ hợp tải trọng và số lượng lớn lần đánh giá hàm mục tiêu. Xây dựng chương trình tính toán độ tin cậy hay xác suất phá hoại của kết cấu thép sử dụng phân tích phi tuyến tính phi đàn hồi. Tối ưu kết cấu thép dựa trên độ tin cậy sử dụng phân tích phi tuyến tính phi đàn hồi.

Số hồ sơ lưu: 19542

81886.06-2022 **Biểu diễn tiệm cận nghiệm của một số lớp phương trình tiến hoá với đạo hàm bậc không nguyên trong các**

không gian nửa tuyến tính/ TS. Nguyễn Thị Kim Sơn, PGS.TS. Hoàng Việt Long; TS. Hà Thị Thanh Tâm; ThS. Ngô Văn Hòa; CN. Nguyễn Phương Đông; CN. Tống Anh Tuấn - Hà Nội- Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tính chất định tính của nghiệm và biểu diễn tiệm cận nghiệm của một số lớp phương trình tiến hóa giá trị tập hoặc giá trị số mờ bậc không nguyên (nghiên cứu tính chất định tính của nghiệm và biểu diễn tiệm cận nghiệm của một số lớp phương trình tiến hóa giá trị tập hoặc giá trị số mờ bậc không nguyên dưới tính khả vi Hukuhara tổng quát, khả vi hạt (granular differentiability) hoặc khả vi Frechet. Nghiên cứu phát triển một số thuật toán giải số cho lớp phương trình tiến hóa phân thứ giá trị tập hoặc giá trị mờ và ứng dụng trong một số mô hình trong tự nhiên và kỹ thuật như: mô hình tăng trưởng dân số có trễ, mô hình chuỗi thời gian Mackey-Glass, mô hình điện toán,.. Nghiên cứu các bài toán điều khiển cho một số lớp phương trình vi phân, phương trình tiến hoá bậc phân thứ giá trị tập hoặc giá trị số mờ. Nghiên cứu các bài toán điều khiển cho một số lớp phương trình tiến hoá phân thứ giá trị tập hoặc giá trị số mờ, như: điều khiển tối ưu (optimal control), điều khiển hoàn toàn (complete control) và ứng dụng trong các hệ truyền nhiễm Covid-19 như SIR, SEIR với các dữ liệu thực tế. Thiết kế một bộ điều khiển thích hợp cho hệ phương trình vi phân giá trị tập hoặc giá trị mờ nhằm điều khiển trạng thái của hệ hội tụ về trạng thái mong muốn.

Số hồ sơ lưu: 19552

10103. Thống kê

81371.06-2022 **Nâng cao chất lượng ảnh ra đa xuyên tường sử dụng kỹ thuật lấy mẫu thưa Bayesian và học máy thống kê hiện đại**/ PGS.TS. Tăng Văn Hạ, TS. Nguyễn Văn Giang; PGS.TS. Ngô Thành Long; TS. Nguyễn Mậu Uyên - Hà Nội- Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2020 - 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển, cài đặt, phân tích, và đánh giá mô hình Bayesian thưa và các kỹ thuật học từ điển thống kê cho các thuật toán tái tạo ảnh ra đa sử dụng một số lượng ít mẫu dữ liệu. Nghiên cứu giảm nhiễu tường thích nghi mà không cần truy cập vào cảnh nền tham chiếu. Đồng thời kết hợp và tái tạo ảnh ra đa đa kênh với các kỹ thuật ràng buộc tổng bình phương tối thiểu và phân đoạn ảnh và phân loại mục tiêu bằng cách sử dụng các biểu diễn thưa và học Bayesian

Số hồ sơ lưu: 19381

10201. Khoa học máy tính

81663.06-2022 **Xây dựng hệ thống tưới tự động trong sản xuất nông nghiệp sử dụng Internet of Things (IoT) giám sát hệ thống tại Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ**/ ThS. Lý Minh Phương, ThS. Lý Minh Phương; ThS. Nguyễn Tiệp Khắc; KS. Đậu Xuân Toàn; KS. Võ Phụng Thanh Trúc; KS. Nguyễn Thanh Sang - tỉnh Vĩnh

Long - Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ, 2020 - 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng hệ thống tưới tự động trong nhà màng tại Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ. Hệ thống được giám sát và điều khiển từ xa. Sử dụng công nghệ Internet of Things (IoT) giám sát điều chỉnh nhiệt độ và độ ẩm.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS007.2021

78817.06-2022 **Nghiên cứu và xây dựng phần mềm quản lý tài sản công tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long**/ ThS. Phạm Tuấn Khanh, ThS. Lý Minh Phương; CN. Trần Văn Thành - Sở Khoa học và Công nghệ Vĩnh Long - Sở Khoa học và Công nghệ Vĩnh Long, 2019 - 08/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng phần mềm tài sản công nhằm thực hiện tin học hóa trong công tác quản lý theo quy trình từ công tác xây dựng kế hoạch nhu cầu mua sắm tài sản, thực hiện mua sắm, phân bổ, sửa chữa, kiểm kê và thanh lý tài sản đảm bảo đúng quy định hiện hành. Quản lý các quá trình trong suốt vòng đời tài sản, bao gồm: Lập kế hoạch mua sắm, phân bổ sử dụng, điều chuyển (nếu có), kiểm kê, quản lý thông tin tài sản qua việc in thẻ tài sản, dán nhãn tài sản, tính hao mòn hàng năm, thanh lý và in/xuất các thông tin công khai tài sản. Quản lý công tác sửa chữa, bảo trì nhóm tài sản, công cụ - dụng cụ.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.030

10202. Khoa học thông tin

74040.06-2022 **Hệ thống thông tin trạng thái giao thông thành phố Hà Nội: Thực trạng và giải pháp**/ PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hóa, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hóa; ThS. Vũ Bá Duy; PGS.TS. Nguyễn Hải Châu; PGS.TS. Nguyễn Trí Thành; ThS. Dư Phương Hạnh; ThS. Lê Hồng Hải; CN. Phạm Hải Đăng; KS. Phạm Duy Phúc; KS. Phạm Thành Lâm; CN. Hà Hải Nam - Hà Nội- Trường Đại học Công nghệ, 2018 - 08/2014 - 09/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, xử lý và hiển thị thông tin trạng thái giao thông trực tuyến trên Internet (mạng lưới giao thông, các tuyến đường giao thông, các tuyến xe buýt, mật độ và lưu lượng phương tiện tham gia giao thông) đảm bảo tính chính xác, tính cập nhật và khả năng dự báo; khả năng truy cập nhanh qua các thiết bị có trình duyệt Web, hoặc thiết bị sử dụng hệ điều hành Android, hoặc thông qua màn hình lớn; Hỗ trợ có hiệu quả công tác quản lý và điều hành giao thông đô thị và đáp ứng yêu cầu thông tin trạng thái giao thông đô thị TP. Hà Nộicủa người tham gia giao thông.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-04/ĐK-TTTT&TK

10302. Vật lý các chất cô đặc

81839.06-2022 **Nghiên cứu ảnh hưởng của độ chặt và mặt tiếp xúc không hoàn hảo tới đặc tính cơ học tổng thể của vật liệu nhiều thành phần**/ TS. Trần Bảo Việt, TS. Vũ Việt Hưng; TS. Lê Bá Anh; TS. Hoàng Việt Hải; TS. Nguyễn Đình

Hải; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng - Hà Nội- Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Xây dựng, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng các mô hình giải tích đơn giản áp dụng cho các bài toán vật liệu phức tạp (nhiều pha, nhiều thành phần). Phát triển các mô hình cơ học vi mô dự báo các đặc tính tổng thể của vật liệu nhiều thành phần có tính đến ảnh hưởng của độ chặt tối đa của cốt liệu. Phát triển các mô hình cơ học vi mô dự báo các đặc tính tổng thể của vật liệu nhiều thành phần có tính đến ảnh hưởng của kích thước cốt liệu và bề mặt tiếp xúc không hoàn hảo. Nghiên cứu ảnh hưởng của tính bất đẳng hướng các pha. Tiếp tục hoàn thiện các công cụ số PTHH để kiểm soát tốt các kết quả giải tích. Kiểm chứng kết quả lý thuyết với các kết quả thực nghiệm hiện hữu.

Số hồ sơ lưu: 19540

10401. Hoá hữu cơ

81530.06-2022 **Nghiên cứu thực hiện phản ứng ghép đôi/đóng vòng mới để hình thành/chuyển hoá các cấu trúc dị vòng thơm và dẫn xuất**/ TS. Phan Nguyễn Quỳnh Anh, GS.TS .Phan Thanh Sơn Nam; TS. Lê Vũ Hà; ThS. Đoàn Hoài Sơn; ThS. Tô Anh Tường; TS. Nguyễn Thanh Tùng - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thực hiện các phản ứng hữu cơ mới, bao gồm các phản ứng ghép đôi và/hoặc đóng vòng để hình thành các hợp chất dị vòng thơm cũng như chuyển hoá các hợp chất dị vòng thành dẫn xuất tương ứng. Một số phản ứng sẽ được nghiên cứu với xúc tác đồng thể, và một số phản ứng được thực hiện trong điều kiện dị thể với xúc tác là vật liệu MOFs. Đây là những chuyển hoá chưa được các nhóm nghiên cứu khác trên thế giới công bố trước đây, để có thể hình thành 02 bài báo ISI.

Số hồ sơ lưu: 19436

10403. Hoá lý

81707.06-2022 **Các tính chất hữu hạn của môđun đồng điều địa phương và đối đồng điều địa phương suy rộng**/ PGS.TS. Trần Tuấn Nam, PGS.TS. Nguyễn Đức Minh; TS. Nguyễn Minh Trí; ThS. Đỗ Ngọc Yến; ThS. Lê Quang Long - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đi sâu nghiên cứu một số tính chất của các môđun đồng điều địa phương và đối đồng điều địa phương suy rộng như: Tính artin (yếu), tính cofinite, tính minimax, cominimax và một số tính chất liên quan đến số Bass. Nghiên cứu tính hữu hạn của tập các iđêan nguyên tố liên kết với các môđun đối đồng điều địa phương liên quan đến giả thuyết của Grothendieck và câu hỏi mở của Huneke. Ngoài ra còn nghiên cứu các tính chất tổng quát của môđun đối đồng điều địa phương hình thức do Peter Schenzel đưa ra trên cơ sở phạm trù con Serre.

Số hồ sơ lưu: 19498

10406. Hoá keo

81728.06-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất keo Urea Formaldehyde (UF) chất lượng cao dùng trong sản xuất ván nhân tạo**/ GS. TS. Trần Văn Chứ, TS. Nguyễn Trọng Kiên; PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Lê Ngọc Phước; TS. Vũ Mạnh Tường; PGS. TS. Cao Quốc An; ThS. Hoàng Văn Phong; TS. Nguyễn Hồng Minh; TS. Đỗ Văn Bản; TS. Bùi Văn Ái - Hà Nội- Trường Đại học Lâm nghiệp, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng qui trình và chuyển giao cho doanh nghiệp công nghệ sản xuất keo UF và MUF dùng trong sản xuất ván dán và MDF chất lượng đảm bảo tiêu chuẩn EU, giá thấp hơn tối thiểu 10% so với những loại keo nhập khẩu tương tự. Điều tra, khảo sát về tình hình sản xuất và sử dụng các sản phẩm keo dán dùng cho ván nhân tạo tại một số doanh nghiệp sản xuất ván nhân tạo hiện nay. Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố công nghệ tạo keo đến chất lượng keo UF dùng cho sản xuất ván dán và MDF ở các quy mô 2 kg/mẻ; 100 kg/mẻ và 1.000 kg/mẻ. Xây dựng quy trình công nghệ tạo keo UF dùng trong sản xuất ván dán và ván MDF và kỹ thuật sử dụng với quy mô 3.000 kg/mẻ.

Số hồ sơ lưu: 19497

10501. Địa chất học

81678.06-2022 **Nghiên cứu kiến thức bản địa về di sản địa chất, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng, thúc đẩy du lịch ở một số công viên địa chất Việt Nam**/ ThS. Đỗ Thị Yến Ngọc, PGS.TS. Trần Tân Văn; ThS. Đoàn Thế Anh; ThS. Trịnh Thị Thuý; TS. Nguyễn Xuân Nam; PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Châm; CN. Nguyễn Thanh Giang; ThS. Trương Thế Vinh; ThS. Phan Xuân Vũ; CN. Tôn Ngọc Bảo - Hà Nội- Viện khoa học địa chất và khoáng sản, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập bộ tiêu chí điều tra, sưu tầm, đánh giá, lựa chọn, bước đầu xây dựng được cơ sở dữ liệu kiến thức bản địa về di sản địa chất ở một số công viên địa chất Việt Nam. Xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, thúc đẩy du lịch. Triển khai thử nghiệm bộ tiêu chí ở một số công viên địa chất Việt Nam. Chuyển thể, biên soạn, xây dựng được thành bộ tài liệu tuyên truyền, quảng bá và triển khai thử nghiệm, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng, thúc đẩy du lịch nói chung. Đúc kết kinh nghiệm, hoàn thiện hệ phương pháp, bộ tiêu chí, làm hình mẫu để nhân rộng cách làm trong mạng lưới công viên địa chất Việt Nam, hướng tới hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 19490

81888.06-2022 **Nghiên cứu đặc điểm kiến tạo Pliocen-Đệ tứ khu vực Tây Nam trũng sâu Biển Đông và kế cận làm tiền đề tìm kiếm khoáng sản rắn**/ PGS. TS. Nguyễn Văn Vượng, TS. Phạm Nguyễn Hà Vũ; TSKH. Lê Duy Bách; TS. Đoàn Huy Hiên; TS. Trần Tuấn Dũng; TS. Nguyễn Bá Minh; PGS.TS. Hoàng Văn Long; PGS. TS. Nguyễn Trọng

Tín; TS. Nguyễn Thế Hùng; TS. Nguyễn Đình Nguyên; ThS.NCS Lường Thị Thu Hoài - Hà Nội- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thực địa, phân tích các tài liệu địa chất, địa vật lý, tài liệu phân tích mẫu và xác định được các đặc điểm cấu trúc, kiến tạo, quá trình địa động lực, các đặc trưng hình học, động lực học, tốc độ của từng pha chuyển động kiến tạo xảy ra trong Pliocen - Đệ Tứ liên quan đến sự hình thành các trầm tích, magma, núi lửa ở khu vực Tây Nam trũng nước sâu Biển Đông và kế cận. Xác định rõ các mối quan hệ của các cấu trúc địa chất, các pha kiến tạo, địa động lực Pliocen - Đệ Tứ với đặc điểm về vị trí và độ sâu xuất hiện, đặc điểm về kiểu nguồn gốc, đặc điểm về khoáng vật, đặc điểm đá nền nơi xuất hiện quặng của các loại khoáng sản rắn biển sâu, từ đó xác định bộ các tiền đề cấu trúc kiến tạo phục vụ cho công tác tìm kiếm và dự báo khả năng cũng như quy mô phân bố của chúng trong phạm vi khu vực Tây Nam trũng nước sâu Biển Đông và kế cận. Khoanh vùng diện tích có triển vọng khoáng sản rắn kèm theo các đặc trưng chi tiết về cấu trúc địa chất,đặc điểm kiến tạo, địa động lực cho vùng nghiên cứu trong giai đoạn Pliocen - Đệ Tứ và thành lập bản đồ khoanh vùng dự báo triển vọng khoáng sản rắn tỷ lệ 1:250.000.

Số hồ sơ lưu: 19545

10508. Trắc địa học và bản đồ học

81508.06-2022 **Xây dựng bản đồ công nghệ ngành nhựa kỹ thuật và ứng dụng công nghệ in 3D để phát triển ngành tại Việt Nam**/ ThS. Huỳnh Kim Tước, CN. Nguyễn Thanh Hiền; CN. Diệp Thế Cường; CN. Lý Thị Anh Đào; ThS. Ngô Đình Cường; KS. Ngô Đình Khương; KS. Hoàng Anh Trí; ThS. Trần Vũ Hải; TS. Nguyễn Khánh Tùng; TS. Đặng Hoàng Hợp; ThS. Nguyễn Đăng Cường; ThS. Chu Bá Long; ThS. Phan Quốc Tuấn; TS. Hoàng Minh Nam; TS. Hoàng Xuân Tùng; ThS. Huỳnh Hữu Nghị; ThS. Huỳnh Ngọc Thạch; ThS. Nguyễn Thái Hòa; TS. Nguyễn Thị Lê Thanh; ThS. Nguyễn Quốc Việt; PGS. TS. Nguyễn Tấn Tiến; KS. Nguyễn Trần Hoài Thu; TS. Nguyễn Hữu Thọ; ThS. Lê Ngọc Thạch; CN. Trần Đỗ Y Học; ThS. Mai Văn Huyên; TS. Lưu Đức Phương; PGS.TS. Phan Huy Hoàng; PGS.TS. Đặng Việt Hưng; TS. Đoàn Duy Tiên; TS. Trần Vũ Thắng; TS. Vũ Minh Đức; TS. Mai Văn Huy - Hồ Chí Minh - Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng Bản đồ công nghệ ngành nhựa kỹ thuật trên cơ sở tổng hợp các công nghệ hiện có, xác định mối liên hệ giữa sản phẩm và công nghệ, đánh giá khoảng cách công nghệ của Việt Nam so với thế giới, xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ công nghệ. Đề xuất giải pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ in 3D trong ngành nhựa kỹ thuật. Hình thành cơ sở dữ liệu phục vụ cho triển khai các Chương trình quốc gia như Chương trình phát triển thị trường KH&CN, Chương trình Đổi mới công nghệ

quốc gia, Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Chương trình phát triển công nghiệp phụ trợ. Định hướng triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Tp. HCM và Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ mục tiêu giai đoạn 2018- 2020 của Tp. HCM.

Số hồ sơ lưu: 19432

10511. Khí hậu học

81343.06-2022 **Diễn đàn Hà Nội 2018: Hướng đến phát triển bền vững - Ứng phó với biến đổi khí hậu để đảm bảo Bền vững và An ninh**/ PGS.TS. Nguyễn Kim Sơn, GS.TS. Mai Trọng Nhuận; TS. Nguyễn Thị Anh Thu; PGS.TS. Vũ Văn Tích; GS.TS. Phan Văn Tân; GS.TS. Trương Quang Học; TS. Hoàng Văn Thắng; TS. Trương Ngọc Kiểm; TS. Nguyễn Tài Tuệ; TS. Nguyễn Thị Hoàng Hà; TS. Lưu Việt Dũng; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Bùi Quang Thành; TS. Mẫn Quang Huy; TS. Lê Thị Vân Huệ; PGS.TS. Lê Tuấn Anh; ThS. Vũ Thị Hồng Việt; ThS. Đinh Thị Thảo; ThS. Vũ Thái Thịnh; ThS. Trần Ngọc Diệp; CN. Phạm Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hòa; CN. Nguyễn Kim Trung - Hà Nội- Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021 - 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng và duy trì mạng lưới chuyên gia trong lĩnh vực khoa học bền vững, khoa học - công nghệ liên ngành, liên lĩnh vực để ứng phó với biến đổi khí hậu và thực thi phát triển bền vững. Đồng thời, tăng cường năng lực và chất lượng nguồn nhân lực khoa học trình độ cao của Việt Nam trong các lĩnh vực liên quan. Nâng cao hiệu quả phối hợp của các tổ chức/đơn vị/cá nhân các nhà khoa học của Việt Nam trong các chương trình quốc tế về ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Qua đó đề xuất, khuyến nghị chính sách cho Chính phủ, địa phương, các tổ chức xã hội trong việc xây dựng chiến lược, chính sách liên ngành, liên lĩnh vực trong bối cảnh ứng phó biến đổi khí hậu hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 19380

10513. Thuỷ văn; Tài nguyên nước

81407.06-2022 **Nghiên cứu quy hoạch tổng thể chỉnh trị hệ thống sông đồng bằng Bắc Bộ, đề xuất các giải pháp đảm bảo đáp ứng yêu cầu ổn định lòng sông thoát lũ và các mục tiêu tổng hợp**/ PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh, ThS. Đào Văn Khương; PGS.TS. Phạm Đình; PGS.TS. Nguyễn Thành Công; TS. Lương Hữu Dũng; PGS.TS. Phạm Thị Hương Lan; PGS.TS. Hồ Việt Cường; ThS. Nguyễn Ngọc Đẳng; ThS. Nguyễn Mạnh Linh; ThS. Nguyễn Hồng Quang - Hà Nội- Phòng Thí nghiệm trọng điểm Quốc gia về động lực học sông biển, 2021 - 09/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá sự biến động của các yếu tố đặc trưng thủy động lực và hình thái lòng dẫn trên hệ thống sông đồng bằng Bắc Bộ trong thời điểm hiện tại do các tác động tự nhiên và con người và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển của kinh tế và môi

trường trong vùng.Từ đó, đề xuất quy hoạch chỉnh trị sông tổng hợp cho hệ thống sông vùng đồng bằng Bắc Bộ, đảm bảo khả năng thoát lũ, an toàn công trình thủy lợi, giao thông thủy, cấp nước, khai thác bãi sông, tôn tạo cảnh quan, môi trường, đồng thời cũng đưa ra các giải pháp và công nghệ chỉnh trị thích hợp để chỉnh trị sông và tôn tạo cảnh quan, ứng dụng cho đoạn sông Hồng qua thủ đô Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 19377

10601. Sinh học lý thuyết

81567.06-2022 **Thiết kế sàng lọc các hợp chất có nguồn gốc thiên nhiên từ thực vật Việt Nam định hướng hoạt tính chống ung thư biểu mô tế bào gan**/ TS. Phạm Minh Quân, GS.TS. Phạm Quốc Long; TS. Đỗ Hữu Nghị; PGS.TS. Trần Thị Thu Thủy; TS. Đỗ Tiến Lâm; ThS. Nguyễn Văn Tuyến Anh - Hà Nội- Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sàng lọc kết hợp với thiết kế tối ưu cấu trúc các hợp chất có tiềm năng hoạt tính thông qua việc ức chế liên kết giữa hai protein p53 và Mortalin nhằm tăng cường hoạt lực của chúng khi thử nghiệm hoạt tính thực tế trên tế bào. - Tách chiết, bán tổng hợp dẫn xuất các hợp chất được xác định là tiềm năng qua mô hình sàng lọc ảo của các hợp chất ent-kaurane diterpenoid. Thử hoạt tính chống tăng sinh các hợp chất trên dòng tế bào ung thư như biểu mô tế bào gan và thử một số hoạt tính khác, nghiên cứu phân tích cơ chế kích hoạt quá trình apoptosis của hợp chất trên hai dòng tế bào thử nghiệm HepG2 và Hep3b.

Số hồ sơ lưu: 19466

10605. Hoá sinh; phương pháp nghiên cứu hoá sinh

81207.06-2022 **Nghiên cứu thành phần hóa học và tác dụng gây độc tế bào ung thư máu của các một số thực vật thuộc chi Erythrophleum ở Quảng Nam.**/ TS. Trần Mạnh Hùng, ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương; ThS. Lê Mạnh Linh; ThS. Đoàn Minh Thu; PGS.TS. Lê Phước Cường; PGS.TS. Phạm Thanh Huyền; PGS.TS. Giang Thị Kim Liên - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2020 - 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sưu tập, thu hái các mẫu lá, cành, vỏ và rễ cây Lim Xanh, Lim Xẹt; tiến hành tạo bộ mẫu tiêu bản, chụp hình lưu mẫu; Phơi khô, sau đó nghiền nát các mẫu vật thành bột thô. Tiến hành chiết cao tổng bằng dung môi cồn ethanol 70%, sau đó quay khô bay hết dung môi, ly trích bằng các dung môi khác nhau tùy theo độ phân cực. Thử hoạt tính sơ bộ, tác dụng của các dịch chiết lên sự sinh trưởng và phát triển của dòng tế bào ALL. Phân đoạn các cao có hoạt tính ra từng phần nhỏ theo độ phân cực, dùng các phương pháp sắc ký cột mở, sắc ký lỏng trung áp và cao áp để tách chiết ra các hợp chất hóa học có trong phân đoạn có hoạt tính đã chọn. Xác định cấu trúc hóa học của các hợp chất đã chiết ra theo các phương pháp phổ nghiệm. Thử hoạt tính ức chế sự phát triển tế bào ALL của các hợp chất phân lập

được. Thử hoạt tính và tìm hiểu cơ chế tác dụng lên sự phân bào của các tế bào ALL của các chất có khả năng ức chế mạnh. Khảo sát liên quan giữa cấu trúc và hoạt tính sinh học của một số hợp chất cùng khung hóa học dựa theo phương pháp mô phỏng tính toán.

Số hồ sơ lưu: 19334

10607. Nấm học

81565.06-2022 **Ứng dụng công nghệ sản xuất giống nấm dạng dịch thể, phục vụ nuôi trồng, chế biến nấm trong mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển và miền núi tỉnh Quảng Trị**/ ThS. Lê Mậu Bình, CN. Nguyễn Ngọc Huỳnh; KS. Mai Trọng Nghĩa; ThS. Trần Hậu Khanh; KS. Nguyễn Thị Minh Huyền; CN. Bùi Thị Tân Diệu; KTV. Nguyễn Thị Thanh Thúy; CN. Võ Văn Sang; KTV. Thái Thị Tiểu Lan; KS. Vũ Minh Nhật; CN. Phạm Công Tự; KS. Đinh Xuân Toản; KS. Nguyễn Bá Đăng - Quảng Trị - Trạm nghiên cứu và phát triển nấm, 2021 - 09/2017 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và hoàn thiện các quy trình công nghệ về sản xuất giống nấm ở dạng dịch thể từ giống gốc sang cấp 1, cấp 2, cấp 3, sản xuất nấm thương phẩm có tính hàng hóa, bảo quản và chế biến các loại nấm ăn và nấm dược liệu nhằm rút ngắn thời gian nuôi trồng, giảm tỉ lệ nhiễm bệnh, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Mô hình công nghệ, thiết bị sản xuất giống nấm dạng dịch thể từ giống gốc sang giống cấp 1, cấp 2, cấp 3, quy mô tối thiểu 250 lít/mẻ, 20.000 lít/năm. 01 mô hình sản xuất nấm thương phẩm tập trung được chứng nhận VietGAP: quy mô 20.000 bịch nấm (8,5 tấn nấm tươi/năm) và chế biến thô Mộc nhĩ và nấm Linh chi 6 tấn sản phẩm/năm; Mô hình chế biến trà Linh chi hòa tan 60 kg/dự án. Mô hình này có vai trò sản xuất giống nấm, đa dạng về chủng loại, cung cấp các bịch nấm đã cấy giống (bịch phôi) cho các mô hình nuôi trồng nấm thương phẩm tại các huyện trên địa bàn tỉnh, điều tiết việc sản xuất phù hợp với cơ cấu sản phẩm theo mùa.

Số hồ sơ lưu: 19474

10609. Di truyền học

81172.06-2022 **Nghiên cứu cấu trúc và kết nối di truyền quần thể của một số loài cá biển Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nghề cá**/ TS. Phạm Thế Thư, TS. Nguyễn Văn Quân; TS. Trần Mạnh Hà; CN. Đào Hương Ly; ThS. Phạm Văn Chiến; CN. Nguyễn Mạnh Linh; CN. Nguyễn Thị Kim Anh - Hải Phòng - Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát thu mẫu, phân loại và mô tả ba loài cá có giá trị kinh tế ven biển Việt Nam. Phân tích di truyền của ba loài cá có giá trị kinh tế ven biển Việt Nam. Phân tích, xác định các đặc điểm cấu trúc di truyền của các quần thể của ba loài cá có giá trị kinh tế ven biển Việt Nam. Phân tích, xác định đặc điểm kết nối di truyền của các quần thể của ba loài cá có giá trị kinh tế ven biển Việt

Nam. Đề xuất được giải pháp quản lý và phát triển bền vững nguồn lợi các loài cá được lựa chọn nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 19336

10611. Thực vật học

81564.06-2022 **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học một số loài thuộc chi Vông đỏ (*Alchornea*) ở Việt Nam**/ TS. Nguyễn Hữu Toàn Phan, TS. Nguyễn Thị Diệu Thuần; TS. Phùng Văn Trung; ThS. Hoàng Thị Đức; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Văn Huyến - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên, 2021 - 05/2016 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân lập được các chất có hoạt tính sinh học từ ba loài Vông đỏ mụn cóc - *Alchornea tiliaefolia* (Benth.) Muell.-Arg, Vông đỏ lá thuôn - *A. annamica* Gagnep., Đom đóm - *A. rugosa* (Lour.) Muell.-Arg (hoặc Vông đỏ quả trơn - *A. trewioides* (Benth.) Muell.-Arg) ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19475

10615. Đa dạng sinh học

81261.06-2022 **Đánh giá đa dạng di truyền và thụ phấn chéo trong quần thể và loài của một số loài cây họ Dầu (*Dipterocarpaceae*) đang bị đe dọa trong hệ sinh thái rừng miền Đông Nam Bộ**/ TS. Nguyễn Minh Tâm, TS. Nguyễn T. Phương Trang; TS. Vũ Đình Duy; TS. Nguyễn Minh Đức; TS. Trần Thị Việt Thanh - Hà Nội- Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, 2021 - 12/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hiện trạng quần thể và loài Dầu song nàng (*Dipterocarpus dyeri*) và Vên vên (*Anisoptera costata*); Nghiên cứu cấu trúc di truyền ở cả 2 mức độ quần thể và loài của 2 loài nghiên cứu; Nhân giống và xác định mức độ thụ phấn của cây mẹ trong quần thể của 2 loài cây; Xác định các nguyên nhân làm mất tính đa dạng di truyền quần thể và loài trên cơ sở đánh giá hiện trạng số lượng cá thể, quần thể, suy giảm nơi sống; khai thác và sử dụng gỗ 2 loài nghiên cứu ở địa phương. Đề xuất các giải pháp phục hồi và sử dụng bền vững 2 loài dầu trên cơ sở những kết quả nghiên cứu về đa dạng di truyền quần thể và loài và mức độ thụ phấn chéo xuất hiện ở cây mẹ và tính đa dạng di truyền của cây giống.

Số hồ sơ lưu: 19358

10616. Công nghệ sinh học

81170.06-2022 **Nghiên cứu triển vọng đối kháng thực vật trong các giống lúa OM - Phân lập và định danh các chất đối kháng thực vật trong 8 giống lúa trồng phổ biến ở Đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam**/ TS. Hồ Lệ Thi, TS. Nguyễn Thế Cường; PGS. TS. Lê Văn Vàng; ThS. Phòng Ngọc Hải Triều; KS. Phan Khánh Linh - Cần Thơ - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2021 - 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được khả năng đối kháng thực vật trong 8 giống lúa OM: OM 5930, OM N407, OM

5451, OM 3536, OM 4498, OM 7347, OM 2395 và OM 6976 trên ba loài cỏ gây hại chính trong ruộng lúa là cỏ lồng vực nước, cỏ đuôi phụng và cỏ chác. Thăm dò sự hiện diện của các chất đối kháng (CĐK) đã được định danh trong cây lúa trước đây (momilactone A và B, 3-isopropyl-5-acetoxycyclohexene-2-one-1, và 5,7,4'-trihydroxy -3', 5'-dimethoxyflavone, 3-oxo-α-ionol, 9-hydroxy-4-megastigmen-3-one, grasshopper ketone, blumenol A, N-trans-cinnamoyltyramine và một số phenolic acids) trong 8 giống lúa OM như: OM 5930, OM N407, OM 5451, OM 3536, OM 4498, OM 7347, OM 2395 và OM 6976. Tách chiết và xác định được công thức hóa học của các CĐK mới chứa trong 8 giống lúa nêu trên, đặc biệt là 2 giống OM 3536 và OM 5930. Thử hoạt tính sinh học của các chất được định danh ở mức độ phân tử (Mole) nhằm chuẩn bị cho bước phát triển chế phẩm thuốc trừ cỏ sinh học.

Số hồ sơ lưu: 19339

81173.06-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất một số sản phẩm lên men từ củ gừng Việt Nam**/ PGS. TS. Nguyễn Thị Việt Anh, TS. Đặng Hồng Ánh; ThS. Phạm Thị Thu; ThS. Nguyễn Thị Thu Vân; ThS. Giang Thế Việt; ThS. Phạm Hoài Thu; KS. Bùi Thị Thúy Hà; KS. Phạm Ngọc Thái; KS. Nguyễn Thị Hồng Tú - Hà Nội- Viện Công nghiệp thực phẩm, 2019 - 04/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá nguồn nguyên liệu và lựa chọn loại nguyên liệu phù hợp, phương pháp bảo quản nguyên liệu gừng cho sản xuất bia gừng và gừng lên men lactic; Xây dựng công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất bia gừng quy mô 2000 lit/mẻ, công nghệ và mô hình có tính ổn định hoàn toàn phù hợp để sản xuất thử nghiệm tạo ra sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng. Hoàn thiện công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất gừng muối chua theo phương pháp lên men lactic quy mô 200 lit/mẻ, quy trình và mô hình có tính ổn định cao, hoàn toàn phù hợp để sản xuất thử nghiệm và đại trà tạo sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng. Sản xuất được: bia gừng: 12.000 lit; gừng muối chua lên men lactic: 1.000 kg. Sản phẩm thử nghiệm được đánh giá tốt về chất lượng cảm quan, chất lượng dinh dưỡng chức năng và an toàn thực phẩm;

Số hồ sơ lưu: 19345

81215.06-2022 **Nghiên cứu đặc điểm hệ gen và dịch tễ học phân tử virus gây bệnh Carre (*Canine Distemper* Virus) và Parvovirus (*Canine Parvovirus*) trên chó tại Việt Nam**/ TS. Đoàn Thị Thanh Hương, GS.TS. Lê Thanh Hòa; TS. Lê Thị Kim Xuyến; ThS. Đỗ Thị Roan; ThS. Nguyễn Thị Khuê - Hà Nội- Viện Công nghệ Sinh học, 2021 - 12/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu gen học virus gây bệnh Carre (CDV): Giải mã gen H (haemagglutinin) của 7-10 chủng virus CDV cường độc và nhược độc (vaccine) tại Việt Nam, từ đó chọn lọc và giải mã toàn bộ hệ gen của 3-5 chủng; Phân tích đặc điểm phân tử

gen H và hệ gen của các chủng virus cường độc và nhược độc đã thu nhận, so sánh với các chủng của thế giới; xác định vị trí phân loại của các chủng CDV Việt Nam. Nghiên cứu gen học virus gây bệnh parvovirus (CPV): Giải mã gen VP2 của 8-10 chủng virus CPV cường độc và nhược độc (vaccine) tại Việt Nam; Giải mã toàn bộ hệ gen của 5-8 chủng virus CPV cường độc và nhược độc (vaccine) tại Việt Nam; Phân tích đặc điểm phân tử hệ gen của các chủng virus cường độc và nhược độc đã thu nhận được, so sánh với các chủng của thế giới; xác định vị trí phân loại của các chủng CPV Việt Nam. Nghiên cứu chẩn đoán/dịch tễ học phân tử virus CDV và CPV: Giải mã và thu nhận gen kháng nguyên (gen H) của khoảng 15-20 chủng virus CDV cường độc và nhược độc (vaccine) tại Việt Nam, phân tích dịch tễ học phân tử và so sánh với các chủng trong vùng và thế giới. Tương tự, giải mã và thu nhận gen VP2 của khoảng 15-20 chủng virus CPV cường độc và nhược độc (vaccine) tại Việt Nam, phân tích dịch tễ học phân tử và so sánh với các chủng trong vùng và thế giới.

Số hồ sơ lưu: 19352

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

78055.06-2022 **Xây dựng quy trình đánh giá chất lượng mỹ phẩm có chứa lô hội bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng (TLC)**/ ThS. Lê Tuấn Vũ, KS. Nguyễn Hồng Lan - Vĩnh Long - Trung tâm Kiểm nghiệm Vĩnh Long, 2020 - 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng được một phương pháp thử dùng để xác định chất lượng mỹ phẩm có chứa Lô hội thông qua phương pháp định tính thành phần chính trong lá Lô hội.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.023

81421.06-2022 **Nghiên cứu áp dụng dây chuyền công nghệ cơ giới hoá khấu than lò chợ phù hợp với điều kiện địa chất kỹ thuật các vỉa than thoải và nghiêng ở các mỏ hầm lò vùng Quảng Ninh**/ TS. Lê Đức Nguyên, TS. Đào Hồng Quảng; ThS. Trần Tuấn Ngạn; ThS. Đinh Văn Cường; TS. Trần Minh Tiến; TS. Đào Ngọc Hoàng; TS. Phạm Trung Nguyên; TS. Lê Văn Hậu; TS. Cao Quốc Việt; TS. Vũ Văn Hội; TS. Phan Văn Việt; ThS. Đặng Hồng Thắng; TS. Bùi Đình Thanh; KS. Nguyễn Ngọc Quỳnh - Hà Nội- Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan tình hình và kinh nghiệm áp dụng công nghệ CGH khấu than lò chợ vỉa thoải đến nghiêng tại các mỏ hầm lò trên thế giới. Đánh giá hiện trạng và kết quả áp dụng công nghệ khai thác vỉa than thoải đến nghiêng tại các mỏ hầm lò vùng Quảng Ninh. - Xây dựng tiêu chí đánh giá điều kiện địa chất . Kỹ thuật mỏ để lựa chọn áp dụng công nghệ CGH khai thác vỉa than thoải đến nghiêng. Đánh giá đặc điểm điều kiện địa chất, kỹ thuật và tổng hợp trữ lượng các vỉa than thoải đến nghiêng ở các mỏ hầm lò vùng than Quảng Ninh có khả năng áp dụng CGH khấu than lò chợ. Xây dựng tiêu chí lựa chọn đồng bộ thiết bị

CGH khấu than lò chợ phù hợp điều kiện địa chất - kỹ thuật mỏ các vỉa thoải đến nghiêng vùng Quảng Ninh. Đề xuất sơ đồ công nghệ CGH khấu than lò chợ phù hợp điều kiện địa chất - kỹ thuật mỏ vỉa than thoải đến nghiêng và xây dựng lộ trình áp dụng tại các mỏ hầm lò vùng Quảng Ninh. Thiết kế sơ đồ công nghệ CGH khấu than lò chợ cho một điều kiện cụ thể, xây dựng hộ chiếu, quy trình công nghệ, lập các giải pháp kỹ thuật và biện pháp an toàn lao động trong quá trình áp dụng.

Số hồ sơ lưu: 19400

81701.06-2022 **Giải pháp phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong thanh niên nông thôn hiện nay**/ TS. Nguyễn Hải Đăng, TS. Hồ Kim Hương; TS. Cấn Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Thị Hồng Hải; TS. Đặng Anh Vinh; TS. Trần Thị Thuý Ngọc - Hà Nội- Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về các giải pháp phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ƯDCNC) của thanh niên nông thôn. Đánh giá thực trạng các mô hình và giải pháp phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp ƯDCNC của thanh niên nông thôn ở Việt Nam giai đoạn hiện nay. Đề xuất các giải pháp mới nhằm phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp ƯDCNC của thanh niên nông thôn

Số hồ sơ lưu: 19472

20102. Kỹ thuật xây dựng

79207.06-2022 **Nghiên cứu giải pháp khắc phục răn nứt trong khối xây sử dụng vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**/ PGS.TS. Trần Văn Miền, PGS.TS. Nguyễn Văn Chánh; ThS. Cù Khắc Trúc; ThS. Lê Văn Hải Châu; ThS. Cù Thị Hồng Yến ; ThS. Nguyễn L ê Thi - tỉnh Vĩnh Long - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 05/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất vật liệu xây không nung (gạch xi măng cốt liệu) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long về: quy trình sản xuất, nguyên liệu đầu vào, tính chất cơ lý của sản phẩm gạch xi măng cốt liệu được sản xuất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Nghiên cứu xác định nguyên nhân răn nứt trong khối xây sử dụng vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Xây dựng tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật của vật liệu đầu vào sản xuất vật liệu xây không nung (gạch xi măng cốt liệu) ở tỉnh Vĩnh Long; Xây dựng tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây không nung và quy trình kỹ thuật xây dựng bằng vật liệu gạch không nung (gạch xi măng cốt liệu) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Nghiên cứu giải pháp khắc phục răn nứt trong khối xây sử dụng vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Tổ chức hội thảo khoa học nhằm công bố rộng rãi kết quả nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI001.2021

81250.06-2022 **Ứng dụng công nghệ Nanoindentation trong đánh giá tính chất vật liệu của kết cấu**

chịu tải trọng động: Áp dụng cho mối hàn thép kết cấu và bê tông tính năng siêu cao/ TS. Phạm Thái Hoàn, TS. Thái Đức Kiên; GS. TS. Phan Quang Minh; TS. Nguyễn Việt Phương; TS. Ngô Trí Thường; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Tùng - Hà Nội- Trường Đại học Xây dựng, 2020 - 12/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các ứng xử cơ học trong các vùng khác nhau của mối hàn thép kết cấu và trong thành phần vi cấu trúc của vật liệu UHPC ở tốc độ biến dạng bình thường (tĩnh) sử dụng thí nghiệm nanoindentation. Thiết lập mối quan hệ giữa tính chất cơ học trong các vùng khác nhau của mối hàn thép kết cấu cũng như trong các thành phần vi cấu trúc của UHPC ở tốc độ biến dạng bình thường (tĩnh) và cao (động) sử dụng thí nghiệm nanoindentation. Đề xuất các phương pháp xác định các tính chất cơ học trong các mối hàn thép kết cấu, trong các thành phần vi cấu trúc của UHPCs cũng như trong vật liệu UHPCs ở tốc độ biến dạng cao (tương ứng với các loại tải trọng động) sử dụng thí nghiệm nanoindentation hoặc indentation và mô phỏng phần tử hữu hạn.

Số hồ sơ lưu: 19356

81662.06-2022 **Xây dựng bản đồ địa chất công trình thành phố Vĩnh Long và đề xuất giải pháp nền móng**/ ThS. Lâm Ngọc Quý, TS. Võ Đại Nhật ThS. Lâm Ngọc Quý; TS. Võ Đại Nhật; KS. Nguyễn Văn Tri; ThS. Võ Thanh Long; ThS. Phù Nhật Truyền; ThS. Phạm Quang Vĩnh; TS. Trần Anh Tú; ThS. Trần THị Mỹ Hạnh - tỉnh Vĩnh Long - Trường Đại học Xây dựng miền Tây, 2020 - 06/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng hợp, phân tích và đánh giá các yếu tố khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố Vĩnh Long (giai đoạn 2005-2015); Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất công trình; Khoan khảo sát địa chất hiện trường kiểm chứng kết quả (dự kiến 3 hố khoan); Phân tích và đánh giá sự phân bố đất yếu; Đánh giá đặc điểm địa chất công trình; Xây dựng thuyết minh bản đồ phân vùng tải trọng công trình; Thuyết minh phân vùng địa kỹ thuật; Thuyết minh bản đồ phân vùng sức chịu tải của nền; Đánh giá chung sự phân bố đất yếu, khả năng xói ngầm đất nền và đặc điểm địa chất công trình tổng thể của khu vực thành phố Vĩnh Long; Nghiên cứu cơ sở lý thuyết, tính toán và đề xuất các giải pháp nền móng hợp lý cho từng khu vực tương ứng 03 loại tải trọng công trình (dân dụng, công nghiệp và giao thông).

Số hồ sơ lưu: VLG.TI046.2021

81910.06-2022 **Nghiên cứu sử dụng bê tông geopolymer cốt liệu xỉ thép trong xây dựng mặt đường cứng ở Việt Nam**/ ThS. Trịnh Hoàng Sơn, ThS. Bùi Thị Quỳnh Anh; PGS. TS. Đào Văn Đông; PGS. TS. Nguyễn Quang Phúc; TS. Lê Nguyên Khương; ThS. Nguyễn Hữu Anh; ThS. Trịnh Thị Hoa; TS. Nguyễn Thùy Anh; ThS. Cao Minh Quyền; ThS. Trần Thị Lý - Hà Nội- Trường Đại học Công nghệ Giao

thông vận tải, 2021 - 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết, yêu cầu về thành phần vật liệu tạo bê tông geopolymer sử dụng cốt liệu xỉ thép. Xác định các tính chất và thành phần của cốt liệu xỉ thép hồ quang điện (EAF). Thiết kế thành phần bê tông geopolymer sử dụng hoàn toàn cốt liệu xỉ thép hồ quang điện (EAF). Nghiên cứu phương pháp chế tạo, thi công, bảo dưỡng của bê tông geopolymer cốt liệu xỉ thép hồ quang điện (EAF). Thực nghiệm một số các thông số chủ yếu của bê tông geopolymer cốt liệu xỉ thép hồ quang điện (EAF) trong phòng để phục vụ cho việc thiết kế áo đường cứng bao gồm: cường độ nén, mô đun đàn hồi, cường độ kéo uốn, độ mài mòn, co ngót, giãn nở do nhiệt. Nghiên cứu các ứng xử cơ học trên một đoạn đường thử nghiệm sử dụng vật liệu bê tông geopolymer cốt liệu xỉ thép hồ quang điện (EAF) cho đường giao thông nông thôn, từ đó đề xuất định hướng sử dụng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19564

20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị

81909.06-2022 **Nghiên cứu đề xuất bộ khung tiêu chí đánh giá lựa chọn đô thị đủ điều kiện xây dựng đường sắt đô thị tại Việt Nam**/ ThS. Phạm Anh Tuấn, ThS. Lê Quang Huy; TS. Phạm Hoài Chung; ThS. Nguyễn Tiến Thành; ThS. Nguyễn Trung Anh; ThS. Nguyễn Như Minh; KS. Phạm Thị Thu Hằng; CN. Nguyễn Đức Nghĩa - Hà Nội- Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đường sắt đô thị đóng vai trò quan trọng, không chỉ trong việc giải quyết các vấn đề đối với giao thông đô thị như ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường và thực hiện các chính sách về giao thông đô thị như hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân, khuyến khích sử dụng vận tải hành khách công cộng mà nó còn đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội và đặc biệt trong quy hoạch đô thị, khi đường sắt đóng vai trò xương sống sẽ tạo nên nhiều hình thái phát triển đô thị khác nhau. Với 130 năm phát triển, hiện đã có trên 200 thành phố đầu tư xây dựng đường sắt đô thị; mô hình TOD (Transit Oriented Development) quy hoạch đô thị theo định hướng giao thông công cộng, cụ thể quy hoạch khu đô thị, khu dân cư, trung tâm thương mại,… tập trung quanh ga đường sắt đô thị chính hiện đang được áp dụng thành công tại nhiều thành phố. Việc xây dựng đường sắt đô thị đã được minh chứng là xu thế và yêu cầu hết sức cần thiết đối với các đô thị lớn trong quá trình phát triển đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững. Đề tài: "Nghiên cứu đề xuất bộ khung tiêu chí đánh giá, lựa chọn đô thị đủ điều kiện xây dựng đường sắt đô thị tại Việt Nam" với mục tiêu: Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, lựa chọn đô thị đủ điều kiện xây dựng đường sắt đô thị tại Việt Nam. Xây dựng phương pháp đánh giá đối với bộ tiêu chí và thí điểm đánh giá đối với một số đô thị tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19562

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

74040.06-2022 **Hệ thống thông tin trạng thái giao thông thành phố Hà Nội: Thực trạng và giải pháp**/ PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hóa, PGS.TS Nguyễn Ngọc Hóa; ThS. Vũ Bá Duy; PGS.TS Nguyễn Hải Châu; PGS.TS Nguyễn Trí Thành; ThS. Dư Phương Hạnh; ThS. Lê Hồng Hải; CN Phạm Hải Đăng; KS Phạm Duy Phúc; KS. Phạm Thành Lâm; CN Hà Hải Nam - Hà Nội- Trường Đại học Công nghệ, 2018 - 08/2014 - 09/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, xử lý và hiển thị thông tin trạng thái giao thông trực tuyến trên Internet (mạng lưới giao thông, các tuyến đường giao thông, các tuyến xe buýt, mật độ và lưu lượng phương tiện tham gia giao thông) đảm bảo tính chính xác, tính cập nhật và khả năng dự báo; khả năng truy cập nhanh qua các thiết bị có trình duyệt Web, hoặc thiết bị sử dụng hệ điều hành Android, hoặc thông qua màn hình lớn; Hỗ trợ có hiệu quả công tác quản lý và điều hành giao thông đô thị và đáp ứng yêu cầu thông tin trạng thái giao thông đô thị TP. Hà Nộicủa người tham gia giao thông.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-04/ĐK-TTTT&TK

74622.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và phát triển hệ thống giao thông thông minh trên địa bàn thành phố Hà Nội phục vụ công tác quản lý.**/ TS. Phạm Hoài Chung, KS. Phan Hoàng Phương; ThS. Lê Quang Huy; ThS. Lê Xuân Trọng; ThS. Vũ Duy Phong; ThS. Ngô Anh Tú; TS. Khương Minh Tuấn; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Lê Thị Mai; KS. Hoàng Huyền Thương; ThS. Phan Hoàng Quân; ThS. Nguyễn Minh Ngọc; KS. Trần Nguyên Hà; KS. Nguyễn Như Minh; KS. Trần Thị Thùy Linh; ThS. Nguyễn Trung Anh. - Hà Nội- Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải, 2019 - 08/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về giao thông thông minh trong nước và trên thế giới , bài học áp dụng đối với Hà Nội ; Hiện trạng hệ thống giao thông và ứng dụng giao thông thông minh trên địa bàn Thành phố Hà Nội ; Cơ sở khoa học xây dựng bộ tiêu chí giao thông thông minh trên địa bàn Thành phố Hà Nội ; Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và phát triển hệ thống giao thông thông minh trên địa bàn Thành phố Hà Nội; Đề xuất các giải pháp áp dụng bộ tiêu chí đánh giá và phát triển hệ thống giao thông thông minh trên địa bàn Thành phố Hà Nội ; Áp dụng thí điểm bộ tiêu chí đánh giá và phát triển hệ thống giao thông thông minh trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-29/ĐK-TTTT&TK

81419.06-2022 **Nghiên cứu tính toán khí động học trong xây dựng cầu theo mô hình không gian bằng phương pháp phần tử hữu hạn**/ PGS.TS. Lê Thị Hương Giang, TS.TS. Trần Ngọc An; TS. Nguyễn Hoàng; KS. Trần Văn Bôn; KS. Ngô Việt Anh; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Phạm Thị Ly; ThS. Vũ Thị Khánh Chi; ThS. Phạm Văn Trung -

Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng mô hình không gian kết cấu cầu trong phần mềm ANSYS sử dụng module SpaceClaim Geometry. Xây dựng mô hình lưới phần tử hữu hạn cho toàn bộ kết cấu cầu sử dụng module Hypermesh, simLab. Xác định các mode dao động, xác định các tần số dao động tự do (uốn và xoắn) của dầm cầu sử dụng module Modal analysis. Xác định các thông số về chuyển vị, góc xoay của phân đoạn cầu, kết cấu cầu dưới tác dụng của tải trọng bản thân và lực kích động cho trước sử dụng module Transient analysis. - Áp vận tốc gió trên mô hình hầm gió số đã có sử dụng module CFX-FLUENT. Khảo sát sự tương tác qua lại giữa luồng gió và kết cấu cầu, dao động của kết cấu cầu để xác định vận tốc gió fluter tới hạn sử dụng 2 module Transient analysis và CFX-FLUENT. Áp dụng tính toán cho cầu Kiền, cầu Mỹ Thuận 2, cầu Great Belt.

Số hồ sơ lưu: 19401

81462.06-2022 **Nghiên cứu lựa chọn công nghệ xây dựng đường ray tấm bản áp dụng cho đường sắt tốc độ cao ở Việt Nam**/ ThS. Bùi Xuân Học, ThS. Bùi Ngọc Nam; TS. Lê Công Thành; TS. Nguyễn Thị Thu Định; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Kiều Như Cường; ThS. Nguyễn Bá Văn; ThS. Đặng Xuân Hiền; ThS. Bùi Văn Mạnh; KS. Nguyễn Phúc Trí - Hà Nội- Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập và nghiên cứu tài liệu của các nước đã và đang phát triển đường sắt tốc độ cao (ĐSTĐC) và đường ray tấm bản (ĐRTB); tổng hợp, phân tích để làm rõ yêu cầu về thiết kế các dạng kết cấu, cơ sở lý thuyết phân tích kết cấu và tính toán thiết kế đường ray, quy trình thi công đường ray, tiêu chuẩn kỹ thuật,.. của ĐRTB cho ĐSTĐC; phân tích, so sánh, đề ra tiêu chí nhằm đề xuất lựa chọn công nghệ xây dựng ĐRTB phù hợp để áp dụng cho ĐSTĐC ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19408

81640.06-2022 **Nghiên cứu tính toán hệ thống dây neo công trình biển chịu tải trọng động theo mô hình không gian bằng phương pháp phần tử hữu hạn**/ PGS.TS. Đào Văn Tuấn, TS. Bùi Quốc Bình; TS. Phạm Văn Sỹ; TS. Trần Đức Phú; ThS. Nguyễn Tiến Thành; ThS. Nguyễn Thiện Thành; ThS. Nguyễn Gia Khánh; ThS. Nguyễn Thu Lê; KS. Ngô Việt Anh; KS. Trần Văn Bôn - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng mô hình tính toán hệ dây neo theo mô hình không gian cho công trình biển chịu tải trọng động của sóng, gió, dòng chảy bằng phương pháp phần tử hữu hạn (PTHH). Hiện thực hóa bằng sử dụng phần mềm ANSYS-AQWA và lập chương trình bằng ngôn ngữ Mathcad. Nghiên cứu hệ thống dây neo chùm và dây neo đầu cuối cho các công trình có hình dạng trên mặt

bằng tương tự hình chữ nhật như: giàn khoan bán chìm, tàu khoan, sà lan phục vụ thi công, đê chắn sóng nổi, bến nổi.

Số hồ sơ lưu: 19487

81911.06-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác hoạt động vận tải thủy nội địa phía Bắc và đề xuất áp dụng cho hành lang Việt Trì – Hà Nội– Hải Phòng – Quảng Ninh**/ KS. Phan Hoàng Phương , ThS. Nguyễn Tiến Thành; ThS. Nguyễn Minh Ngọc ; ThS. Nguyễn Trung Anh; ThS. Lê Xuân Trọng ; ThS. Lê Thị Mai; ThS. Nguyễn Thị Nga; KS. Hoàng Huyền Thương; KS. Trần Thị Thùy Linh; KS. Nguyễn Như Minh ; KS. Trần Nguyên Hà - Hà Nội- Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải , 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các giải pháp nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc đẩy mạnh phát triển vận tải thủy nội địa trên hành lang Việt Trì – Hà Nội– Hải Phòng – Quảng Ninh, nhằm góp phần giảm chi phí, thời gian vận tải, nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa trong khu vực. Phát hiện, đánh giá các bất cập trong khai thác hoạt động vận tải thủy nội địa trên hành lang Việt Trì – Hà Nội– Hải Phòng – Quảng Ninh. Đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách nhằm khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng và tăng hiệu quả vận tải thủy nội địa trên hành lang Việt Trì – Hà Nội– Hải Phòng – Quảng Ninh.

Số hồ sơ lưu: 19563

20105. Kỹ thuật thuỷ lợi

72728.06-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng mô hình hỗ trợ công tác dự báo lũ trên sông và cảnh báo ngập lụt lưu vực sông Tích - sông Bùi**/ ThS. Nguyễn Tiến Cường, ThS. Nguyễn Tiến Cường; PGS.TS. Hoàng Văn Lai; PGS.TS. Trần Thu Hà; ThS. Nguyễn Hồng Phong; KS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Dương Thị Thanh Hương; ThS. Lê Thu Hoài; KS. Nguyễn Văn Thăng; KS. Nguyễn Văn Tùng; TS. Nguyễn Chính Kiên - Hà Nội- Viện Cơ học, 2018 - 07/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng công nghệ bao gồm: giải pháp, qui trình, phần mềm kết nối các mô hình thủy văn, thủy lực, các mô hình học máy thống kê tiên tiến cho phép dự báo lũ trên các sông Tích - sông Bùi và cảnh báo ngập lụt trên lưu vực các sông này phục vụ công tác phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cho khu vực phía Tây Nam thành phố Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-12/ĐK-TTTT&TK

75853.06-2022 **Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật tổng hợp để bảo vệ môi trường nước sông nội đô Thành phố Hà Nội**/ PGS.TS. Trần Đức Hạ, PGS.TS. Trần Đức Hạ; ThS. Lê Thành Trung; ThS. Mai Trọng Thái; KS. Ngô Hoàng Phi; TS. Nguyễn Lan Hương; TS. Lê Việt Hưng; ThS. Nguyễn Thúy Liên; KS. Phạm Hải Dương; CN. Lương Hải Yến; KS. Vũ Đình Châu. - Hà Nội- Viện khoa học và kỹ thuật môi

trường, 2019 - 07/2016 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Rà soát tình hình thu gom và xử lý nước thải lưu vực các sông thoát nước nội đô theo các dự án và công trình xử lý nước thải đã thực hiện và quy hoạch thoát nước Hà Nội; Khảo sát hiện trạng thoát nước, lưu lượng và chất lượng nước sông Tô Lịch, sông Cầu Bây. Xác định địa điểm lắp đặt mô hình thu gom và xử lý nước thải trên 02 sông; Nghiên cứu tổng quan và lựa chọn các công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt phân tán không thu gom được vào hệ thống thoát nước tập trung. Nghiên cứu tổng quan và lựa chọn giải pháp làm giàu oxy kết hợp với giải pháp hỗ trợ khác; Tính toán và dự báo diễn biến chất lượng nước sông Tô Lịch và sông Cầu Bây theo các kịch bản phát triển kinh tế xã hội, đô thị hóa và đầu tư xây dựng các công trình thoát nước và XLNT khu vực bằng phần mềm đã được kiểm chuẩn. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp kỹ thuật tổng hợp để cải thiện chất lượng nước và bảo vệ môi trường nước các sông nội đô thành phố Hà Nộinói chung, sông Tô Lịch và sông Cầu Bây nói riêng.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-46/ĐK-TTTT&TK

81169.06-2022 **Nghiên cứu dự báo diễn biến sạt lở, đề xuất các giải pháp để ổn định bờ sông và quy hoạch sử dụng vùng ven sông phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội vùng hạ du hệ thống sông Đồng Nai**/ GS. TS. Phạm Thị Hương Lan, PGS. TS. Ngô Lê Long; TS. Vũ Thanh Tú; PGS. TS. Huỳnh Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Tiến Thành; ThS. Đặng Quang Minh; TS. Nguyễn Thanh Thủy; PGS .TS. Trần Kim Châu; TS. Đỗ Xuân Khánh; TS. Trần Khắc Thạc - Hà Nội- Viện Thủy văn, Môi trường và Biến đổi Khí hậu, 2021 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được hiện trạng, nguyên nhân, cơ chế, quy luật và các yếu tố ảnh hưởng đến sạt lở bờ sông Đồng Nai. Xác định được các quan hệ thủy văn, thủy lực, quan hệ hình thái lòng dẫn trong điều kiện hiện tại vùng hạ du hệ thống sông Đồng Nai. Dự báo được mức độ sạt lở bờ sông vùng hạ du hệ thống sông Đồng Nai có xét đến ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đề xuất được các giải pháp thích hợp, khả thi về khoa học công nghệ và quản lý phục vụ phòng chống sạt lở, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khai thác sử dụng có hiệu quả không gian ven sông.

Số hồ sơ lưu: 19338

81253.06-2022 **Nghiên cứu công nghệ phát hiện sớm nguy cơ sự cố đê sông, đập đất, đập đá, đập bê tông trọng lực và đề xuất giải pháp xử lý**/ PGS.TS. Nguyễn Cảnh Thái, GS.TS. Phạm Ngọc Quý; GS. TS. Nguyễn Chiến; ThS. Lương Thị Thanh Hương; PGS.TS. Lê Văn Hùng; TS. Nguyễn Công Thắng; GS.TS. Nguyễn Quốc Dũng; PGS. TS. Phùng Vĩnh An; ThS. Đinh Xuân Trọng; PGS.TS. Vũ Hoàng Hưng; TS. Vũ Minh Quang; TS. Trần Văn Toản; TS. Nguyễn Văn Nghĩa; TS. Nguyễn Lan Hương; TS. Bùi Quang Cường; ThS. Đỗ Viết

Thắng; TS. Phạm Viết Ngọc; TS. Nguyễn Thái Hoàng; PGS.TS. Hồ Sỹ Tâm; PGS.TS. Nguyễn Cao Đơn; TS. Nguyễn Phương Dung; TS. Đinh Nhật Quang; TS. Lương Minh Chính; TS. Nguyễn Đức Nghĩa; ThS. Nguyễn Đình Dũng; ThS. Đỗ Thị Thùy Dung - Hà Nội- Trường Đại học Thủy lợi, 2020 - 06/2016 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Trước tình hình thực tế, vấn đề cần đặt ra đối với các nghiên cứu về đê sông và đập ngăn sông: Với đê sông: cần phát hiện sớm các nguy cơ xảy ra sự cố cho các công trình đê điều trước mùa lũ bão, tránh trường hợp trước mùa lũ báo cáo an toàn, nhưng bước vào mùa lũ lại để ra sự cố. Đối với các cống dưới đê, cần nghiên cứu, tổng kết các bài học kinh nghiệm đã xảy ra với cống có sự cố, điển hình là hiện tượng cống Tắc Giang, đưa ra các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế thiệt hại sự cố đê và cống dưới đê, giải pháp xử lý với từng loại sự cố. Với đập (đập đất, đập đá, đập bê tông trọng lực). Tổng kết, đề xuất các quy trình, và nghiên cứu các công nghệ mới phát hiện sớm nguy cơ sự cố và giải pháp xử lý với từng loại nguy cơ sự cố. Nghiên cứu về hiện trạng công tác quan trắc ở từng loại đập, và đề xuất các giải pháp duy tu, sửa chữa và nâng cấp hệ thống quan trắc. Đưa ra các tiêu chí đánh giá chất lượng đập, các bộ số liệu chuẩn để đối chiếu với số liệu quan trắc trong đánh giá an toàn đập.

Số hồ sơ lưu: 19337

81506.06-2022 **Nghiên cứu đánh giá độ nguy hiểm động đất phục vụ quy hoạch phát triển vùng lãnh thổ, đảm bảo an toàn công trình thuỷ điện, thuỷ lợi và di tích văn hoá tỉnh Thừa Thiên Huế**/ TS. Nguyễn Ánh Dương, TS. Vũ Văn Chinh; TS. Lê Tử Sơn; PGS.TS. Cao Đình Triều; PGS.TS. Phạm Tích Xuân; ThS. Đinh Quốc Văn; TS. Nguyễn Lê Minh; ThS. Bùi Văn Duẩn; ThS.Vũ Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Thuỳ Linh; TS. Nguyễn Hữu Tuyên; TS. Trần Hữu Tuyên; ThS. Vi Văn Vững; ThS. Hà Thị Giang; ThS. Lê Quang Khôi; TS. Phạm Nam Hưng - Hà Nội- Viện Vật lý địa cầu, 2021 - 12/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm sáng tỏ đặc trưng hoạt động động đất tỉnh Thừa Thiên Huế, trọng tâm là khu vực các hồ chứa; Đánh giá chi tiết độ nguy hiểm động đất khu vực thành phố Huế; Thiết lập và vận hành 10 trạm quan trắc động đất xung quanh khu vực các hồ chứa Hương Điền, Bình Điền, Tả Trạch và A Lưới; Xử lý số liệu động đất ghi nhận được ở khu vực nghiên cứu. Tiến hành khảo sát đứt gãy kiến tạo phục vụ nghiên cứu địa chấn kiến tạo và địa động lực hiện đại khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế và lân cận. Cụ thể, đã tiến hành khảo sát địa chất cấu trúc, địa mạo tại 369 điểm lộ, đo khoảng trên 12.000 khe nứt; đo nồng độ Radon trong khí đất trên 9 tuyến. Khảo sát đặc điểm nền đất khu vực thành phố Huế và lân cận phục vụ công tác Nghiên cứu đánh giá độ nguy hiểm động đất khu vực tỉnh Thừa Thiên Huế và các tỉnh thành lân cận và chi tiết cho thành phố Huế. Cụ thể, đo địa chấn thăm dò khúc xạ khu vực TP Huế vớ 17

tuyến (dự toán 16 tuyến); Đo vi địa chấn khu vực TP Huế với 510 điểm đo (dự toán đo 497 điểm đo); Đo lưới vi địa chấn (đo SPAC) khu vực TP Huế với 93 điểm đo (phần việc này đề tài làm thêm, không có trong dự toán). Đề xuất các giải pháp phòng tránh và giảm thiểu thiệt hại phục vụ quy hoạch đảm bảo an toàn công trình hồ đập và công trình di tích văn hóa.

Số hồ sơ lưu: 19430

20106. Kỹ thuật địa chất công trình

81404.06-2022 **Xác lập cơ sở khoa học xây dựng quy trình lập và maket chú giải bản đồ địa chất tỷ lệ 1:250.000 vùng Tây Bắc Việt Nam**/ TS. Mai Trọng Tú, ThS. Nguyễn Huy Phương; TS.Trần Văn Miến; TS. Nguyễn Bá Minh; TS. Trần Mỹ Dũng; TS. Đào Thái Bắc; TS. Trịnh Xuân Hòa; TS. Vũ Quang Lân; PGS.TS. Bùi Minh Tâm; TS. Nguyễn Thị Bích Thủy - Hà Nội- Trung Tâm Kiểm định Địa chất, 2020 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập cơ sở khoa học xây dựng quy trình lập và maket chú giải bản đồ địa chất tỷ lệ 1:250.000 vùng Tây Bắc Việt Nam đủ điều kiện hội nhập quốc tế và khu vực. Kết quả nghiên cứu được bàn giao trực tiếp cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, là đơn vị đang triển khai phục vụ trực tiếp Đề án thành phần "Biên tập, tổng hợp, lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:250.000" thuộc Đề án Chính phủ "Điều tra tổng thể về khoáng sản và hoàn thiện nền bản đồ địa chất tỷ lệ 1/50.000 vùng Tây Bắc phục vụ quy hoạch phát triển bền vững kinh tế - xã hội".

Số hồ sơ lưu: 19399

81463.06-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học ứng dụng ảnh hồng ngoại nhiệt và GIS trong cảnh báo cháy ngầm trên bể than Quảng Ninh**/ PGS.TS. Nguyễn Tiến Thành, ThS. Phạm Thị Thu Hương; ThS. Trần Thị Ngoan; ThS. Vương Thị Hòe; ThS. Phạm Thị Thương Huyền; ThS. Cao Minh Thủy; ThS. Nguyễn Xuân Thủy; PGS.TS. Trịnh Lê Hùng; ThS. Nghiêm Văn Ngọ; Nguyễn Văn Vượng - Hà Nội- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2021 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các công trình nghiên cứu ứng dụng ảnh hồng ngoại nhiệt và GIS trong nghiên cứu cháy ngầm ở Việt Nam và trên thế giới. Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định nhiệt độ bề mặt từ ảnh hồng ngoại nhiệt Landsat. Nghiên cứu cơ sở khoa học ứng dụng GIS cảnh báo nguy cơ cháy ngầm. Thực nghiệm ứng dụng ảnh hồng ngoại nhiệt xác định nhiệt độ bề mặt trên bể than Quảng Ninh. Ứng dụng GIS cảnh báo cháy ngầm trên bể than Quảng Ninh. Ứng dụng ảnh hồng ngoại nhiệt và GIS cảnh báo cháy ngầm tại mỏ than Na Dương (Lạng Sơn).

Số hồ sơ lưu: 19409

81550.06-2022 **Hoàn thiện công nghệ khai thác lò chợ xiên chéo, chống giữ bằng giàn mềm có cơ cấu thuỷ lực áp dụng cho điều kiện vỉa dày trung bình góc dốc trên 45 độ cho các mỏ than hầm lò**

vùng Quảng Ninh/ ThS. Trần Tuấn Ngạn, TS. Đào Hồng Quảng; TS. Lê Đức Nguyên; ThS. Đặng Hồng Thắng; ThS. Đinh Văn Cường; TS. Đào Ngọc Hoàng; TS. Phạm Trung Nguyên; TS. Trần Minh Tiến; TS. Lê Văn Hậu; TS. Phan Văn Việt; TS. Vũ Văn Hội; TS. Cao Quốc Việt; TS. Bùi Đình Thanh; KS. Nguyễn Ngọc Quỳnh - Hà Nội- Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá điều kiện địa chất kỹ thuật mỏ khu vực sản xuất thử nghiệm. Thiết kế công nghệ khai thác lò chợ xiên chéo, chống giữ bằng giàn chống mềm tại khu vực sản xuất thử nghiệm. Xây dựng quy trình công nghệ hoàn thiện sử dụng để khai thác lò chợ xiên chéo, chống giữ bằng giàn chống mềm có cơ cấu thủy lực cho điều kiện vỉa dày trung bình, dốc trên 45°. Xây dựng tài liệu hướng dẫn về công tác thực hiện các biện pháp kỹ thuật - an toàn của công nghệ. Đào tạo công nghệ. Sản xuất thử nghiệm khoảng 50.000 Tấn than nguyên khai. Đánh giá hiệu quả về nâng cao sản lượng khai thác, năng suất lao động, mức độ an toàn, giảm tổn thất than và hạ giá thành sản phẩm than khai thác.

Số hồ sơ lưu: 19414

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

75899.06-2022 **Hoàn thiện thiết kế, công nghệ chế tạo module đèn LED làm mát bằng chất lỏng nano phục vụ chiếu sáng đường phố Hà Nội**/ TS. Phan Ngọc Hồng, TS. Phạm Văn Trình; TS. Bùi Hùng Thắng; TS. Phạm Văn Hiệp; TS. Phan Ngọc Hồng; TS. Nguyễn Văn Chúc; ThS. Cao Thị Thanh; ThS. Nguyễn Minh Tùng; KS. Lê Đình Quang; PGS.TS. Vũ Đình Lãm; GS.TS. Phan Ngọc Minh - Hà Nội- Viện Khoa Học Vật Liệu, 2019 - 08/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng nhà xưởng nhỏ diện tích khoảng 50m^2 phục vụ cho việc sản xuất chế tạo chất lỏng nano và lắp thử nghiệm sản phẩm module đèn LED tại công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Minh Quang; Chế tạo mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất chất lỏng nano; Chế tạo chất lỏng tản nhiệt nano phục vụ cho dự án SXTN; Khảo sát tính chất nhiệt của chất lỏng nano chế tạo được; Hoàn thiện thiết kế, tối ưu hóa kết cấu tản nhiệt, chế tạo khuôn đúc và sản xuất thử nghiệm các chi tiết linh kiện tản nhiệt cho module LED; Chế tạo hệ thống thấu kính phân bố quang cho module LED; Đào tạo bồi dưỡng công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc sản xuất thử nghiệm; Lắp ráp hoàn thiện module đèn LED bằng chất lỏng nano; Thử nghiệm chiếu sáng sản phẩm module đèn LED làm mát bằng chất lỏng nano ở đường phố Hà Nộikết hợp với Xí nghiệp Quản lý Điện chiếu sáng Hà Nội(Hapulico); Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo module đèn LED làm mát bằng chất lỏng nano; Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng sản phẩm; Xây dựng TCCS; Xúc tiến thị trường tiêu thụ thông qua việc tạo mạng lưới liên kết với các doanh nghiệp, liên hệ với các đơn vị quản lý hệ thống điện chiếu sáng công

cộng, tham gia hội thảo khoa học … Kết hợp với Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Hoàn Cầu để tìm kiếm thị trường và tìm đầu ra cho sản phẩm module đèn LED loàm mát bằng chất lỏng nano; Báo cáo tổng kết, nghiệm thu dự án

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-07/ĐK-TTTT&TK

20202. Người máy và điều khiển tự động

81055.06-2022 **Nghiên cứu, thiết kế chế tạo robot hỗ trợ nhân viên y tế trong việc khử khuẩn lau sàn nhà**/ ThS. Đỗ Trọng Tấn, ThS. Nguyễn Văn Đưa; ThS. Trịnh Thị Thương; KS. Trịnh Thị Hậu; ThS. Nguyễn Ngọc Tú; ThS. Nguyễn Hoàng Long; ThS. Lê Bình Dương; ThS. Quách Công Hoàng; KS. Lê Duy Tùng; ThS. Trần Ngọc Thái - Hà Nội- Trung tâm Công nghệ Vi điện tử và Tin học, 2020 - 06/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về robot và ứng dụng robot hỗ trợ nhân viên y tế trong lau sàn khử khuẩn. Thiết kế, chế tạo hệ thống cơ khí cho robot, tính năng kỹ thuật của robot, phân tích thiết kế hệ thống khung cơ khí cho robot.. Phân tích, thiết kế mạch điều khển cho robot, xây dựng cấu trúc chung của hệ thống điều khiển. Nghiên cứu xây dựng thuật toán khử khuẩn, lau sàn nhà và chương trình phần mềm điều khiển cho robot, mô hình điều khiển tổng quan cho robot; thuật toán xây dựng đường đi cho robot; thuật toán dẫn đường về trạm sạc cho robot; thiết kế phần mềm điều khiển và giám sát trên máy tính nhúng. Thử nghiệm, đánh giá hoạt động của robot.

Số hồ sơ lưu: 19293

81406.06-2022 **Phương Pháp Hoạch Định Đường Đi Động dành cho Robot Tuần Tra Đêm dựa trên Học Tăng Cường POMDP**/ TS. Đặng Việt Hùng, PGS.TS. Hoàng Hữu Việt; TS. Nguyễn Đức Thắng; TS. Ngô Anh Viên - Hà Nội- Trường Đại học Duy Tân, 2021 - 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng giải pháp hoạch định đường đi cho một robot tuần tra trong môi trường động và không hoàn hảo, trong đó mô hình chuyển động là chưa biết trước. Tập trung phát triển bài toán tổng quát cho nhiệm vụ tuần hành đó dựa trên các cải tiến ở phương pháp học tăng cường. Mô tả toán học toàn bộ vấn đề thành vấn đề hoạch định POMDP trực tuyến trong đó mô hình chuyển động sẽ được ước lượng và tự động cập nhật, đồng thời kết hợp việc học dự đoán ý định chuyển động của vật với việc hoạch định thao tác của robot dưới sự không chắc chắn. Đối với mỗi POMDP tiến hành tích hợp một hệ phân cấp hành động để tăng tốc độ tính toán và dùng phương pháp lấy mẫu giải quyết bài toán POMDP lớn.

Số hồ sơ lưu: 19378

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v.) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.

81354.06-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo bộ thu mềm hệ**

thống nhận dạng tự động/ TS. Phạm Việt Hưng, ThS. Nguyễn Thanh Vân; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; KS. Nguyễn Thị Kim Oanh; ThS. Ngô Quốc Vinh; ThS. Phạm Trung Minh; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Vũ Thị Thu; ThS. Đặng Đình Phúc; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng hệ thống cơ sở kỹ thuật, công nghệ về thiết kế và chế tạo bộ thu hệ thống nhân dạng tự động. Đồng thời nghiên cứu, đánh giá và lựa chọn công nghệ về thiết kế hệ thống dựa trên công nghệ vô tuyến điều khiển bằng phần mềm, qua đó tiến hành thiết kế và chế tạo, thử nghiệm bộ thu hệ thống nhân dạng tự động. Tiến hành triển khai lắp đặt tại các đài bờ phục vụ công tác quản lý, giám sát các phương tiện vận tải đường biển, đường thuỷ nội địa, nâng cao an toàn giao thông thuỷ.

Số hồ sơ lưu: 19389

81528.06-2022 **Nghiên cứu đề xuất xây dựng khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng tại Việt Nam**/ ThS. Mai Thị Thanh Bình, CN. Ngô Quốc Thái; CN. Nguyễn Quỳnh Anh; ThS. Nguyễn Quỳnh Thu - Hà Nội- Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng, từ đó đề xuất khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng tại Việt Nam. Nghiên cứu các vấn đề mang tính nguyên tắc, đặc thù trong khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng (theo góc độ chính sách, quy định, cơ chế thực hiện) của Việt Nam và của một số tổ chức, quốc gia được lựa chọn theo tiêu chí được đưa ra trong quá trình nghiên cứu. Thu thập và phân tích thông tin (dựa trên các nguồn thông tin trên internet, báo cáo, các công cụ thống kê trực tuyến…) để tìm hiểu kinh nghiệm phát triển khung chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân của các tổ chức, quốc gia trên thế giới. Phương pháp nghiên cứu lý luận nhằm làm rõ các khái niệm, những thách thức có liên quan đến việc bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường mạng và những luận cứ để đề xuất biện pháp quản lý phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 19444

81532.06-2022 **Nghiên cứu và đề xuất giải pháp ngăn chặn Fake News (tin giả) trên các mạng xã hội tại Việt Nam**/ ThS. Phạm Văn Nghĩa, Đặng Thị Hoa; Dương Khánh Dương - Hà Nội- Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2020 - 01/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phục vụ việc tăng cường công tác xử lý tin giả trên các mạng xã hội, bảo đảm thông tin trung thực trên các trang mạng xã hội tại Việt Nam. Tập trung nghiên cứu tin giả trên các trang mạng xã hội, đặc biệt các trang mạng xã hội phổ biến nước ngoài như Facebook, Youtube của Google. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng tin giả trên mạng xã hội tại Việt Nam; Đề xuất giải pháp xử lý

tin giả trên mạng xã hội tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19445

81638.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống giám sát an ninh sử dụng công nghệ nhận dạng mặt người phục vụ công tác quản lý biên giới và xuất nhập cảnh**/ PGS. TS. Bùi Thu Lâm, TS. Nguyễn Việt Hùng; TS. Nguyễn Quốc Khánh; ThS. Vũ Văn Trường; TS. Đỗ Trung Dũng; TS. Phan Việt Anh; ThS. Hoàng Thị Thu Hiền; TS. Lương Quang Tuấn; ThS. Hoàng Bá Hải; KS. Tạ Huy Dũng; TS. Trần Cao Trưởng; ThS. Phạm Thái Hưng; KS. Nguyễn Hữu Nội; KS. Nguyễn Duy Tùng Khánh; PGS.TS. Trần Nguyên Ngọc; TS. Tăng Văn Hạ; PGS. TS. Huỳnh Thị Thanh Bình - Hà Nội- Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2021 - 07/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng hợp các nội dung lý thuyết đã nghiên cứu về công nghệ nhận dạng, đồng thời trình bày tổng quan về các nghiệp vụ quản lý biên giới, xuất nhập cảnh; làm tiền đề để nghiên cứu các thuật toán nhận dạng và phân tích, xây dựng hệ thống. Mô hình thuật toán xử lý, trình bày một số thuật toán để giải quyết các vấn đề chính trong bài toán nhận dạng ảnh mặt người; trình bày về mô hình nhận dạng của thiết bị JFace và hệ thống CIFace do chúng tôi đề xuất. Phát triển hệ thống giám sát an ninh sử dụng công nghệ nhận dạng mặt người, nêu chi tiết về phân tích, thiết kế kiến trúc, thiết kế dữ liệu và xây dựng hệ thống. Đánh giá kết quả thực nghiệm với các chức năng chính của hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 19483

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

81166.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng danh mục các tiêu chuẩn áp dụng cho Internet vạn vật (IoT) ở Việt Nam**/ ThS. Phạm Đình Chung, Phùng Văn Doanh; Đỗ Trọng Đại; Nguyễn Chiến Chinh - Hà Nội- Viện khoa học kỹ thuật bưu điện, 2020 - 04/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Internet of Things (IoT) là một hạ tầng toàn cầu cho xã hội thông tin, cho phép các dịch vụ tiên tiến bằng cách liên kết nối vật lý và ảo mọi thứ dựa trên các công nghệ thông tin và truyền thông có thể liên kết hiện nay và đang phát triển trong tương lai. Khái niệm kết nối đối tượng bất kỳ tới Internet có thể là một trong những thách thức tiêu chuẩn lớn nhất và sự thành công của IoT phụ thuộc vào sự phát triển của các tiêu chuẩn toàn cầu có thể liên kết. Việt Nam đã xây dựng kiến trúc tham chiếu IoT trong tiêu chuẩn TCVN 13117:2020 theo ISO/IEC và ITU-T. Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã bước đầu tiến hành nghiên cứu xây dựng các tiêu chuẩn quan trọng về IoT, trong đó việc nghiên cứu xây dựng danh mục các tiêu chuẩn áp dụng cho Internet vạn vật (IoT) ở Việt Nam là hết sức cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn quan trọng trong định hướng chuẩn hoá hệ thống IoT ở Việt Nam, nhằm phục vụ cho việc phát triển nghành công nghiệp IoT và chuẩn hoá trong việc phát triển các dịch vụ IoT ở nước ta.

Mặc dù khái niệm và công nghệ IoT đã được đề cập đến trong các hội thảo, trên các trang báo mạng… ở nước ta hiện nay có rất ít các nghiên cứu tổng hợp một cách đầy đủ, chi tiết về các tiêu chuẩn IoT và tình hình chuẩn hoá IoT trên thế giới.

Số hồ sơ lưu: 19343

81168.06-2022 **Nghiên cứu phát triển thử nghiệm hệ thống phát hiện botneet trong thiết bị công kết nối IoT**/ PGS. TS. Hà Hải Nam, Vũ Tuấn Lâm; Trần Thiện Chính; Đỗ Trọng Đại; Phùng Văn Doanh; Phạm Đình Chung; Lê Xuân Trung; Phạm Văn Bỉnh; Nguyễn Thanh Tùng; Trần Thị Thanh Hoa - Hà Nội- Viện khoa học kỹ thuật bưu điện, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ công nghệ trong phát triển hệ thống phát hiện botnet trong cổng kết nối IoT đem lại một số lợi ích cơ bản như về vấn đề bảo mật trong cổng kết nối IoT và khả năng tùy biến mở rộng sản phẩm theo yêu cầu cụ thể. Nghiên cứu mở rộng chức năng của hệ thống phát hiện botnet trong cổng kết nối IoT nhằm đáp ứng được các yêu cầu chức năng sử dụng và sự thay đổi nhanh chóng về công nghệ. Phân tích các giao thức khác bên cạnh DNS và HTTP; Tự động phát hiện các thiết bị IoT như bộ phát hiện lưu lượng và bộ phân tích lưu lượng có thể tập trung vào các thiết bị này, thay vì phân tích tất cả các thiết bị trên mạng; Cải thiện giao diện web và triển khai các mô-đun cảnh báo mới; Sử dụng thuật toán học máy và học sâu nâng cao để phát hiện các thiết bị bị xâm phạm; Thực hiện một chiến dịch thử nghiệm quy mô lớn

Số hồ sơ lưu: 19342

81259.06-2022 **Nghiên cứu, xây dựng hệ thống đánh giá, quản lý rủi ro và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin trong Chính phủ điện tử**/ PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hoá, TS. Nguyễn Thị Hậu; TS. Phùng Văn Ổn; ThS. Lê Việt Hà; ThS. Phùng Văn Thọ; KS. Khuất Hoàng Kiên; Trần Văn Trung; Đặng Minh Tuấn; Ngô Quang Huy; Hoàng Minh Tiến; TS. Ngô Quang Huy; Tống Minh Đức; Hà Quang Thuỵ; Nguyễn Quang Uy; PGS.TS. Nguyễn Trí Thành; TS. Lê Phê Đô; TS. Nguyễn Đại Thọ; Vũ Bá Duy; Trần Trọng Hiếu; Lê Hồng Hải; Vũ Bá Duy; TS. Lê Hồng Hải; Dư Phương Hạnh; Phạm Hải Đăng - Hà Nội- Trường Đại học Công nghệ, 2021 - 01/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ thống phục vụ hoạt động đánh giá, quản lý rủi ro và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin trong các hệ thống công nghệ thông tin tại các cơ quan nhà nước. Hình thành quy trình đánh giá, quản lý rủi ro và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin trong Chính phủ điện tử Việt Nam, phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế về an toàn thông tin.

Số hồ sơ lưu: 19357

81440.06-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp tổng thể nhằm phát triển Cổng thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường thành kênh thông tin Chính phủ điện tử hiệu quả của Ngành tài nguyên và**

môi trường./ ThS. Phạm Ngọc Anh, KS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Nguyễn Đình Huấn; TS. Lê Quốc Hưng; KS. Trần Huy Cường; KS. Trần Văn Trung; CN. Nguyễn Hồng Hưng Nam; ThS. Nguyễn Thị Thanh; KS. Nguyễn Đầu Hoàng; CN. Bùi Lan Anh; CN.Trần Thu Vân, CN. Nguyễn Vũ Quỳnh, ThS.Nguyễn Đức Anh, ThS.Cấn Hoàng Quý, KS. Đậu Thị Lương, ThS. Đặng Thị Thu Trang, CN. Nguyễn Thị Hà, ThS. Nguyễn Thị Hồng Minh, CN.Đinh Thị Tuyết, ThS.Phạm Ngọc Bách, CN. Vũ Xuân Quý, ThS. Nguyễn Vũ Thủy Tiên, ThS.Trương Thị Hòa, CN. Nguyễn Phúc Bền, TS. Đào Đức Mẫn, ThS. Trần Văn Hà, TS.Nguyễn Xuân Quang, CN. Hà Thanh Biên, CN. Hoàng Thị Hoài Linh, ThS. Trần Thị Thanh Tâm, ThS. Nguyễn Văn Thảo, TS.Lê Minh Quang, CN. Lê Danh Hồng, CN. Nguyễn Tiến Sỹ - Hà Nội- Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2021 - 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng Khung tổng thể giải pháp phát triển Hệ thống Cổng TTĐT Bộ TN&MT có khả năng liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng, đáp ứng yêu cầu thông tin và chỉ đạo, điều hành của Bộ và ngành TN&MT. Cổng TTĐT Bộ đoợc phát triển, xây dựng với giao diện mới, nội dung tích hợp, đổi mới, gắn với nhu cầu thông tin, tuyên truyền của Bộ và ngành, hướng tới ngoời dân và doanh nghiệp. Đề xuất giải pháp thống nhất về nền tảng công nghệ và tích hợp các phần mềm điều hành, tác nghiệp hiện nay sử dụng ở Bộ lên Cổng TTĐT. Xây dựng cơ chế phân quyền để chia sẻ tài liệu, văn bản, đảm bảo một tài liệu, văn bản có thể chia sẻ cho nhiều người. Xây dựng đề xuất giải pháp triển khai thêm các ứng dụng, phần mềm phục vụ quản lý, điều hành cho cán bộ, công chức của Bộ và các ứng dụng cho người dân, doanh nghiệp trên Cổng TTĐT Bộ. Đề xuất Quy chế phối hợp, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin trên Cổng TTĐT Bộ TN&MT.

Số hồ sơ lưu: 19405

81541.06-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thử nghiệm thiết bị định tuyến tích hợp đa dịch vụ có tính năng bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin**/ PGS. TS. Hoàng Trang, TS. Trần Hoàng Linh; ThS. Bùi Quốc Bảo; TS. Phạm Văn Hậu; TS. Trương Quang Vinh; TS. Nguyễn Lý Thiên Trường; ThS. Huỳnh Văn Thịnh; TS. Trịnh Xuân Dũng; ThS. Trần Hoàng Quân; ThS. Phan Võ Kim Anh; ThS. Nguyễn Khắc Phương Tuấn; KS .Phạm Hữu Vũ; ThS. Đoàn Ngọc Cẩm; ThS. Nhan Hồng Ky; PGS. TS. Quản Thành Thơ; ThS. Đặng Tuấn Khanh; ThS. Trần Văn Hoàng; TS. Huỳnh Quang Minh; ThS. Nguyễn Phạm Minh Luân - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, 2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ về giải pháp kỹ thuật, công nghệ trong thiết kế, chế tạo thiết bị định tuyến có tích hợp bảo mật, phù hợp với năng lực kỹ thuật và triển khai trong các hạ tầng mạng của chính phủ điện tử. Thiết kế, chế tạo thành công thiết bị định tuyến để

đa dạng khả năng ứng dụng tại các hạ tầng mạng CNTT&TT của chính phủ điện tử. Phát triển đội ngũ nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực chế tạo thiết bị mạng có chức năng ATTT. Triển khai thử nghiệm thiết bị tại cơ quan quản lý nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử. Đề xuất giải pháp công nghệ nhằm tiến tới chế tạo thiết bị định tuyến đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước, dần thay thế các sản phẩm nhập ngoại.

Số hồ sơ lưu: 19453

81551.06-2022 **Giải pháp cải thiện thứ hạng Việt Nam trên bảng xếp hạng thế giới trong khu vực thông tin và truyền thông**/ ThS. Nguyễn Tuấn Linh , ThS. Đỗ Tiến Thăng; ThS. Nguyễn Hồng Mai; ThS. Hoàng Mai Anh ; KS. Kiều Ngọc Công - Hà Nội- Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông, 2020 - 01/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất các chỉ số có trọng số lớn, khả thi trong việc tập trung tăng điểm số. Đề xuất các nhiệm vụ cần triển khai nhằm tăng điểm số các chỉ số, các nhóm chỉ số. Hỗ trợ đo lường, so sánh sự phát triển CNTT&TT của các quốc gia thành viên, hướng tới một xã hội thông tin toàn cầu; Được sử dụng là một trong những nguồn dữ liệu đầu vào quan trọng cho các báo cáo đánh giá xếp hạng về môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh của các quốc gia trên toàn cầu.

Số hồ sơ lưu: 19457

20205. Viễn thông

81348.06-2022 **Lưu trữ và phân phối trong mạng 5G siêu dày đặc: Mô hình, phân tích và tối ưu**/ TS. Võ Nguyên Sơn , TS. Hà Đắc Bình; TS. Nguyễn Quang Sang; TS. Dương Quang Trung; TS. Phan Văn Ca; ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền; ThS. Trương Tiến Vũ ; KS. Nguyễn Minh Nghĩa - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Duy Tân , 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, đề xuất một mô hình lưu trữ và phân phối video hợp tác trong mạng 5G siêu dày đặc (UDN - Ultra-Dense Networks) dưới dạng đa tầng và đa tế bào. Tiến hành kiểm chứng mô hình đề xuất thông qua 02 bài toán tối ưu (01 cho lưu trữ và 01 cho phân phối) theo dung lượng hệ thống các tiêu chí đánh giá hiệu quả hệ thống.theo chất lượng trải nghiệm (QoE - Quality of Experience), các đặc tính cư xử và mối quan hệ xã hội của người dùng (MU - Mobile User), và hiệu suất tài nguyên. Đồng thời phân tích và giải các bài toán tối ưu trong các mạng kích thước lớn và siêu dày đặc để tìm ra giải pháp thiết kế tối ưu với độ phức tạp về dung lượng xử lý và thời gian xử lý thấp. Từ đó, kiểm chứng mô hình lưu trữ và phân phối và đánh giá hiệu quả của mô hình được đề xuất trong mối quan hệ so sánh với các giải pháp liên quan.

Số hồ sơ lưu: 19382

81549.06-2022 **Nghiên cứu đề xuất lộ trình và chính sách triển khai 5G tại Việt Nam**/ ThS. Đặng Thị Hoa, ThS. Đồng Hoàng Vũ;

PGS. TS. Trần Minh Tuấn; PGS. TS. Vũ Phi Tuyến; ThS. Hoàng Việt Huy; ThS. Nguyễn Gia Bắc; ThS. Đào Thị Lan Anh; KS. Lê Ngọc Hà; ThS. Nguyễn Thu Hằng; ThS. Đinh Hải Đăng; TS. Nguyễn Văn Yên; ThS. Nguyễn Phi Hùng; TS. Lê Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Đức; ThS. Đặng Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Tuấn Linh; TS. Nguyễn Thành Lê; ThS. Vũ Phúc Yên; TS. Lê Bá Tân; KS. Hồ Tấn Quang; TS. Trần Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Đỗ Tiến Thăng; ThS. Dương Khánh Dương; ThS. Lê Đức Hùng; ThS. Trần Tuyết Anh; KS. Trần Như Hiền; KS. Lưu Thị Thu Lan; KS. Phạm Văn Thắng; KS. Trương Quang Thiệu; KS. Triệu Huyền Phương; KS. Hồ Quang Trường; ThS. Lê Doãn Huyền; KS. Trần Anh Vũ; KS. Nguyễn Ngọc Quế; ThS. Nguyễn Đức Mạnh; ThS. Mai Thị Thanh Bình; ThS. Kiều Ngọc Công; KS. Ngô Văn Thành; ThS. Nguyễn Công Minh; ThS. Lê Vĩnh Hưng; CN. Lê Thị Thanh Bình; CN. Nguyễn Thị Bích Hạnh - Hà Nội- Viện Chiến lược thông tin và truyền thông, 2021 - 02/2020 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá và phân tích sự cần thiết của việc triển khai công nghệ 5G. Đánh giá và phân tích tính sẵn sàng về năng lực công nghệ, thị trường, doanh nghiệp và nhu cầu đối với các dịch vụ 5G tại Việt Nam. Đánh giá cơ hội, tiềm năng, khó khăn và thách thức trong triển khai công nghệ 5G tại Việt Nam. Đánh giá tác động của công nghệ 5G đến sự phát triển của các ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp và đời sống của người dân. Phân tích những yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước và đóng góp của 5G đối với việc nâng cao năng suất, hiệu quả quản lý điều hành, thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu kinh nghiệm triển khai công nghệ 5G tại một số quốc gia và bài học áp dụng cho Việt Nam. Đề xuất lộ trình, chính sách triển khai công nghệ 5G ở Việt Nam, làm cơ sở để Bộ TT&TT xây dựng, ban hành (hoặc kiến nghị Chính phủ ban hành) các chính sách quản lý nhà nước có liên quan

Số hồ sơ lưu: 19461

20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác

72728.06-2022 **Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng mô hình hỗ trợ công tác dự báo lũ trên sông và cảnh báo ngập lụt lưu vực sông Tích - sông Bùi**/ ThS. Nguyễn Tiến Cường, ThS. Nguyễn Tiến Cường; PGS.TS. Hoàng Văn Lai; PGS.TS. Trần Thu Hà; ThS. Nguyễn Hồng Phong; KS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Dương Thị Thanh Hương; ThS. Lê Thu Hoài; KS. Nguyễn Văn Thăng; KS. Nguyễn Văn Tùng; TS. Nguyễn Chính Kiên - Hà Nội- Viện Cơ học, 2018 - 07/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng công nghệ bao gồm: giải pháp, qui trình, phần mềm kết nối các mô hình thủy văn, thủy lực, các mô hình học máy thống kê tiên tiến cho phép dự báo lũ trên các sông Tích - sông Bùi và cảnh báo ngập lụt

trên lưu vực các sông này phục vụ công tác phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai cho khu vực phía Tây Nam thành phố Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-12/ĐK-TTTT&TK

20302. Chế tạo máy nói chung

81512.06-2022 **Nghiên cứu công nghệ và thiết kế chế tạo dây chuyền pilot sản xuất nhựa polyeste không no (PEKN) chịu bức xạ UV và bền thời tiết, ứng dụng trong sản xuất đá nhân tạo gốc thạch anh**/ TS. Hồ Xuân Năng, TS. Phạm Anh Tuấn; GS.TSKH. Trần Vĩnh Diệu; PGS.TS. Phan Thị Minh Ngọc; ThS. Hà Thu Hường; KS. Bùi Thị Oanh; ThS. Hà Thị Hà; KS. Phan Thị Thủy; ThS. Đồng Quang Thức; KS. Cao Hoàng Long - Hà Nội- Công ty cổ phần tập đoàn Phượng Hoàng Xanh A&A, 2021 - - . (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về công nghệ sản xuất nhựa PEKN chịu bức xạ UV và bền thời tiết, nhu cầu thị trường, tình hình cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, giá thành và các vấn đề tồn tại cần giải quyết. Đánh giá, xác định các thông số kỹ thuật của nhựa PEKN để xây dựng quy trình tổng hợp nhựa PEKN chịu bức xạ UV và bền thời tiết. Triển khai nghiên cứu trong phòng thí nghiệm để xác định công nghệ. Thiết kế, chế tạo, lắp đặt dây chuyền pilot sản xuất nhựa PEKN công suất 1000 kg/mẻ. Triển khai sản xuất thử nghiệm, đánh giá tính hoàn thiện của công nghệ, sản phẩm PEKN, hoàn thiện để chuyển giao vào sản xuất hàng loạt.

Số hồ sơ lưu: 19425

81723.06-2022 **Hỗ trợ thương mại hóa công nghệ chế tạo một số thiết bị chuyên dụng chữa cháy rừng thương hiệu Việt Nam**/ PGS.TS. Vũ Khắc Bẩy, PGS.TS. Dương Văn Tài; PGS.TS. Nguyễn Thanh Quang; ThS. Nguyễn Văn Trưng; ThS. Đặng Ngọc Khải; KS. Dương Văn Giỏi; ThS. Trần Minh Vương; TS. Hoàng Sơn; TS. Trần Văn Tưởng; KS. Lê Mạnh Tuấn - Hà Nội- Công ty cổ phần thiết bị chuyên dùng Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra khảo sát nhu cầu của thị trường về các thiết bị chuyên dụng chữa cháy rừng, những điểm tồn tại của các thiết bị chữa cháy rừng hiện đang sử dụng. Hoàn thiện thiết kế một số thiết bị chuyên dụng chữa cháy rừng thương hiệu Việt Nam bao gồm: hoàn thiện về kết cấu, kiểu dáng công nghiệp, độ bền chi tiết, vật liệu chế tạo. Chuẩn hóa quy trình chế tạo một số thiết bị chuyên dụng chữa cháy rừng thương hiệu Việt Nam qui mô công nghiệp đạt TCVN, cho năng xuất, chất lượng cao, hạ giá thành sản phẩm. Hoàn thiện dây chuyền thiết bị chế tạo, lắp ráp, kiểm tra một số thiết bị chuyên dụng chữa cháy rừng thương hiệu Việt Nam qui mô công nghiệp đạt năng xuất, chất lượng cao, hạ giá thành. Sản xuất, chế tạo một số thiết bị chuyên dụng chữa cháy rừng thương hiệu Việt Nam. Xây dựng phương án thương mại hóa quy trình chế tạo một số thiết bị chuyên dụng chữa cháy rừng thương hiệu Việt Nam. Chuyển giao quy trình công nghệ chế tạo một số

thiết bị chuyên dụng chữa cháy rừng thương hiệu Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 19504

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

81539.06-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp cho ốc hương từ nguồn nguyên liệu sẵn có ở Việt Nam**/ ThS. Trần Thị Thu Hiền, ThS. Hoàng Văn Duật; KS. Bùi Thị Thùy Nhung; ThS. Ngô Minh Khang; KS. Nguyễn Đức Tú; ThS. Nguyễn Thế Dương; ThS. Lê Công Ánh Sáng; TS. Nguyễn Chí Thuận; Trần Thị Tuyết; Ngô Văn Minh; Hoàng Diện - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2019 - 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng qui trình công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi ốc hương giống và ốc hương thương phẩm từ một số loại nguyên liệu sẵn có ở Việt Nam sử dụng enzyme tiêu hóa . Lần đầu tiên, tại Việt Nam có công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp cho ốc hương, thay thế thức ăn tươi truyền thống, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, dịch bệnh. Công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp cho ốc hương thành công , giúp nghề nuôi ốc hương chuyển đổi từ nuôi quảng canh truyền thống , sử dụng thức ăn tươi sang nuôi thâm canh sử dụng thức ăn công nghiệp , giảm thiểu rủi ro do ô nhiễm môi trường và dịch bệnh, nâng cao năng suất, hiệu quả, bền vững. Đề tài thành công, đã khẳng định công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp từ nguồn nguyên liệu sẵn có tại Việt Nam, giúp cho nghề nuôi ốc hương phát triển theo hướng công nghiệp, hiện đại.

Số hồ sơ lưu: 19446

20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ôtô và giao thông

81165.06-2022 **Nghiên cứu chế tạo piston ô tô bằng hợp kim nhôm đúc có độ bền cao, giá thành thấp phục vụ nội địa hóa sản phẩm**/ ThS. Nguyễn Danh Chấn, ThS. Nguyễn Văn Hoàng; TS. Nguyễn Dương Nam; PGS. TS. Nguyễn Thanh Phương; TS. Nguyễn Văn Giao; ThS. Lưu Hồng Quân; ThS. Nguyễn Tuấn Hải; ThS. Dương Minh Thái; ThS.Lê Đức Cảnh; ThS. Đoàn Trung Việt; ThS. Thái Bá Đức - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu và phân tích tổng quan và các giải pháp công nghệ về hợp kim nhôm và các ứng dụng của hợp kim nhôm trong ngành sản xuất ô tô; Tính toán, thiết kế quy trình đúc và chế tạo piston bằng hợp kim nhôm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đối với piston sử dụng trên ô tô; Xây dựng quy trình xử lý nhiệt hợp kim nhôm đúc nhằm nâng cao các tinhc chất cơ tính của piston; Xây dựng và khảo sát các thử nghiệm về cơ tính và tổ chức tế vi của các mẫu sản phẩm piston hợp kim nhôm sau đúc nhằm đánh giá độ tin cậy và các thông số kỹ thuật của piston.

Số hồ sơ lưu: 19344

20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thuỷ

81022.06-2022 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống mô phỏng hợp luyện cabin lái tàu phục vụ đào tạo và huấn luyện/** PGS.TS. Trần Anh Dũng, ThS. Nguyễn Thanh Vân; PGS.TS. Đinh Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Hữu Quyền; ThS. Đào Quang Khanh; ThS. Lục Thị Thu Hương; ThS. Đặng Đình Phúc; KS. Nguyễn Thị Kim Oanh; KS. Đỗ Thị Chang; KS. Phạm Minh Thảo - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2021 - 02/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý thuyết về mô phỏng lái tàu, mô hình tàu có thể áp dụng cho hệ thống mô phỏng lái tàu, trong đó sử dụng mô hình phi tuyến với các yếu tố bất định trong mô hình để nâng cao tính xác thực khi mô phỏng chuyển động con tàu. Xây dựng chương trình phần mềm cho hệ thống mô phỏng lái tàu. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống mô phỏng lái tàu áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại. Thử nghiệm hệ thống mô phỏng lái tàu đáp ứng yêu cầu thực tế. Đề xuất giải pháp nghiên cứu chế tạo hệ thống mô phỏng cabin lái tàu áp dụng công nghệ hiện đại chế tạo trong nước phục vụ đào tạo và huấn luyện, làm chủ công nghệ, xây dựng đúng như địa hình địa vật thực tế trong nước, giao diện sử dụng sát với yêu cầu và tùy biến với một con tàu cụ thể.

Số hồ sơ lưu: 19285

81639.06-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo robot song song sáu bậc tự do tạo dao động sóng biển phục vụ đào tạo và huấn luyện hàng hải/** TS. Phạm Văn Triệu, ThS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Trần Ngọc Tú; ThS. Vũ Văn Hiệu; ThS. Nguyễn Văn Ngọc; ThS. Đinh Vương Quý; ThS. Bùi Quang Thuật; ThS. Trần Đức Duy; ThS. Vũ Đức Năng; ThS. Quản Thị Minh Hiền - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế, chế tạo Robot song song sáu bậc tự do tạo dao động sóng biển đã giải quyết được vấn đề tào tạo và huấn luyện cho sinh viên ngành đi biển với việc thử sóng tại phòng tạo sóng thay cho việc phải lên tàu. Thử nghiệm các thiết bị khác dưới điều kiện chịu tác động sóng biển. Tạo môi trường sóng giả lập phục vụ mô phỏng đối với các thiết bị được trang bị trên tàu. Mở rộng ứng dụng trong các lĩnh vực khác sử dụng Robot song song sáu bậc tự do. Tăng khả năng làm chủ công nghệ, hỗ trợ các nghiên cứu liên quan đặc biệt trong lĩnh vực tự động hóa và hàng hải.

Số hồ sơ lưu: 19486

82084.06-2022 **Nghiên cứu ứng dụng IoT xây dựng thí điểm hệ thống quản lý sử dụng năng lượng trên tàu thuỷ để nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trên tàu/** PGS.TS. Trần Hồng Hà, TS. Lê Đăng Khánh; ThS. Nguyễn Kim Anh; ThS. Trần Thị Lan; TS. Vương Đức Phúc; ThS. Đỗ Thị Hiền; TS. Nguyễn Lan Hương; TS. Nguyễn Văn Tiến - Hà Nội- Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá mức độ sử dụng năng lượng của các hệ thống kỹ thuật trên tàu thủy. Xây dựng hệ thống đo lường và thu thập dữ liệu sử dụng năng lượng trên tàu thủy. Thiết kế chế tạo hệ thống quản lý và giám sát sử dụng năng lượng trên tàu thủy sử dụng công nghệ Iot. Thử nghiệm hệ thống đo và giám sát năng lượng. Đánh giá hiệu quả sử dụng hệ thống và xây dựng qui trình vận hành hệ thống giám sát và quản lý năng lượng.

Số hồ sơ lưu: 19108

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng

81557.06-2022 **Nghiên cứu tiếp cận phương pháp mô phỏng theo ngăn trộn (Compartmental Model – CM) trên mô hình bể chứa cơ bản không phản ứng hóa học"**/ CN. Trần Trọng Hiệu, CN. Lê Văn Sơn; KS. Nguyễn Hữu Quang; KS. Nguyễn Ngọc Nhật Anh; CN. Huỳnh Thị Thu Hương; CN. Lại Viết Hải; KTV. Trần Minh Tiến; CN. Dương Thị Bích Chi - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Việc hiểu rõ đặc trưng dòng chảy trong hệ thống bao gồm vùng chảy trực tiếp từ đầu vào tới đầu ra, vùng hòa trộn và vùng lưu chuyển chậm cùng với các thông số như vận tốc trung bình, thời gian lưu trung bình và thể tích của từng vùng có ý nghĩa quan trọng giúp kiểm soát hiệu suất làm việc của hệ thống. Hai phương pháp truyền thống được áp dụng để mô tả dòng chảy của hệ thống kín là: phương pháp tính toán động học dòng chảy (CFD) dựa trên việc giải các phương trình Navier - Stokes bằng phương pháp số cung cấp thông tin chi tiết về hệ thóng dòng chảy nhưng thường đòi hỏi thời gian tính toán lớn và phương pháp phân tích phân bố thời gian (RTD) dựa trên đường cong đánh dấu thực nghiệm có ưu điểm đơn gian trong tính toán nhưng không định xứ được các vùng chảy đặc trưng của hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 19463

81563.06-2022 **Nghiên cứu tối ưu hóa đáp ứng năng lượng của thiết bị đo liều nơtron sử dụng đầu dò 3-He**/ ThS. Mai Văn Diện, ThS. Vũ Văn Tiến; KS. Nguyễn Đức Tuấn; ThS. Vũ Trung Tân; ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh - Hà Nội- Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Các tính toán mô phỏng Monte Carlo thực hiện để tối ưu hóa cấu hình của thiết bị đo. Dựa trên các kết quả thu được, một cấu hình đầu dò thử nghiệm đã được chế tạo và sử dụng cho việc đo đạc suất tương đương liều nơtron môi trường * H (10) trong dải năng lượng từ 0,025 eV tới 15 MeV. Hệ đo bao gồm một khối đầu dò với cấu trúc làm chậm đa lớp và hệ điện tử xử lý tín hiệu đi kèm. Khả năng đo đạc suất tương đương liều nơtron môi trường của thiết bị đo được kiểm chứng tại phòng chuẩn liều cấp II của Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân. Các kết quả mô phỏng và khảo sát cho thấy thiết bị có độ nhạy cao (2,84 cps/µSv.h-1) và khả năng thực thi

tốt trong các trường nơtron thực tế. Thiết bị được chế tạo có đặc trưng về đáp ứng liều tương đối và đáp ứng góc thỏa mãn các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế IEC 61005-2014 dành cho các thiết bị đo liều nơtron

Số hồ sơ lưu: 19471

81900.06-2022 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo bộ nghịch lưu đa mức (Inverter) sử dụng trong hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất đến 15kW**/ TS. Vũ Hoàng Phương, TS. Nguyễn Mạnh Linh; TS. Nguyễn Kiên Trung; ThS. Trần Thị Kim Bích; ThS. Nguyễn Danh Huy; ThS. Hoàng Kim Nga; TS. Nguyễn Tùng Lâm; PGS.TS. Nguyễn Văn Liễn; ThS. Hoàng Thành Nam; ThS. Nguyễn Đình Ngọc; KS. Trần Văn Phương; ThS. Nguyễn Khắc Hiếu; ThS. Trịnh Công Đồng; TS. Phạm Quang Đăng; ThS. Diệp Thanh Thắng; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Trung; ThS. Bùi Đăng Quang; ThS. Đỗ Tuấn Anh - Hà Nội- Viện Điện, 2021 - 07/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát, tìm hiểu và đánh giá tiềm năng về năng lượng mặt trời ở nước ta hiện nay. Dựa trên cơ sở tổng quan về tình hình nghiên cứu khoa học trong nước và ngoài nước, nhóm đề xuất được cấu hình cho hệ thống biến đổi năng lượng mặt trời. Hệ thống năng lượng mặt trời được thử nghiệm trong thực tế với nguồn năng lượng mặt trời là các tấm pin được lắp đặt ở Viện Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá - Trường Đại học Bách khoa Hà Nộitrong chế độ hoà lưới và dàn acquy cho chế độ làm việc độc lập. Các kết quả thực nghiệm cho thấy hệ thống có khả năng làm việc ổn định ở cả 2 chế độ hoà lưới và độc lập đạt yêu cầu trong thuyết minh. Hệ thống hiển thị, giám sát hoạt động tốt với giao diện LCD hiển thị ở chế độ local, đồng thời dữ liệu được đưa lên web/ server hiển thị trên màn hình và trên thiết bị di động.

Số hồ sơ lưu: 19555

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

80999.06-2022 **Xây dựng hệ chương trình mô phỏng hoạt động của Lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu Đà Lạt**/ TS. Hồ Mạnh Dũng, CN. Cao Thanh Long; KS. Trương Hoàng Tuấn; CN. Huỳnh Đông Phương; ThS. Nguyễn Kiên Cường; ThS. Nguyễn Hoàng Nhật Khang; CN. Lê Vĩnh Vinh; ThS. Huỳnh Tôn Nghiêm; KS. Trịnh Đình Hải - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về cấu trúc Lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu Đà Lạt (LPUĐL), các hệ thống chính và các giới hạn an toàn, điều kiện vận hành cũng như thiết kế của hệ thống đo lường, điều khiển và bảo vệ lò phản ứng. Cơ sở lý thuyết xây dựng hệ chương trình DalatSim và trình bày chi tiết về phương pháp nghiên cứu xây dựng hệ chương trình DalatSim. Trình bày kết quả kiểm chứng hệ chương trình DalatSim và đề xuất tiếp tục phát triển hệ chương trình mô phỏng trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 19274

81372.06-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ kiểm soát thông lượng neutron thuộc hệ điều khiển lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt**/ ThS. Võ Văn Tài, ThS. Lê Văn Diệp; KS. Trịnh Đình Hải; CN. Phan Quốc Minh; KS. Phan La Sơn; KS. Nguyễn Huy Bách; TS. Nguyễn Văn Kiên - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2020 - 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tiến hành nghiên cứu tổng quan và xây dựng thuyết minh chi tiết. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng và tối ưu hóa thuật toán và phần mềm. Khảo sát, đánh giá khối kiểm soát thông lượng nơtron của hệ điều khiển lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt. Thiết kế, chế tạo khối kiểm soát thông lượng nơtron dựa trên kỹ thuật số và cho thử nghiệm khối NFME đã được chế tạo tại phòng thí nghiệm và trên lò phản ứng.

Số hồ sơ lưu: 19385

81859.06-2022 **Nghiên cứu sử dụng nhiên liệu hiệu quả, kinh tế và nâng cao khả năng sản xuất đồng vị phóng xạ trên Lò Phản ứng hạt nhân Đà Lạt**/ ThS. Nguyễn Kiên Cường, ThS. Huỳnh Tôn Nghiêm; ThS. Phạm Quang Huy; ThS. Võ Đoàn Hải Đăng; ThS. Trần Quốc Dưỡng; CN. Bùi Văn Cường; ThS. Bùi Phương Nam; ThS. Lương Bá Viên; CN. Nguyễn Minh Tuân; CN. Nguyễn Tiến Vũ - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tính toán lý thuyết, tiến hành thực nghiệm và thực hiện chạy Lò thử nghiệm để đánh giá hiệu quả nâng cao sản xuất đồng vị phóng xạ khi tăng thêm khả năng nạp tải các container chiếu mẫu mới từ 9 container lên đến 15 container chiếu mẫu trong vùng hoạt đã được thực hiện. Sản lượng I-131 sản xuất qua các đợt chạy dài ngày từ 130 giờ đến 150 giờ liên tục chỉ khoảng 37 đến 39 Ci với 9 container bia chiếu mẫu trong vùng hoạt tại bẫy neutron. Tính toán lý thuyết thiết kế container chì lấy mẫu đảm bảo an toàn và tiện lợi trong quá trình lấy mẫu đã chiếu xạ thông qua việc kết hợp sử dụng chương trình tính toán ORIGEN2.1 để xác định hoạt độ vật liệu nhôm 6061 của container và bia TeO2 sau thời gian được chiếu xạ neutron. Xây dựng chương trình thay đảo nhiên liệu kết hợp thuật toán tối ưu với tính toán toàn Lò bằng chương trình giải phương trình khuếch tán 2 chiều sử dụng hình học lưới tam giác. Các tính toán thử nghiệm tối ưu mang tính định hướng và có kết hợp tính toán bằng chương trình MCNP6 để thẩm định. Hai phương án thay đảo nhiên liệu cho Lò Đà Lạt được đề xuất thông qua tính toán dự báo về cháy nhiên liệu, tính toán chi tiết các cấu hình vùng hoạt nạp tải nhiên liệu cùng với các thông số đặc trưng về Vật Lý, Thủy nhiệt và Phân tích an toàn.

Số hồ sơ lưu: 19543

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

81679.06-2022 **Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ khí sinh học tiên tiến phát điện và sử dụng bùn thải sau khi lên men yếm khí để sản xuất phân bón hữu**

cơ phát triển nông nghiệp sạch tại Đắk Lắk/ PGS.TS. Đỗ Văn Mạnh, TS. Nguyễn Tuấn Minh; TS. Đỗ Tuấn Anh; ThS. Lê Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Viết Thoàn; CN. Nguyễn Thị Linh; ThS. Lê Xuân Thanh Thảo; TS. Lương Hữu Thành; ThS. Tôn Nữ Thị Phương Vi; ThS. Trương Thị Hòa; TS. Bùi Quang Minh; TS. Vũ Thúy Nga; ThS. Hứa Thị Sơn; ThS. Cao Hương Giang; ThS. Hà Thị Thúy - Hà Nội- Viện Công nghệ môi trường, 2021 - 07/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng công nghệ xử lý chất thải để sản xuất khí sinh học và phân bón phục vụ phát triển nông nghiệp. Xây dựng các mô hình sản xuất điện trên cơ sở khí sinh học và sử dụng bùn thải sau khi lên men yếm khí để sản xuất phân bón phù hợp với điều kiện của tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh Tây Nguyên. Đào tạo và chuyển giao công nghệ, nhân rộng mô hình đối với các nhà máy, khu công nghiệp trên toàn quốc giúp tạo ra sự phát triển bền vững, thân thiện với môi trường trong bối cảnh ô nhiễm toàn cầu đang ở mức báo động.

Số hồ sơ lưu: 19489

20403. Kỹ thuật hoá dược

81505.06-2022 **Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá hoạt tính gây độc tế bào ung thư của các dẫn xuất mới của plinabulin**/ PGS.TS. Phạm Thế Chính, PGS.TS. Phạm Thị Thắm; PGS.TS. Dương Nghĩa Bang; TS. Vũ Đức Cường; TS. Nguyễn Hà Thanh; TS. Khiếu Thị Tâm; TS. Lê Thị Tú Anh - Thái Nguyên - Trường Đại học khoa học, 2021 - 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế, tổng hợp các dẫn chất mới của plinabulin và đánh giá hoạt tính gây độc tế bào ung thư của các chất tổng hợp được nhằm phát hiện các hợp chất mới có hoạt tính chống ung thư tiềm năng. Tổng hợp các hợp chất plinabulin có chứa các vòng thơm và dị vòng khác nhau. Tổng hợp các hợp chất plinabulin thay thế nhóm imidazole. Thử hoạt tính gây độc tế bào ung thư của các hợp chất tổng hợp được.

Số hồ sơ lưu: 19428

20404. Kỹ thuật hoá vô cơ

81891.06-2022 **Nghiên cứu sản xuất một số chất màu vô cơ chịu nhiệt dùng cho công nghiệp gốm sứ, màng phủ chịu nhiệt từ các khoáng vô cơ sẵn có trong nước**/ PGS.TS. La Thế Vinh, TS. Vũ Thị Tần; TS. Nguyễn Nguyên Ngọc; TS. Nguyễn Quang Bắc; PGS. TS. Lê Xuân Thành; TS. Bùi Thị Vân Anh; TS. Vũ Minh Khôi; ThS. Huỳnh Thu Sương; ThS. Quách Thị Phượng; KS. Nguyễn Thế Dương; KS. La Xuân Quang; TS. Phạm Ngọc Chức; ThS. Đoàn Trung Dũng - Hà Nội- Viện Kỹ thuật Hóa học, 2021 - 06/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đánh giá tình hình sản xuất, nhu cầu sử dụng các chất màu vô cơ chịu nhiệt ở trong và ngoài nước. Nghiên cứu tách các nguyên tố Ti, Al, Si, Mn, Sb, Cr từ các khoáng Ilmenit, Cao lanh,

Pyroluzit, Antimon, Cromit ở Việt Nam. Nghiên cứu loại bỏ sắt và các tạp chất khỏi dung dịch sau hòa tách, đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu cho tổng hợp bột màu vô cơ chịu nhiệt. Nghiên cứu quá trình kết tinh, kết tủa các hợp chất của Ti, Al, Mn, Sb, Cr từ các dung dịch sau làm sạch. Nghiên cứu tổng hợp 5 loại chất màu vô cơ chịu nhiệt hệ spinel: đen, xanh coban, tím, vàng chanh, vàng nghệ. Tính toán thiết kế hệ thống thiết bị chế biến khoáng Ilmenit, Cao lanh, Pyroluzit, Antimon, Cromit làm nguyên liệu chính để sản xuất bột màu ở quy mô pilot. Tính toán thiết kế hệ thống thiết bị sản xuất 5 loại bột màu vô cơ chịu nhiệt ở quy mô pilot, công suất tối thiểu 10 kg/mẻ. Nghiên cứu lựa chọn linh phụ kiện và lắp đặt dây chuyền chế biến khoáng Ilmenit, Cao lanh, Pyroluzit, Antimon, Cromit làm nguyên liệu chính để sản xuất bột màu ở quy mô pilot. Sản xuất thử nghiệm 1.500 kg bột màu, kiểm tra các tính chất của sản phẩm, thử nghiệm sản phẩm trong sản xuất gốm sứ và màng phủ chịu nhiệt.

Số hồ sơ lưu: 19549

20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ

81507.06-2022 **Tổng hợp và nghiên cứu nhiệt động lực học quá trình tạo phức dạng "khách- chủ" của cyclodextrin với một số phenolic trong dung môi hỗn hợp nước - hữu cơ**/ TS. Phạm Thị Lan, PGS.TS. Nguyễn Tuấn Dung; TS. Lê Thị Mỹ Hạnh; TS. Vũ Xuân Minh; TS. Nguyễn Thị Ngoan - Hà Nội- Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2021 - 08/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp thành công phức chất phân tử có hoạt tính chống oxi hoá của beta-cyclodextrin và hydroxypropyl-beta-cyclodextrin với axit benzoic và quercetin trong môi trường nước-hữu cơ có độ bền cao và độ tan tốt. Tối ưu hoá quá trình tạo phức và xác định cơ chế phản ứng giữa các hợp chất cyclodextrin với với axit benzoic và quercetin trong môi trường nước-hữu cơ.

Số hồ sơ lưu: 19427

20501. Kỹ thuật nhiệt trong luyện kim

81705.06-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế và công nghệ chế tạo lò hơi quá nhiệt đốt lớp sôi công suất 25-35 tấn/h**/ KS. Nguyễn Tiến Nga, KS. Nguyễn Thành Nghĩa; KS. Nguyễn Thường Phúc; KS. Hồ Minh Châu; KS. Nguyễn Quyết Thắng; TS. Trương Minh Thắng; ThS. Nguyễn Đức Quyền; ThS. Đàm Thị Lan; KS. Nguyễn Đức Mạnh; KS. Lê Thành Anh; KS. Đào Đình Anh; KS. Huỳnh Minh Sang; KS. Lê Thanh Hải; KS. Mai Văn Chính; KS. Nguyễn Vĩnh Trường; KS. Trần Thế Thanh; KS. Mai Văn Hội; ThS. Hoàng Đức Trung - Long An - Công ty TNHH Bách Khoa Á Châu, 2019 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế, chế tạo và đưa vào sử dụng 02 mẫu lò hơi lớp sôi công suất 25-35 tấn/h có quá nhiệt, đốt than và đốt trấu. Các lò hơi mẫu đạt được các chỉ tiêu kỹ thuật về công suất 25-35 tấn/giờ, môi trường và đáp ứng

các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật hiên hành. Hiêu suất lò hơi đạt tối thiểu 85%, tương đương với các lò hơi lớp sôi (FB) nhập khẩu từ Ấn Độ và các nhà máy hạng A của Trung Quốc. Mức độ tự động hoá và cơ giới hoá của hệ thống lò hơi và các thiết bị phụ trợ không thấp hơn các lò hơi nhập khẩu. Giá thành chế tạo và lắp đặt đồng bộ lò hơi phải thấp hơn giá thành lò hơi cùng loại nhập khẩu ít nhất 20%.

Số hồ sơ lưu: 19501

20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim

74250.06-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất da nhân tạo từ da thuộc phế liệu.**/ TS. Đoàn Anh Vũ, TS. Đoàn Anh Vũ; TS. Vũ Mạnh Hải; PGS.TS. Bùi Văn Huấn; ThS. Lê Khánh Trang; ThS. Nguyễn Thị Kim Thu; TS. Nguyễn Phạm Duy Linh; ThS. Lê Thúy Hằng; KS. Đỗ Quốc Việt. - Hà Nội- Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2019 - 04/2014 - 03/2016. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Nghiên cứu thực nghiệm xây dựng quy trình sơ chế phế liệu da thuộc; Nghiên cứu thực nghiệm xây dựng quy trình công nghệ sản xuất da nhân tạo không tráng phủ và có tráng phủ; Thử nghiệm chế tạo vật liệu da nhân tạo và ứng dụng để làm đế trong và cặp sách; Xây dựng luận chứng kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-21/ĐK-TTTT&TK

81062.06-2022 **Nghiên cứu khả năng sử dụng chùm electron tạo ra vật liệu zeolite zsm-5 có đặc tính xử lý chất thải nguy hại và ứng dụng trong xúc tác công nghiệp**/ ThS. Lưu Anh Tuyên, PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng; TS. Lê Phúc Nguyên; ThS. Phan Trọng Phúc; ThS. La Lý Nguyên; CN. Nguyễn Thị Ngọc Huệ; TS. Đinh Văn Phúc; CN. Đào Văn Hoàng; ThS. Lỗ Thái Sơn; ThS. Cao Văn Chung; CN. Nguyễn Hoàng Long; CN. Phạm Thị Huệ; CN. Phạm Công Thành - TP. Hồ Chí Minh - Trung Tâm Hạt Nhân TP. HCM, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tình hình nghiên cứu, ứng dụng zeolite trong nước và trên thế giới. Áp dụng các phương pháp mô phỏng, tính toán vật lý và thực nghiệm nghiên cứu zeolite zsm-5 chiếu xạ. Tổng hợp khoảng 1000 gram vật liệu zeolite ZSM-5 có tỉ lệ Si/Al thay đổi từ 20 đến 80. Tính toán, mô phỏng, thiết kế và chế tạo thành công bộ hộp chứa mẫu và hãm năng lượng đồng thời (EDSCholder). Đề xuất và phát triển một mô hình vật lý hủy positron-electron có khả năng kết nối tốt quá trình tính toán bán kính lỗ xốp kích thước nano mét cho hai vùng lượng tử và bán cổ điển.

Số hồ sơ lưu: 19294

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học

81529.06-2022 **Nghiên cứu phối hợp trở kháng, hệ số phản xạ và mô phỏng hệ cộng hưởng RF của máy gia tốc KOTRON13**/ ThS. Nguyễn Tuấn Anh, CN. Phạm Minh Đức; CN. Nguyễn Xuân Trường -

Hà Nội- Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan về khối phát công suất RF trong máy gia tốc KOTRON13 và máy network analyzer. Thiết lập, cài đặt và hiệu chuẩn máy Network Analyzer N9912A cho phù hợp với máy KOTRON13. Khảo sát sự phụ thuộc của trở kháng vào sự thay đổi của RF fine tuner trong máy gia tốc KOTRON13. Khảo sát hệ số phản xạ phụ thuộc vào tần số RF lối vào của buồng cộng hưởng trong máy gia tốc KOTRON13. Mô phỏng phân bố điện trường và đánh giá điện thế gia tốc tại khe trong máy gia tốc KOTRON13 bằng chương trình CST MWS.

Số hồ sơ lưu: 19443

20602. Kỹ thuật phân tích mẫu bệnh phẩm

81461.06-2022 **Nghiên cứu thu nhận và xác định đặc tính cơ bản của chất nhạy quang từ vi tảo Spirulina định hướng ứng dụng cho phương pháp điều trị PDT**/ ThS. Bùi Thị Thanh Phương, ThS.TS. Phạm Hương Sơn; ThS. Nguyễn Thị Lài; KS. Nguyễn Thị Bình; ThS. Trần Thị Hồng Minh; TS. Nguyễn Xuân Nhiệm; TS. Bùi Hữu Tài; ThS. Trần Quang Thịnh; KS. Lê Thị Khánh Vân; KS. Nguyễn Tùng - Hà Nội- Viện Ứng dụng công nghệ, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, tảo Spirulina là một loại thực phẩm sạch bảo vệ sức khỏe tốt nhất của loài người. Nó có tác dụng chống suy dinh dưỡng, ức chế sự phát triển của virut, làm tăng hệ miễn dịch, ngăn ngừa bệnh thiếu máu và hỗ trợ giảm nguy cơ ung thư. Chính vì vậy nghiên cứu nhiệm vụ: "Nghiên cứu thu nhận và xác định đặc tính cơ bản của chất nhạy quang từ vi tảo Spirulina định hướng ứng dụng cho phương pháp điều trị PDT" với mục đích tạo ra dạng sản phẩm mẫu chất nhạy quang có thể ứng dụng trong phương pháp điều trị ung thư PDT.

Số hồ sơ lưu: 19411

20603. Kỹ thuật phân tích mẫu thuốc

81494.06-2022 **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính kháng viêm, chống viêm khớp của một số loài thuộc chi Archidendron và Uraria (Fabaceae) ở Việt Nam**/ TS. Nguyễn Thanh Tâm, TS. Nguyễn Thanh Tâm; PGS.TS. Trịnh Thị Thủy; ThS. Đào Đức Thiện; ThS. Trần Đức Đại - Hà Nội- Viện Hóa Học, 2021 - 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu hái mẫu thực vật ở các vùng sinh thái và thời điểm thu hái khác nhau. Xác định chính xác tên khoa học của các mẫu. Xây dựng tiêu bản; Tạo các dịch chiết trong các dung môi khác nhau; Thử hoạt tính kháng viêm. gây độc tế bào của các dịch chiết thu được; Phân lập và làm sạch các thành phần hóa học chính từ các dịch chiết; Xác định cấu trúc của các chất sạch phân lập được; Thử hoạt tính kháng viêm qua tác dụng ức chế sản sinh NO và gây độc tế bào ung thư của một số chất sạch

phân lập được. Tổng hợp kết quả nghiên cứu, viết bài báo, hoàn thiện báo cáo nghiệm thu đề tài.

Số hồ sơ lưu: 19418

20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh

81676.06-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật PET/CT và sinh học phân tử trong chẩn đoán và điều trị ung thư thực quản**/ GS.TS. Trần Viết Tiến, ThS. Hồ Viết Hoành; TS. Nguyễn Kim Lưu; GS.TS. Nguyễn Văn Ba; TS. Trần Ngọc Dũng; ThS. Dương Thuỳ Linh; GS.TS. Trần Văn Thuấn; PGS.TS. Lê Văn Quảng; TS. Nguyễn Đăng Tôn; TS. Nguyễn Hải Hà; ThS. Bùi Quang Biểu - Hà Nội- Học viện Quân y, 2021 - 11/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình ứng dụng kỹ thuật PET/CT trong chẩn đoán bệnh ung thư thực quản. Xác định các đột biến liên quan đến bệnh ung thư thực quản bằng phương pháp phân tích toàn bộ hệ gen biểu hiện. Xây dựng các quy trình điều trị bệnh nhân ung thư thực quản không có chỉ định phẫu thuật. Tiếp tục ứng dụng kỹ thuật chụp PET/CT trong chẩn đoán đánh giá giai đoạn bệnh, và sử dụng kĩ thuật chụp PET/CT mô phỏng lập kế hoạch xạ trị cho bệnh lý ung thư thực quản cũng như một số bệnh lý ung thư khác.

Số hồ sơ lưu: 19488

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

81403.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí và đề xuất quy trình xác định khu vực cần lập chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ, áp dụng thí điểm cho một khu vực vùng bờ Hải Phòng**/ TS. Lưu Văn Huyền, CN. Vũ Mỹ Linh; KS. Nguyễn Chiến Thắng; ThS. Nguyễn Bá Kiên; CN. Trịnh Thu Phương ; ThS. Lê Minh Quang; TS. Đỗ Hữu Thư; ThS. Hoàng Thị Vân; CN. Nguyễn Như Hải; ThS. Nguyễn Đức Dương - Hà Nội- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2021 - 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu góp phần hoàn thiện sở khoa học và thực tiễn cho công tác xây dựng và thực hiện các chính sách quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ biển Việt Nam trên quan điểm phát triển bền vững. Xây dựng Bộ tiêu chí và đề xuất nội dung, trình tự xác định khu vực vùng bờ phục vụ lập và thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ biển Việt Nam; Áp dụng Bộ tiêu chí và nội dung, trình tự đã đề xuất để xác định khu vực vùng bờ TP Hải Phòng cần lập và thực hiện chương trình quản lý tổng hợp.

Số hồ sơ lưu: 19396

81495.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn lựa chọn kỹ thuật xử lý nước thải phù hợp đối với một số loại hình công nghiệp trên lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy**/ ThS. Nguyễn Thị Lan Hương, ThS. Hồ Thị Trang; ThS. Nguyễn Thượng Hiền; ThS. Trần Thị Lệ Anh; TS. Nguyễn Thị Hồng Liễu; ThS. Nguyễn Thái Quang; KS. Phạm Thị Huyền Trang; ThS. Vũ Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Minh Phương; ThS. Hàn Ngọc Tài; ThS. Nguyễn Đức Thọ; ThS. Đinh Viết Cường; KS.

Nguyễn Thị Liên; CN. Nguyễn Văn Dinh - Hà Nội- Vụ Quản lý chất thải, 2020 - 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung vào xây dựng các hướng dẫn lựa chọn công nghệ và kỹ thuật xử lý nước thải kèm theo hướng dẫn áp dụng các giải pháp quản lý môi trường phù hợp đối với 04 loại hình công nghiệp được cho là có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao trên lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy. Nội dung nghiên cứu bao gồm các nhóm công việc sau: - Nghiên cứu, đánh giá thực trạng công nghệ xử lý nước thải và các công nghệ tiên tiến đang được áp dụng trong nước - Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng công nghệ tiến tiến trong xử lý nước thải tại một số nước trên thế giới. Xây dựng tiêu chí, từ đó tiến hành phân loại, đánh giá và xây dựng các sổ tay hướng dẫn lựa chọn công nghệ xử lý nước thải đối với 04 loại hình công nghiệp nêu trên.

Số hồ sơ lưu: 19424

81709.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ dự báo, cảnh báo dông, mưa lớn cho khu vực Trung Trung Bộ**/ ThS. Nguyễn Tiến Toàn, CN. Bùi Thanh Quỳnh; TS. Công Thanh; CN. Tôn Thị Thảo; KS. Lê Viết Xê; KS. Nguyễn Hải Sơn; ThS. Hoàng Minh Toán; KS. Trần Ngọc Quân; CN. Vũ Tuấn Anh; KS. Nhâm Xuân Sỹ - Đà Nẵng - Đài Khí tượng thủy văn khu vực Trung trung bộ, 2020 - 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Sử dụng sản phẩm của 02 radar thời tiết để xây dựng qui trình cảnh báo, dự báo dông, mưa lớn thời hạn cực ngắn cho khu vực Trung Trung Bộ và mô hình dự báo thời tiết số xây dựng chỉ tiêu dự báo dông hạn 1-2 ngày. Xây dựng dự báo tổ hợp mưa lớn ở Trung Trung Bộ trên cơ sở các dự báo theo các nhiễu tự nuôi (Breeding) trên mô hình RAMS và sản phẩm dự báo độ phân giải cao của mô hình thứ hai (WRF) với các bộ thông số tối ưu cho mô hình tương ứng với các hình thế thời tiết gây mưa lớn khác nhau. Xây dựng công cụ hỗ trợ dự báo viên trong việc cảnh báo dông, dự báo mưa lớn trong nghiệp vụ hàng ngày.

Số hồ sơ lưu: 19500

81892.06-2022 **Nghiên cứu phương pháp kỹ thuật xác định vị trí, thời gian, nguồn gốc dầu tràn phục vụ hỗ trợ xác định nguyên nhân sự cố tràn dầu**/ PGS.TS. Doãn Hà Phong, ThS. Nguyễn Thanh Bằng; ThS. Nguyễn Hải Đông; ThS. Lê Phương Hà; ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng; ThS. Trần Đăng Hùng; ThS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Nguyễn Xuân Hiển; PGS. TS. Nguyễn Minh Huấn - Hà Nội- Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2021 - 09/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ xác định vị trí, thời gian, nguồn gốc dầu tràn bằng việc tích hợp công nghệ viễn thám và công nghệ mô phỏng ngược thời gian phục vụ hỗ trợ xác định nguyên nhân sự cố tràn dầu; Xây dựng bộ công cụ WEBGIS phục vụ xác định vị trí, thời gian, nguồn gốc dầu tràn đối với trường

hợp sự cố tràn dầu chưa rõ nguồn gốc, xuất hiện trên diện rộng tại nhiều tỉnh; trường hợp sự cố tràn dầu gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng để hỗ trợ ra quyết định, chỉ đạo điều tra xác định nguyên nhân; Bộ tài liệu hướng dẫn chi tiết phương pháp kỹ thuật xác định vị trí, thời gian, nguồn gốc dầu tràn hỗ trợ xác định nguyên nhân sự cố tràn dầu phục vụ tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn chuyên ngành cấp khu vực và quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 19551

20704. Viễn thám

81702.06-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS xác định số lượng, nhu cầu sử dụng và phân bổ tài nguyên nước mặt phục vụ quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông liên tỉnh, áp dụng thử nghiệm cho lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn**/ TS. Trịnh Thị Hoài Thu, ThS. Trịnh Xuân Mạnh; ThS. Ngô Thị Mến Thương; ThS. Ninh Thị Kim Anh; KS. Nguyễn Tiến Như; TS. Lương Thanh Thạch; TS. Bùi Thị Thúy Đào; ThS. Trần Quang Huy; ThS. Trần Thị Thu Trang; ThS. Trần Thị Diễn - Hà Nội- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2020 - 07/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học ứng dụng viễn thám và GIS vào xác định tiểu lưu vực sông và phân vùng quy hoạch phục vụ xác định số lượng nước, nhu cầu và phân bổ tài nguyên nước mặt. Xây dựng quy trình ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS xác định số lượng, nhu cầu và định hướng phân bổ tài nguyên nước mặt phục vụ quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông liên tỉnh. Thực nghiệm ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS xác định số lượng, nhu cầu sử dụng và định hướng phân bổ tài nguyên nước mặt phục vụ quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn.

Số hồ sơ lưu: 19494

81899.06-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và thử nghiệm phổ kế siêu cao tần băng L và payload quang học trong dải nhìn thấy, hồng ngoại gần tương thích với thiết bị bay không người lái (UAV) phục vụ nghiên cứu viễn thám**/ ThS. Nguyễn Văn Hiệu, ThS. Huỳnh Xuân Quang; PGS. TS. Doãn Minh Chung; ThS. Lê Văn Truyền; TS. Võ Thị Lan Anh; ThS. Phạm Anh Tuấn; KS. Nguyễn Tuấn Đạt; ThS. Mai Thị Hồng Nguyên; KS. Trần Kim Chi; ThS. Vũ Ngọc Hà; ThS. Nguyễn Như Đương; PGS. TS. Phạm Hồng Dương; ThS. Đinh Ngọc Đạt; CN. Trần Quang Toàn; ThS. Tống Thị Vân Anh; CN. Phùng Thị Huyền; ThS.Trần Tuấn Anh - Hà Nội- Viện Công nghệ Vũ trụ, 2020 - 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và chế tạo hai thiết bị gắn trên UAV: payload quang học và phổ kế siêu cao tần băng L. Payload quang học được nghiên cứu, thiết kế và chế tạo trong đề tài bao gồm bốn kênh ảnh trùng với bốn kênh ảnh đa phổ của vệ tinh VNREDSAT-1 đầu tiên của Việt Nam là 0,62-0,69 µm (RED), 0,53-0,60µm (GREEN), 0,45 – 0,52 µm (BLUE) và 0,67-0,89 µm (NIR), với độ phân giải ảnh là 1360x1040

pixels. Ảnh được payload quang học này thu nhận tại độ cao từ 1000m để phối hợp nghiên cứu với ảnh vệ tinh như ảnh VNREDSAT-1 để đưa ra kết quả chính xác hơn trong quá trình nghiên cứu tài nguyên thiên nhiên dưới mặt đất. Phổ kế siêu cao tần băng L làm việc theo nguyên lý thụ động ở tần số trung tâm 1.41Ghz với băng thông 100Mhz để đo độ phát xạ của các đối tượng dưới mặt đất. Sau đó, các mô mình tính toán các tham số vật lý của đối tượng tương ứng sẽ được sử dụng để tính toán độ ẩm từ các giá trị được phổ kế siêu cao tần thu nhận.

Số hồ sơ lưu: 19553

20899. Công nghệ sinh học môi trường khác

81457.06-2022 **Thương mại hóa hệ thống thiết bị và quy trình công nghệ lên men sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý ô nhiễm môi trường**/ ThS. Lê Đình Duẩn, ThS. Lê Đình Duẩn; CN. Đặng Thu Trang; KS. Tống Quang Huân; KS. Lê Đình Dần; KS. Nguyễn Văn Hồng; CN. Phạm Thị Hoa; KS. Bùi Thị Phương; TS. Lương Hữu Thành; TS. Nguyễn Văn Hiếu; TS. Phan Thị Tuyết Minh - Hà Nội- Công ty Cổ phần Công nghệ Vi sinh và Môi trường, 2021 - 08/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nâng cấp hệ thống thiết bị lên men nhằm ứng dụng quy trình công nghệ lên men trong sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý chất thải hữu cơ. Nâng cấp và chuẩn hóa hệ thống thiết bị lên men nhằm ứng dụng công nghệ lên men trong sản xuất chế phẩm vi sinh quy mô bán công nghiệp. Hoàn thiện quy trình công nghệ lên men trong sản xuất chế phẩm vi sinh đạt chất lượng cao. Thương mại hóa và chuyển giao hệ thống thiết bị và quy trình công nghệ lên men sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý ô nhiễm môi trường.

Số hồ sơ lưu: 19415

81466.06-2022 **Nghiên cứu khả năng phân hủy hydrocarbon của một số chủng vi khuẩn tía quang hợp tạo màng sinh học phân lập tại Việt Nam**/ TS. Lê Thị Nhi Công, TS. Cung Thị Ngọc Mai; TS. Đỗ Thị Liên; TS. Đỗ Thị Tố Uyên; TS. Hoàng Phương Hà; ThS. Vũ Ngọc Huy; ThS. Nguyễn Hồng Thu; TS. Trần Hoà Duân - Hà Nội- Viện Công nghệ Sinh học, 2021 - 05/2016 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân lập và tuyển chọn các chủng vi khuẩn tía quang hợp tạo biofilm tốt có khả năng phân huỷ các thành phần dầu mỏ. Phân tích các sản phẩm trung gian được tạo ra trong quá trình phân hủy và chuyển hóa các hợp chất hydrocacbon. Kiểm tra khả năng và hiệu quả xừ lý các thành phần hydrocarbon dầu mỏ của các màng sinh học. Đưa ra bộ sưu tập các chủng vi khuẩn tía quang hợp có nguồn gốc từ Việt Nam nhằm xây dựng và phát triển các chế phẩm biofilm xử lý ky khí đất và nước bị ô nhiễm dầu tại các kho bể chứa xăng dầu và tại các khu khai thác dầu khí ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19410

20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp

dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men

81368.06-2022 **Nghiên cứu vai trò của một số vi sinh vật chuyển hóa ammonia sinh học trong môi trường kỵ khí có hàm lượng sắt cao**/ TS. Nguyễn Huỳnh Minh Quyên, TS. Đinh Thúy Hằng; ThS. Nguyễn Thị Hải; ThS. Nguyễn Thị Hiếu Thu; ThS. Lê Phương Chung - Hà Nội- Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học, 2020 - 01/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định một số nhóm vi sinh vật chính tham gia vào quá trình oxy hóa ammonium kết hợp với khử Fe3+. Xác định được cơ sở sinh học của quá trình oxy hóa ammonium trong môi trường có hàm lượng sắt cao thông qua phân tích định lượng các phản ứng giữa ammonium và các hợp chất sắt trong phòng thí nghiệm ở điều kiện kỵ khí. Xây dựng quy trình loại ammonium trong nước thải ở mô hình quy mô phòng thí nghiệm theo nguyên lý feammox. Bước đầu đánh giá vai trò của một số vi sinh vật chuyển hóa ammonium sinh học trong môi trường kỵ khí có hàm lượng sắt cao. Đề xuất quy trình loại ammonium trong nước thải nhờ vi sinh vật chuyển hóa ammonium ở quy mô phòng thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 19395

20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.

79345.06-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất và ứng dụng chế phẩm sinh học tổng hợp kiểm soát bệnh vàng lá, thối rễ và chảy gôm trên một số cây ăn quả**/ TS. Phạm Hồng Hiển, ThS. Nguyễn Thị Chúc Quỳnh; ThS. Trịnh Thị Vân; TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; KS. Phạm Thị Minh Thắng; KS. Phùng Quang Tùng; KS. Bạch Thị Điệp; TS. Nguyễn Xuân Cảnh; TS. Hoàng Mạnh Cường; TS. Nguyễn Thành Hiếu - Hà Nội- Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2021 - 02/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xác định tác nhân chính gây bệnh vàng lá thối rễ, chảy gôm trên một số cây ăn quả chính (cây có múi (cam), sầu riêng). Thu thập, phân lập, làm thuần, đánh giá, tuyển chọn và xác định tên khoa học các vi sinh vật đối kháng với bệnh vàng lá thối rễ và chảy gôm trên một số cây ăn quả chính. Đánh giá khả năng tổ hợp và kiểm soát bệnh vàng lá thối rễ và chảy gôm trên một số cây ăn quả chính của các vi sinh vật đã tuyển chọn. Nghiên cứu tạo dạng chế phẩm sinh học tổng hợp kiểm soát hiệu quả bệnh vàng lá thối rễ, chảy gôm trên một số cây ăn quả chính. Nghiên cứu kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học tổng hợp kiểm soát nấm bệnh vàng lá thối rễ và chảy gôm trên một số cây ăn quả chính. Xây dựng mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học tổng hợp kiểm soát bệnh vàng lá thối rễ và chảy gôm trên một số cây ăn quả chính. Xây dựng 04 mô hình (qui mô 1 ha/mô hình, 02 mô hình/cây);

Số hồ sơ lưu: 18519

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

81045.06-2022 **Nghiên cứu và tổng hợp tổ hợp vật liệu nano mới Ir doped-TiO2 và Ir doped-SrTiO3 và biến tính bề mặt Cr2O3 (Cr2O3-Ir:TiO2, Cr2O3-Ir:SrTiO3) ứng dụng cho quang sinh H2 hiệu suất cao**/ PGS.TS. Vũ Thị Hạnh Thu, PGS.TS. Hồ Thị Thanh Vân; PGS.TS. Trần Văn Mẫn; ThS. Phạm Quốc Hậu; ThS. Tôn Nữ Quỳnh Trang; TS. Lê Thị Ngọc Tú - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình chế tạo vật liệu Ir:TiO_2 và Ir:$SrTiO_3$ bằng phương pháp thủy nhiệt một giai đoạn. Nghiên cứu hiệu ứng hình thành tiếp xúc của hạt kim loại Ir với vật liệu TiO_2 và $SrTiO_3$ về nồng độ biến tính, vị trí tiếp xúc, thời gian sống của hạt mang điện.. Xây dựng quy trình chế tạo ôxít Cr_2O_3 bao vật liệu Ir:TiO_2 và Ir:$SrTiO_3$ bằng phương pháp lắng đọng quang học. Đánh giá vai trò của các loại xúc tác (glycerol, methanol, enthanol) và nồng độ của chúng lên tính chất ngăn chặn quá trình ôxy hóa nước. Đánh giá hiệu suất quang sinh H_2 tốt nhất của vật liệu Cr_2O_3-Ir:TiO_2 và Cr_2O_3-Ir:$SrTiO_3$ với sự hiện diện của chất xúc tác tối ưu. Thu hẹp độ rộng vùng cấm quang và tăng hiệu quả hấp thụ trong vùng ánh sáng Mặt Trời. Hạn chế tái hợp điện tử-lỗ trống quang sinh đồng thời tăng quá trình lưu trữ và truyền tải điện tử. Ngăn cản phản ứng nghịch của H_2 và O_2 tạo thành nước. Hiệu suất quang sinh H_2 dưới ánh sáng Mặt Trời đạt được cỡ 1262 µmol h-1g 1-1.

Số hồ sơ lưu: 19287

81496.06-2022 **Phát triển nano kim loại trên nền vật liệu nanocomposit mới lai ghép từ các polysaccharide và ứng dụng xử lý môi trường nước**/ TS. Nguyễn Thành Danh, PGS.TS. Đặng Chí Hiền; ThS. Huỳnh Thị Kim Chi; TS. Hoàng Thị Kim Dung; CN. Nguyễn Hữu Thiên An; CN. Võ Thanh Trúc - Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Hóa Học, 2021 - 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm ra các vật liệu composit mới, đa dạng với những đặc tính hóa lý cải tiến đáng kể dựa trên các polysaccharides phân hủy sinh học. Mang lại một phương pháp tổng hợp nano kim loại trên chất mang với một quy trình đơn giản và hiệu quả. Cung cấp hệ composit mới mang các nano kim loại quý khác nhau có hoạt tính xúc tác cho các phản ứng khử các hợp chất ô nhiễm môi trường nước. Kết quả đề tài sẽ bổ sung những kiến thức mới quan trọng cho lĩnh vực nguyên liệu nano và khoa học xúc tác. Cung cấp một phương pháp tổng hợp nano kim loại với chi phí thấp và quy trình đơn giãn nhằm làm giảm giá thành cho xúc tác kim loại quý góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cho xử lý nước thải công nghiệp. Đề tài cũng góp phần hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trên vật liệu xúc tác nano ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt nam và

đào tạo các nghiên cứu trẻ ngang tầm với các nhóm nghiên cứu trên thế giới. Góp phần nâng cao vị thế của khoa học Việt Nam thông qua những công bố của đề tài trên các tạp chí quốc tế uy tín.

Số hồ sơ lưu: 19422

81706.06-2022 **Nâng cao hiệu suất quang xúc tác của vật liệu nano TiO_2 bằng cách tổ hợp chúng với một số vật liệu có cấu trúc 2D**/ TS. Nguyễn Cao Khang, ThS. Nguyễn Thị Khánh Hòa; PGS.TS. Nguyễn Minh Thủy; TS. Đào Thị Bích Diệp; TS. Dương Quốc Văn; TS. Đào Việt Thắng; PGS.TS. Lê Thị Hồng Hải - Hà Nội- Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021 - 05/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo thành công vật liệu nano TiO_2, TiO_2 pha Fe; Co, Ni, S tổ hợp với In_2Se_3, GaTe, GaSe, SnS; Bi_2Se_3, graphene theo các tỷ lệ khối lượng khác nhau ở dạng màng mỏng bằng phương pháp spin-coating, phương pháp bốc bay lazes. Khảo sát cấu trúc, tính chất quang, tính chất quang xúc tác của chúng. Dùng lý thuyết phiếm hàm mật độ mô phỏng được cấu trúc điện tử, cấu trúc vùng năng lượng, mật độ điện tử, năng lượng liên kết bên trong vật liệu tổ hợp TiO_2 với một số màng mỏng có cấu trúc 2D như In_2Se_3, GaTe, GaSe, SnS; Bi_2Se_3, graphene.

Số hồ sơ lưu: 19499

21102. Kỹ thuật đồ uống

81511.06-2022 **Phân tích sàng lọc và phân tích thẩm định an toàn thực phẩm trên cơ sở phát triển và ứng dụng kỹ thuật điện di mao quản đa kênh sử dụng đồng thời hai cảm biến điện hóa và đo quang: ứng dụng thí điểm trong kiểm soát một số thực phẩm chức năng và đồ uống có cồn dễ bị làm giả tại Việt Nam**/ GS.TS. Phạm Hùng Việt, TS. Mai Thanh Đức; PGS.TS. Dương Hồng Anh; ThS. Nguyễn Thanh Đàm; ThS. Nguyễn Mạnh Huy; ThS. Lê Minh Đức - Hà Nội- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021 - 04/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Triển khai hoạt động hệ điện di phân tích tự động đa kênh vận hành độc lập kết nối với hai loại detector độ dẫn không tiếp xúc và detector quang (UV) phù hợp cho các mục tiêu đa dạng trong phân tích; Phát triển các ứng dụng thí điểm của hệ điện di đa kênh, đa detector trong lĩnh vực kiểm soát chất lượng thực phẩm như: rượu vang (một số axit hữu cơ mạch ngắn), đông trùng hạ thảo (adenosine, inosine…), thực phẩm chức năng, đồ uống bổ sung taurin…Nghiên cứu tối ưu quy trình hoạt động hệ thống điện di mao quản đa kênh vận hành độc lập, kết nối với cảm biến đo độ dẫn không tiếp xúc và cảm biến đo quang, được điều khiển bằng phần mềm. Phát triển quy trình phân tích một số thành phần chính hay thành phần "đánh dấu" trong mẫu thực phẩm/ đồ uống như adenosine, inosine trong đông trùng hạ thảo; taurine trong thực phẩm chức năng; một số axit hữu cơ mạch ngắn trong rượu vang… sử dụng hệ thiết bị đã chế tạo.

Số hồ sơ lưu: 19429

21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác

81405.06-2022 **Nghiên cứu ảnh hưởng của xử lý nhiệt đến hàm lượng các peptit betacasomorphin trong sữa bò A1A1 và A2A2 và trong dịch tiêu hóa sữa in vitro**/ TS. Nguyễn Đức Doan, TS. Nguyễn Thị Lâm Đoàn; TS. Nguyễn Hoàng Anh; TS. Trần Thị Lan Hương; PGS.TS. Vicky Solah; PGS.TS. Stuart Jonhson; TS. Francesco Busetti; KTV. Lê Văn Chiến - Hà Nội- Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu các giống bò sữa và thu thập các mẫu sữa từ các cá thể bò khác nhau tại các hộ nông dân tại xã Phủ Đổng, Gia Lâm, Hà Nội. Nhận biết và định lượng biến thể P-CN AI và P-CN A2 trong sữa được thu thập từ các giông khác nhau, từ đó lựa chọn các mẫu sữa chứa duy nhất biến thể 0-CN AI và sữa chứa duy nhất biến thể p-CN A2 phục vụ cho các nghiên cứu tiếp theo. Nghiên cứu ảnh hưởng của xử lý nhiệt (thanh trùng và tiệt trùng) sữa AI AI và sữa A2A2 đên hàm lượng BCM5 và BCM7. Nghiên cứu ảnh hưởng của xử lý nhiệt (thanh trùng và tiệt trùng) sữa A1A1 và sữa A2A2 đến hàm lượng BCM5 và BCM7 sau khi thủy phân sữa bằng các enzyme tiêu hóa. Phân tích các thành phần hóa học của sữa và hàm lượng các BCM5 và 7 trong các mẫu sữa thu thập được.

Số hồ sơ lưu: 19397

299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác

81323.06-2022 **Xây dựng mô hình thí điểm "Xã đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ" trong xây dựng nông thôn mới**/ ThS. Nguyễn Đức Quang, PGS.TS. Nguyễn Hữu Huế; ThS. Nguyễn Phương Nam; ThS. Nguyễn Hữu Thảnh; CN. Phạm Mỹ Trang; ThS. Đào Kim Lưu; ThS. Nguyễn Quỳnh Nga; ThS. Nguyễn Thị Nga; CN. Đỗ Thị Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Tôn Quân; ThS. Trịnh Văn Khoa; Trung tướng Nguyễn Duy Nguyên - Hà Nội- Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai, 2020 - 05/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng 06 mô hình thí điểm "Xã đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ" trong xây dựng nông thôn mới đại diện cho 06 khu vực thiên tai. Mô hình xã điểm Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, đại diện cho khu vực miền núi phía Bắc nơi thường xuyên chịu tác động của các loại hình thiên tai : Mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, rét hại, băng tuyết, sương muối, lốc, sét, mưa đá ; Mô hình xã điểm Hợp Đức, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương , đại diện cho khu vực Đồng bằng Bắc Bộ (Đồng bằng sông Hồng) nơi thường xuyên chịu tác động của các loại hình thiên tai: Lũ, bão, áp thấp nhiệt đới , mưa lớn, ngập lụt , hạn hán, rét hại , lốc, sét; Mô hình xã điểm Hưng Nhân , huyện Hưng Nguyên , tỉnh Nghệ An , đại diện cho khu vực Bắc Trung Bộ nơi thường xuyên chịu tác động của

các loại hình thiên tai : Lũ, ngập lụt, hạn hán, bão, áp thấp nhiệt đới, hạn hán, rét hại, lốc, sét; Mô hình xã điểm Hòa Nhơn , huyện Hòa Vang , thành phố Đà Nẵng , đại diện cho khu vực đô thị lớn nơi thường xuyên chịu tác động của các loại hình thiên tai: Bão, mưa lớn , ngập úng , lốc, nắng nóng. Mô hình xã điểm Ea Ô , huyện Ea Kar , tỉnh Đắk Lắk, đại diện cho khu vực Tây Nguyên nơi thường xuyên chịu tác động của các loại hình thiên tai : Nắng nóng, hạn hán, lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt, lốc, sét; Mô hình xã điểm Tân Quới , huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đại diện cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nơi thường xuyên chịu tác động của các loại hình thiên tai: Bão, áp thấp nhiệt đới , lũ, ngập lụt, hạn hán, lốc, sét.

Số hồ sơ lưu: 19335

81003.06-2022 **Hoàn thiện công nghệ sản xuất một số sản phẩm đồ uống từ quả táo mèo**/ TS. Đặng Hồng Ánh, TS. Nguyễn Thị Việt Anh; ThS. Phạm Thị Thu; ThS. Nguyễn Thu Vân; ThS. Giang Thế Việt; ThS. Hà Thị Phương; KS. Nguyễn Thị Hồng Tú; KS. Phạm Ngọc Thái; KS. Mai Anh Tuấn; KS. Nguyễn Anh Tuấn - Hà Nội- Viện Công nghiệp thực phẩm, 2018 - 07/2015 - 12/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích, đánh giá và chọn loại nguyên liệu phù hợp với công nghệ và chất lượng sản phẩm. Hoàn thiện quy trình công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất nước táo mèo (dạng trong) quy mô 5000 lít/mẻ; rượu táo mèo (quy mô 2000 lít/mẻ); dấm táo mèo (quy mô 2000 lit/ mẻ). Hoàn thiện các dạng sản phẩm táo mèo: nước táo mèo dạng trong, rượu táo mèo, dấm táo mèo đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng về dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, góp phần giúp địa phương, đơn vị sản xuất phát triển bền vững. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm dự án. Tổ chức sản xuất và đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất trên mô hình và đào tạo, quảng bá giới thiệu sản phẩm, đánh giá thị hiếu.

Số hồ sơ lưu: 19276

3. Khoa học y, dược

78862.06-2022 **Xác định tỷ lệ các tác nhân gây bệnh viêm phổi cộng đồng, tỷ lệ đề kháng kháng sinh ở người lớn đến khám tại các bệnh viện thuộc tỉnh Vĩnh Long**/ BSCKII. Nguyễn Thị Bạch Yến, PGS.TS.BS. Trần Đỗ hùng BSCKII. Lê Thị Thu Trang; BSCKI. Trần Tất Trung; BSCKII. Nguyễn Thị Thu Hà; CN. Nguyễn Minh Châu; CN. Võ Thị Thanh Truyền; CN. Lê Thị Bích Hợp; CN. Bùi Thị Ngọc Hiếu - Bệnh Viện Đa khoa Vĩnh Long - Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Long, 2020 - 04/2018 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thông tin chung về nhân khẩu học. Thông tin về tiền sử bệnh, sử dụng Corticoid, sử dụng kháng sinh, tỷ lệ hút thuốc lá, tỷ lệ uống rượu của bệnh nhân. Thông tin triệu chứng lâm sàng phù hợp với VPMPCĐ. Đặc điểm cận lâm sang. Tỷ lệ các tác nhân gây bệnh viêm phổi cộng đồng. Tỷ lệ đề kháng kháng sinh

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.TI009

30108. Vi sinh vật học y học

74239.06-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử xác định đột biến gen CYP1B1 trong bệnh Glôcôm bẩm sinh nguyên phát tại Hà Nội**/ PGS.TS. Trần Vân Khánh, PGS.TS. Trần Vân Khánh; GS.TS. Tạ Thành Văn; PGS.TS. Trần Huy Thịnh; PGS.TS. Nguyễn Thị Hà; BS.Trần Thu Hà; BS Nguyễn Sơn Tùng; BS. Nguyễn Thị Hương Lan; TS. Nguyễn Trọng Tuệ; CN Lê Thị Phương; CN Trịnh Thị Thanh Hương; CN Trần Quốc Đạt; CN Nguyễn Quý Hoài; CN Lê Hoàng Bích Nga; Vũ Thị Hoài Thu; Nguyễn Thị Thanh Loan - Hà Nội- Trường Đại học Y Hà Nội, 2018 - 07/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định đột biến gen CYP1B1 trong bệnh Glôcôm bẩm sinh nguyên phát bằng kỹ thuật sinh học phân tử; Xác định mối liên quan giữa đột biến gen CYP1B1 và một số đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân Glôcôm bẩm sinh nguyên phát; Xác định người lành mang gen bệnh trong gia đình bệnh nhân Glôcôm bẩm sinh nguyên phát.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-46/ĐK-TTTT&TK

30199. Y học cơ sở khác

81977.06-2022 **Xây dựng hệ thống hỗ trợ chẩn đoán bệnh thông qua hình ảnh y khoa tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long**/ TS. Dương Ngọc Hiếu, TS. Dương Ngọc Hiếu; ThS. Lê Quốc Tuấn; PGS.TS. Thoại Nam; ThS. Nguyễn Quốc Việt; ThS. Hoàng Xuân Lộc; KS. Nguyễn Thanh Trông; BSCKII. Văn Công Minh; TS; BS. Hồ Thị Thu Hằng; BSCKI. Nguyễn Trọng Thy - Tỉnh Vĩnh Long - Trung tâm Kỹ thuật điện toán, 2021 - 05/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát hiện trạng CNTT tại BV Đa khoa Vĩnh Long, thu thập dữ liệu cho bài toán chẩn đoán bệnh thông qua hình ảnh y khoa bằng trí tuệ nhân tạo. Xây dựng cổng dịch vụ hỗ trợ bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Long trong công tác chẩn đoán bệnh từ xa bằng hình ảnh y khoa. Xây dựng và tích hợp vào cổng dịch vụ bộ công cụ hỗ trợ chẩn đoánbệnh thông qua hình ảnh y khoa sử dụng kỹ thuật trí tuệ nhân tạo; thử nghiệmmột loại bệnh phổ biến. Cài đặt kết quả đề tài để chuẩn bị đưa vào sử dụng thực tế. Triển khai phần mềm, đánh giá tính khoa học và thực tiễn của kếtquả đề tài.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI047.2021

30213. Ghép mô, tạng

81537.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng và áp dụng quy trình điều phối ghép tạng tại Việt Nam**/ GS.TS. Trịnh Hồng Sơn, ThS. Lê Thị Kim Nhung; ThS. Hoàng Giang; ThS. Nguyễn Thành Khiêm; TS. Phùng Duy Hồng Sơn; ThS. Phạm Gia Anh; ThS. Bùi Trung Nghĩa; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Ninh Việt Khải; ThS. Ngô Thị Huyền; CN. Vũ Thị Hồng Vân; ThS. Cao Mạnh Thấu; ThS. Nguyễn Hoàng Phúc; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; PGS. TS. Đồng Văn Hệ; TS. Trịnh Yên Bình; ThS. Cao Tiến Sỹ; ThS.

Nguyễn Thúy An - Hà Nội- Trung tâm điều phối Quốc gia về ghép bộ phận cơ thể người, 2021 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ghép tạng cần thực hiện 4 bước sau đây : Chuẩn bị người nhận ; Chuẩn bị người cho ; Chuẩn bị về nhân lực và kỹ thuật và Xây dựng kế hoạch nằm viện , theo dõi và chăm sóc sau ghép . Có được những kết quả về ghép tạng như hiện nay trước hết nhờ vào việc luật pháp cho phép ghép tạng như một phương pháp điều trị bệnh . Nhờ đó nhiều người bệnh đã được cứu sống, tiếp theo đó là vai trò của hoạt động điều phối ghép tạng . Điều phối là hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, vận hành, sắp xếp để công việc diễn ra suôn sẻ và thuận lợi . Điều phối ghép tạng bao gồm các hoạt động như xác định người hiến, duy trì, chẩn đoán chết não, sự đồng ý của gia đình cho việc hiến tặng, quản lý danh sách người nhận, vận chuyển và phân bổ các cơ quan và mô kịp thời.

Số hồ sơ lưu: 19451

30215. Da liễu, Hoa liễu

75746.06-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kĩ thuật ghép da dày toàn lớp có kèm thêm lớp mỡ điều trị sẹo di chứng bỏng**/ TS.BS.Nguyễn Minh Tâm, TS.BS. Nguyễn Minh Tâm; ThS. Nguyễn Hồng Thái; TS.BS. Chu Anh Tuấn; ThS. Phan Thục Trang; BS. Lê Quốc Vương; TS. Nguyễn Quang Đông; ThS. Trương Thu Hiền; ThS. Hoàng Thanh Tuấn - Hà Nội- Bệnh viện Bỏng Lê Hữu Trác, 2019 - 08/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đặc điểm bệnh nhân nghiên cứu; Đánh giá khả năng bám sống của mảnh da ghép dày toàn lớp có kèm thêm lớp mỡ; Đánh giá hiệu quả điều trị về mặt chức năng vận động và thẩm mỹ của kỹ thuật; Đánh giá cấu trúc mô học mảnh da trước ghép; Xây dựng Quy trình kỹ thuật ghép da dày toàn lớp có kèm thêm lớp mỡ điều trị sẹo di chứng bỏng.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-25/ ĐK-TTTT&TK

30219. Tiêu hoá và gan mật học

75747.06-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật realtime PCR đa mồi trong phát hiện các căn nguyên gây tiêu chảy cấp ở trẻ em Hà Nội**/ TS. Phạm Thu Hiền, TS. Phùng Thị Bích Thủy; GS.TS. Lê Thanh Hải; TS. Phan Thị Thu Chung; ThS. Đỗ Thu Hường; ThS. Nguyễn Minh Hằng; BS. Tuấn Thị Minh Tâm; BS. Trịnh Thị Thanh Huyền; BSCKII. Ngô Thị Tuyết Lan; BS. Lê Thành Đạt - Hà Nội- Bệnh viện Nhi Trung ương, 2019 - 07/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về các căn nguyên vi sinh vật gây bệnh tiêu chảy ở trẻ em; Tổng quan về kỹ thuật real – time PCR đa mồi; Nghiên cứu ứng dụng quy trình kỹ thuật real-time PCR đa mồi trong phát hiện các căn nguyên vi sinh vật gây tiêu chảy cấp ở trẻ em Hà Nội; Xác định tỷ lệ và sự phân bổ các căn nguyên vi sinh vật gây tiêu chảy cấp ở trẻ em Hà Nội; Đề xuất các điều kiện chuyển giao, ứng dụng kỹ thuật real-time PCR đa mồi phát hiện trực tiếp căn nguyên vi sinh vật gây bệnh tiêu

chảy cấp ở trẻ em cho các bệnh viện của Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-26/ĐK-TTTT&TK

75854.06-2022 **Nghiên cứu tỷ lệ nhiễm *Clostridium difficile* liên quan đến tiêu chảy sau dùng kháng sinh tại một số bệnh viện Hà Nội và đề xuất một số giải pháp phòng chống**/ TS. Vũ Thị Thu Hường, ThS. Vũ Thị Kim Liên; ThS. Đỗ Thị Quỳnh Nga; ThS. Trần Thị Hải Âu; TS. Nguyễn Đồng Tú; BS. Phùng Thị Thu Hằng; ThS. Hà Thị Phương Mai; ThS. Vũ Thị Bích Hậu; ThS. Nguyễn Thị Bích Vân; ThS. Tăng Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang; ThS. Lê Thị Trang - Hà Nội- Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2019 - 07/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về cấu trúc hình thái vi khuẩn *Clostridium difficile*, cơ chế bệnh học và những yếu tố độc lực của *Clostridium difficile*; Tình hình nhiễm *Clostridium difficile* trên thế giới và Việt Nam; Các phương pháp chẩn đoán vi khuẩn *Clostridium difficile* trên thế giới và Việt Nam; Nghiên cứu quy trình tối ưu xử lý mẫu bệnh phẩm nhằm bộc lộ AND; Nghiên cứu quy trình chẩn đoán nhanh *Clostridium difficile* sinh độc tố; Đánh giá tỷ lệ nhiễm *Clostridium difficile* sinh độc tố trên bệnh nhân tiêu chảy tại một số bệnh viện trên địa bàn Hà Nội; Xác định đặc điểm phân tử của vi khuẩn *Clostridium difficile* tại một số bệnh viện trên địa bàn Hà Nội; Đề xuất một số biện pháp phòng chống và điều kiện ứng dụng quy trình Nested – PCR chẩn đoán nhanh vi khuẩn *Clostridium difficile* cho các bệnh viện của Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-47/ĐK-TTTT&TK

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

81213.06-2022 **Nghiên cứu giá trị các chỉ số HE4, CA125, siêu âm trong chẩn đoán ung thư buồng trứng và xây dựng thuật toán nguy cơ ác tính buồng trứng**/ PGS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy, GS.TS. Cao Ngọc Thành; TS. Trương Quang Vinh; TS. Võ Văn Đức; ThS. Võ Văn Khoa; PGS.TS. Nguyễn Viết Nhân; ThS. Nguyễn Công Quỳnh; PGS. TS. Đặng Công Thuận; BSCKII. Lê Sỹ Phương; TS. Châu Khắc Tú; BSCKII. Phan Viết Tâm - Thừa Thiên - Huế - Đại học Huế, 2019 - 01/2016 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích nồng độ HE4, CA125 và đặc điểm siêu âm bệnh nhân có u buồng trứng. Đánh giá giá trị của HE4, chỉ số nguy cơ ác tính (RMI) và thuật toán nguy cơ ác tính buồng trứng (ROMA) trong dự báo và chẩn đoán ung thư buồng trứng.

Số hồ sơ lưu: 19350

30299. Y học lâm sàng khác

79642.06-2022 **Nghiên cứu lâm sàng, cận lâm sàng một số ký sinh trùng ký sinh trên người ít gặp ở Việt Nam và định danh loài bằng phương pháp sinh học phân tử**/ GS.TS. Nguyễn Văn Đề, PGS.TS. Phạm Ngọc Minh; ThS. Phan Thị

Hương Liên; BS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Phạm Ngọc Duấn; CN. Lê Thị Thanh Phương; KTV. Đỗ Dương Thắng - Hà Nội- Trường Đại học Y Hà Nội, 2021 - 08/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô tả lâm sàng và cận lâm sàng và xác định chính xác một số loài ký sinh trùng ít gặp ở người Việt Nam bao gồm giun lươn ruột (ở người), giun đầu gai (ở người), ấu trùng sán nhái (ở người) và sán máng (ở người) sử dụng phương pháp hình thái học truyền thống và thẩm định thành phần loài của những ký sinh trùng này bằng phương pháp sinh học phân tử. Nghiên cứu ca bệnh sán lá gan lớn, đặc biệt ở trẻ em và một số ca bệnh đặc thù khác ở Việt Nam như sán dây chó Echinococcus, giun tròn ở mắt Thelazia. Đề xuất một số giải pháp chẩn đoán và phòng chống cho mỗi loài.

Số hồ sơ lưu: 18688

30310. Sức khoẻ nghề nghiệp; tâm lý ung thư học, Hiệu quả chính sách và xã hội của nghiên cứu y sinh học

75749.06-2022 **Thực trạng sức khỏe, các yếu tố liên quan nghề nghiệp của công nhân ngành môi trường đô thị Hà Nội và giải pháp can thiệp**/ TS. Nguyễn Thúy Quỳnh, TS. Nguyễn THúy Quỳnh; ThS. Trần Thị Thu Thủy; ThS. Phùng Xuân Sơn; TS. Nguyễn Ngọc Bích; ThS. Phan Văn Tiến; ThS. Trần Khánh Long; ThS. Lưu Quốc Toản; ThS. Lê Thị Thu Hà - Hà Nội- Trường Đại học Y tế Công cộng, 2019 - 07/2016 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan; Nghiên cứu đánh giá thực trạng sức khỏe công nhân MTĐT Hà Nội (Công nhân MTĐT trong nghiên cứu này là công nhân lao động trực tiếp tham gia hai công đoạn: Thu gom và xử lý chất thải); Nghiên cứu đánh giá thực trạng điều kiện lao động của công nhân MTĐT Hà Nội (Công nhân lao động trực tiếp thu gom và xử lý chất thải); Xây dựng chương trình can thiệp, thử nghiệm và đánh giá chương trình

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-31/ĐK-TTTT&TK

30399. Các vấn đề y tế khác

74621.06-2022 **Nghiên cứu quy trình chế tạo bộ kit Multiplex Real - time PCR phát hiện một số tác nhân thường gặp gây nhiễm khuẩn bệnh viện tại các bệnh viện Hà Nội**/ TS. Nguyễn Minh Hiền, TS. Lã Thị Huyền TS. Nguyễn Minh Hiền; TS. Lã Thị Huyền; ThS. Lưu Vũ Thị Nga; ThS. Vương Đại Sang; ThS. Nguyễn Quang Hiếu; Nguyễn Thu Lê; Hoàng Ngọc Hoài; ThS. Nguyễn Thị Bích Đào; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; ThS. Lê Thị Thùy Dương. - Hà Nội- Bệnh viện Thanh nhàn, 2019 - 01/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về tình hình nhiễm khuẩn bệnh viện, cơ sở khoa học tạo KIT Multiplex Realtime PCR phát hiện 5 loại vi khuẩn gây nhiễm khuẩn bệnh viện hay gặp Phân lập một số tác nhân thường gặp gây nhiễm khuẩn bệnh viện bằng phương pháp nuôi cấy; Thu thập mẫu và tách chiết DNA tổng số các vi khuẩn

Acinetobacter baumannii; Pseudomonas aeruginosa, E.coli, Klebsiella pneumoniae, Staphylococus aureus đã phân lập được; Khảo sát lựa chọn các gen đặc trưng cho từng chủng vi khuẩn gây bệnh. Tách dòng và các định trình tự các gen sau khảo sát; Lựa chọn gen đích và thiết kế Primer và probe để xác định các vi khuẩn *Acinetobacter baumannii; Pseudomonas aeruginosa, E.coli, Klebsiella pneumoniae, Staphylococus aureus*; Xây dựng quy trình và chế tạo bộ KIT Multiplex Realtime PCR xác định một số tác nhân gây bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện: *Acinetobacter baumannii; Pseudomonas aeruginosa, E.coli, Klebsiella pneumoniae, Staphylococus aureus*; Thử nghiệm bộ KIT trên các mẫu bệnh phẩm và xác định độ nhạy độ đặc hiệu của bộ KIT, đánh giá tính ổn định của bộ KIT tạo ra (so với phương pháp nuôi cấy); Đề xuất quy trình ứng dụng bộ KIT Multiplex Realtime PCR phát hiện một số tác nhân thường gặp gây nhiễm khuẩn bệnh viện trong điều kiện của các bệnh viện Hà Nội; Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho bộ KIT

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-27/ĐK-TTTT&TK

30401. Dược lý học

75885.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình bào chế và tác dụng dược lý của bài thuốc hỗ trợ điều trị Eczema**/ PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuyển, PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuyển; ThS. Phạm Thái Hà Văn; TS. Đào Thị Hiền; TS. Hà Vân Oanh; PGS.TS. NGuyễn Thùy Dương; TS.Trần Nguyên Hà; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Duyên; TS. Bùi Thị THúy Liệu; PGS.TS. Nguyễn Thạch Tùng; DS. Hoàng Xuân Trường - Hà Nội- Trường Đại học Dược Hà Nội, 2020 - 08/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan về bài thuốc hỗ trợ điều trị eczema (bài thuốc EZ); Nghiên cứu hoàn thiện quy trình bào chế cao đặc bán thành phẩm quy mô 45 kg dược liệu/mẻ và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cao đặc; Nghiên cứu xây dựng công thức và quy trình bào chế viên nang quy mô 10.000 viên/mẻ và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở viên nang hỗ trợ điều trị eczema; Nghiên cứu tính an toàn của viên nang hỗ trợ điều trị eczema; Nghiên cứu tác dụng dược lý của viên hỗ trợ điều trị eczema; Nghiên cứu độ ổn định của viên nang hỗ trợ điều trị eczema; Đăng ký sản phẩm bảo vệ sức khỏe tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Đánh giá hiệu quả kinh tế kỹ thuật, xây dựng báo cáo tổng kết đề tài.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020 -03 /ĐK-TTTT&TK

30402. Dược học lâm sàng và điều trị

81171.06-2022 **Đánh giá hiệu quả của thuốc ức chế men aromatase trong điều trị hỗ trợ bệnh nhân ung thư vú đã mãn kinh có thụ thể nội tiết dương tính**/ TS. Trần Văn Thuấn, GS. TS. Nguyễn Bá Đức; ThS. Lê Thanh Đức; TS. Bùi Diệu; BSCKII. Nguyễn Văn Định; ThS. Đỗ Thị Kim

Anh; Nguyễn Thị Thoa; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang - Hà Nội- Bệnh viện K, 2021 - 08/2006 - 11/2008. (Đề tài cấp Bộ)

Tamoxifen là thuốc tiêu chuẩn trong điều trị bổ trợ sau mổ cho các bệnh nhân ung thư vú giai đoạn sớm, thụ thể nội tiết dương tính hơn 20 năm nay. Mặc dù thuốc được dung nạp tốt, tamoxifen gây những phiền phức như cơn bốc hoả, chảy dịch, chảy máu âm đạo và đặc biệt là tắc mạch huyết khối và gây ung thư nội mạc tử cung. Trên thế giới, thuốc anastrozole, một thuốc ức chế men aromatase đã được sử dụng trên phụ nữ ung thư vú mãn kinh với nhiều ưu điểm so với tamoxifen. Chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục đích: Đánh giá hiệu quả của anastrozole-thuốc ức chế men aromatase trong điều trị bổ trợ ung thư vú đã mãn kinh cổ thụ thể nội tiết dương tính. Đánh giá một số tác dụng không mong muốn của thuốc.

Số hồ sơ lưu: 19333

81493.06-2022 **Nghiên cứu tổng hợp hệ nanoliposome đa chức năng ứng dụng trong phát hiện và điều trị ung thư**/ TS. Vũ Minh Thành, TS. Nguyễn Thị Hương; TS. Đào Thế Nam; TS. Công Tiến Dũng; TS. Lê Văn Thụ; ThS. Phạm Thị Phượng; ThS. Phạm Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Sơn; ThS. Lê Ngọc Thùy Trang - Hà Nội- Viện Hoá học-Vật liệu, 2021 - 04/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển hệ nano đa chức năng trên cơ sở nanoliposome nang hoá nano sắt từ và thuốc chống ung thư bên trong nhằm ứng dụng trong phát hiện sớm khối u và điều trị ung thư. Hệ nano tổng hợp được có khả năng hướng đích (dưới tác dụng từ trường ngoài, hướng đích thụ động và bị động), kiểm soát phóng thích thuốc tại đích do tác động của môi trường (sóng siêu âm, nhiệt độ, từ trường, pH), và đặc biệt là có khả năng tăng cường tín hiệu phát hiện khối u và tiêu diệt khối u bằng cách đổi nhiệt.

Số hồ sơ lưu: 19421

81531.06-2022 **Nghiên cứu bào chế tiểu phân nano hướng đích chứa kết hợp paclitaxel và dihydroartemisinin, tác dụng hiệp đồng tăng cường trong điều trị ung thư**/ GS.TS. Nguyễn Ngọc Chiến, TS. Phạm Bảo Tùng; PGS.TS. Nguyễn Thị Thuận; TS. Nguyễn Văn Hải; ThS. Ngô Quang Trung; ThS. Bùi Thị Lan Phương; ThS. Ninh Thị Kim Thu; ThS. Phạm Thị Hiền - Hà Nội- Trường Đại học Dược Hà Nội, 2021 - 08/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Bào chế tiểu phân nano chứa kết hợp paclitaxel và DHA với các chất mang khác nhau. Tổng hợp phức hợp chất mang gồm polyethylen glycol, PTX và DHA. Bào chế tiểu phân nano chứa phức hợp trên với PTX và DHA (PD@PPD). Bào chế tiểu phân nano chứa PTX và DHA kết hợp hai chất mang acid poly lactic co glycolic (PLGA) và lecithin (PLGA-lecithin NPs). Bào chế tiểu phân nano chứa PTX và DHA kết hợp hai chất mang ethyl cellulose và lecithin (EC-LC NPs). Xây dựng được công thức bào chế và đánh giá được độ ổn định thuốc tiêm chứa tiểu phân nano PTX và DHA. Bào

chế thuốc tiêm đông khô chứa tiểu phân nano PTX và DHA với hai chất mang PLGA và lecithin. - Đánh giá được độ ổn định thuốc tiêm bào chế được. Đánh giá được độc tính và hiệu quả gây độc tế bào (tác dụng hiệp đồng) của liệu pháp tiểu phân nano kết hợp DHA và PTX trên mô hình động vật thí nghiệm. Đánh giá độc tính của tiểu phân nano PD@PPD trên dòng tế bào ung thư HT-29 và trên chuột nude Balb/c mang dòng tế bào ung thư HT-29. Đánh giá độc tính của tiểu phân nano PLGA-lecithin NPs trên các dòng tế bào ung thư NCI-H23, T-47D và BT-474. Đánh giá độc tính của tiểu phân nano EC-LC NPs trên dòng tế bào ung thư A549 and LLC và trên chuột BALB/c mang dòng tế bào ung thư LLC.

Số hồ sơ lưu: 19435

81722.06-2022 **Hoàn thiện công nghệ sản xuất mafenid acetat làm thuốc điều trị bỏng và các nhiễm khuẩn do viêm, loét/** TS. Nguyễn Văn Hải, CN. Lê Thị Minh Lý; PGS.TS. Nguyễn Đình Luyện; ThS. Đào Nguyệt Sương Huyền; ThS. Nguyễn Văn Giang; TS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Nguyễn Minh Sơn; KS. Nguyễn Mạnh Hùng; KS. Lê Văn Dũng; CN. Nguyễn Thị Tình; Phạm Thị Hiền; Bùi Thị Thúy Luyện; Trần Trọng Biên; Phạm Thị Thanh Huyền; Bùi Thị Thắng; Từ Thị Thu Trang - Hà Nội- Công Ty Cổ Phần Hóa Dược Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ tổng hợp mafenid acetat quy mô 5 kg/mẻ đạt tiêu chuẩn dược điển Mỹ USP 38 (hoặc tương đương); quy trình tinh chế mafenid acetat dùng để pha dung dịch vô trùng quy mô 2 kg/mẻ đạt tiêu chuẩn cơ sở (TCCS). Sản xuất 40 kg mafenid acetat, nguyên liệu đạt tiêu chuẩn dược điển Mỹ USP 38. Sản xuất 10 kg mafenid acetat-bột pha dung dịch vô trùng đạt tiêu chuẩn cơ sở. Xác định tuổi thọ của sản phẩm, tuổi thọ phải đạt tối thiểu 24 tháng.

Số hồ sơ lưu: 19505

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

81020.06-2022 **Nghiên cứu bộ tiêu chí chẩn đoán theo y học cổ truyền và ứng dụng công nghệ tiên tiến để bào chế bài thuốc nam điều trị rối loạn lipid máu/** PGS.TS. Đậu Xuân Cảnh, PGS.TS. Nguyễn Duy Thuần; ThS. Nguyễn Thị Ngọc; PGS.TS. Phạm Thị Vân Anh; PGS.TS. Phạm Quốc Bình; PGS.TS. Trần Thị Thu Vân; TS. Trần Thị Hồng Ngãi; ThS. Trần Thị Thu Hiền - Hà Nội- Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam, 2021 - 09/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng bộ tiêu chí chẩn đoán rối loạn lipid máu theo y học cổ truyền. Nghiên cứu quy trình chiết xuất bào chế cao lỏng, bào chế cao định chuẩn, xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu và bán thành phẩm điều trị rối loạn lipid máu. Nghiên cứu bào chế cao lỏng HSN và viên nang HSN. Xác định độc tính và đánh giá tác dụng của cao lỏng HSN và viên nang cứng HSN trên động vật thực

nghiệm. Đánh giá tác dụng của cao lỏng HSN và viên nang cứng HSN trên lâm sàng.

Số hồ sơ lưu: 19279

81366.06-2022 **Hoàn thiện công nghệ bán tổng hợp β-glucan sulfat từ nấm men Saccharomyces cerevisiae làm nguyên liệu hỗ trợ điều trị ung thư**/ TS. Nguyễn Duy Nhứt, TS. Nguyễn Duy Nhứt; TS. Phạm Trung Sản; ThS. Nguyễn Thị Như Xuân; CN. Phạm Tường Vy; CN. Lê Thị Hoa; KS. Trương Thị Mỹ Dung; KS. Đặng Tiểu Vương; KS. Võ Văn Khánh; KS. Lâm Đức Thái Dương; GS.TS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Trần Mai Đức - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án. Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ. Hoàn thiện công nghệ bán tổng hợp β-glucan sulfat từ nấm men Saccharomces cerevisiae công suất qui mô 2kg β-glucan sulfat/mẻ. Xây dựng xưởng hoặc có thể phát triển thành doanh nghiệp, sản xuất sulfat β-glucan nguyên liệu có hàm lượng sulfat β-glucan ít nhất là 80%, đáp ứng được yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm Bộ Y tế đặt ra.

Số hồ sơ lưu: 19391

81420.06-2022 **Thu nhận và xác định tính chất của các chất ức chế enzyme α-glucosidase từ rong tại vùng biển Khánh Hòa, Việt Nam và đánh giá khả năng kháng bệnh tiểu đường**/ TS. Nguyễn Thế Hân, TS. Nguyễn Thế Hân; TS. Nguyễn Văn Minh; TS. Trần Quang Ngọc; ThS. Phạm Thị Kim Quyên; ThS. Nguyễn Thị Huyền - Khánh Hòa - Trường Đại học Nha Trang, 2020 - 04/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá khả năng ức chế enzyme alpha-glucosidase của rong biển thu mẫu tại vùng biển Khánh Hòa và một số vùng biển khác. Tinh sạch và xác định tính chất của các hợp chất ức chế enzyme alpha-glucosidase từ loài rong biển tiềm năng. Đánh giá khả năng kháng bệnh tiểu đường của dịch chiết và hợp chất ức chế enzyme alpha-glucosidase từ rong biển. Tìm kiếm các loài rong biển tiềm năng tại vùng biển Khánh Hòa và một số vùng khác có khả năng ức chế mạnh enzyme alpha-glucosidase và thử nghiệm khả năng ngăn chặn bệnh tiểu đường của các hợp chất thu nhận từ các loài rong tiềm năng này.

Số hồ sơ lưu: 19402

30499. Dược học khác

81023.06-2022 **Nghiên cứu quy trình tổng hợp Axizol làm thuốc chống nhiễm độc khí carbon monoxit**/ TS. Võ Thị Hoài Thu, TS. Hoàng Quang Cường; ThS. Nguyễn Trọng Dân; ThS. Đinh Thị Thu Trang; ThS. Bùi Thị Hồng Phương; ThS. Đỗ Thị Thùy Trang; TS. Vũ Thị Loan; TS. Bùi Thị Hương; TS. Chử Văn Mến; TS. Vũ Ngọc Doãn - Hà Nội- Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình ổn định , hiệu suất cao tổng hợp và tinh chế axizol quy mô ≥ 1 kg sản phẩm /mẻ, độ tinh khiết ≥ 99%; quy trình bào chế chế phẩm dạng viên nang cứng có tác dụng phòng, chống nhiễm độc khí CO trên cơ sở hoạt chất axizol quy mô 2000 viên/mẻ, hàm lượng hoạt chất 120 mg/viên. Đề xuất hoàn thiện công nghệ và phát triển sản xuất thương mại hóa viên nang axizol làm thuốc bảo vệ người dân phòng chống ngộ độc khí CO bởi các vụ hỏa hoạn hoặc các nguồn gây độc khí CO khác.

Số hồ sơ lưu: 19282

30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc

74239.06-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử xác định đột biến gen CYP1B1 trong bệnh Glôcôm bẩm sinh nguyên phát tại Hà Nội**/ PGS.TS. Trần Vân Khánh, PGS.TS. Trần Vân Khánh; GS.TS. Tạ Thành Văn; PGS.TS. Trần Huy Thịnh; PGS.TS. Nguyễn Thị Hà; BS.Trần Thu Hà; BS Nguyễn Sơn Tùng; BS. Nguyễn Thị Hương Lan; TS. Nguyễn Trọng Tuệ; CN. Lê Thị Phương; CN. Trịnh Thị Thanh Hương; CN. Trần Quốc Đạt; CN. Nguyễn Quý Hoài; CN. Lê Hoàng Bích Nga; Vũ Thị Hoài Thu; Nguyễn Thị Thanh Loan - Hà Nội- Trường Đại học Y Hà Nội, 2018 - 07/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định đột biến gen CYP1B1 trong bệnh Glôcôm bẩm sinh nguyên phát bằng kỹ thuật sinh học phân tử; Xác định mối liên quan giữa đột biến gen CYP1B1 và một số đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân Glôcôm bẩm sinh nguyên phát; Xác định người lành mang gen bệnh trong gia đình bệnh nhân Glôcôm bẩm sinh nguyên phát.

Số hồ sơ lưu: HNI-2018-46/ĐK-TTTT&TK

30599. Công nghệ sinh học y học khác

75896.06-2022 **Nghiên cứu bào chế viên nang cứng có tác dụng hóa giải lo âu từ cây lạc tiên và cây rau má.**/ TS.Hà Vân Oanh, TS. Hà Vân Oanh; PGS.TS. Đỗ Quyên; TS. Phạm Tuấn Anh; TS. Nguyễn Quỳnh Chi; TS. Hoàng Quỳnh Hoa; PGS.TS. Nhuyễn Hoàng Anh; PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Duyên; TS. Bùi Thị Thúy Luyện; DS. Hoàng Xuân Trường. - Hà Nội- Trường Đại học Dược Hà Nội, 2019 - 08/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu mẫu, kiểm tra chất lượng và mô tả vùng có nguyên liệu Lạc tiên và Rau má trên địa bàn Hà Nội; Nghiên cứu quy trình chiết xuất và bào chế cao định chuẩn Lạc tiên quy mô 20 kg nguyên liệu/mẻ; Nghiên cứu quy trình chiết xuất và bào chế cao định chuẩn rau má quy mô 20 kg nguyên liệu/mẻ; Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cao định chuẩn Lạc tiên và Rau má; Nghiên cứu tác dụng giải lo âu của cao định chuẩn LAc tiên, Rau má trên mô hình thực nghiệm; Nghiên cứu dạng bào chế

và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho viên nang cứng từ 2 cao định chuẩn LAc tiên và Rau má; Đánh giá tác dụng giảm lo âu, độ an toàn và độ ổ định của viên nang cứng; Đăng ký sản phẩm bảo vệ sức khỏe tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Đánh giá hiệu quả kỹ thuật, xây dựng báo cáo tổng kết đề tài.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-04/ĐK-TTTT&TK

4. Khoa học nông nghiệp

78863.06-2022 **Đánh giá thực trạng canh tác cam sành tại tỉnh Vĩnh Long**/ TS. Trần Thị Mỹ Hạnh, TS. Nguyễn Văn Hòa; TS. Đoàn Hữu Tiến; KS. Đặng Quốc Chương; KS. Nguyễn Thị Cẩm Giang; ThS. Lương Thị Duyên; TS. Trần Thị Hồng Huyến; TS. Nguyễn Vĩnh Phúc - Viện Cây ăn quả Miền Nam - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2020 - 07/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng canh tác cam sành tại tỉnh Vĩnh Long (phân tích nguồn giống, kỹ thuật canh tác, hiệu quả kinh tế, thị trường tiêu thụ, tác động của môi trường). Đề xuất hướng nâng cao hiệu quả, tính bền vững của cam sành ruộng (CSR) tại tỉnh Vĩnh Long. Hiện trạng canh tác cam sành của nông hộ sản xuất CSR, cam Sành vườn (CSV) trên địa bàn huyện Trà Ôn, Tam Bình, Vũng Liêm và TP. Vĩnh Long bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp theo bảng câu hỏi sẵn có kết hợp với thảo luận nhóm. Cam sành ruộng: Là kiểu canh tác trồng từ đất ruộng lúa lên mô thấp để trồng cam sành, trồng cam sành với mật độ rất dày (khoảng ≥2.500 cây/ha); cho trái sớm (khoảng 18 tháng đã ra hoa, đậu trái). Cam sành vườn: Là kiểu canh tác trồng theo các liếp lên sẵn, trong đó có những liếp cũ đã trồng cây trước đây, hoặc là từ đất ruộng nhưng lên liếp cao, rộng; trồng cam sành với mật độ thưa (khoảng 1.000-≤2.500 cây/ha).

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.TI046

40101. Nông hoá

82008.06-2022 **Nghiên cứu nguyên nhân và biện pháp phòng trừ bệnh thối rễ hại cây Cam sành tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.**/ ThS. Bùi Thị Hồng Thơm, ThS. Hoàng Văn Toàn; ThS. Bùi Thị Hồng Thơm; KS. Lê Văn Huấn; TS. Đỗ Đình Ca; ThS. Nguyễn Bá Tuấn; ThS. Phùng Thế Hanh - Hà Nội- Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Rau, Hoa, Quả Gia Lâm., 2021 - 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đã tiến hành điều tra , đánh giá mức độ gây hại và xác định nguyên nhân chính gây bệnh thối rễ hại Cam sành. - Đã tổ chức triển khai lấy mẫu đất, rễ cây, nước phân tích xác định nguyên nhân gây bệnh thối rễ Cam sành, cam Vinh. - Triển khai các thí nghiệm nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật phòng trừ bệnh thối rễ hại Cam sành, Cam Vinh tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-021-2021

81212.06-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện gói kỹ thuật cơ giới hóa đồng bộ sản xuất ngô trên đất lúa kém hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu tại Đồng Bằng Sông**

Cửu Long/ ThS. Lê Quyết Tiến, TS. Lê Sỹ Hùng; ThS. Nguyễn Đức Long; KS. Lương Văn Yên; TS. Hoàng Nghĩa Đạt; KS. Trần Đức Tuấn; KS. Võ Minh Phúc; KS. Nguyễn Xuân Biên; KS. Phan Mạnh Tuyên; ThS. Lê Hồng Việt - Hà Nội- Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2020 - 01/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ cơ giới hóa (CGH) đồng bộ cây ngô cho vùng lúa chuyển đổi tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ các khâu: Quy trình kỹ thuật làm đất lúa sang ngô và ngược lại; Quy trình kỹ thuật (tối thiểu): Lên luống, gieo trồng, bón phân, xới vun, bón phân, phun thuốc bảo vệ thực vật. Thiết kế chế tạo máy lên luống, rạch hàng, gieo, bón phân (3 trong 1); máy xới vun, bón phân và bảo vệ thực vật; máy phay gom gốc ngô để trả lại mặt đồng. Xây dựng mô hình CGH đồng bộ cây ngô với quy mô 20-30 ha.

Số hồ sơ lưu: 19347

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

81163.06-2022 **Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất dưa thơm, dưa chuột và cà chua ở một số tỉnh phía Bắc**/ TS. Đoàn Xuân Cảnh, ThS. Nguyễn Văn Tân; ThS. Đoàn Thị Thanh Thúy; ThS. Nguyễn Đình Thiều; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà; TS. Phạm Thị Thu Hương; KS. Nguyễn Thanh Loan; KS. Trịnh Thị Lan; KS. Nguyễn Văn Chất; ThS. Tăng Xuân Hòa; Tăng Xuân Trường; Trần Trọng Vinh - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2020 - 02/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình sản xuất cây giống dưa thơm, dưa chuột, cà chua quy mô công nghiệp, cây giống đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, tỷ lệ cây xuất vườn đạt > 95%. Hoàn thiện 01 quy trình công nghệ sản xuất dưa thơm ứng dụng công nghệ cao quy mô hàng hóa, năng suất >50 tấn/ha/vụ; 01 quy trình công nghệ sản xuất dưa chuột ứng dụng công nghệ cao quy mô hàng hóa, năng suất >100 tấn/ha/vụ; 01 quy trình công nghệ sản xuất cà chua ứng dụng công nghệ cao quy mô hàng hóa, năng suất >150 tấn/ha/vụ, sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm (ATTP). Đào tạo người sản xuất nắm vững quy trình công nghệ sản xuất dưa thơm, dưa chuột, cà chua ứng dụng công nghệ cao. Hình thành ít nhất 01 chuỗi sản xuất - tiêu thụ sản phẩm dưa thơm, dưa chuột, cà chua đảm bảo ATTP.

Số hồ sơ lưu: 19341

81367.06-2022 **Nghiên cứu tạo, chọn các giống lúa chống chịu mặn thích nghi với biến đổi khí hậu cho vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long**/ TS. Bùi Hữu Thuận, GS.TS. Nguyễn Thị Lang; ThS. Biện Anh Khoa; GS.TS. Bùi Chí Bửu; ThS. Nguyễn Trọng Phước; ThS. Nguyễn Thị Khánh Trân; KS. Bùi Chí Công; KS. Nguyễn Thị Hồng Loan; KS. Lê Hoàng Phương; KS. Nguyễn Văn Hữu Linh; ThS. Võ Hoài Chân; ThS. Nguyễn Thị Kiều Tiên; ThS. Nguyễn Quốc Thái - Vĩnh Long - Trường Đại học Cửu Long, 2020 -

10/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn tạo 3 giống lúa năng suất cao, chất lượng tốt, ngắn ngày, chịu mặn, kháng bệnh đạo ôn, bạc lá và rầy nâu. Chọn ít nhất 1 giống đoợc công nhận giống sản xuất thử, 2 giống khảo nghiệm (mỗi giống phải kháng được ít nhất 02 loại bệnh và chịu được mặn). Chọn được giống lúa chống chịu mặn, có năng suất ổn định, chất lượng tốt, chống chịu được những loại sâu bệnh phổ biến tại ĐBSCL, có thể sử dụng rộng rãi ở nhiều vùng địa lý khác nhau. Tạo ra được 1 giống thuần có năng suất trên 7 tấn/ha ở vụ Đông Xuân, phẩm chất tốt, chịu mặn trên 2‰ ở giai đoạn trổ. Tạo ra 1 giống lúa thuần có năng suất trên 5 tấn/ha ở vụ Hè Thu, phẩm chất gạo tốt, chống chịu mặn trên 4‰ ở giai đoạn đầu vụ. Xây dựng các quy trình kỹ thuật canh tác giống lúa chịu mặn và tạo ra các giải pháp hữu ích

Số hồ sơ lưu: 19393

81375.06-2022 **Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây Thạch đen (Mesona chinensis Benth.) tại Cao Bằng và một số tỉnh miền núi phía Bắc**/ GS.TS. Nguyễn Thế Hùng, PGS.TS. Nguyễn Viết Hưng; GS.TS. Trần Ngọc Ngoạn; PGS.TS. Luân Thị Đẹp; TS. Dương Trung Dũng; TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; TS. Lương Hùng Tiến; ThS. Ngô Thị Minh Duyên; TS. Nguyễn Minh Tuấn; ThS. Nông Thị Kim Oanh; TS. Hoàng Kim Diệu; ThS. Nguyễn Thị Trang - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng giống, sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ thạch đen. Xây dựng cơ sở dữ liệu nông sinh học và giá trị nguồn gen của cây thạch đen. Xây dựng quy trình nhân giống vô tính cây thạch đen và tiêu chuẩn cơ sở giống. Xây dựng quy trình kỹ thuật thâm canh và quản lý dịch hại tổng hợp cho cây thạch đen. Xây dựng quy trình thu hoạch, sơ chế và chế biến bột thạch đen bán thành phẩm. Đề xuất biện pháp khai thác và phát triển bền vững được nguồn gen cây thạch đen (Mesona chinensis Benth) tại Cao Bằng và một số tỉnh miền núi phía Bắc phục vụ sản xuất hàng hoá.

Số hồ sơ lưu: 19390

81538.06-2022 **Nghiên cứu chọn tạo giống lạc kháng bệnh đốm lá muộn bằng chỉ thị phân tử (giai đoạn II)**/ ThS. Phan Thanh Phương, TS. Đồng Thị Kim Cúc; ThS. Nguyễn Thanh Loan; KS. Lê Thanh Nhuận; TS. Trần Đăng Khánh; KS. Nguyễn Đức Cương; KS. Nguyễn Thị Thúy Ngoan; ThS. Phạm Duy Trình; ThS. Lê Thu Hiền - Hà Nội- Viện di truyền nông nghiệp, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn tạo giống lạc kháng bệnh đốm lá muộn. Chọn tạo 01 giống lạc được công nhận giống chính thức, có năng suất ≥3,5 tấn/ha, chất lượng cao và kháng bệnh đốm lá muộn (điểm 1-3). Chọn tạo 01 giống lạc được công nhận giống sản xuất thử, có năng suất

≥3,5 tấn/ha, chất lượng cao và kháng bệnh đốm lá muộn (điểm 1-3). Chọn tạo 1 - 2 giống lạc được khảo nghiệm giống Quốc gia có triển vọng, có năng suất ≥3,5 tấn/ha, chất lượng cao và kháng bệnh đốm lá muộn (điểm 1-3). Đăng ký bảo hộ 2 - 3 giống lạc được lai tạo trong nước. Xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác cho giống lạc mới . Xây dựng được 3 - 5 mô hình trình diễn giống lạc kháng bệnh đốm lá muộn, quy mô 3 - 5 ha/mô hình, năng suất cao (≥3,5 tấn/ha), hiệu quả kinh tế tăng 15%.

Số hồ sơ lưu: 19452

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

74249.06-2022 **Sản xuất thử nghiệm giống hoa mai vàng Yên Tử tại Hà Nội.**/ ThS. Bùi Hữu Chung, ThS. Bùi Hữu Chung; ThS. Ngô Văn Kỳ; ThS. Đặng Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Xuân Kết; Nguyễn Quốc Đại; Lê Quang Khiết; Nguyễn Anh Tuấn. - Hà Nôi - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hoa, cây cảnh, 2019 - 07/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng 02 quy trình kỹ thuật cho cây mai vàng Yên Tử; Hoàn thiện quy trình nhân giống; Kỹ thuật trồng cây thương phẩm; Sản xuất 50.000 cây giống và xây dựng mô hình trình diễn về sản xuất cây giống; Tập huấn, đào tạo; Sản xuất hoa mai thương phẩm và xây dựng mô hình sản xuất hoa mai thương phẩm; Điều khiển hoa mai nở đúng Tết Nguyên đán; Bán cây, thu hồi vốn, tính toán các thông số kỹ thuật, kinh tế, mở rộng mô hình

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-20/ĐK-TTTT&TK

75857.06-2022 **Ứng dụng giải pháp khoa học công nghệ trong xử lý chất thải động, thực vật làm phân bón cho sản xuất một số loài rau hữu cơ bản địa (rau bò khai, mỏ, tầm bóp, dớn) tại huyện Thạch thất, Hà Nội**/ ThS. Lê Tuấn Phong, ThS. Lê Tuấn Phong; ThS. Nguyễn Thị Xuyến; ThS. Vũ Văn Tùng; TS. Nguyễn Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Trương Kim Hoa; ThS. Đoàn Thị Kim Hạnh; Nguyễn Hữu Khương; Đỗ Nha Trang; Bá Thị Hương - Hà Nội- Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2019 - 08/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ chất thải động thực vật của huyện Thạch Thất (quy mô 10 tấn/mẻ) để sản xuất rau hữu cơ phù hợp với điều kiện địa phương; Hoàn thiện quy trình canh tác một số loại rau hữu cơ bản địa (rau bò khai, mỏ, tầm bóp, dớn) sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh sản xuất được trên địa bàn huyện Thạch Thất - Hà Nội; Xây dựng mô hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Đào tạo, tập huấn, hội thảo; Xây dựng, phát triển nhãn hiệu chứng nhận rau hữu cơ bản địa của huyện Thạch Thất; Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, môi trường của mô hình và đề xuất giải pháp nhân rộng

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-50/ĐK-TTTT&TK

75902.06-2022 **Nghiên cứu phát triển giống bưởi đỏ Hòa Bình tại Hà Nội**/ ThS. Đào Kim Thoa,

ThS. Đào Kim Thoa; TS. Đào Quang Nghị; ThS. Võ Văn Thắng; ThS. Đinh Thị Vân Lan; ThS. Nguyễn Thị Hải - Hà Nội- Viện nghiên cứu rau quả, 2019 - 08/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đánh giá đặc điểm nông sinh học và tính thích ứng của giống bưởi đỏ Hòa Bình tại Hà Nội; Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất bưởi đỏ Hòa Bình; Xây dựng mô hình trồng mới và ghép cải tạo giống bưởi đỏ Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-10/ĐK-TTTT&TK

81024.06-2022 **Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen cây Trám đen Hoàng Vân (Canarium nigrum Swingle) tại một số tỉnh Trung du miền núi phía Bắc**/ TS. Hoàng Thanh Lộc, GS.TS. Lê Đình Khả; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hường; KS. Nguyễn Văn Dư; PGS.TS. Đinh Thị Phòng; ThS. Trần Thị Liễu; ThS. Vũ Thị Thu Hiền; TS. Hoàng Thị Lệ Hằng; ThS. Hoàng Thị Tuyết Mai; ThS. Nguyễn Thị Thu Hường - Hà Nội- Viện Cải thiện giống và Phát triển lâm sản, 2020 - 10/2016 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đặc điểm lâm học, đặc diểm di truyền riêng biệt, giá trị dinh dưỡng của quần thể Trám đen Hoàng Vân, tuyển chọn 20 cây trội Trám đen Hoàng Vân có năng suất quả lớn hơn 15% so với quần thể tại địa phương, đánh giá tính đa dạng di truyền của các cây trội; đánh giá tính biến động, tính ổn định của thành phần, hàm lượng các chất dinh dưỡng trong thịt quả và năng suất quả của các cây trội. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nhân giống bằng phương pháp ghép; hướng dẫn kỹ thuật trồng thâm canh lấy quả; hướng dẫn kỹ thuật thu hái, sơ chế, bảo quản quả Trám đen Hoàng Vân. Xây dựng được 01 ha vườn tập hợp giống cây ghép tại Bắc Giang và 06 ha mô hình trồng thâm canh cây ghép tại 3 tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ và Hòa Bình. Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn gen, tập huấn chuyển giao kỹ thuật, hội thảo..

Số hồ sơ lưu: 19286

81257.06-2022 **Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hoa lan hồ điệp, hoa lily tại Quảng Trị**/ KS. Nguyễn Hương, KS. Nguyễn Thị Minh Huyền; ThS. Lê Mậu Bình; ThS. Trần Quang Phú; KS. Hà Thị Thu Hiền; CN. Bùi Thị Tân Diệu; CN. Lê Thị Hoa - Quảng Trị - Trung Tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, 2021 - 09/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ các quy trình công nghệ trong nhân giống hoa lan hồ điệp bằng nuôi cấy mô tế bào, công nghệ sản xuất hoa lan hồ điệp, hoa lily thương phẩm trong nhà lưới ứng dụng công nghệ cao. Xây dựng mô hình sản xuất hoa lan hồ điệp trong nhà lưới hiện đại: 1.000 m2, sản xuất được 24.000 cây, trong đó có: 95% cây đạt tiêu chuẩn (cây 4-6 lá, 7-12 nụ/cành, sinh trưởng, phát triển tốt không bị sâu bệnh). Mô hình sản xuất hoa lan lily trong nhà lưới cấp 2: 2.000 m2, sản xuất được

40.000 cây trong đó có 95-97% cây đạt tiêu chuẩn (cây sinh trưởng, phát triển tốt không bị sâu bệnh; cây 5-7 nụ/cành). Sản xuất cây giống lan Hồ điệp nuôi cấy mô 5.000 cây giống nuôi cấy mô/dự án.

Số hồ sơ lưu: 19355

81978.06-2022 **Nghiên cứu biện pháp quản lý tổng hợp phòng trị bệnh cháy lá trên cây hành lá (*Allium fistulosum* L.) ở tỉnh Vĩnh Long**/ TS. Huỳnh Kim Định, PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Nga; ThS. Nguyễn Quốc Thái; ThS. Phan Thị Cẩm Vân; ThS. Nguyễn Thị Kim Vui; ThS. Đoàn Thị Kiều Tiên; ThS. Lê Thị Cẩm Thi; CN. Lê Mỹ Lý; CN. Nguyễn Thị Kiều Diễm; ThS. Lê Minh Quân - tỉnh Vĩnh Long - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Vĩnh Long, 2020 - 06/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra và khảo sát đánh giá thực trạng sản xuất và tình hình dịch bệnh trên cây hành lá (*Allium fistulosum* L.) ở tỉnh Vĩnh Long. Xác định tác nhân vi khuẩn gây bệnh đến mức độ loài bằng quy trình Koch và phương pháp sinh học phân tử. Nghiên cứu chứng minh thực khuẩn thể chuyên tính và biện pháp sử dụng thực khuẩn thể trong phòng trừ vi khuẩn (*Xanthomonas sp*.) gây bệnh cháy lá trong điều kiện ngoài đồng. Tuyển chọn chất kích kháng có hiệu quả trong phòng trị bệnh cháy lá trên hành. Tuyển chọn các thuốc hóa học có hiệu quả trong phòng trị bệnh cháy lá trên hành. Đánh giá ảnh hưởng của biện pháp canh tác đến hiệu quả phòng trị bệnh cháy lá trên cây hành lá. Đánh giá các biện pháp phòng trị (sinh học, kích kháng, thuốc hóa học) và biện pháp canh tác đến hiệu quả phòng trị bệnh cháy lá trên cây hành lá ở điều kiện ngoài đồng. Xây dựng mô hình quản lý tổng hợp đối với bệnh cháy lá trên cây hành lá ở điều kiện ngoài đồng.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI048.2021

82024.06-2022 **Xây dựng mô hình trồng rau thủy canh phục vụ đào tạo nghề và chuyển giao kỹ thuật cho đoàn viên thanh niên trên địa bàn tỉnh**/ KS. Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Minh Châu; Nguyễn Anh Đức; Trần Thị Ái Phi - Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh Niên tỉnh Quảng Bình - Trung tâm Dịch vụ việc làm thanh niên tỉnh Quảng Bình, 2021 - 10/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng rau bằng phương pháp thủy canh hồi lưu đối với một số loại rau có giá trị kinh tế (cải bó xôi, xà lách và dưa lưới); Làm mô hình để phục vụ công tác đào tạo nghề, chuyển giao kỹ thuật cho lực lượng thanh niên nông thôn và người nông dân trên địa bàn tỉnh; Thay đổi một số thói quen canh tác truyền thống; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức cho người dân trong việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và sử dụng sản phẩm nông nghiệp sạch; Tạo việc làm cho người lao động đồng thời tạo nguồn thu và tăng thu nhập cho đơn vị: Thông qua việc vận hành sản xuất rau của mô hình, đem lại một nguồn thu cho đơn vị, đồng

thời giúp duy trì và nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: 03/2021-QLKHCN-CS

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

79656.06-2022 **Lưu giữ, bảo quản nguồn gen cây thuốc lá**/ ThS. Trần Thị Thanh Hảo, CN. Đinh Bá Mạnh; ThS. Nguyễn Văn Ninh; KTV. Ngô Thị Băng - Hà Nội- Công ty TNHH một thành viên Viện Thuốc lá, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ an toàn nguồn gen thuốc lá phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển bền vững cây thuốc lá ở Việt Nam. Lưu giữ an toàn và nguyên trạng 81 nguồn gen cây thuốc lá bằng biện pháp bảo quản sinh trưởng chậm, thời gian bảo quản/nguồn gen trong môi trường sinh trưởng chậm từ 150 - 175 ngày. Lưu giữ an toàn và nguyên trạng 88/93 nguồn gen hạt thuốc lá bằng biện pháp bảo quản hạt trung hạn, khối lượng hạt từ 5,1 - 284,3 gam/nguồn gen, TLNM từ 70 - 95%. Trẻ hóa 15 nguồn gen hạt gồm Siêu lá, Siêu lá thấp cây, Cao Bằng 4, Cao Bằng 5, Rila 82, Dupnitsa 126, Dupnitsa 160, Tekne 11, Tekne 12, Tảo Yên, Vân Yên, Yodbit 1, Yodbit 2, Thabobrl và N.Forget Iana với khối lượng hạt thu được từ 71,5 - 285,3 gam/nguồn gen, khối lượng 1.000 hạt từ 0,081 - 0,110 gam và TLNM từ 85 -95%.

Số hồ sơ lưu: 18698

81041.06-2022 **Xây dựng mô hình ứng dụng tổng hợp các tiến bộ kỹ thuật nhằm sản xuất cà phê chè bền vững tại tỉnh Sơn La**/ KS. Phạm Văn Hùng, CN. Dương Hồng Hương; KS. Đậu Đình Chung; KS. Trần Thị Nhàn; ThS. Vũ Hồng Tráng; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Bùi Thị Hà; KS. Phạm Thị Hồng Ngôn; TS. Trần Thị Huế; ThS. Lã Tuấn Anh; TS. Lê Xuân Vị; ThS. Nguyễn Mai Hương; KS. Nguyễn Thị Tâm - Sơn La - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngọc Trung, 2020 - 11/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến từ khâu nhân giống, trồng, chăm sóc và thu hoạch cà phê chè chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, hiệu quả kinh tế cao và bền vững cho ngành sản xuất cà phê tại tỉnh Sơn La. Chuyển giao 11 quy trình công nghệ ứng dụng trong sản xuất cà phê chè bền vững. Xây dựng 01 mô hình sản xuất giống cà phê chè chất lượng cao (quy mô 300.000 cây giống/năm); 01 mô hình trồng mới cà phê chè bền vững; 01 mô hình canh tác cà phê chè bền vững, hiệu quả kinh tế tăng 10 -15% so với sản xuất đại trà; 01 mô hình thu hoạch, bảo quản, chế biến cà phê chè. Đào tạo được 30 kỹ thuật viên cơ sở về sản xuất giống, kỹ thuật canh tác và sản xuất 2 phân HCVS. Tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch cà phê bền vững cho 300 lượt người dân.

Số hồ sơ lưu: 19289

81673.06-2022 **Nghiên cứu phát triển cây riềng ấm (Alpinia zerumbet. Pers) để sản xuất**

nguyên liệu làm thực phẩm chức năng/ TS. Phạm Thị Mỹ Phương, PGS.TS. Lê Tất Khương; PGS.TS. Lê Danh Tuyên; ThS. Nguyễn Ngọc Quý; ThS. Đoàn Văn Tú; ThS. Đỗ Thị Bảo Hoa; TS. Phạm Thị Vân Anh; PGS.TS. Vũ Thị Thu Hiền; ThS. Phan Lệ Nga; TS. Bùi Thị Nhung - Hà Nội- viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phát triển cây riềng ấm trong điều kiện sinh thái Việt Nam để làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm chức năng. Nghiên cứu đề xuất được quy trình nhân giống, trồng, chăm sóc và sản xuất bột lá riềng ấm. Đánh giá được độc tính cấp, độc tính bán trường diễn của bột lá riềng ấm. Nghiên cứu hoạt tính sinh học trong việc giảm glucose trong máu trên thực nghiệm của bột lá riềng ấm. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho bột riềng ấm. Các kết quả nghiên cứu thu được làm cơ sở khoa học cho việc phát triển cây riềng ấm ở Việt Nam làm nguyên liệu sản xuất các sản phẩm chức năng.

Số hồ sơ lưu: 19492

81901.06-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh ứng dụng trong trồng và chế biến cây nguyên liệu giấy**/ ThS. Phạm Đức Huy, ThS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Nguyễn Văn Chinh, GS.TS. Phạm Quang Thu; TS. Cao Văn Sơn; TS. Phan Thị Hồng Thảo; ThS. Nguyễn Thị Hồng Liên; CN. Nguyễn Thế Quyết; TS. Nguyễn Đức Thành; ThS. Hà Ngọc Anh - Phú Thọ - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra tình hình bảo quản gỗ nguyên liệu giấy, các loài nấm gây hao tổn cellulose: nấm mục, nấm mốc trên gỗ nguyên liệu và bệnh hại chính (chết héo) trên cây keo. Phân lập, định danh mẫu bệnh hại chính (chết héo) trên cây keo và các loài nấm gây hao tổn cellulose: nấm mục, nấm mốc trên gỗ nguyên liệu. Phân lập, tuyển chọn và định danh một số chủng vi sinh vật đối kháng với bệnh hại chính (chết héo) trên cây keo và các loài nấm gây hao tổn cellulose: nấm mục, nấm mốc trên gỗ nguyên liệu trong bảo quản gỗ keo. Nghiên cứu quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh quy mô pilot. Nghiên cứu liều lượng, nồng độ phù hợp sử dụng chế phẩm vi sinh phòng trừ bệnh hại chính (chết héo) trên cây keo trong điều kiện in vitro, nhà lưới và vườn ươm. Sản xuất 1.000 kg chế phẩm đáp ứng nhu cầu thử nghiệm của đề tài. Nghiên cứu liều lượng, nồng độ phù hợp sử dụng chế phẩm vi sinh phòng trừ bệnh hại chính (chết héo) trên cây keo ở rừng trồng. Xây dựng mô hình trình diễn sử dụng chế phẩm vi sinh phòng trừ bệnh hại (chết héo) cho cây keo. Nghiên cứu liều lượng, nồng độ và điều kiện phù hợp sử dụng chế phẩm vi sinh trong bảo quản gỗ keo nguyên liệu giấy. Xây dựng quy trình công nghệ sử dụng chế phẩm vi sinh trong bảo quản 200 m^3 gỗ keo mảnh nguyên liệu giấy. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của việc sử dụng chế phẩm vi sinh trong phòng trừ bệnh hại (chết héo) cây keo và bảo quản dăm mảnh gỗ keo.

Số hồ sơ lưu: 19556

40106. Bảo vệ thực vật

79209.06-2022 **Nghiên cứu hoàn thiện quy trình quản lý bọ nhảy (Phyllotreta striolata Fabricius) gây hại trên cây củ cải trắng tại tỉnh Vĩnh Long**/ ThS. Nguyễn Huy Thảo, KS. Phạm Mỹ Linh - tỉnh Vĩnh Long - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Vĩnh Long, 2020 - 04/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Điều tra tình hình canh tác, dịch hại và biện pháp quản lý bọ nhảy gây ra trên cây củ cải trắng của nông dân tại các vùng chuyên canh rau màu nhằm tạo cơ sở cho việc xây dựng mô hình quản lý bọ nhảy gây hại trên cây củ cải trắng. Đánh giá và chọn lọc loại vật liệu có hiệu quả ngăn cản sự di chuyển của bọ nhảy vào vùng sản xuất củ cải trắng. Chọn lọc sản phẩm sinh học hiệu quả trong việc quản lý bọ nhảy trong điều kiện có bao vật liệu che chắn sự di chuyển của bọ nhảy vào vùng sản xuất củ cải trắng so với đối chứng được nông dân sử dụng phổ biến sau khi điều tra. Xây dựng mô hình thử nghiệm ứng dụng kết hợp các giải pháp cải tiến trong quản lý bọ nhảy.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS001.2021

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

75850.06-2022 **Nghiên cứu quy trình công nghệ tổng hợp acetylat distarch adipat từ nguồn tinh bột sắn được sản xuất tại các làng nghề Hà Nội để làm phụ gia thực phẩm đạt quy chuẩn Việt Nam**/ ThS. Bùi Thị Thời, ThS. Bùi Thị Thời; CN. Trần Thị Thu Hồng; ThS. Phạm Thị Thanh Hiếu; ThS. Nguyễn Thanh Hằng; CN. Nguyễn Thị Hoa; Nguyễn Duy Tiến; KS. Chu Hương Giang - Hà Nội- Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2019 - 08/2017 - 07/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình làm sạch bột sắn đạt tiêu chuẩn làm nguyên liệu để tổng hợp acetylat distarch adipat (ADA); Nghiên cứu quy trình tổng hợp acetylat distarch adipat quy mô phòng thí nghiệm.; Nghiên cứu ảnh hưởng của các điều kiện phản ứng đến chất lượng và hiệu suất thu hồi sản phẩm ADA; Nghiên cứu quy trình tinh chế, làm sạch và thu sản phẩm ADA; Kết quả phân tích hình thái và cấu trúc sản phẩm; Kết quả phân tích các chỉ tiêu hóa lý sản phẩm: độ bền gel, độ trắng, độ nhớt, độ bền đông rã; Kết quả phân tích chất lượng sản phẩm ADA; Nghiên cứu điều kiện bảo quản sản phẩm ADA; Đề xuất sơ đồ công nghệ sản xuất ADA quy mô 200kg sản phẩm/mẻ; Nghiên cứu quy trình công nghệ xử lý nước thải của quá trình tổng hợp ADA; Thử nghiệm ứng dụng sản phẩm ADA trong sản xuất tương ớt; Thử nghiệm ứng dụng sản phẩm ADA trong sản xuất miến dong sản phẩm tinh bột ADA đạt quy chuẩn Việt Nam; Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm ADA đạt quy chuẩn Việt Nam và phù hợp với yêu cầu ứng dụng sản phẩm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất .; Công bố tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm ADA cho 02 loại sản phẩm; Đánh giá kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-42/ĐK-TTTT&TK

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác

75857.06-2022 **Ứng dụng giải pháp khoa học công nghệ trong xử lý chất thải động, thực vật làm phân bón cho sản xuất một số loài rau hữu cơ bản địa (rau bò khai, mỏ, tầm bóp, dớn) tại huyện Thạch thất, Hà Nội**/ ThS. Lê Tuấn Phong, ThS. Lê Tuấn Phong; ThS. Nguyễn Thị Xuyến; ThS. Vũ Văn Tùng; TS. Nguyễn Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Trương Kim Hoa; ThS. Đoàn Thị Kim Hạnh; Nguyễn Hữu Khương; Đỗ Nha Trang; Bá Thị Hương - Hà Nội- Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2019 - 08/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ chất thải động thực vật của huyện Thạch Thất (quy mô 10 tấn/mẻ) để sản xuất rau hữu cơ phù hợp với điều kiện địa phương; Hoàn thiện quy trình canh tác một số loại rau hữu cơ bản địa (rau bò khai, mỏ, tầm bóp, dớn) sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh sản xuất được trên địa bàn huyện Thạch Thất - Hà Nội; Xây dựng mô hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Đào tạo, tập huấn, hội thảo; Xây dựng, phát triển nhãn hiệu chứng nhận rau hữu cơ bản địa của huyện Thạch Thất; Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, môi trường của mô hình và đề xuất giải pháp nhân rộng

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-50/ĐK-TTTT&TK

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

81439.06-2022 **Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình trang trại sản xuất dê giống và nuôi dê thương phẩm trên địa bàn huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam**/ ThS. Nguyễn Trần Toản, CN. Nguyễn Trần Viện; KS. Nguyễn Trần Ba; CN. Nguyễn Thị Thảo; Nguyễn Thị Xuyền - Hà Nam - Công ty TNHH cơ khí Bảy Viện, 2021 - 11/2016 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng 01 mô hình trang trại sản xuất giống dê giống tại Hà Nam quy mô tập trung: quy mô 20 dê đực và 300 dê cái. Xây dựng 30 mô hình nuôi dê thương phẩm tại 30 hộ gia đình tại các xã thuộc huyện Kim Bảng với quy mô 10 con/mô hình. Xây dựng mô hình trồng thức ăn với diện tích 5 ha đủ cung cấp thức ăn thô, xanh cho dê. ủng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất dê giống và nuôi dê thương phẩm phù hợp với điều kiện của huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Cải thiện chất lượng đàn dê địa phương, nâng cao hiệu quả kinh tế ngành chăn nuôi và thu nhập cho người nông dân.

Số hồ sơ lưu: 19403

81925.06-2022 **Khai thác, phát triển nguồn gen vịt đặc sản: vịt Kỳ Lừa, Bầu Bến, Mốc và Đốm**/ TS. Nguyễn Văn Duy, ThS. Nguyễn Thị Thúy Nghĩa; TS. Nguyễn Đức Trọng; ThS. Phạm Văn Chung; TS. Vũ Ngọc Sơn; ThS. Lý Văn Vỹ; KS. Vương Thị Lan Anh; BSTY. Đồng Thị Quyên; BSTY. Đặng Thị Vui;

KS. Lê Thị Mai Hoa - Hà Nội- Trung tâm nghiên cứu vịt đại xuyên, 2016 - 01/2012 - 12/2015. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra bổ sung, đánh giá hiện trạng tình hình chăn nuôi vịt Kỳ Lừa, Bầu Bến, Mốc và Đốm. Nghiên cứu chọn lọc, xây dựng đàn hạt nhân vịt Kỳ Lừa, Bầu Bến, Mốc và Đốm. Nghiên cứu xây dựng đàn sản xuất vịt Kỳ Lừa, Bầu Bến, Mốc và Đốm. Nghiên cứu xây dựng quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, thú y phòng bệnh cho vịt Kỳ Lừa, Bầu Bến, Đốm và Mốc. Xây dựng mô hình nuôi vịt thương phẩm Kỳ Lừa, Bầu Bến, Đốm và Mốc.

Số hồ sơ lưu: 19559

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

81459.06-2022 **Nghiên cứu quy trình công nghệ chế biến bột giàu protein và bột giàu canxi từ lòng trắng, vỏ trứng vịt muối phục vụ công nghiệp chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi tại tỉnh Sóc Trăng**/ ThS. Nguyễn Thị Lài, KS. Nguyễn Thị Bình; TS.Phạm Hương Sơn; ThS. Lê Quang Thái; KS. Dương Xuân Trường; KS. Lê Thị Khánh Vân; Ong Tài Thuận - Hà Nội- Viện Ứng dụng công nghệ, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các biện pháp xử lý bột lòng trắng trứng vịt muối thành sản phẩm bột giàu protein; Đưa ra quy trình sản xuất và tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm bột giàu protein từ lòng trắng trứng vịt muối; Xác định các biện pháp xử lý vỏ trứng vịt muối thành bột giàu canxi; Đưa ra quy trình sản xuất và tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm bột giàu canxi từ vỏ trứng vịt muối. Ứng dụng lòng trắng và vỏ trứng trứng vịt muối vào chế biến thực phẩm, chế biến thức ăn chăn nuôi.

Số hồ sơ lưu: 19407

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

81254.06-2022 **Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nuôi bò sinh sản và nuôi vỗ béo bò thịt tại tỉnh Hà Nam**/ KS. Nguyễn Thị Quỳnh, CN. Trịnh Đức Thiêm; CN. Đặng Ngọc Quyết; CN. Trần Văn Thắng; CN. Trần Thanh Hải; CN. Nguyễn Thị Hà; CN. Phạm Thanh Tuấn; CN. Phạm Hùng; CN. Nguyễn Minh Tâm; CN. Đỗ Văn Đoàn; KS. Ứng Đức Cao; CN. Nguyễn Ngọc Chung; CN. Đào Hồng Thanh - Hà Nam - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Nam, 2021 - 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ các quy trình công nghệ chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản (thụ tinh nhân tạo giữa bò đực Brahman đỏ thuần với bò cái lai Zebu); sản xuất thức ăn thô cho bò, xử lý chất thải trong chăn nuôi. Áp dụng công nghệ trồng cỏ và cây thức ăn trên đất tận dụng, xử lý phụ phẩm nông nghiệp (rơm tươi, rơm khô, cây ngô sau thu bắp, thân ngọn lá lạc..) làm thức ăn cho gia súc (sản xuất được 150-180 tấn thức ăn vỗ béo bò) đồng thời lồng ghép áp dụng công nghệ để xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi bò. Xây dựng thành công các mô hình gồm: Sản xuất 150 - 180 tấn thức ăn hỗn hợp vỗ béo bò

được phối chế từ nguyên liệu sẵn có tại địa phương. Mô hình chăn nuôi bò sinh sản tập trung, quy mô 100 con (bò cái lai Zebu). Mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản tại 40 hộ gia đình, mỗi hộ 2 - 3 con, tổng đàn 100 con (bò cái lai Zebu, bò vàng địa phương được tuyển chọn). Mô hình chăn nuôi bò thịt vỗ béo bò thịt tập trung quy mô 25 con/đợt. Thời gian vỗ béo là 80 - 90 ngày/đợt. Những đợt tiếp theo sẽ sử dụng vốn bán bò của đợt đầu để quay vòng vỗ béo bò.

Số hồ sơ lưu: 19349

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

81016.06-2022 **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong trang trại nuôi vịt, ngan**/ TS. Nguyễn Thị Nga, ThS. Nguyễn Ngọc Huân; ThS. Hoàng Tuấn Thành; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Đỗ Thị Nhung - Hà Nội- Viện Chăn nuôi, 2013 - 01/2013 - 12/2013. (Đề tài cấp Bộ)

Trong trang trại chăn nuôi vịt, ngan hiện nay hầu hết không có quy hoạch thiết kế từ đầu, xây dựng chắp vá, thiếu đồng bộ, các chủ trang trại thường chỉ học hỏi qua nhau mà không được tư vấn kỹ thuật về việc xử lý chất thải trong chăn nuôi và đặc biệt nhận thức về tác động của việc chăn nuôi quy mô công nghiệp tập trung đến ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực chăn nuôi. Làm rõ thực trạng việc xử lý chất thải, ô nhiễm môi trường trong trang trại chăn nuôi vịt, ngan. Đề xuất giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tăng năng suất vật nuôi, giảm thiểu dịch bệnh, tăng hiệu quả cho người chăn nuôi vịt, ngan. Ở các tỉnh phía Nam cần chú ý biện pháp giảm thiểu vi khuẩn như coliform và coli phân, còn các tỉnh phía Bắc cần chú ý biện pháp giảm thiểu BOD, COD, nito tổng số, phospho trong nước thải.

Số hồ sơ lưu: 19283

80998.06-2022 **Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt chuyên trứng và kiêm dụng có kiểm soát tại các tỉnh Nam bộ**/ ThS. Lê Thanh Hải, TS. Dương Xuân Tuyển; ThS. Ngô Đức Vũ; ThS. Phạm Thị Như Tuyết; KS. Lê Văn Trang; ThS. Nguyễn Văn Lục; ThS. Bùi Thị Tuyết Trinh; KS. Nguyễn Trí Tuệ; KS. Lưu Thành Long; KS. Nguyễn Thị Hồng Châu - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Chăn nuôi Gia cầm VIGOVA, 2019 - 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Chuyển giao nhanh giống vịt chuyên trứng năng suất cao TC, vịt kiêm dụng giống vịt Biển và vịt PT, trong chăn nuôi nông hộ tại các tỉnh Nam bộ. Xây dựng 10 mô hình với quy mô 36.000 con vịt sinh sản bố mẹ TC hướng trứng và 14 mô hình vịt PT, vịt Biển thương phẩm với quy mô 112.000 con. Hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 15%, tăng hiệu quả chăn nuôi, tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người dân. Mở 116 lớp đào tạo, tập huấn kỹ thuật cho 1820 lượt nông dân (trong đó có 68 lớp đào tạo tập huấn trong mô hình với 380 lượt nông dân tham dự, 48 lớp đào tạo tập huấn ngoài mô hình với 1440 lượt nông dân tham dự) và

1200 lượt nông dân được thăm quan học tập để nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: 19275

81017.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng đàn hạt nhân giống lợn Mẹo tỉnh Yên Bái góp phần phát triển chăn nuôi bền vững**/ TS. Trịnh Phú Ngọc, ThS. Bùi Tuấn Anh; ThS. Trần Thị Cương; ThS. Vũ Thị Thảo; ThS. Trịnh Phú Cử; ThS. Nguyễn Khắc Khánh; ThS. Hàn Anh Tuấn; ThS. Lê Xuân Thành; KS. Trần Tường - Hà Nội- Trung tâm tư vấn và Hỗ trợ phát triển nông thôn, 2021 - 05/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng tiêu chí cơ sở lợn Mẹo sinh sản; quy trình tuyển chọn lợn Mẹo sinh sản. Tuyển chọn, xây dựng mô hình lợn Mẹo sinh sản (lợn hạt nhân: 32 con; 28 ♀ và 4 ♂; lợn sản xuất: 48 con; 42 ♀ và 6 ♂). Xây dựng quy trình chăm sóc nuôi dưỡng lợn Mẹo sinh sản; quy trình thú y lợn Mẹo sinh sản. Tổ chức 01 cuộc hội thảo khoa học chuyên đề lợn Mẹo, 01 lớp tập huấn qui trình, kỹ thuật cho người nuôi lợn. Xây dựng mô hình phát triển nguồn gen lợn Mẹo tỉnh Yên Bái phục vụ nghiên cứu và sản xuất, góp phần tạo sinh kế cho người chăn nuôi.

Số hồ sơ lưu: 19280

81044.06-2022 **Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt chuyên thịt VCN/TP – SD, ngan giá trị kinh tế cao VCN/TP – VS7 theo hướng an toàn sinh học trong nông hộ tại đồng bằng sông Hồng**/ TS. Nguyễn Thị Nga, ThS.Lê Thị Thu Hiền ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Quý Khiêm; ThS. Vũ Đức Cảnh; ThS. Lê Xuân Sơn; ThS. Tạ Thị Hương Giang; CN. Vũ Tất Thắng.; ThS. Phạm Thị Lụa - Hà Nội- Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, 2018 - 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng 18 mô hình chăn nuôi vịt VCN/TP-SD và ngan VCN/TPVS7 an toàn sinh học tại 6 tỉnh với quy mô 60.000 con vịt (VCN/TP-SD) và 120.000 con ngan (VCN/TP-VS7) đạt được các chỉ tiêu KTKT. Mở 18 lớp tập huấn kỹ thuật cho 360 lượt hộ tham dự, mở 36 lớp đào tạo ngoài mô hình với tổng số 1080 người tham dự. Tổ chức 36 lần tham quan mô hình trình diễn với 1080 đại biểu tham gia. Chuyển giao nhanh nhóm giống vịt chuyên thịt VCN/TP-SD, ngan giá trị kinh tế cao VCN/TP-VS7 góp phần thúc đẩy chăn nuôi thủy cầm phát triển tại các tỉnh đồng bằng sông Hồng. Giúp nông dân nâng cao nhận thức, trình độ kỹ thuật chăn nuôi vịt chuyên thịt VCN/TP-SD, ngan giá trị kinh tế cao VCN/TP-VS7 theo hướng an toàn sinh học, tăng thêm thu nhập cho người nông dân.

Số hồ sơ lưu: 19284

40405. Giống cây rừng

81369.06-2022 **Nghiên cứu chọn giống và kỹ thuật trồng rừng thâm canh Sa mộc (Cunninghamia lanceolata Lamb. Hook) cho năng suất cao nhằm cung cấp gỗ lớn ở vùng núi phía Bắc (Đông Bắc Bộ và Tây Bắc Bộ).**/ TS. Đặng Văn Thuyết, TS. Nguyễn Toàn Thắng; PGS.TS. Trần Văn Con; TS. Trần Lâm Đồng; TS. Đặng Thịnh Triều; ThS.Lê Thị Hạnh; ThS. Trần Anh Hải; ThS. Dương Quang Trung;

ThS. Vũ Tiến Lâm; ThS. Lý Thị Thanh Huyền; KS. Lê Ngọc Hà; ThS. Đinh Hải Đăng; KS. Diệp Xuân Tuấn; KS. Đào Trung Đức; ThS. Trần Quang Trung; KS. Bạc Cầm Thiểu - Hà Nội- Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2020 - 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn ít nhất 02 xuất xứ tốt / vùng và 05 gia đình có triển vọng / vùng có năng suất gỗ vượt ít nhất 15% so với sản xuất hiện nay. Chọn ít nhất 100 cây trội tốt từ các xuất xứ dự kiến đưa vào khảo nghiệm. Xây dựng bảng phân chia lập địa trồng rừng thâm canh Sa mộc cho năng suất cao cung cấp gỗ lớn ở vùng núi phía Bắc. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật nhân giống hom và trồng rừng thâm canh Sa mộc cung cấp gỗ lớn ở vùng núi phía Bắc được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là tiến bộ kỹ thuật. Xây dựng 9,6 ha rừng khảo nghiệm giống kết hợp vườn giống hữu tính Sa mộc (4,8 ha ở mỗi vùng).

Số hồ sơ lưu: 19394

81504.06-2022 **Nghiên cứu chọn tạo giống Keo tam bội sinh trưởng nhanh phục vụ trồng rừng gỗ lớn**/ TS. Nghiêm Quỳnh Chi, TS. Đỗ Hữu Sơn; TS. Hà Huy Thịnh; TS. Nguyễn Đức Kiên; ThS. Trần Đức Vượng; ThS. Đồng Thị Ưng; TS. Nguyễn Tử Kim; TS. Phạm Xuân Đỉnh; TS. Trần Hữu Biển; TS. Kiều Tuấn Đạt - Hà Nội- Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2020 - 12/2014 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ chọn tạo giống keo tam bội. Chọn lọc được 3 – 5 dòng sinh trưởng nhanh, chất lượng gỗ tốt, có năng suất vượt 15% so với giống trồng đại trà trong sản xuất. Xây dựng 15 ha khảo nghiệm giống với tỷ lệ sống ≥ 90 % trong năm đầu tiên, quy mô 5 ha/mô hình/vùng sinh thái. Công nhận được 1 – 2 dòng keo lai tam bội là giống tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học.

Số hồ sơ lưu: 19431

81542.06-2022 **Nghiên cứu phát triển nguồn gen Bạch đàn H1 và TTKT7 phục vụ trồng rừng cây nguyên liệu giấy**/ ThS. Hà Ngọc Anh, KS. Triệu Hoàng Sơn; KS. Phạm Thị Thúy - Phú Thọ - Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng nguồn vật liệu di truyền (vườn cây đầu dòng); nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật (nuôi cấy mô, giâm hom, trồng rừng thâm canh) để phát triển nguồn vật liệu di truyền và nhân rộng nguồn gen; đồng thời, thử nghiệm nhân giống và xây dựng rừng trồng mô hình, kết quả của nhiệm vụ sẽ là cơ sở tin cậy cho việc đề xuất và áp dụng những nguồn gen quý vào thực tiễn sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 19448

40504. Nuôi trồng thuỷ sản

81554.06-2022 **Ứng dụng và nghiên cứu hoàn thiện một số giải pháp kỹ thuật trong tổ chức sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) vùng Tây Nam Bộ**/ GS.TS. Nguyễn Thanh Phương,

PGS.TS. Võ Nam Sơn; PGS.TS. Phạm Thanh Liêm; PGS.TS.Bùi Minh Tâm; PGS. TS. Đỗ Thị Thanh Hương; PGS. TS. Lam Mỹ Lan; PGS.TS. Vũ Ngọc Út; TS. Lê Thị Minh Thủy; PGS.TS. Nguyễn Văn Sánh; PGS.TS. Trần Thị Tuyết Hoa; TS. Bùi Thị Bích Hằng; TS. Nguyễn Quốc Thịnh; ThS. Nguyễn Thị Kim Hà; ThS. Đào Minh Hải; ThS. Huỳnh Văn Hiền - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021 - 10/2017 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng qui trình kỹ thuật và 2-3 mô hình trại sản xuất giống mẫu đảm bảo năng suất và chất lượng cá bột; Xây dựng qui trình nuôi thương phẩm đạt tỉ lệ sống từ 80% trở lên, giảm chi phí sản xuất 5-10%, giảm hệ số thức ăn từ 0,1-0,2; hơn 90% cá thương phẩm đạt chất lượng chế biến xuất khẩu, giảm sử dụng nước và nước thải vào môi trường có chỉ số đáp ứng tiêu chuẩn chứng nhận; Phân tích thực trạng cơ chế chính sách liên kết trong chuỗi sản xuất cá tra và các mô hình liên kết sản xuất, xây dựng/phát triển chính sách dựa vào mô hình của đề tài và đề xuất và khuyến khích cơ chế chính sách cải tiến và mới;

Số hồ sơ lưu: 19454

81726.06-2022 **Hoàn thiện quy trình và xây dựng mô hình Aquaponics nuôi thủy sản tuần hoàn nước và trồng rau sạch tiết kiệm nước ở Đồng bằng Sông Cửu Long**/ TS. Hồ Thanh Huy, PGS.TS. Trần Thanh Hương; PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu; PGS.TS. Trần Văn Mẫn; TS. Lê Tự Thành; PGS.TS. Nguyễn Du Sanh; PGS.TS. Nguyễn Đức Hoàng; TS. Châu Thi Đa; TS. Nguyễn Chí Nhân; ThS. Võ Phương Tùng; ThS. Nguyễn Hoàng Quân - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh, 2021 - 10/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá công nghệ đang ứng dụng trong quy trình nuôi thủy sản và trồng rau sạch tiết kiệm nước ở Đồng bằng Sông Cửu Long và Tp. Hồ Chí Minh. Hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi trồng thủy sản tuần hoàn nước và trồng rau sạch tiết kiệm nước cho vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. Xây dựng thành công mô hình nuôi thủy sản kết hợp trồng rau sạch tiết kiệm nước ở Đồng bằng Sông Cửu Long đạt hiệu quả kinh tế cao.

Số hồ sơ lưu: 19506

40506. Quản lý và khai thác thuỷ sản

81210.06-2022 **Xây dựng quy hoạch chi tiết Khu bảo tồn biển Phú Quý - Bình Thuận**/ ThS. Lại Duy Phương, ThS. Bùi Quang Mạnh; ThS. Đỗ Anh Duy; PGS. TS. Đỗ Văn Khương; TS. Nguyễn Quang Hùng; ThS. Đinh Thanh Đạt; ThS. Nguyễn Văn Hiếu; TS. Nguyễn Dương Thạo; ThS. Nguyễn Công Thành; ThS. Trương Văn Tuân - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2010 - 01/2009 - 12/2010. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khu bảo tồn biển Phú Qúy được thành lập và quản lý hiệu quả nhằm duy trì và bảo vệ đa dạng sinh học biển (các hệ sinh thái, các loài thủy

sinh vật biển và nguồn gen), bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo cho phát triển kinh tế biển gắn với phát triển du lịch sinh thái, quản lý và sử dụng bền vững nguồn lợi hải sản trong và ngoài khu bảo tồn để từng bước cải thiện sinh kế và nâng cao mức sống của cộng đồng ngư dân trong khu bảo tồn. Mục tiêu cụ thể của Khu bảo tồn biển Phú quý: Duy trì và bảo vệ tài nguyên biển; Bảo vệ đa dạng sinh học biển; Bảo vệ nơi sinh cư của các loài sinh vật; Tăng cường nhận thức và kiến thức về bảo vệ môi trường và bảo tồn biển; Duy trì và cải thiện sinh kế; Duy trì và tăng cường an ninh lương thực; Duy trì cơ chế luật pháp và chiến lược quản lý hiệu quả; Đảm bảo sự tham gia tích cực của các bên liên quan; Duy trì các cơ cấu và các chiến lược quản lý hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 19348

81252.06-2022 **Đánh giá và đề xuất giải pháp quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ dọc cửa sông Cửu Long**/ PGS.TS. Trần Đắc Định, TS. Trần Văn Việt; TS. Hà Phước Hùng; PGS.TS. Nguyễn Thanh Long; ThS. Nguyễn Nguyễn Du; PGS.TS. Dương Thúy Yên; PGS. TS. Nguyễn Văn Công; ThS. Cao Văn Hùng; TS. Đinh Minh Quang; ThS. Huỳnh Văn Hiền; ThS. Đặng Thị Phượng; PGS.TS. Trương Hoàng Minh; PGS.TS. Naoki Tojo - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021 - 10/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được hiện trạng nghề khai thác thủy sản hiện nay cũng như công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái vùng ven bờ dọc cửa sông Cửu Long; Đề xuất các giải pháp quản lý và mô hình phù hợp nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cũng như hệ sinh thái vùng ven bờ; Triển khai các mô hình được đề xuất cho cộng đồng ngư dân vùng dự án; Tổ chức tập huấn, hội thảo, khuyến ngư và tuyên truyền nhằm nâng cao hiểu biết về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc bảo tồn, phát triển nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái vùng ven bờ cho cán bộ quản lý thủy sản và người dân trong vùng dự án.

Số hồ sơ lưu: 19359

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

75865.06-2022 **Nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen cây trám, mít bản địa tại khu vực di tích lịch sử Cổ Loa, huyện Đông Anh**/ TS. Phạm Hùng Cương, TS. Phạm Hùng Cương; ThS. Phạm Thị Kim Hạnh; ThS. Nguyễn Phùng Hà; ThS. Hồ Thị Loan; KS. Nguyễn Thị Hồng Mai; ThS. Đới Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Hữu Hải; ThS. Nguyễn Thị Tú Quyên; KS. NGuyễn Văn Ích; KS. Nguyễn Ngân Trang - Hà Nội- Trung tâm Tài nguyên Thực vật, 2019 - 08/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đánh giá đặc điểm nông sinh học, mối quan hệ di truyền của nguồn gen Mít, Trám đen Cổ Loa; Nghiên cứu tuyển chọn cây ưu tú cho 02 nguồn gen Trám đen và Mít Cổ Loa; Nghiên cứu xay dựng quy trình nhân giống và vườn ươm cây giống nguồn gen Mít, TRám đen

Cổ Loa; Nghiên cứu xây dựng quy trình trồng, chăm sốc nguồn gen cây Mít, Trám đen Cổ Loa; Xây dựng mô hình trồng mới nguồn gen Mít, Trám đen Cổ Loa; Xây dựng mô hình bảo tồn tại chỗ nguồn gen Mít, Trám đen Cổ Loa

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-58 /ĐK-TTTT&TK

81703.06-2022 **Nghiên cứu sản xuất giống nhân tạo và thử nghiệm nuôi thương phẩm trai tai tượng vảy (TridaCNa squamosa Lamarck,1819)**/ ThS. Phùng Bảy, TS. Nguyễn Nguyễn Thành Nhơn; TS. Thái Ngọc Chiến; ThS. Trần Thị Hiền; ThS. Phan Thị Thương Huyền; ThS. Hoàng Đình Chiều; KS. Nguyễn Hùng; KS. Nguyễn Trung Nam; ThS. Trần Trọng Tấn; KS. Trần Thanh Hương - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2020 - 12/2015 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh sản, kỹ thuật thu gom, vận chuyển, thuần hóa và nuôi vỗ trai bố mẹ trong điều kiện nhân tạo. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất giống và quy trình công nghệ và mô hình nuôi thương phẩm trai tai tượng vảy. Theo dõi một số địch hại và bệnh trên trai tai tượng vảy trong quá trình nuôi vỗ, ấu trùng, con giống, nuôi thương phẩm và cách phòng trị. Xây dựng 01 mô hình nuôi thử nghiệm trên rạn san hô, quy mô 2.000m^2 tại Khánh Hòa và 01 mô hình nuôi lồng bè tại Khánh Hòa, quy mô 500m^3.

Số hồ sơ lưu: 19496

81906.06-2022 **Lưu giữ và bảo quản nguồn gen nông nghiệp nhập nội phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo**/ ThS. Cam Thị Thu Hà, PGS.TS. Phạm Hồng Ngân; PGS.TS. Nguyễn Bá Hiên; ThS. Vũ Thị Ngọc; TS. Vũ Ngọc Lan; ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương; TS. Phạm Quang Tuân; KS. Nguyễn Thị Nguyệt Anh; TS. Hoàng Đăng Dũng; KS. Nguyễn Thị Ngọc Hân - Hà Nội- Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Lưu giữ an toàn 15 giống lan dược liệu, 20 mẫu giống hoa Hiên, 30 giống dưa thơm, 03 nguồn gen chủng vi khuẩn thú y: *Bacillus subtilis, Geobacillus stearothermophilus, Salmonella enterica* và 03 chủng virus: Virus dịch tả vịt nhược độc DP-EG-2000, virus viêm gan vịt nhược độc DH-EG-2000, virus dịch tả vịt cường độc VG - 04. Đánh giá bổ sung đặc điểm sinh trưởng, phát triển, đặc điểm hình thái của các giống lan dược liệu, giống hoa Hiên thu thập và xác định phương pháp bảo quản mẫu giống in vitro. Đánh giá khả năng chống chịu sâu bệnh và chất lượng của các mẫu giống dưa thơm nhập nội; nhân đổi hạt các mẫu giống dưa thơm ưu tú phục vụ công tác nghiên cứu chọn tạo giống dưa thơm tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam . Đánh giá sự ổn định về một số đặc tính sinh học của chủng vi khuẩn *Bacillus subtilis, Geobacillus stearothermophilus, Salmonella enterica* bằng phương pháp bảo quản lạnh sâu -80^oC để phục vụ công tác đào tạo. Nghiên cứu đánh giá ảnh

hưởng của vi khuẩn *Bacillus subtilis* đến một số vi sinh vật đường ruột của động vật . Đánh giá tính kháng nguyên của 2 chủng virus dịch tả vịt nhược độc DP-EG-2000 và virus viêm gan vịt nhược độc DH -EG-2000 trên vịt thí nghiệm và đặc tính gây bệnh của chủng virus dịch tả vịt cường độc VG-04. Bổ sung thông tin vào cơ sở dữ liệu số hóa và dạng văn bản (hardcopy) của nguồn gen lan dược liệu, hoa Hiên, dưa thơm nhập nội, vi khuẩn, virus.

Số hồ sơ lưu: 19565

5. Khoa học xã hội

78861.06-2022 **Bảo tồn và phát huy nghệ thuật Đờn ca Tài tử - Sân khấu Cải lương tỉnh Vĩnh Long**/ TS. Huỳnh Công Tín, PGS.TS. Phạm Ngọc Doanh PGS.TS. Phạm Ngọc Doanh; ThS. Nguyễn Văn Thấu; ThS. Nguyễn Văn Tấn; ThS. Nguyễn Xuân Hoanh; TS. Huỳnh Kim Tường Vi; ThS. Đỗ Quốc Dũng; ThS. Ngô Thị Kim Châu; ThS. Võ Văn Thành - Trường Đại học Văn Lang, TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Văn Lang Tp. Hồ Chí Minh, 2020 - 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Làm rõ sự hình thành, phát triển và đặc trưng của nghệ thuật đờn ca Tài tử - sân khấu Cải lương tỉnh Vĩnh Long. Sưu tầm các sáng tác thuộc nghệ thuật đờn ca Tài tử - sân khấu Cải lương tỉnh Vĩnh Long (đến năm 2015). Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy nghệ thuật đờn ca Tài tử tỉnh Vĩnh Long. Đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy nghệ thuật sân khấu Cải lương tỉnh Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.TI008

81661.06-2022 **Biến đổi văn hóa ở tỉnh Vĩnh Long hiện nay**/ TS. Đinh Văn Hạnh, ThS. Bùi Thị Hoa; ThS. Bùi Văn Nở; TS. Võ Thị Mỹ; ThS. Đạo Thanh Quyến; ThS. Đào Thị Cảnh; ThS. Trần Thành Trung; ThS. Trần Thị Bích Thủy; ThS. Trần Thanh Thảo - Vĩnh Long - Phân viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh, 2020 - 09/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu Biến đổi văn hóa ở tỉnh Vĩnh Long hiện nay nhằm nhận diện đặc điểm văn hoá truyền thống của tỉnh Vĩnh Long, xác định những biến đổi văn hoá trên địa bàn tỉnh trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa từ những năm đầu thế kỷ XXI đến nay; dự báo xu hướng vận động biến đổi trong bối cảnh hội nhập để từ đó đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống ở tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới. Xác định rõ những biến đổi văn hóa ở tỉnh Vĩnh Long. Điều tra, khảo sát, nghiên cứu, so sánh các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, dự báo xu hướng vận động biến đổi văn hóa ở tỉnh Vĩnh Long trong bối cảnh hiện nay. Từ những luận cứ khoa học và thực tiễn, đề xuất giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa ở tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI045.2021

82026.06-2022 **Nghiên cứu sự tác động của Việt Nam gia nhập cộng đồng kinh tế Asean (AEC) đến lao động và việc làm tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn hiện**

nay/ ThS. Phan Thị Thu Hà, Phan Thị Thu Hà; Nguyễn Văn Thắng; Nguyễn Đức Kỳ; Phan Thị Thu Hiền; Lương Thị Lan Huệ; Mai Thị Huyền Nga - Trường Đại học Quảng Bình - Trường Đại học Quảng Bình, 2021 - 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích, đánh giá tác động của việc Việt Nam gia nhập AEC đến lao động và việc làm trong các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Đề xuất định hướng, mục tiêu cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề lao động, việc làm ở tỉnh Quảng Bình trong điều kiện gia nhập AEC hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 15/2021

50102. Tâm lý học chuyên ngành

81562.06-2022 **Nghiên cứu ứng dụng tổ hợp các phương pháp điều chỉnh tâm lý trong tập luyện và thi đấu cho vận động viên đội tuyển quốc gia môn Bắn súng - Bắn cung và Cử tạ**/ PGS.TS. Đinh Quang Ngọc, TS. Đinh Hùng Trường; GS.TS. Nguyễn Đại Dương; PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc; PGS.TS. Đặng Văn Dũng; PGS.TS. Phạm Ngọc Viễn; ThS. Đỗ Đình Kháng; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Lê Cảnh Khôi - Bắc Ninh - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định trạng thái tâm lý thì đấu của VĐV đội tuyển quốc gia nhóm các môn Bắn súng - Bắn cung và Cử tạ. Thực trạng sử dụng các phương pháp điều chỉnh trạng thái tâm lý trong tập luyện và thi đấu cho VĐVđội tuyển quốc gia Bắn Súng - Bắn Cung và Cử tạ. Lựa chọn và ứng dụng tổ hợp các phương pháp điều chỉnh trạng thái tâm lý trong tập luyện và thi đấu cho VĐV đội tuyển quốc gia Bắn Súng - Bắn Cung và Cử tạ.

Số hồ sơ lưu: 19470

81725.06-2022 **Nghiên cứu giải pháp phát triển công tác tâm lý học trường học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới**/ PGS.TS. Nguyễn Thị Tứ, ThS. Sầm Vĩnh Lộc; PGS.TS. Huỳnh Văn Sơn; TS. Đỗ Tất Thiên; PGS.TS. Đinh Phương Duy; ThS. Trần Chí Vĩnh Long; ThS. Mai Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Diễm My; PGS.TS. Nguyễn Thị Mai Lan; TS. Vũ Thu Trang - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2020 - 03/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu kinh nghiệm các nước về phát triển công tác tâm lý học trường học và đề xuất vận dụng tại Việt Nam. Hệ thống hóa lý luận về phát triển công tác tâm lý học trường học tại Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng công tác tâm lý học trường học, các giải pháp phát triển công tác tâm lý học trường học cụ thể là mô hình hoạt động tâm lý học trường học trong giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm phát triển công tác tâm lý học trường học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018. Thực nghiệm một số biện pháp trong các

giải pháp phát triển công tác tâm lý học trường học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đề xuất truyền thông về mô hình hoạt động tâm lý học trường học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Số hồ sơ lưu: 19503

50202. Kinh doanh và quản lý

75744.06-2022 **Giải pháp chủ yếu thu hút và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước các dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025**/ TS. Nguyễn Thạc Hoát, ThS. Nguyễn Thị Đông; PGS.TS. Ngô Phúc Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; PGS.TS. Đào Văn Hùng; TS. Bùi Thúy Vân; TS. Nguyễn Thế Hùng; TS. Đào Hoàng Tuấn; CN. Nguyễn Trương Quyên; TS. Vũ Thị Minh Luận; ThS. Nghiêm Thị Hoàng Anh; ThS. Trịnh Huy Tâm; ThS. Phạm Thanh Tùng; ThS. Phạm Thị Quỳnh Liên; ThS. Nguyễn Minh Tùng; CN. Nguyễn Văn Thuận; CN. Trần Thị Hương Giang - Hà Nội- Học viện Chính sách và Phát triển, 2019 - 08/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở khoa học của việc thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài; Thực trạng thu hút và hiệu quả quản lý Nhà nước các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài của Tp. Hà Nộigiai đoạn 2008 – 2018; Các giải pháp thu hút và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Tp. Hà Nộiđến năm 2025

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-22/ĐK-TTTT&TK

79208.06-2022 **Quản lý và phát triển Nhãn hiệu tập thể "Chôm chôm Cù lao Long Hồ"**/ CN. Võ Đăng Phương Thảo, CN. Nguyễn Trần Hải Đăng; CN. Bùi Thị Sinh Vẹn; KS. Lê Thị Bích Thủy; CN. Trần Hoàng Long - tỉnh Vĩnh Long - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AGL, 2020 - 08/2012 - 12/2012. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng quản lý và phát triển NHTT "Chôm chôm Cù lao Long Hồ" trước và sau khi được đăng ký bảo hộ; Đề xuất mô hình quản lý và xây dựng, hoàn thiện hệ thống các văn bản phục vụ việc quản lý và phát triển NHTT "Chôm chôm Cù lao Long Hồ"; Xây dựng hệ thống công cụ, phương tiện phục vụ việc quảng bá, khai thác NHTT "Chôm chôm Cù lao Long Hồ".

Số hồ sơ lưu: VLG.TI002.2021

81154.06-2022 **Đổi mới quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước khi Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới**/ TS. Ninh Thị Minh Tâm, PGS.TS. Nguyễn Vĩnh Thanh; TS. Hồ Sỹ Ngọc; PGS.TS. Nguyễn Quang Hồng; PGS.TS. Nguyễn Thị Hường; TS. Hoàng Ngọc Hải; ThS. Lê Ngự Bình; ThS. Phạm Ngọc Toàn; TS. Lê Sĩ Thọ; ThS. Dương Thị Thúy Hà; TS. Đỗ Hữu Hải; TS. Trương Bảo Thanh; TS. Nguyễn Thị Thanh Chi; ThS. Bùi Minh Tân; ThS. Chu Thị Lê Anh; ThS. Nguyễn Thị Hoa; Đinh Khắc Nhàn; ThS. Nguyễn Đức Hùng - Hà Nội- Học

viện chính trị khu vực I, 2018 - 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Tổng kết kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với DNNN ở một số nước và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Làm rõ các nội dung của các hiệp định thương mại thế hệ mới (TPP, FTA với EU, Hàn Quốc và Liên minh Hải quan..) liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với DNNN trên một số lĩnh vực liên quan. Đánh giá cơ chế, chính sách thực thi (hiện thực hóa nội dung của các hiệp định) tác động đến hoạt động của các DNNN (phản ánh kết quả cuối cùng thông qua một số tiêu chí tài chính) nhằm rút ra một số hạn chế và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế. Đề xuất quan điểm, định hướng và một số giải pháp đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với các DNNN trong điều kiện mới.

Số hồ sơ lưu: 19299

81209.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình hợp tác kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ Logistics của Việt Nam**/ PGS. TS. Nguyễn Hồng Vân, TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng; TS. Phạm Thị Thu Hằng; ThS. Trương Thị Như Hà; ThS. Vũ Thanh Trung; ThS. Nguyễn Phong Nhã - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá vai trò của logistics đối với nền kinh tế quốc dân. Phân tích năng lực cạnh tranh và khả năng hợp tác giữa các doanh nghiệp logistics của Việt Nam. Phân tích các mô hình hợp tác kinh doanh giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics và khả năng áp dụng. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định hợp tác kinh doanh của các doanh nghiệp logistics Việt Nam. Đề xuất giải pháp công nghệ để hỗ trợ hợp tác kinh doanh trong hoạt động của các doanh nghiệp logistics.

Số hồ sơ lưu: 19351

81458.06-2022 **Đào tạo chuyên gia Lean 6 Sigma đai xanh, đai đen và chuyên gia thực hành cải tiến năng suất tại doanh nghiệp ngành công thương**/ ThS. Nguyễn Thị Anh Thu, ThS. Nguyễn Thị Anh Thu; ThS. Vũ Thị Hồng Minh; KS. Hoàng Thị Thanh Hường; ThS. Nguyễn Thị Lê Hoa; KS. Lê Minh Sáng; KS. Nguyễn Văn Việt; ThS. Nguyễn Phương Nhung; ThS. Cao Hoàng Long; KS. Hồ Vĩnh Lộc; ThS. Nguyễn Thị Vân; CN. Tôn Nữ Như Huyền; CN. Nguyễn Duy Tùng; CN. Mai Thùy Linh; ThS. Nguyễn Phương Lâm; ThS. Nguyễn Ngọc Thi; ThS. Đào Duy Trường; CN. Vũ Hồng Quân; CN. Vũ Nguyên Xoái; CN. Đặng Thị Mai Phương; ThS. Trần Tránh Thiện - Hà Nội- Viện Năng suất Việt Nam, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổ chức đào tạo 155 chuyên gia Lean 6 Sigma đạt trình độ đai xanh, đai đen và chuyên gia thực hành cải tiến năng suất tại doanh nghiệp. Phát triển đội ngũ chuyên gia nòng cốt triển khai Lean 6 Sigma và chuyên gia thực hành cải tiến năng suất tại doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu phổ

biến áp dụng Lean 6 Sigma và thực hiện các chương trình cải tiến năng suất tại doanh nghiệp ngành công thương.

Số hồ sơ lưu: 19398

81509.06-2022 **Thực trạng và giải pháp thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động theo hợp đồng khoán, mùa vụ và người lao động có phát sinh thu nhập.**/ CN. Đinh Mai Hạnh, ThS. Nguyễn Đức Tâm; ThS. Nguyễn Thị Như Quỳnh; CN. Vũ Thị Lan Anh; ThS. Trần Thị Quỳnh Hưng; CN. Nguyễn Xuân Thiêm; CN. Trần Thị Quỳnh Liên; ThS. Trần Minh Trang; CN. Vũ Thị Thùy Linh; CN. Nguyễn Thị Ngọc Trâm; CN. Lương Đức Ổn; ThS. Hoàng Ngọc Anh; CN. Phạm Thị Hương; CN. Phạm Thùy Dương - Hà Nội- Ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ, 2021 - 03/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung, căn cứ pháp lý quy định đối với người lao động theo hợp đồng khoán, mùa vụ và người lao động có phát sinh thu nhập (trong đó, nêu được khái niệm và xác định được đối tượng lao động theo hợp đồng khoán, mùa vụ và có phát sinh thu nhập). Đánh giá thực trạng việc sử dụng lao động theo hợp đồng khoán, mùa vụ và người lao động có phát sinh thu nhập; thực trạng việc thực hiện chính sách BHXH đối với người lao động theo hợp đồng khoán, mùa vụ và người lao động có phát sinh thu nhập để từ đó đề xuất đưa nhóm người lao động theo hợp đồng khoán, mùa vụ và người lao động có phát sinh thu nhập vào diện tham gia BHXH bắt buộc. Xây dựng quy trình khai thác, quản lý nhóm lao động theo hợp đồng khoán, mùa vụ và người lao động có phát sinh thu nhập tham gia BHXH bắt buộc.

Số hồ sơ lưu: 19426

81525.06-2022 **Một số chính sách kinh tế của Mỹ dưới thời tổng thống Donald Trump**/ TS. Lê Thị Vân Nga, ThS. Vũ Thị Thúy Nga; TS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Nguyễn Tuấn Minh; ThS. Đinh Thị Thùy Linh; ThS. Ngô Lan Anh; ThS. Phạm Ngọc Lam Giang; ThS. Trần Minh Nguyệt; CN. Ngô Thị Nguyệt; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội- Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số chính sách kinh tế của Mỹ dưới dưới thời Tổng thống Donald Trump, phân tích những ảnh hưởng của các chính sách đó đối với nền kinh tế Mỹ và đưa ra một số gợi ý chính sách đối với Việt Nam. Phân tích các quan điểm, mục tiêu và các biện pháp chính sách kinh tế của chính quyền Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump. Phân tích và đánh giá những ảnh hưởng từ việc thực hiện các biện pháp chính sách kinh tế của Trump đối với nền kinh tế. Dự báo triển vọng kinh tế Mỹ, xu hướng chính sách kinh tế Mỹ và từ đó đưa ra những gợi ý chính sách đối với Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19441

81534.06-2022 **Xây dựng và hỗ trợ áp dụng mô hình cải tiến năng suất và quản lý chất lượng tổng thể đối với các doanh nghiệp**

ngành Da giày, Thép, Năng lượng và Điện tử, Viễn thông và Công nghệ thông tin/ ThS. Vũ Hồng Dân, ThS. Nguyễn Anh Tuấn; PGS.TS. Tăng Văn Khiêm; ThS. Nguyễn Ngọc Thi; ThS. Vũ Hồng Quân; ThS. Đỗ Tuấn Long; ThS. Cao Hoàng Long; ThS. Nguyễn Thị Vân; CN. Đặng Thị Mai Phương; KS. Lê Xuân Nhất; CN. Vũ Thị Thu Hà; CN. Hồ Vĩnh Lộc; CN. Nguyễn Thế Việt; CN. Vũ Nguyên Xoái; CN. Vũ Thanh Huyền; KS. Nguyễn Hữu Nam; CN. Trần Sỹ Quân; ThS. Phạm Thu Trang; CN. Ngô Thị Quỳnh Vân; KS. Trương Quốc Anh; CN. Nguyễn Phương Lâm - Hà Nội- Viện Năng suất Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổng thể cho hoạt động cải tiến năng suất và quản lý chất lượng cho các doanh nghiệp ngành da giày, thép, năng lượng và điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin; Tổ chức áp dụng thí điểm mô hình tổng thể cho hoạt động cải tiến năng suất và quản lý chất lượng tại 12 doanh nghiệp thuộc 04 ngành da giày , thép, năng lượng và điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin, làm cơ sở hoàn thiện phương pháp và đề xuất phương án triển khai nhân rộng trong ngành công nghiệp; Tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm áp dụng mô hình tổng thể cải tiến năng suất chất lượng và cuộc thi nhóm cải tiến thúc đẩy hoạt động cải tiến năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp thuộc 04 ngành da giày, thép, năng lượng và điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin và doanh nghiệp ngành công nghiệp nói chung

Số hồ sơ lưu: 19447

81602.06-2022 **Nghiên cứu, đánh giá kết quả, hiệu quả Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020" và đề xuất định hướng hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng giai đoạn đến năm 2030**/ CN. Nguyễn Kim Thanh, TS. Hà Minh Hiệp; ThS. Trần Anh Tuấn; CN. Trần Đức Thắng; CN. Nguyễn Hữu Cường; CN. Phạm Công Túc; CN. Trần Quốc Dũng; PGS.TS. Phạm Hồng; KS. Trần Nguyên Quyết; CN. Phạm Thị Hải Yến; CN. Phạm Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh; CN. Cao Thị Bích Hà; CN. Phùng Quang Minh; ThS. Nguyễn Thị Nhung - Hà Nội- Văn phòng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2021 - 02/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp, đánh giá được kết quả, hiệu quả triển khai Chương trình quốc gia Năng suất Chất lượng, các dự án thành phần thuộc Chương trình; Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; tác động của cơ chế quản lý, cơ chế tài chính thực hiện Chương trình; đúc rút những thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm. Xác định được nhu cầu và định hướng các giải pháp thúc đẩy nâng cao năng suất chất lượng doanh nghiệp trên cơ sở áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ

cải tiến năng suất chất lượng, giai đoạn đến năm 2030 trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Xây dựng dự thảo Chương trình quốc gia về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng thông qua áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng tiên tiến giai đoạn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19458

81604.06-2022 **Nghiên cứu định hướng hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng tại Việt Nam (VAMC) sau năm 2020**/ TS. Bùi Tín Nghị, PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh; TS. Trương Quốc Thụ; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Thị Kim Quỳnh; TS. Phan Hữu Việt; PGS.TS. Nguyễn Thuỳ Dương; ThS. Đào Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Thanh Tùng - Hà Nội- Học viện Ngân hàng, 2021 - 01/2020 - 02/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa đầy đủ khung lý thuyết về công ty quản lý tài sản bao gồm khung pháp lý, tổ chức, nhân sự, tài chính, công nghệ, phương thức hoạt động, các loại hàng hóa, định giá nợ.. làm rõ vai trò của các công ty quản lý tài sản. Đánh giá hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng (VAMC) giai đoạn 2013-2020 trên các khía cạnh: hoạt động mua bán nợ, hoạt động xử lý nợ xấu, định giá nợ, hàng hóa mua bán, và các hoạt động khác.. Trên cơ sở đó rút ra những kết quả và tồn tại trong hoạt động của VAMC. Đề xuất định hướng hoạt động và phát triển VAMC trong giai đoạn 2021-2030 nằm trong chiến lược phát triển hệ thống ngân hàng nói riêng và chiến lược phát triển hệ thống tài chính nói chung và các điều kiện, giải pháp cần có để triển khai định hướng hoạt động và phát triển VAMC trong giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 19480

81636.06-2022 **Nhân rộng áp dụng Phương pháp quản lý tinh gọn (Lean) vào Doanh nghiệp Việt Nam năm 2018**/ KS. Lê Công Để, ThS. Lê Minh Tuấn; KS. Lê Phước Thọ; CN. Quách Khoa Duy; CN. Lê Văn Tam; CN. Bùi Phương Dung; CN. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Vũ Hồng Dân; CN. Nguyễn Việt Dũng; CN. Nguyễn Thị Hồng Thúy; ThS. Lê Quang Vũ; CN. Vũ Nguyên Xoái; CN. Nguyễn Duy Dũng; KS. Nguyễn Hữu Nam - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3, 2021 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phổ biến rộng rãi phương pháp quản lý tinh gọn LEAN thông qua hình thức hội thảo cho 500 doanh nghiệp. Đào tạo phương pháp quản lý tinh gọn LEAN cho 100 doanh nghiệp tham gia các đợt hội thảo. Hướng dẫn áp dụng phương pháp quản lý tinh gọn LEAN cho 60 doanh nghiệp tham gia các đợt đào tạo và hội thảo. Lựa chọn các doanh nghiệp áp dụng thành công LEAN ở các ngành hàng làm mô hình để chia sẻ kinh nghiệm áp dụng LEAN đến các doanh nghiệp khác. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, truyền thông về

kết quả, hiệu quả áp dụng LEAN tại các doanh nghiệp được hỗ trợ thông qua các bài viết đăng tải trong chuyên mục NSCL trên Cổng thông tin điện tử tcvn.gov.vn; Báo điện tử Vietq.vn và kết quả thực hiện đề tài (01 bài báo) đăng trên Tạp chí chuyên ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Khoa học và Công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 19482

81637.06-2022 **Chuyển giao công nghệ trong đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc vào Việt Nam hiện nay**/ TS. Phạm Bích Ngọc, ThS. Trần Thị Mai Thành; TS. Vũ Hoàng Linh; ThS. Bùi Thị Hồng Ngọc; TS. Nguyễn Quang Đại - Hà Nội- Viện kinh tế Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích thực trạng chuyển giao công nghệ của Trung Quốc vào Việt Nam thông qua các doanh nghiệp FDI của Trung Quốc trong thời kỳ 2001-2018. Đánh giá tác động của việc chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp FDI Trung Quốc vào Việt Nam trên khía cạnh phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam (đặc biệt là trên khía cạnh tăng trưởng kinh tế, tăng năng suất lao động và bảo vệ môi trường ở Việt Nam). Đề xuất các giải pháp chính sách nhằm định hướng việc chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp FDI Trung Quốc vào Việt Nam trong bối cảnh mới, phù hợp với tiến trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu của Việt Nam đến 2030.

Số hồ sơ lưu: 19484

81674.06-2022 **Hỗ trợ các doanh nghiệp làng nghề áp dụng công cụ cải tiến Kaizen để nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh**/ PGS. TS. Bùi Anh Tuấn, PGS.TS. Vũ Hoàng Nam; PGS.TS. Nguyễn Thị Tường Anh; PGS.TS. Đào Ngọc Tiến; PGS. TS. Phạm Thu Hương; PGS.TSKH. Nguyễn Văn Minh; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Châu; ThS. Nguyễn Thị Kim Ngân; ThS. Vũ Thị Kim Oanh; ThS. Nguyễn Phương Chi; PGS.TS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Vũ Huyền Phương; TS. Nguyễn Ngọc Đạt; ThS. Nguyễn Hữu Thật; ThS. Nguyễn Thị Minh Thư; TS. Phạm Thị Mỹ Hạnh; ThS. Hoàng Bảo Trâm; ThS. Ngô Thị Minh Nguyệt; ThS. Nguyễn Sơn Tùng; TS. Nguyễn Bình Minh; PGS.TS. Vũ Thị Hiền; PGS.TS.Phan Trần Trung Dũng; PGS.TS. Hồ Thúy Ngọc; ThS. Hoàng Hải Yến; PGS.TS. Nguyễn Thị Thùy Vinh; ThS. Lê Hoàng Liên; ThS. Nguyễn Tuân; ThS. Lê Thành Tuyên; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Phạm Minh Thắng; CN. Đào Hải Đăng; CN. Lê Xuân Biên; ThS. Đỗ Hương Giang; ThS. Nguyễn Quốc Tuân; TS. Hoàng Văn Vinh; ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh; TS. Bùi Duy Linh; TS. Nguyễn Thị Hồng; TS. Nguyễn Thu Thủy; ThS. Nghiêm Anh Thư - Hà Nội- Trường Đại học Ngoại thương, 2021 - 02/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất mô hình áp dụng công cụ cải tiến Kaizen phù hợp với đặc thù của làng nghề Việt Nam; Hội thảo phổ biến áp dụng công cụ cải tiến Kaizen cho các DN thuộc 03 loại làng nghề; Triển khai đào tạo, tư vấn, hướng dẫn áp dụng công cụ cải

tiến Kaizen cho 60 DN thuộc 03 loại làng nghề để kiểm nghiệm mô hình đã đề xuất; Đánh giá kết quả áp dụng công cụ cải tiến Kaizen tại DN bằng các chỉ tiêu năng suất chất lượng cụ thể; Hoàn thiện mô hình áp dụng công cụ cải tiến Kaizen phù hợp với đặc thù của các làng nghề Việt Nam và đề xuất phương án nhân rộng mô hình; Chia sẻ kinh nghiệm áp dụng công cụ cải tiến Kaizen để thúc đẩy nhân rộng mô hình thông qua hội thảo, tin, bài viết.

Số hồ sơ lưu: 19467

81733.06-2022 **Phát triển khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam/** PGS.TS. Hồ Đình Bảo, GS.TS. Lê Quốc Hội; GS.TS. Đỗ Đức Bình; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn; TS. Nguyễn Thị Tuệ Anh; PGS.TS. Trần Đình Thiên; TS. Trần Toàn Thắng; TS. Nguyễn Đức Hiển; TS. Nguyễn Sỹ Linh; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn; PGS. TS. Bùi Đức Thọ; PGS.TS. Phạm Văn Hùng; TS. Trần Lan Hương; ThS. Đặng Thị Hoa; PGS.TS. Đinh Đức Trường; TS. Nguyễn Thị Hoài Thu; TS. Nguyễn Phúc Hải; ThS. Trương Như Hiếu; TS. Hồ Hoàng Lan - Hà Nội- Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020 - 06/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Trên cơ sở tư duy mới về khu vực FDI, luận giải những vấn đề cơ bản về khu vực FDI trong thực hiện chiến lược phát triển nhanh, bền vững của Việt Nam dưới tác động của bối cảnh mới. Đánh giá thực trạng khu vực FDI ở Việt Nam trên quan điểm phát triển bền vững. Đề xuất quan điểm, giải pháp chính sách thu hút có chọn lọc và tạo sự lan tỏa tích cực của khu vực FDI đến quá trình thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam dưới tác động của bối cảnh mới, tập trung vào chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa giai đoạn đến 2025 và tầm nhìn 2035 trên quan điểm phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 19508

81889.06-2022 **Giải pháp tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam/** TS. Phạm Đức Anh, TS. Lê Thị Minh Ngọc; TS. Nguyễn Thị Việt Hà; TS. Bùi Thị Mến; TS. Phạm Thị Vân Huyền; ThS. Trần Hữu Tuyến; ThS. Hoàng Phương Dung; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hoài; ThS. Trần Quang Hưng; TS. Đặng Thu Thủy - Hà Nội- Học viện Ngân hàng, 2021 - 01/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý thuyết về giải pháp tài chính hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp (DNKN). Tổng kết các bài học cho Việt Nam trong việc xây dựng và vận dụng các giải pháp tài chính hỗ trợ DNKN dựa trên nghiên cứu, phân tích kinh nghiệm quốc tế. Phân tích thực trạng giải pháp tài chính hỗ trợ DNKN tại Việt Nam, từ đó đánh giá được mặt tích cực và tồn tại trong quá trình triển khai. Gợi mở các đề xuất, khuyến nghị giúp hoàn thiện hệ thống giải pháp tài chính hỗ trợ DNKN tại Việt Nam cho giai đoạn từ nay đến năm 2025.

Số hồ sơ lưu: 19546

81890.06-2022 **Nghiên cứu, hướng dẫn triển khai mô hình quản lý chất lượng dịch vụ tại các doanh nghiệp ngành dịch vụ của Việt Nam**/ PGS.TS. Trần Sĩ Lâm, PGS.TS. Nguyễn Thị Tường Anh; PGS.TS. Trịnh Thị Thu Hương; PGS.TS. Nguyễn Hồng Thái; PGS.TS. Trần Bích Ngọc; PGS.TS. Lê Hiếu Học; TS. Vũ Thị Minh Ngọc; TS. Phạm Thị Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Quý Phương; TS. Lê Huy Khôi - Hà Nội- Trường Đại học Ngoại thương, 2021 - 02/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát các doanh nghiệp ngành dịch vụ phân bổ tại 2 miền Bắc, Nam, từ đó viết báo cáo đánh giá tổng quan thực trạng quản lý chất lượng dịch vụ ở Việt Nam; Xây dựng mô hình quản lý chất lượng cho các doanh nghiệp ngành dịch vụ, cụ thể hóa mô hình cho doanh nghiệp du lịch và logistics; Trực tiếp hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng và áp dụng thí điểm mô hình quản lý chất lượng dịch vụ áp dụng tại các doanh nghiệp ngành dịch vụ ở Việt Nam trong lĩnh vực du lịch và logistics; Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nhằm phổ biến, hướng dẫn việc áp dụng mô hình quản lý chất lượng dịch vụ áp dụng tại các doanh nghiệp ngành dịch vụ du lịch và logistics ở Việt Nam; Đào tạo, hướng dẫn triển khai việc áp dụng mô hình quản lý chất lượng dịch vụ tại các doanh nghiệp ngành dịch vụ ở Việt Nam cho các doanh nghiệp ngành dịch vụ du lịch và logistics, phân bổ ở cả 2 miền Bắc và Nam.

Số hồ sơ lưu: 19547

81907.06-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý lĩnh vực ghi nhãn hàng hóa**/ CN. Cao Thị Bích Hà, TS. Trần Quốc Tuấn; CN. Bùi Thị Thùy Dương; CN. Vũ Thị Hòa; CN. Nguyễn Thành Dũng; CN. Nguyễn Tiến Trung; ThS. Lê Ngọc Hưng; CN. Trần Thị Kim Dung; CN.Nguyễn Thùy Linh; CN. Nguyễn Trường Giang - Hà Nội- Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý lĩnh vực ghi nhãn hàng hóa để thống nhất quản lý, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, thúc đẩy sự phát triển kinh tế Việt Nam. Xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2017/NĐ-CP có cập nhập cách ghi nhãn hàng hóa bằng phương pháp điện tử và Thông tư hướng dẫn ghi nhãn điện tử.

Số hồ sơ lưu: 19561

81908.06-2022 **Phát triển ngành thủy sản ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ trong bối cảnh thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)**/ TS. Nguyễn Dũng Anh, ThS. Trần Thị Minh An; ThS. Lê Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Hữu Tuấn; ThS. Ngô Thanh Bình; ThS. Trần Nguyễn Phương Anh; TS. Trần Thị Bích Hạnh; TS. Nguyễn Thị Kim Đoan; ThS. Chế Viết Trung Thu; CN. Nguyễn Viết Chinh; ThS. Nguyễn Nữ Đoàn Vy - Hà Nội- Học

viện chính trị khu vực III, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá những vấn đề lý luận về phát triển ngành thủy sản. Nghiên cứu Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) tác động đến phát triển ngành thủy sản (NTS) Việt Nam. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển NTS ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ trong những năm qua, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra. Đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu nhằm phát triển NTS các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ trong bối cảnh thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Số hồ sơ lưu: 19560

82035.06-2022 **Một số giải pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với công tác giám sát ngân hàng**/ TS. Bùi Văn Hải, TS. Bùi Văn Hải; ThS. Ngô Thị Hoài Thu; TS. Phan Hữu Việt; ThS. Đoàn Thị Thúy; CN Đặng Thị Thảo; CN. Trần Thị Hồng Vân; CN. Bùi Thị Hương Liên; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS.Nguyễn Tuấn Minh; ThS. Nguyễn Xuân Quang - Hà Nội- Viện Chiến lược Ngân hàng, 2019 - - . (Đề tài cấp Cơ sở)

Để hỗ trợ việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với công tác giám sát ngân hàng, đề tài ĐTNH-CS.001/17 thực hiện việc tổng hợp các lý luận cơ bản về công tác giám sát ngân hàng, nghiên cứu kinh nghiệm của các nước trong việc xây dựng khuôn khổ pháp lý đối với công tác giám sát ngân hàng, đánh giá thực trạng khuôn khổ pháp lý đối với công tác giám sát ngân hàng, từ đó đề xuất hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho công tác giám sát ngân hàng.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-074

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

81921.06-2022 **Nghiên cứu, xây dựng, phổ biến, hướng dẫn áp dụng mô hình quản trị điểm hạn chế (TOC) để nâng cao năng suất cho các doanh nghiệp Việt Nam**/ PGS.TS. Tạ Văn Lợi, ThS. Bùi Thị Lành; PGS.TS. Bùi Đức Tuân; PGS.TS. Bùi Huy Nhượng; PGS.TS. Phan Tố Uyên; TS. Nguyễn Thị Cẩm Vân; TS. Nguyễn Thị Thuý Hồng; TS. Nguyễn Bích Ngọc; TS. Ngô Thị Việt Nga; ThS. Nguyễn Thị Liên Hương; TS. Hoàng Hương Giang; TS. Mai Thế Cường; TS. Đặng Thu Hương - Hà Nội- Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020 - 07/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về mô hình quản trị điểm hạn chế trên thế gới và kinh nghiệm áp dụng tại doanh nghiệp. Xây dựng mô hình quản trị điểm hạn chế cho doanh nghiệp Việt Nam phù hợp với 2 đặc tính và tính đa mục tiêu và cơ cấu tổ chức trực tuyến chức năng. Xây dựng bộ tiêu chí xác định điểm hạn chế và quy trình ứng dụng tại doanh nghiệp. Hoàn thành tài liệu hướng dẫn áp dụng mô hình quản trị điểm hạn chế và sách chuyên khảo, tổ chức các tọa đàm phổ biến mô hình quản trị điểm hạn chế tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19566

78864.06-2022 **Giải pháp phát triển kênh bán lẻ của Hợp tác xã thủy sản Huỳnh Tuấn**/ ThS. Trương Kim Thắm, KS. Nguyễn Thanh Trúc - Chi cục Thủy sản Vĩnh Long - Chi cục thủy sản Vĩnh Long, 2020 - 09/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu phát triển kênh bán lẻ của hợp tác xã thủy sản Huỳnh Tuấn, giúp HTX đa dạng kênh tiêu thụ; Đồng thời nâng cao vị thế, giá trị thương hiệu của HTX trên thị trường. Đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất, tiêu thụ của HTX và thực trạng kinh doanh của cửa hàng bán lẻ thuộc HTX; Đề xuất giải pháp và xây dựng quy trình phát triển kênh bán lẻ của HTX; Mục tiêu doanh thu kỳ vọng: tăng từ 2.5-3 lần doanh thu trung bình so với thời điểm trợớc khi có tác động của đề tài.

Số hồ sơ lưu: VLG.2019.011

78865.06-2022 **Giải pháp đẩy mạnh việc chuyển đổi thành doanh nghiệp của hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**/ ThS. Lê Tuấn Mãnh, TS. Văn Hữu Huệ; ThS. Đặng Văn Danh; ThS. Trần Thị Ánh Hồng; CN. Trần Thị Hồng Cúc; CN. Nguyễn Thị Diễm - Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long - Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long, 2020 - 05/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân tích các nhân tố tác động tích cực và gây cản trở đến quyết định chuyển đổi thành DN của HKD trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong thời gian qua từ đó đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh việc chuyển đổi thành DN của HKD cá thể trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới. Thực trạng chuyển đổi thành DN của HKD cá thể trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Phân tích các nhân tố tác động tích cực và gây cản trở đến quyết định chuyển đổi thành DN của HKD trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Giải pháp đẩy mạnh việc chuyển đổi thành DN của HKD cá thể trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.020

78866.06-2022 **Giải pháp nâng cao chất lượng thông tin báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**/ TS. Lê Hoàng Phúc, CN. Nguyễn Ngọc Thọ; ThS. Nguyễn Thị Thúy Liễu - Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long - Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long, 2020 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hệ thống cơ sở lý luận về mục đích, yêu cầu, nội dung, chất lượng thông tin báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị trong DNNVV; Mô tả, đánh giá thực trạng về chất lượng thông tin và sử dụng thông tin báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị tại các DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Đề xuất các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng thông tin và sử dụng thông tin báo cáo tài chính tại các DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Xây dựng khung báo cáo, mẫu biểu báo cáo kế

toán quản trị; đồng thời, đề xuất phương pháp sử dụng thích hợp thông tin báo cáo kế toán quản trị, phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động của các DNNVV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (Doanh nghiệp công nghiệp, Doanh nghiệp xây dựng, Doanh nghiệp thương mại).

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.021

81063.06-2022 **Vấn đề tham gia của Hải quan Việt Nam trong việc chống chuyển giá đối với doanh nghiệp FDI**/ TS. Nguyễn Hồng Phong, ThS.Đỗ Văn Quang ThS. Nguyễn Phương Liên; ThS. Nguyễn Thị Xuân; TS. Mai Thị Vân Anh; ThS. Nguyễn Thu Nhiễu; ThS. Nguyễn Thị An Giang; ThS. Lê Thị Thanh Bình; ThS. Hồ Sỹ Thắng; ThS. Đặng Thanh Dũng - Hà Nội- Viện nghiên cứu hải quan, 2021 - 08/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân tích hiện tượng chuyển giá trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Làm rõ cơ sở pháp lý cơ quan chức năng và vai trò của Hải quan trong sự tham gia chống chuyển giá của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam. Đánh giá thực trạng hoạt động tham gia chống chuyển giá của Hải quan Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp tham gia chống chuyển giá của Hải quan Việt Nam đối với doanh nghiệp FDI trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19292

81843.06-2022 **Khuôn khổ quản lý khủng hoảng ngân hàng - Tình huống nghiên cứu tại Việt Nam**/ ThS. Phan Minh Anh, ThS. Phan Minh Anh; ThS. Đào Thị Huyền Anh; ThS. Phạm Tiên Phong; ThS. Nguyễn Tuyết Dương; ThS. Lê Hoài Việt; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hằng; TS. Tô Thị Ánh Dương; ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình; ThS. Trần Thị Thúy Hường; ThS. Nguyễn Thị Lan Chi - Hà Nội- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về khuôn khổ quản lý khủng hoảng ngân hàng; Kinh nghiệm quốc tế về khuôn khổ quản lý khủng hoảng ngân hàng và rút ra bài học cho Việt Nam; Phân tích, đánh giá thực trạng khuôn khổ quản lý khủng hoảng ngân hàng ở Việt Nam giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2001 – 2003; Đề xuất giải pháp hoàn thiện khuôn khổ quản lý khủng hoảng ngân hàng ở Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020, tập trung vào khuôn khổ pháp lý và công tác thanh tra, giám sát ngân hàng.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-049

81844.06-2022 **Cải thiện chỉ tiêu tiếp cận tín dụng theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới cho Việt Nam nhìn từ khía cạnh pháp lý**/ ThS. Tạ Quang Đôn, ThS. Tạ Quang Đôn; ThS. Thái Lan Anh; ThS. Phạm Thanh Ngọc; ThS. Hoàng Thị Hảo - Hà Nội- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các cấu phần tính toán chỉ tiêu "tiếp cận tín dụng" trong hệ thống 10 chỉ tiêu cấu thành chỉ số môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới; Phân tích diễn biến điểm tiêu chí "tiếp cận tín dụng" của

Việt Nam qua các năm và so với các nước, trong đó tập trung làm rõ những hạn chế trong môi trường pháp lý làm cho chỉ tiêu "tiếp cận tín dụng" của Việt Nam tụt hạng so với các nước. Đề xuất giải pháp cải thiện môi trường pháp lý để nâng cao chỉ tiêu "tiếp cận tín dụng" theo tiêu chuẩn của WB cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-050

81845.06-2022 **Hoàn thiện khung pháp lý về xử lý ngân hàng thương mại có vấn đề./** ThS. Đoàn Thái Sơn, ThS. Đoàn Thái Sơn; ThS. Tạ Quang Đôn; ThS. Nguyễn Văn Du; ThS. Quách Tường Vy; ThS. Đậu Thị Mai Hương; TS. Đặng Thu Thủy; ThS. Nguyễn Ngọc Duy; ThS. Đỗ Thị Anh Thư; ThS. Đỗ Thị Hoài Thu - Hà Nội- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực pháp lý liên quan đến quá trình xử lý các ngân hàng thương mại có vấn đề, tập trung vào các quy định về giám sát, phát hiện ngân hàng thương mại có vấn đề; quy định về hỗ trợ thanh khoản; kiểm soát đặc biệt; tổ chức lại, giải thể ngân hàng thương mại để làm rõ các vấn đề: sự chồng chéo, không phù hợp, thiếu thống nhất giữa các quy định pháp luật; vướng mắc phát sinh trong quá trình thực thi các văn bản hiện hành; Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về khung pháp lý cho tái cơ cấu các ngân hàng thương mại để làm cơ sở so sánh, đánh giá quy định hiện hành của Việt Nam; Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện, đồng bộ hóa chính sách, pháp luật về xử lý các ngân hàng thương mại có vấn đề.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-051

81846.06-2022 **Quản lý sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam: Thực trạng và giải pháp/** ThS. Nguyễn Ngọc Cảnh, ThS. Nguyễn Ngọc Cảnh; ThS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Nguyễn Ngọc Minh; ThS. Nguyễn Quốc Hùng; CN. Hoàng Thị Hương Cúc; ThS. Đào Thị Như Hoa; ThS. Hoàng Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Hà; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền - Hà Nội- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Rà soát các tiêu chí đánh giá mức độ sử dụng ngoại tệ trong lãnh thổ một quốc gia; Phân tích thực trạng sử dụng ngoại tệ và kết quả việc hạn chế tình trạng sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam: những thành công, tồn tại và các nguyên nhân; Đề xuất các giải pháp khắc phục tình trạng sử dụng ngoại tệ có tính khả thi và phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam đảm bảo đến năm 2030 về cơ bản chấm dứt tình trạng sử dụng ngoại tệ trong nền kinh tế.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-052

81847.06-2022 **Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam/** ThS. Nguyễn Ngọc Minh, ThS. Nguyễn Ngọc Minh; Phạm Việt Nga; ThS. Nguyễn Thị Nhung; ThS. Lê Thị Lan Phương; ThS. Vũ Thị Thu Hà; ThS. Phạm Minh Hà; ThS. Vũ Hải Long; ThS. Nguyễn

Linh Phương; ThS. Phạm Thị Thơm; ThS. Hà Thị Lan Hương - Hà Nội- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2018 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan lý thuyết về dự trữ ngoại hối và kinh nghiệm quốc tế về quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước; Bối cảnh và thực trạng quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước của Việt Nam trong giai đoạn 2011 – 2015 và những vấn đề đặt ra trong trong giai đoạn 2016 – 2020; Đề xuất các giải pháp đổi mới phương thức quản lý dự trữ ngoại hối trong tình hình mới phù hợp với thông lệ quốc tế thông lệ quốc tế và đảm bảo hài hòa nguyên tắc an toàn, thanh khoản và sinh lời.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-053

81868.06-2022 **Lịch sử đồng tiền Việt Nam - Quá trình hình thành và phát triển**/ TS. Đào Minh Tú, TS. Đào Minh Tú; ThS. Từ Thị Kim Thanh; TS. Nguyễn Đình Chiến; TS. Nguyễn Thị Ngọc Anh; ThS. Kim Lan Anh; ThS. Nguyễn Mạnh Linh; CN. Vi Xuân Điềm; CN. Lê Hoàng; CN. Nguyễn Tuấn Nam; CN. Nguyễn Việt Lê; CN. Bùi Mạnh Thắng; ThS. Nguyễn Thị Anh Thư - Hà Nội- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2020 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu về đồng tiền Việt Nam của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước; Tiền các triều đại phong kiến ở Việt Nam (970-1945); Tiền do Ngân hàng Đông dương phát hành (1874-1954); Tiền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945- 1976); iền Việt Nam Cộng hòa (1955-1975); Tiền Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (1976-2016).

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-069

82014.06-2022 **Quản lý nhân lực theo KPI tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**/ ThS. Trần Hữu Thắng, ThS. Trần Hữu Thắng; ThS. Trần Thanh Nga; ThS. Phan Minh Anh; ThS. Nguyễn Thị Vương Lệ; ThS. Sầm Thị Kim Phương; TS. Đào Thị Huyền Anh; ThS. Nguyễn Thị Lan Phương; ThS. Bùi Thị Thu Hoài - Hà Nội- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2019 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm mục tiêu nghiên cứu để đề xuất giải pháp, kế hoạch và lộ trình thực hiện các giải pháp quản lý nhân lực theo KPI tại NHNN Việt Nam, Dự án DANH. 001/17 đã xây dựng khung lý thuyết về quản lý và đo lường kết quả thực thi công việc tại khu vực công theo mô hình thẻ điểm cân bằng (Balanced ScoreCard - BSC) và chỉ số kết quả thực thi công việc trọng yếu (Key Performance Indicators/KPI); nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về sử dụng BSC/KPI trong khu vực công; đánh giá thực trạng hệ thống quản lý và đo lường kết quả thực thi công việc tại NHNN trong những năm gần đây và đề xuất Hệ thống đo lường kết quả thực thi công việc và đánh giá công chức theo mô hình BSC/KPI tại NHNN.

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-071

82015.06-2022 **Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp quản lý đến năm 2025**/ ThS. Phạm Tiến Dũng, ThS. Phạm Tiến Dũng; ThS. Lê Văn Tuyên; ThS. Tạ

Quang Đôn; ThS. Phan Thái Dũng; ThS. Phan Mạnh Cường; ThS. Lê Phương Lan; ThS. Trần Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; KS. Phạm Thành Sơn; KS. Nguyễn Quang Minh - Hà Nội- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2019 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm mục tiêu góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế quản lý, giám sát, phân tích, đánh giá đối với hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; góp phần thực hiện chủ trương, giải pháp của Hội nghị TW 5 (khóa XII) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, phát triển kinh tế tư nhân, đề tài ĐTNH. 022/17 tập trung vào việc đánh giá thực trạng hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tại Việt Nam (thực trạng hoạt động, thực trạng quản lý, thanh tra, giám sát..); nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; trên cơ sở đó đề xuất định hướng và giải pháp nhằm tăng cường quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tại Việt Nam giai đoạn 2019-2021, định hướng đến năm 2025 về các vấn đề như: hành lang pháp lý, cơ chế thanh tra, giám sát, an ninh an toàn bảo mật, phòng chống rửa tiền, bảo vệ người tiêu dùng..

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-072

82016.06-2022 **Khởi nghiệp trong sinh viên các trường đại học thuộc NHNN Việt Nam**/ TS. Lâm Thị Kim Liên, TS. Lâm Thị Kim Liên; ThS. Huỳnh Đỗ Bảo Châu; GS, TS. Huỳnh Văn Sơn; ThS. Huỳnh Lưu Đức Toàn; ThS. Nguyễn Thị Diễm My; ThS. Mai Mỹ Hạnh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, 2019 - - . (Đề tài cấp Bộ)

Nhằm mục tiêu xây dựng luận cứ khoa học, cung cấp số liệu khảo sát thực trạng và hệ thống giải pháp nhằm xây dựng năng lực và tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên, góp phần thúc đẩy sự phát triển và nâng chất hoạt động của các trường đại học thuộc NHNN Việt Nam, đề tài ĐTNH.026/17 đã triển khai xây dựng luận cứ khoa học về hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên; tìm hiểu thực trạng tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên các trường đại học thuộc NHNN Việt Nam; tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng, các hoạt động của nhà trường nhằm hỗ trợ xây dựng năng lực và tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên các trường đại học thuộc NHNN Việt Nam. Từ đó đề xuất hệ thống giải pháp với các biện pháp cụ thể hỗ trợ việc xây dựng năng lực và tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên các trường đại học thuộc NHNN Việt Nam

Số hồ sơ lưu: NHN-2021-073

82075.06-2022 **Nghiên cứu giải pháp tăng cường quản lý nợ đọng thuế tại tỉnh Quảng Bình**/ TS. Nguyễn Xuân Hảo, Nguyễn Xuân Hảo; Lê Thị Thắm; Đoàn Vĩ Tuyến; Đỗ Minh Hùng; Trương Thùy Vân; Lê Đức Long - Hội Kiểm toán và Kế toán tỉnh Quảng Bình - Hội Kế toán Kiểm toán tỉnh Quảng Bình, 2021 - 01/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mục tiêu nghiên cứu Hệ thống hóa, bổ sung quan điểm về lý luận và thực tiễn nợ đọng thuế, quản lý nợ đọng thuế. Đánh giá đúng thực trạng nợ đọng thuế và quản lý nợ đọng thuế tại tỉnh Quảng Bình; chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến việc tồn tại và những trở lực trong quản lý nợ đọng thuế; Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nợ đọng thuế và công tác quản lý nợ đọng thuế tại tỉnh Quảng Bình. Dự báo nợ đọng thuế; xây dựng được hệ thống chỉ tiêu đánh giá, giám sát, cảnh báo về nợ đọng thuế và quản lý nợ đọng thuế; Chỉ ra được các yêu cầu, khả năng và đề xuất mô hình quản lý nợ đọng thuế. Đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường quản lý nợ đọng thuế tại tỉnh Quảng Bình; Kiến nghị tạo lập môi trường và điều kiện bảo đảm thực hiện có hiệu quả các giải pháp.

Số hồ sơ lưu: 16/2021

81157.06-2022 **Giải pháp phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới**/ PGS. TS. Vũ Hùng Cường, TS. Phí Vĩnh Tường; TS. Đỗ Diệu Hương; TS. Đặng Thái Bình; TS. Trương Thị Thu Trang; TS. Phạm Sỹ An; TS. Lương Minh Huân; TS. Trần Khánh Hưng; ThS. Trần Văn Hoàng; TS. Vũ Kiều Oanh; ThS. Trương Tuấn Anh; ThS. Trần Nguyễn Mỹ Linh; PGS. TS. Nguyễn Quốc Dũng; PGS.TS. Hồ Đình Bảo; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; TS. Lê Văn Hùng; TS. Đặng Hùng Vũ; TS. Nguyễn Đình Hòa; ThS. Vũ Hải Hà; TS. Trần Thị Vân Anh; ThS. Ngô Đức Hưng - Hà Nội- Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2021 - 07/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam Bộ trong hơn ba mươi năm đổi mới, tập trang vào hai thập kỷ gần đây, chỉ ra những thành tựu và hạn chế chính ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trong vùng. Xác định và phân tích các nhân tố ảnh hưởng, bao gồm các nhân tố bên trong và bên ngoài, ảnh hưởng đến sự phát triển và khả năng thực hiện vai trò động lực của doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân vùng Tây Nam Bộ thời gian qua. Đề xuất có luận cứ khoa học về quan điểm, định hướng và giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân vùng Tây Nam Bộ giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, phát huy được lợi thế đặc thù của vùng Tây Nam Bộ, đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ và bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 19332

81460.06-2022 **Đào tạo chuyên gia Lean 6 Sigma Đai xanh, Đai đen và chuyên gia thực hành cải tiến năng suất tại doanh nghiệp ngành công thương**/ ThS. Vũ Thị Hồng Minh, ThS. Vũ Thị Hồng Minh; ThS. Nguyễn Thị Anh Thu; KS. Hoàng Thị Thanh Hường; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thu Hiền; KS. Nguyễn Văn Việt; CN. Đặng Thị Mai Phương; ThS. Cao Hoàng Long; KS. Hồ Vĩnh Lộc; CN. Vũ Thanh Huyền, CN. Vũ Nguyên Xoái, ThS. Nguyễn Thanh Hải, CN. Vũ Thị Thu Hà, ThS.

Nguyễn Thị Vân, ThS. Đào Duy Trường, CN. Phạm Thị Thu Hằng, KS. Nguyễn Duy Tùng, CN. Nguyễn Minh Đức, ThS. Nguyễn Phương Lâm, Nguyễn Thị Quế, CN. Lý Hoàng Long, CN. Phùng Sỹ Phương Vũ - Hà Nội- Viện Năng suất Việt Nam, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển đội ngũ chuyên gia nòng cốt triển khai Lean 6 Sigma và chuyên gia thực hành cải tiến năng suất tại doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu phổ biến áp dụng Lean 6 Sigma và thực hiện các chương trình cải tiến năng suất tại doanh nghiệp ngành công thương. Phát triển, nâng cao năng lực về cải tiến năng suất cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu, tư vấn tại các cơ quan, tổ chức của Bộ Công thương.

Số hồ sơ lưu: 19412

81536.06-2022 **Tác động của nợ công đến bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách**/ PGS.TS. Lê Thị Diệu Huyền, TS. Bùi Thị Mến; TS. Bùi Duy Hưng; TS. Trần Ngọc Mai; GS. TS. Nguyễn Văn Tiến; ThS. Nguyễn Thị Cẩm Giang; ThS. Nguyễn Thành Nam; TS. Phạm Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thọ; ThS. Tô Thị Hồng Anh - Hà Nội- Học viện Ngân hàng, 2021 - 01/2020 - 07/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ tác động của nợ công lên bất bình đẳng thu nhập để đưa ra khuyến nghị chính sách tại Việt Nam trong thời gian tới. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết về nợ công, bất bình đẳng thu nhập, kênh truyền dẫn tác động của nợ công đến bất bình đẳng thu nhập. Thực trạng về nợ công và bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam, qua đó, đánh giá mức độ tác động của nợ công đến bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam. Đề xuất khuyến nghị về chính sách về nợ công, chính sách phân phối thu nhập, phối hợp chính sách tài khóa, tiền tệ giảm tác động của gánh nặng nợ công đến bất bình đẳng thu nhập tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19449

81555.06-2022 **Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2020: Tác động và kiến nghị chính sách**/ TS. Đặng Xuân Thanh, TS. Phạm Anh Tuấn; GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn; PGS.TS. Bùi Nhật Quang; PGS. TS. Bùi Quang Tuấn; TS. Nguyễn Thắng; PGS.TS. Nguyễn An Hà; PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng; PGS.TS. Nguyễn Xuân Trung; TS. Phan Cao Nhật Anh; TS. Nguyễn Cao Đức; TS. Phạm Sỹ An; TS. Hà Huy Ngọc; PGS.TS. Cù Chí Lợi; TS. Hà Thị Hồng Vân; TS. Kiều Thanh Nga; PGS.TS. Nguyễn Đức Chiện - Hà Nội- Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá diễn biến chủ đạo của quá trình phát triển kinh tế toàn cầu năm 2020, những nền tảng kinh tế vĩ mô của một số nền kinh tế chủ chốt để nhận định được chiều hướng vận động của các chỉ báo vĩ mô; các luồng sản phẩm đầu vào đối với nền kinh tế Việt Nam, từ đó dự báo các xu hướng điều chỉnh, thời điểm điều chỉnh chính sách kinh tế vĩ mô, các giải pháp ổn định và phát triển kinh tế của của các nền kinh tế lớn, những đối tác kinh tế - thương

mại chủ chốt của Việt Nam. Đánh giá diễn biến, các giải pháp chính sách và thực tiễn điều hành kinh tế vĩ mô, các hướng tái cấu trúc nền kinh tế của các Chính phủ, của các quốc gia chủ chốt như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản… để qua đó rút ra những chiều hướng tác động tới các cân đối lớn toàn cầu, tới hệ thống kinh tế thế giới, khu vực cũng như những ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam; Đánh giá diễn biến của tình hình kinh tế Việt Nam; quá trình điều hành và các điều chỉnh kinh tế xã hội của Việt Nam năm 2020 đồng thời phân tích sâu một số cơ hội và thách thức đối với tình hình phát triển của nền kinh tế thế giới để dự báo về môi trường kinh tế đối ngoại của Việt Nam, chủ động đưa ra các đánh giá và dự báo về các nền tảng vĩ mô cơ bản như tăng trưởng GDP, lạm phát, việc làm, thâm hụt ngân sách, cán cân thanh toán quốc tế, về tăng trưởng xuất nhập khẩu, về dòng FDI và FDI vào Việt Nam v.v.. từ đó làm cơ sở đưa ra các kiến nghị giải pháp về kinh tế vĩ mô, các hướng điều chỉnh cơ cấu kinh tế của Việt Nam trong năm 2021.

Số hồ sơ lưu: 19462

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.

75858.06-2022 **Phát triển năng lực tự học trong đào tạo theo tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Thủ đô Hà Nội**/ TS. Ngô Thị Kim Hoàn, TS. Ngô Thị Kim Hoàn; ThS. Phạm Thị Quỳnh Anh; TS. Chu Thị Phương; PGS.TS. Bùi Minh Đức; TS. Trần Thị Hà Giang; ThS. Trần Thị Thu Phương; ThS. Phùng Thị thu Thủy; ThS. Vũ Thị Thương - Hà Nội- Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, 2019 - 09/2016 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về năng lực tự học và phát triển năng lực tự học cho sinh viên.; Phân tích thực trạng năng lực tự học trong đào tạo tín chỉ của sinh viên và phát triển năng lực tự học cho sinh viên tại trường viên Đại học Thủ đô Hà Nội; Đề xuất một số giải pháp phát triển năng lực tự học của sinh viên Đại học Thủ đô Hà Nội; Triển khai thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm các giải pháp phát triển năng lực tự học trong đào tạo tín chỉ cho sinh viên trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-51/ĐK-TTTT&TK

78868.06-2022 **Xây dựng bộ đề thi trắc nghiệm chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên và chuyên viên chính**/ ThS. Nguyễn Thị Xiếu, - Trường Chính trị Phạm Hùng - Trường Chính Trị Phạm Hùng, 2020 - 04/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu đề tài nhằm xây dựng bộ đề thi trắc nghiệm thuộc Phần III - Chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên và chuyên viên chính để làm tài liệu góp phần phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu; ứng dụng bộ câu hỏi trắc nghiệm vào việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên bằng phương pháp trắc nghiệm sao cho khách quan, hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.019

78869.06-2022 **Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng viết bài thu hoạch thực tế và khóa luận tốt nghiệp của học viên trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính tại Trường Chính trị Phạm Hùng**/ ThS. Lê Thị Hồng Nhiên, ThS. Trần Thị Thanh Thúy; ThS. Thái Thị Quyến; ThS. Lưu Văn Tiền; ThS. Trần Thị Mỹ Duyên - Trường Chính trị Phạm Hùng - Trường Chính Trị Phạm Hùng, 2020 - 04/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trên cơ sở đánh giá thực trạng về viết bài nghiên cứu thực tế và bài khóa luận tốt nghiệp trong chương trình TCLLCT - HC tại Trường Chính trị Phạm Hùng từ năm 2017 đến năm 2019, đề tài sẽ đề xuất một số giải pháp có tính áp dụng vào trong thực tiễn công tác của giảng viên khi hướng dẫn học viên viết bài khoá luận cũng như khi đánh giá kết quả bài viết của học viên nhằm góp phần nâng cao chất lượng của các bài viết thu hoạch thực tế và khóa luận tốt nghiệp.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.CS021

81349.06-2022 **Marketing đào tạo văn hóa, nghệ thuật trong các trường Đại học văn hóa nghệ thuật trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**/ TS. Đinh Công Tuấn, TS. Nguyễn Thị Anh Quyên; PGS.TS. Cao Đức Hải; PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Thủy; TS. Trương Đại Lượng; ThS. Hoàng Hòa Bình; ThS. Lưu Ngọc Thành - Hà Nội- Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2021 - 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về marketing đào tạo văn hoá nghệ thuật và tìm hiểu hoạt động marketing hỗn hợp của một số trường đại học trên thế giới. Tiến hành khảo sát, nghiên cứu, đánh giá thực trạng marketing của năm trường đại học văn hoá nghệ thuật trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Qua đó, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của các trường đại học văn hoá nghệ thuật cho việc ứng dụng mô hình marketing đào tạo trong quá trình tiến tới tự chủ. Từ những nghiên cứu, tìm hiểu trên đề xuất mô hình và giải pháp marketing đào tạo cho các trường đại học văn hoá nghệ thuật trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Số hồ sơ lưu: 19388

81356.06-2022 **Nghiên cứu các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cho học sinh trung học cơ sở**/ ThS. Lê Thanh Khiết, TS. Đỗ Ngọc Hà; ThS. Nguyễn Duy Hiệp; Vũ Thị Thái Hà; TS. Nguyễn Thế Thắng; Vũ Long Khánh; TS. Bùi Phương Thanh; TS. Nguyễn Thị Thu Nga; CN. Trương Thanh Sơn; ThS. Phan Thị Thanh Thủy - Hà Nội- Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận về hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cho học sinh trung học cơ sở. Tìm hiểu mức độ cần thiết và thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp của Đoàn

TNCS Hồ Chí Minh cho học sinh Trung học cơ sở. Trên cơ sở đó đề xuất một số nhóm giải pháp về hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cho học sinh THCS trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19386

81510.06-2022 **Nghiên cứu, triển khai đào tạo cán bộ làm công tác quản lý chất lượng tại doanh nghiệp**/ KS. Đặng Kim Lợi, CN. Nguyễn Hồng Vân; ThS. Mai Thị Như Quỳnh; ThS. Trần Tuấn Anh; CN. Hoàng Đức Hiếu; ThS. Lê Minh Tâm; ThS. Đào Quốc Toàn; CN. Nguyễn Ngọc Duy; KS. Ngô Văn Long; KS. Đặng Đức Sơn - Hà Nội- Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2020 - 02/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được yêu cầu năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý chất lượng, có kiến thức, kỹ năng và thái độ ứng xử trách nhiệm với công việc phù hợp; Đánh giá thực trạng năng lực cán bộ quản lý chất lượng của doanh nghiệp để xác định được nhu cầu đào tạo; Xây dựng được chương trình khung và tài liệu đào tạo theo 4 cấp độ để phát triển năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý chất lượng tại doanh nghiệp; Nhằm nâng cao năng lực cán bộ làm công tác quản lý chất lượng tại doanh nghiệp, đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu về năng lực quản lý chất lượng của cán bộ làm công tác quản lý chất lượng; Chuyển giao chương trình, tài liệu đào tạo cho các đơn vị có đủ năng lực đào tạo để triển khai các khoá đào tạo cho các cán bộ làm công tác quản lý chất lượng tại các doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 19434

81559.06-2022 **Nghiên cứu thực trạng bệnh tật, nhu cầu nhân lực, năng lực đào tạo và xây dựng chuẩn năng lực nghề nghiệp Bác sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng Việt Nam**/ PGS. TS. Đoàn Quốc Hưng, PGS.TS. Phạm Văn Minh; TS. Phạm Văn Tác; PGS. TS. Lê Minh Giang; PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Liên; ThS. Trần Thị Hảo; BSNT. Nguyễn Hoài Nam; BSCKII. Nguyễn Thị Thanh Huyền; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hà; TS. Nguyễn Ngọc Long; TS. Hoàng Thị Hải Vân; BSNT. Nguyễn Thị Duyên; BSNT. Trần Hữu Đạt; BSNT. Chu Thị Quỳnh Thơ; ThS.Phạm Ngọc Bằng; BSNT. Phan Thị Kiều Loan; ThS.Lưu Ngọc Minh; BSNT. Nguyễn Khánh Chi - Hà Nội- Trường Đại học Y Hà Nội, 2021 - 06/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Mô tả thực trạng bệnh tật, thực trạng nhân lực, nhu cầu bác sĩ Chuyên khoa Phục hồi chức năng tuyến tỉnh, huyện và năng lực đáp ứng của các cơ sở đào tạo ở Việt Nam. Xây dựng Dự thảo chuẩn năng lực nghề nghiệp bác sĩ Chuyên khoa Phục hồi chức năng Việt Nam. Nghiên cứu và sớm ban hành chuẩn năng lực nghề nghiệp (CNLNN) bác sĩ Chuyên khoa PHCN Việt Nam, để các cơ sở đào tạo có căn cứ xây dựng chuẩn đầu ra, bộ công cụ lượng giá, nội dung học tập và tổ chức đào tạo ra đội Bác sĩ chuyên khoa PHCN đạt được những

năng lực tối thiểu theo quy định, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh về PHCN của người dân và từng bước hội nhập với quốc tế về nguồn nhân lực bác sĩ Chuyên khoa PHCN.

Số hồ sơ lưu: 19456

81677.06-2022 **Xây dựng chương trình Thể dục thể thao ngoại khóa cho học sinh phổ thông các tỉnh miền Bắc Việt Nam**/ GS.TS. Nguyễn Đại Dương, PGS. TS. Đinh Quang Ngọc; PGS. TS. Nguyễn Văn Phúc; PGS. TS. Vũ Chung Thuỷ; PGS. TS. Nguyễn Kim Xuân; TS. Ngũ Duy Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Anh; TS. Vũ Ngọc Tuấn; TS. Nguyễn Văn Đức; ThS. Mai Thị Bích Ngọc; TS. Trần Vũ Phương; ThS. Nguyễn Hữu Hùng; ThS. Ngô Sách Thọ - Bắc Ninh - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, 2017 - 01/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các yếu tố đảm bảo cho việc xây dựng chương trình Thể dục thể thao (TDTT) ngoại khóa nâng cao thể lực cho học sinh phổ thông miền Bắc theo 3 vùng: Đồng bằng, Trung du và Miền núi. Điều tra, khảo sát thực trạng các yếu tố đảm bảo cho việc xây dựng chương trình TDTT ngoại khóa nâng cao thể lực cho học sinh phổ thông miền Bắc theo 3 vùng: Đồng bằng, Trung du và Miền núi. Xây dựng đư 07 chương tình TDTT ngoại khóa với các môn: Bóng đá, bóng rổ, cầu lông, võ-karateda, aerobic nâng cao thể lực cho học sinh phổ thông miền Bắc từ lớp 1 đến lớp 12 theo 3 vùng Đồng bằng, Trung du, Miền núi và bài tập thể dục giữa giờ giúp học sinh thư giãn, phục hồi năng lực chú ý sau những giờ học văn hóa căng thẳng. Ứng dụng thử nghiệm thành công 03 chương trinh TDTT ngoại khóa môn bóng đá, bóng rổ và đá cầu nâng cao thể lực cho học sinh phổ thông ở 3 địa điểm thực nghiệm tại Nam Định, Bắc Giang và Tuyên Quang.

Số hồ sơ lưu: 19481

81708.06-2022 **Giải pháp đảm bảo điều kiện phát triển giáo dục phù hợp với số trẻ và số học sinh đến trường giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2035**/ GS.TS. Huỳnh Văn Sơn, ThS. Nguyễn Vĩnh Khương; PGS.TS. Nguyễn Kim Hồng; TS. Nguyễn Thị Minh Hồng; TS. Hoàng Hoa Cương; GS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến; TS. Dương Thị Hồng Hiếu; TS. Lê Đức Long; TS. Hoàng Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Diễm My - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2020 - 11/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định mô thức dự báo số trẻ, số học sinh đến trường giai đoạn 2018 - 2025 tầm nhìn 2035. Điều kiện phát triển giáo dục phù hợp với số trẻ, số học sinh đến trường. Dự báo số trẻ em mầm non, số học sinh đến trường. Giải pháp đảm bảo điều kiện phát triển giáo dục phù hợp số trẻ, số học sinh đến trường. Phân tích các biện pháp trong các giải pháp đảm bảo điều kiện phát triển giáo dục phù hợp số trẻ, số học sinh đến trường. Đề xuất các khuyến nghị đối với công tác dự báo số trẻ, số học sinh đến trường trong giáo dục và việc đảm bảo điều kiện phát triển

giáo dục phù hợp với số trẻ, số học sinh đến trường.

Số hồ sơ lưu: 19502

81856.06-2022 **Giải pháp phòng, chống biểu hiện sai lệch của học sinh THPT trong trường học hiện nay**/ ThS. Nguyễn Duy Hiệp, ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; TS. Bùi Phương Thanh; Nguyễn Thu Hà; Doãn Thị Mai; Trần Thị Thu Ngân; Phan Thanh Nguyệt; Vũ Long Khánh; Vũ Thị Bích Thảo - Hà Nội- Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cho thấy yếu tố từ phía bản thân học sinh và gia đình là một trong nhiều yếu tố ảnh hưởng khác dẫn đến hành vi sai lệch của học sinh THPT trong trường học thời gian qua. Do đó, kết luận rằng văn hóa trường học có ảnh hưởng đến tỷ lệ hành vi sai lệch của học sinh nhưng các yếu tố khác trong trường học và môi trường cũng có tác động. Các hoạt động phòng ngừa biểu hiện sai lệch của học sinh THPT hiện nay được thực hiện ở hai môi trường chính là nhà trường, tổ chức Đoàn Thanh niên. Tại nhà trường hoạt động phòng ngừa chủ yếu là các hoạt động rèn luyện kỹ năng sống, tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, hoạt động tuyên truyền pháp luật và nhắc nhở với tần xuất không thường xuyên. Tổ chức Đoàn thanh niên các hoạt động phòng ngừa khá đa dạng ở mức độ thường xuyên với các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, biểu hiện lối sống, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tọa đàm, tham quan, hoạt động vui chơi giải trí, tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật và các hoạt động đào tạo kỹ năng sống. Tuy vậy, các hoạt động phòng, chống tại nhà trường, tổ chức Đoàn thanh niên hiện nay chỉ có ảnh hưởng/ tác động đến với nhóm học sinh một cách chung chung, chưa được rõ nét về mặt hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 19473

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

78867.06-2022 **Nghiên cứu, xây dựng kênh hình lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (1930 - 2015) để phục vụ giảng dạy phần VI. Tình hình địa phương**/ ThS. Nguyễn Thị Hồng Sang, CN. Nguyễn Văn Tới; ThS. Lê Thị Kim Liên; CN. Nguyễn Văn Sơn; ThS. Lê Văn Dũng; ThS. Võ Thị Mai Hương - Trường Chính trị Phạm Hùng - Trường Chính Trị Phạm Hùng, 2020 - 04/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Để phục vụ giảng dạy phần VI. Tình hình địa phương; Đổi mới phương pháp giảng dạy - dạy trực quan sinh động; nâng cao hơn nửa chất lượng giảng dạy phần VI - Tình hình địa phương trong chương trình TCLLCT - HC; thông qua kênh hình sẽ rèn luyện cho học viên kỹ năng quan sát, đánh giá, nhận xét, miêu tả, so sánh,… tác động đến tình cảm, nhận thức của học viên. Để phục vụ giảng dạy lịch sử địa phương ở trường trung học phổ thông và làm tài liệu tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng của địa phương

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.020

75917.06-2022 **Đánh giá sự hài lòng của học sinh và cha mẹ học**

sinh trong các trường trung học cơ sở tại Hà Nội/ TS. Ngô Thanh Huệ, PGS.TS. Trần Thu Hương; TS. Nguyễn Trung Hiển; ThS. Phạm Xuân Hoàn; ThS. Vũ Thùy Vân; ThS. Ngô Thị Thanh Vân; ThS. Nguyễn Thị Tân; TS. Mai Anh; ThS. Nguyễn Thị Như Tâm; TS. Nguyễn Thị Hương Giang. - Hà Nội- Khoa Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019 - 07/2016 - 02/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận về sự hài lòng của học sinh và cha mẹ học sinh; Nghiên cứu các phương pháp đánh giá sự hài lòng của học sinh và cha mẹ học sinh ở trường học đã sử dụng trên thế giới và Việt Nam; Xây dựng bộ bảng hỏi và thực nghiệm đánh giá sự hài lòng của học sinh và cha mẹ học sinh tại một số trường THCS trên địa bàn thành phố Hà Nội; Phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của học sinh và cha mẹ tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Hà Nội; Đề xuất nhóm giải pháp về chính sách cải thiện môi trường học tập cho học sinh trung học cơ sở tại địa bàn thành phố Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-12/ĐK-TTTT&TK

81061.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải hoạt động trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học công nghệ**/ ThS. Dương Thị Hòa, ThS. Hoàng Lê Minh; ThS. Ngô Anh Tuấn; ThS. Trần Thị Bích Ngọc; ThS. Đinh Công Tuấn; ThS. Đinh Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Cao Hiến; ThS. Trịnh Bích Dung; ThS. Trần Văn Ước; Tạ Việt Hùng - Hà Nội- Trường cán bộ quản lý giao thông vận tải, 2021 - 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học. Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học công nghệ. Thực trạng công tác đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học công nghệ. Giải pháp xây dựng và điều kiện bảo đảm áp dụng Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Giao thông vận tải hoạt động trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 19298

81492.06-2022 **Quản lý tài sản công tại cơ sở giáo dục đại học công lập**/ TS. Nguyễn Thế Anh, TS. Cao Minh Tiến; PGS.TS. Trần Xuân Hải; TS. Đào Thị Hương; TS. Hà Văn Sang; ThS. Phan Phước Long; ThS. Vũ Thị Kim Oanh; ThS. Chu Tuấn Anh; ThS. Đặng Việt Hùng; TS. Ngô Văn Lượng - Hà Nội- Học viện tài chính, 2021 - 12/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, phân tích làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về tài sản công (TSC) tại cơ sở giáo dục

đại học (GDĐH) công lập và quản lý TSC tại cơ sở GDĐH công lập. Tổng hợp, phân tích và minh chứng làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng quản lý TSC tại cơ sở GDĐH công lập ở Việt Nam. Đề xuất quan điểm và các giải pháp hoàn thiện quản lý TSC tại cơ sở GDĐH công lập ở Việt Nam có luận cứ khoa học về lý luận và thực tiễn, có tính khả thi cao, phù hợp với tiến trình thực hiện cơ chế tự chủ của các cơ sở GDĐH công lập và đổi mới cơ chế quản lý TSC ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19419

50401. Xã hội học nói chung

81491.06-2022 **Phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn: Thực trạng và giải pháp** / PGS.TS. Nguyễn Thị Hương, TS. Phạm Mỹ Hằng Phương; PGS.TS. Lê Hải Anh; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Phùng Thế Đông; TS. Nguyễn Thế Vinh; ThS. Đỗ Thanh Hương; ThS. Đặng Thành Dũng; TS. Lê Thái Hưn; TS. Phạm Thu Phương; ThS. Phạm Thị Thùy Dương; ThS. Đặng Thùy Nhung; ThS. Trần Hoàng Minh; ThS. Mai Văn Sáu; ThS. Hoàng Thị Minh Hà; ThS. Đỗ Thị Hà Anh; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh - Hà Nội- Trường Đại học Giáo dục, 2021 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng khung phân tích đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn ở nước ta hiện nay. Đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn nước ta hiện nay dựa trên các tiêu chí và các nhân tố ảnh hưởng đã được xác định trong khung phân tích nêu trên . Nghiên cứu bối cảnh quốc tế và trong nướ c có thể ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn trong thời gian tới . Đề xuất một số quan điểm, định hướng và giải pháp phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19420

81552.06-2022 **Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi giai đoạn 2017 - 2020**/ CN. Trương Thu Hằng, ThS. Lê Minh Đức; TS. Nguyễn Thế Ích; CN. Nguyễn Thanh Hải; ThS. Phạm Mai Hương; ThS. Đặng Thị Tân Mai; CN. Nguyễn Thị Gấm; TS. Vũ Trường Sơn; ThS. Hoàng Thu Hiền - Hà Nội- Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi, 2021 - 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng bài giảng và chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quản lý và triển khai thực hiện dự án. Tổ chức 06 lớp đào tạo bồi dưỡng cho 1800-2000 học viên. Tổ chức 1 khóa đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài cho 10 học viên là lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc Bộ KHCN và lãnh đạo sở KHCN địa phương.

Số hồ sơ lưu: 19460

81635.06-2022 **Nghiên cứu các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ tại các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công**/ BSCKII. Đào Ngọc Lợi, CN. Nguyễn Thị Lý; ThS. Trần Thị

Hằng; CN. Nguyễn Thủy Chung; ThS. Văn Thị Huệ; ThS. Dương Châu Loan; ThS. Mã Lệ Tuyết - Hà Nội- Cục người có công, 2020 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận về nâng cao chất lượng dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng tại các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công. Xây dựng Bộ chỉ tiêu đánh giá chất lượng dịch vụ tại các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công. Đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ tại các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ tại các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

Số hồ sơ lưu: 19485

81700.06-2022 **Báo cáo tổng hợp chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ: Nghiên cứu thể dục thể thao quần chúng, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững/** GS.TS. Nguyễn Đại Dương, PGS.TS. Đinh Quang Ngọc; PGS.TS. Đặng Văn Dũng; PGS.TS. Đinh Khánh Thu; PGS.TS. Nguyễn Kim Xuân; TS. Lý Đức Trường; TS. Phạm Tuấn Hiệp; TS. Nguyễn Lê Huy; ThS. Lê Việt Hùng; TS. Nguyễn Văn Hòa - Bắc Ninh - Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các luận cứ khoa học và hệ thống lý luận về các vấn đề cơ bản mang tính chiến lược và thực tiễn cấp bách liên quan đến thể dục thể thao quần chúng. Đánh giá toàn diện thực trạng và hiệu quả quản lý thể dục thể thao quần chúng: Thực trạng và hiệu quả quản lý thể dục thể thao quần chúng ở các khu vực dân cư; hoạt động thể dục thể thao quần chúng trong các khu công nghiệp, khu chế xuất; phát triển dịch vụ thể dục thể thao quần chúng ở Việt Nam; nguồn nhân lực và công tác đào tạo nguồn nhân lực phát triển thể dục thể thao quần chúng. Xây dựng các mô hình phát triển thể dục thể thao quần chúng ở các khu vực dân cư. Đề xuất giải pháp phát triển thể dục thể thao quần chúng tại các khu công nghiệp, khu chế xuất; dịch vụ thể dục thể thao quần chúng; và đảm bảo nguồn nhân lực cho phát triển thể dục thể thao quần chúng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Số hồ sơ lưu: 19491

81704.06-2022 **Nghiên cứu, đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 từ góc nhìn khoa học và nhận diện những vấn đề cơ bản trong phát triển nông thôn bền vững giai đoạn sau năm 2020/** TS. Trần Công Thắng, TS. Trần Công Thắng TS. Nguyễn Đỗ Anh Tuấn; TSKH. Bạch Quốc Khang; TS. Hoàng Vũ Quang; TS. Trương Thị Thu Trang; TS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; TS. Nguyễn Anh Phong; TS. Phùng Giang Hải; TS. Phạm Thị Ngọc Linh; TS. Nguyễn Đức Lộc; TS. Đào Đức Huấn; ThS. Lê Trọng Hải; PGS.TS. Trần Văn Điền; GS.TS. Nguyễn Hay; GS.TS. Trần Đức Viên; ThS. Nguyễn Thị Hải Linh; ThS. Nguyễn Ngọc Luân; ThS. Nguyễn Lệ Hoa - Hà Nội- Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, 2021 - 04/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ các thành tựu, hạn chế, các chuyển biến cơ bản và những bài học của xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 từ góc nhìn khoa học. Nhận diện những vấn đề cơ bản cần tiếp tục giải quyết để hỗ trợ xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững trong giai đoạn sau năm 2020. Phân tích, đánh giá những chuyển biến chính, những giá trị bền vững, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010- 2020 từ góc nhìn khoa học. Đánh giá tác động của khoa học công nghệ (KHCN) phục vụ xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2010-2020. Phân tích bối cảnh và nhận diện những vấn đề cơ bản trong xây dựng nông thôn mới bền vững giai đoạn sau năm 2020. Đề xuất nội dung cơ bản của xây dựng nông thôn mới bền vững và định hướng nghiên cứu KHCN phục vụ xây dựng nông thôn mới bền vững giai đoạn sau 2020.

Số hồ sơ lưu: 19495

50404. Dân tộc học

81540.06-2022 **Nghiên cứu đề xuất chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn**/ TS. Hà Việt Quân, ThS. Phan Văn Cương; TS. Hoàng Xuân Lương; TS. Trần Văn Thuật; PGS.TS. Phú Văn Hẳn; PGS.TS. Bùi Minh Đạo; ThS. Hà Quang Khuê; ThS. Đinh Thị Hòa; ThS. Phạm Quang Minh; ThS. Mai Đức Hùng; ThS. Nguyễn Thị Nhiên; CN. Nguyễn Thị Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Kiều Nhung; ThS. Phùng Quốc Huy - Hà Nội- Trung tâm Tư vấn, chuyển giao khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường vùng dân tộc và miền núi, 2021 - 06/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý thuyết về "Chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển vùng DTTS&MN có điều kiện KT-XH khó khăn và đặc biệt khó khăn". Rà soát, hệ thống hóa chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển vùng DTTS&MN có điều kiện KT-XH khó khăn và đặc biệt khó. Làm rõ một số đặc điểm và những yếu tố ảnh hưởng đến chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển vùng DTTS&MN có điều kiện KT-XH khó khăn và đặc biệt khó khăn. Đề xuất một số chính sách đặc thù hỗ trợ, phát triển vùng DTTS&MN có điều kiện KT-XH khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Số hồ sơ lưu: 19450

81568.06-2022 **Một số vấn đề cơ bản trong cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào**/ PGS.TS. Văn Đức Thanh, TS. Đỗ Đình Trung; TS. Hoàng Xuân Lương; GS. TS. Nguyễn Đình Chiến; TS. Phạm Văn Xây; PGS.TS. Trần Trung; PGS.TS. Nguyễn Thị Song Hà; PGS.TS. Phạm Quang Hoan; ThS. Hờ Bá Hùa; TS. Vũ Chiến Thắng - Hà Nội- Trung tâm nghiên cứu quyền con người vùng dân tộc, miền núi, 2021 - 06/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ hiệu quả, tác động của chính sách dân tộc đối với phát triển kinh tế - xã hội cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào từ năm 1986 đến nay; nhận diện những

vấn đề cơ bản trong cộng đồng các dân tộc trên tuyến biên giới Việt – Lào; đề xuất quan điểm, giải pháp hoàn thiện chính sách đến năm 2030 nhằm phát triển bền vững cộng đồng các dân tộc, góp phần xây dựng tuyến biên giới Việt – Lào hoà bình, hữu nghị

Số hồ sơ lưu: 19477

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

81056.06-2022 **Lựa chọn hôn nhân và các hình thức chung sống của công nhân khu công nghiệp (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Bình Dương)**/ PGS.TS. Đặng Thị Hoa, ThS. Bùi Thị Hương Trầm Vũ Thị Cúc; Hà Thị Minh Khương; Lê Việt Nga; Lê Ngọc Văn - Hà Nội- Viện Nghiên cứu gia đình và giới, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thực trạng lựa chọn hôn nhân và các hình thức chung sống của công nhân tại khu công nghiệp tỉnh Bình Dương. Xác định một số vấn đề đang đặt ra và những yếu tố tác động đến việc lựa chọn hôn nhân và các hình thức chung sống của công nhân qua nghiên cứu trường hợp tại khu công nghiệp tỉnh Bình Dương. Đề xuất khuyến nghị chính sách nhằm góp phần hỗ trợ ổn định và nâng cao đời sống hôn nhân, gia đình của công nhân tại khu công nghiệp tỉnh Bình Dương.

Số hồ sơ lưu: 19297

81370.06-2022 **Di dân của các dân tộc thiểu số: Những vẫn đề đặt ra và giải pháp**/ GS.TS. Nguyễn Đình Tấn, PGS.TS. Đặng Thị Ánh Tuyết; TS. Hà Việt Hùng; TS. Phan Tân; ThS. Nguyễn Ngọc Huy; TS. Quách Thu Quế; TS. Trần Minh Hằng; PGS.TS. Phạm Xuân Hảo; ThS. Trịnh Thu Nga; ThS. Nguyễn Văn Vị - Hà Nội- Viện Xã hội học và Phát triển, 2020 - 06/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của di dân và di dân các DTTS, xây dựng khung lý thuyết về nghiên cứu di dân các DTTS; Làm rõ những đặc trưng và xu hướng di dân của các DTTS ở nước ta; bài học kinh nghiệm quốc tế về chính sách di dân; Đánh giá hiệu quả, tác động của các chính sách di dân, phân tích thực trạng, diễn biến tình hình di dân của các DTTS từ năm 1986 đến nay; Dự báo các xu hướng di dân của các DTTS, tác động, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh; Đề xuất các giải pháp, chính sách di dân góp phần phát triển bền vững và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng dân tộc, đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19392

81437.06-2022 **Văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế**/ PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc, GS.TS. Đặng Nguyên Anh; TS. Lê Bá Trình; TS. Nguyễn Anh Sơn; PGS.TS. Vũ Mạnh Lợi; PGS.TS. Nguyễn Đức Vinh; PGS.TS. Lã Thị Thu Thủy; PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Châm; TS. Hoàng Vũ Linh Chi; TS. Trần Nguyệt Minh Thu - Hà Nội- Viện Xã

hội học, 2021 - 09/2017 - 02/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định một số vấn đề lý luận về văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay; xác định các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam; dự báo xu hướng văn hóa tiêu dùng Việt Nam trong thời gian tới. Nêu khuyến nghị và đề xuất giải pháp định hướng văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 19404

81465.06-2022 **Quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam**/ ThS. Nguyễn Trung Thành, GS.TS. Tô Duy Hợp; PGS.TS. Nguyễn Tất Giáp; PGS.TS. Vũ Trọng Hách; PGS.TS. Nguyễn Đức Bách; PGS.TS. Lương Quỳnh Khuê, TS. Bùi Sỹ Lợi, TS. Đào Quang Vinh, TS.Nguyễn Ngọc Toản, TS. Tạ Thị Hương, TS. Lê Quang Long, ThS. Phan Văn Sáng, ThS. Nguyễn Đình Phúc, ThS. Hoàng Thị Hường, ThS. Lương Văn Liệu, TS. Nguyễn Xuân Thủy, CN. Bùi Thị Hơn, CN. Lê Thị Nhung, TS. Nguyễn Văn Thuận, GS.TS. Lê Ngọc Hùng, GS.TS. Đỗ Quang Hưng, PGS.TS. Trần Vi Dân, PGS.TS. Đỗ Đức Minh, PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh, TS. Nguyễn Viết Định, TS. Nguyễn Lê Thạch, TS. Lã Trường Anh, TS. Trần Lệ Thu, CN. Vũ Thị Huyền - Hà Nội- Viện Khoa học Môi trường và Xã hội, 2021 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá thực trạng quản lý các vấn đề xã hội tại các KCN: Lao động, việc làm; Nhập cư, xuất cư; Hôn nhân; Tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, tiếp cận thông tin, nhà ở, nước sạch - vệ sinh môi trường); Hoạt động văn hóa giải trí; Vấn đề tôn giáo - dân tộc, xung đột lợi ích qua đó đề xuất giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý các vấn đề xã hội tại các KCN ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 19416

81569.06-2022 **Vấn đề lao động và việc làm ở vùng nông thôn Tây Nam Bộ trong bối cảnh phát triển mới**/ PGS.TS. Nguyễn Quốc Dũng, PGS.TS. Phạm Minh Anh; TS. Trần Mai Hùng; TS. Nguyễn Trí Tùng; TS. Võ Thị Kim Thu; TS. Trần Mạnh Tuyến; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; TS. Trần Văn Hiếu; TS. Võ Văn Dứt; TS. Lê Xuân Tạo; ThS. Phan Việt Châu; ThS. Trần Trọng Hiếu; TS. Nguyễn Trọng Bình; TS. Đinh Văn Thụy - Cần Thơ - Học viện Chính trị khu vực IV, 2021 - 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Lý luận và kinh nghiệm trong giải quyết vấn đề lao động việc làm (LĐVL) vùng nông thôn trong quá trình đô thị hóa và phát triển dưới tác động của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và BĐKH (xây dựng khung phân tích); Làm rõ những nét đặc thù về LĐVL; dự báo được những xu hướng biến đổi, các yếu tố tác động

đến LĐVL vùng nông thôn Tây Nam Bộ dưới tác động của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và BĐKH; Phân tích những yêu cầu, chỉ ra những cơ hội và thách thức để PTBV vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh phát triển mới đặt ra cho việc giải quyết vấn đề LĐVL ở nông thôn giai đoạn 2021, tầm nhìn 2030. Đề xuất quan điểm, định hướng chính sách và giải pháp cơ bản giải quyết vấn đề LĐVL ở nông thôn trong PTBV vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh phát triển mới.

Số hồ sơ lưu: 19468

81752.06-2022 **Giải pháp nâng cao mức sống dân cư ngoại thành thành phố hồ chí minh gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**/ ThS. Hồ Thủy Tiên, TS. Võ Văn Thành; ThS. Trần Văn Bích; ThS. Cao Minh Nghĩa; ThS. Triệu Đỗ Hồng Phước; ThS. Trương Thiết Hà; ThS. Đoàn Khưu Diễm Nga; ThS. Trần Thị Đỏ; ThS. Chu Thúy Anh; ThS. Trần Văn Phúc; CN. Nguyễn Vĩnh - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2020 - - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định các yếu tố cấu thành mức sống và xây dựng khung phân tích đề tài. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội và định vị mức sống dân cư ngoại thành trong bức tranh tổng thể mức sống dân cư của toàn Thành phố. Xác định hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao mức sống của cư dân các huyện ngoại thành, vùng nông thôn Thành phố. Tình hình thực hiện những giải pháp của Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) nhằm đạt được mục tiêu nâng cao mức sống dân cư ngoại thành TPHCM. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nâng cao mức sống dân cư ngoại thành TPHCM, góp phần cho tăng trưởng kinh tế - phát triển xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh chung của Thành phố.

Số hồ sơ lưu: HCM-025-2021

50499. Xã hội học khác

81456.06-2022 **Xác lập luận cứ khoa học và giải pháp tổng thể phát triển bền vững huyện đảo Trường Sa, Việt Nam**/ PGS.TS. Trần Đình Lân, TS. Vũ Mạnh Hùng; PGS.TS. Nguyễn Văn Quân; TS. Nguyễn Đăng Ngải; TS. Nguyễn Văn Thảo; TS. Phạm Thế Thư; TS. Vũ Việt Hà; ThS. Phạm Sỹ Hoàn; TS. Nguyễn Thu Nhung; TS. Đinh Văn Huy - Hải Phòng - Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2021 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng luận cứ khoa học và thực tiễn cho phát triển bền vững (kinh tế, xã hội và môi trường) huyện đảo Trường Sa, góp phần bảo đảm các quyền và lợi ích của Việt Nam trên Biển Đông. Đánh giá thực trạng phát triển huyện đảo Trường Sa theo quan điểm bền vững trong bối cảnh quốc tế và Biển Đông. Đề xuất giải pháp phát triển bền vững huyện đảo Trường Sa trong điều kiện thực tế ở Biển Đông.

Số hồ sơ lưu: 19413

50501. Luật học

81214.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng những định hướng chính sách lớn phục vụ sửa đổi Luật Tương trợ tư pháp năm 2007**/ ThS. Bạch Quốc An, ThS. Dương Thị Bích Đào; ThS. Phạm Hồ Hương; CN. Trần Thị Minh Hà; ThS. Chu Tam Tuấn; ThS. Hoàng Ngọc Bích; ThS. Hà Tú Cầu; ThS. Đinh Quỳnh Nga; ThS. Lê Mạnh Hùng; CN. Nguyễn Minh Anh; CN. Phạm Phương Linh; CN. Nguyễn Thị Ngân; CN. Trần Văn Len; ThS. Bùi Thị Vân Anh - Hà Nội- Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện thể chế pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp (TTTP) trong lĩnh vực dân sự nói chung và tư pháp quốc tế nói riêng, góp phần thúc đẩy giao lưu dân sự, thương mại có yếu tố nước ngoài; thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế và khu vực về tư pháp và pháp luật đã được đề cập tại các văn bản, nghị quyết của Đảng; Góp phần hỗ trợ giải quyết vụ việc dân sự sự có yếu tố nước ngoài, thúc đẩy bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cá nhân và pháp nhân có liên quan. Làm rõ những vấn đề lý luận về TTTP và pháp luật về TTTP trong lĩnh vực dân sự; Đánh giá đúng, đầy đủ thực trạng thực hiện Luật TTTP năm 2007 trong lĩnh vực dân sự và những hạn chế, bất cập cần sửa đổi, bổ sung; Cung cấp thông tin cần thiết cho việc xây dựng chính sách của Luật TTTP về dân sự theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Số hồ sơ lưu: 19346

81497.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng những định hướng chính sách lớn hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**/ ThS. Đặng Thanh Sơn, ThS. Nguyễn Thanh Hà; TS. Trần Thị Hiền; TS. Nguyễn Văn Cương; TS. Bùi Tiến Đạt; ThS. Lê Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Nguyễn Hoàng Việt; CN. Nguyễn Văn Hoàn; CN. Phạm Thị Hồng Vân - Hà Nội- Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 03/2018 - 09/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng thể, có hệ thống cả về lý luận và thực tiễn, nhằm đề xuất các quan điểm, nội dung xây dựng chính sách lớn hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo hướng bảo đảm tốt quyền con người, quyền công dân được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, an ninh, trật tự an toàn xã hội, xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách hành chính, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 19423

81675.06-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về việc thành lập các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**/ TS. Đào Quang Thủy, CN. Nguyễn Thị Thơ; ThS. Lê Toàn Thắng; CN. Phùng Văn Quân; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Dương Thị Thu Nga; ThS. Trần Xuân Đích; ThS. Lương Tuấn Minh; ThS. Lương Văn Thường; TS. Phạm Thị Hồng Hạnh - Hà Nội- Văn phòng Cục Phát triển thị trường và

doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 2020 - 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề chung về việc thành lập cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung: khái niệm, vai trò, đặc điểm, những yếu tố ảnh hưởng, kinh nghiệm một số nước. Xây dựng bộ tiêu chí hướng dẫn thành lập các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu dùng chung. Đánh giá những kết quả, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế về tình hình thành lập và hoạt động các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. Phân tích tác động của chính sách về thành lập và hoạt động các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. Đề xuất nhóm giải pháp chính sách, thực hiện chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn về việc thành lập các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung. Xây dựng văn bản hướng dẫn quy định về việc thành lập các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

Số hồ sơ lưu: 19493

81730.06-2022 **Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp bảo hộ, quản trị tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước./** ThS. Bùi Tiến Quyết, ThS. Đỗ Thị Xuân Hương; TS. Tạ Quang Minh; ThS. Nguyễn Hữu Cẩn; ThS. Trần Thị Thu Hằng; CN. Nguyễn Thị Như Hoa; CN. Phạm Thị Huế; CN. Nguyễn Thị Hương Xiêm; ThS. Vũ Thị Hân; ThS. Lê Thị Hằng - Hà Nội- Viện Khoa học sở hữu trí tuệ, 2020 - 09/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đào tạo, bồi dưỡng cho doanh nghiệp về khía cạnh kinh tế, kỹ thuật, pháp lý liên quan tới việc tạo dựng, xác lập quyền, thương mại hóa tài sản trí tuệ (TSTT), bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) và quản trị tài sản trí tuệ. Tư vấn, hỗ trợ cho doanh nghiệp trong việc khai thác thông tin sở hữu trí tuệ, tiến hành thủ tục đăng ký bảo hộ, gia hạn/duy trì hiệu lực, thương mại hóa tài sản trí tuệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tổ chức quản trị tài sản trí tuệ. Tổ chức 10 lớp bồi dưỡng về quản trị TSTT cho doanh nghiệp trên địa bàn cả nước.

Số hồ sơ lưu: 19509

81857.06-2022 **Đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ cho khu vực Nam Bộ và Tây Nguyên/** PGS.TS. Lê Thị Nam Giang, CN. Nguyễn Phương Thảo; CN. Lê Thị Anh; GS. TS. Mai Hồng Quỳ; TS. Nguyễn Thái Cường; ThS. Nguyễn Trọng Luận; ThS. Ngô Kim Hoàng Nguyên; TS. Nguyễn Xuân Quang - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 - 10/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được thực trạng nhận thức của doanh nghiệp, giảng viên các trường đại học, cán bộ thực thi quyền sở hữu trí tuệ về pháp luật sở hữu trí tuệ và nhu cầu đào tạo về pháp luật sở hữu trí tuệ của các đối tượng trên. Xây dựng được chương trình đào tạo chuyên sâu về sở hữu trí tuệ, xây dựng hệ thống tài liệu phục vụ việc đào tạo mang tính đồng bộ, hệ thống.

Số hồ sơ lưu: 19544

81885.06-2022 **Nghiên cứu đánh giá tác động của Luật khoáng sản và đề xuất cơ chế chính sách để thay đổi những bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Khoáng sản năm 2010**/ KS. Nguyễn Công Thủy, ThS. Đinh Thanh Bình; TS. Lê Ái Thụ; TS. Nguyễn Bá Minh; ThS. Vương Mạnh Sơn; TS. Hoàng Văn Khoa; KS. Đào Chí Biền; ThS. Nguyễn Quang Lộc; TS. Hoàng Cao Phương; KS. Phạm Khắc Mạnh - Hà Nội- Trung Tâm Kiểm định Địa chất, 2020 - 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các vấn đề về chiến lược, quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và các quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản. Nghiên cứu các vấn đề về bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và quyền lợi của người dân nơi có khoáng sản khai thác. Nghiên cứu các vấn đề về kinh tế khoáng sản. Nghiên cứu các vấn đề về thủ tục hành chính trong cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Nghiên cứu các vấn đề về các quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Số hồ sơ lưu: 19548

50599. Các vấn để pháp luật khác

75844.06-2022 **Thanh tra việc quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hà Nội- thực trạng và giải pháp.**/ ThS. Nguyễn An Huy, ThS. Nguyễn Thị Hiền; TS. Đinh Văn Minh; TS. Nguyễn Tuấn Khanh; TS. Lê Tiến Hào; TS. Nguyễn Thị Huệ; Phạm Thanh Cao; Bùi Thị thúy Mơ; Lê Thị Hồng Nhung; Bùi Mạnh Hùng; ThS. Trần Trung; ThS. Nguyễn Mai Lâm; Nguyễn Danh Trường; Cao Tiến Hậu; ThS. Trần Thành Tâm; Nguyễn Thị Hồng Liên - Hà Nội- Thanh tra Thành phố Hà Nội, 2019 - 08/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu những vấn đề cơ bản về việc quản lý nhà nước các dự án đầu tư có sử dụng đất và thanh tra việc quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất; Thực trạng thanh tra việc quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hà Nộihiện nay; Quan điểm, phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra việc quản lý dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hà Nộitrong thời gian tới

Số hồ sơ lưu: HNI-2019-35/ĐK-TTTT&TK

81042.06-2022 **Nghiên cứu giải quyết tình trạng tranh chấp đất đai bảo đảm phát triển bền vững vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay**/ PGS.TS. Tô Văn Hòa, TS. Nguyễn Hải Ninh; PGS.TS. Nguyễn Quang Tuyến; PGS.TS. Nguyễn Thị Nga; PGS.TS. Nguyễn Văn Quang; TS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Thị Thủy; TS. Phan Lan Hương; GS.TS. Phan Trung Lý; GS.TS. Thái Vĩnh Thắng; TS. Lê Tiến Châu; ThS. Mai Thị Mai; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Trần Minh; ThS. Phạm Thị Minh Thủy; GS.TS. Lê Thái Bạt; ThS. Phạm Minh Hạnh; TS. Trần Thị Quang Hồng; CN. Linh Nga Nie Kdam; PGS.TS. Phạm Văn Lợi - Hà Nội- Trường Đại học Luật Hà Nội,

2020 - 07/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về giải quyết tình trạng tranh chấp đất đai (TCĐĐ) bảo đảm phát triển bền vững vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay. Điều tra, nghiên cứu thực trạng giải quyết tình trạng TCĐĐ bảo đảm phát triển bền vững vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay. Đánh giá toàn diện từ các chiều, cạnh khác nhau thực trạng TCĐĐ ở khu vực Tây Nguyên. Đề xuất giải pháp chính giải quyết tình trạng TCĐĐ bảo đảm phát triển bền vững vùng Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay, hoàn thiện cơ chế xử lý TCĐĐ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, văn hoá, phong tục tập quán của khu vực Tây Nguyên nhằm giải quyết triệt để tình hình phức tạp trong xử lý TCĐĐ, qua đó bảo đảm ổn định và phát triển bền vững ở khu vực Tây Nguyên. Đồng thời cung cấp cơ sở dữ liệu phục vụ hoạch định quản lý xã hội khu vực Tây Nguyên, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các chính sách và các văn bản pháp luật phù hợp bảo đảm ổn định và phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 19277

81060.06-2022 **Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ 2018 - 2020 "Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp theo quy định của Hiến pháp năm 2013"**/ TS. Nguyễn Văn Cương, ThS. Lê Thị Thiều Hoa; TS. Nguyễn Thị Kim Thoa; TS. Nguyễn Minh Khuê; TS. Trương Hồng Quang; ThS. Đinh Công Tuấn; ThS. Hòa Thị Thủy; ThS. Nguyễn Thị Hằng Như; ThS. Hoàng Diệu My; ThS. Dương Thu Hương; CN. Nguyễn Thị Thanh Xuân; CN. Bùi Thị Phương Anh - Hà Nội- Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 05/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và hoàn thiện chủ trương chính sách pháp luật để thực hiện đúng và đầy đủ cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp (QLP), quyền hành pháp (QHP), quyền tư pháp (QTP) theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Nhận diện rõ nội dung và yêu cầu của nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các QLP, QHP, QTP theo tinh thần Hiến pháp năm 2013 và những vấn đề đặt ra. Trên cơ sở thực tiễn thi hành Hiến pháp năm 2013 và các luật có liên quan đánh giá được thực trạng cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các QLP,QHP, QTP tại Việt Nam thời gian qua, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi cơ chế này trong thời gian tới ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19290

50601. Khoa học chính trị

81019.06-2022 **Xây dựng hệ thống chính trị cấp cơ sở tại tỉnh Đắk Lắk hiện nay**/ TS. Phạm Xuân Hoàng, TS. Trương Thị Hạnh; TS.

Nguyễn Trọng Hòa; TS. Lê Quang Hòa; PGS.TS. Bùi Trung Hưng; TS. Vũ Mạnh Toàn; ThS. Lê Thị Hồng Gái; TS. Đoàn Mạnh Quỳnh; ThS. Lê Quốc Đông; ThS. Vũ Tiến Đức; ThS. Phạm Thị Xuân Nga; ThS. Nông Thị Loan; ThS. Nguyễn Tất Thịnh; CN. Nguyễn Duy Lan Hương; CN. Phạm Văn Duệ - Đắk Lắk - Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, 2020 - 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về xây dựng hệ thống chính trị (HTCT) cấp cơ sở . Thực trạng xây dựng HTCT cấp cơ sở ở tỉnh Đắk Lắk từ sau Đại hội XII của Đảng và trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk khóa XVI (2015-2020); những nguyên nhân của hạn chế về xây dựng HTCT cấp cơ sở ở tỉnh Đắk Lắk. Đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng HTCT cấp cơ sở tỉnh Đắk Lắk trước yêu cầu đổi mới HTCT của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 19281

81057.06-2022 **Quan hệ Trung Quốc đối với Việt Nam sau Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc**/ TS. Đặng Thị Thúy Hà, ThS. Nguyễn Phương Liên; ThS. Hà Thu Thủy; ThS. Trần Thị Hải Yến; TS. Bùi Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Quốc Trường - Hà Nội- Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở làm rõ những thay đổi của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước, đặc biệt điều chỉnh chính sách đối ngoại của Trung Quốc cũng như ảnh hưởng của các nhân tố này đối với Việt Nam sau Đại hội XIX Đảng Cộng Sản (ĐCS) Trung Quốc. Quan hệ Việt – Trung trên các lĩnh vực chính trị, an ninh, kinh tế, vấn đề Biển Đông sau Đại hội XIX ĐCS Trung Quốc. Đánh giá thực chất quan hệ Trung - Việt và đưa ra dự báo, kiến nghị trong quan hệ với Trung Quốc trong thời gian tới nhằm vừa duy trì quan hệ hữu nghị với Trung Quốc, vừa đảm bảo lợi ích của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19296

81373.06-2022 **Quá trình cải cách chính trị-xã hội ở Đài Loan (1949-2019) và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam**/ TS. Đào Duy Đạt, TS. Đào Duy Đạt; TS. Bùi Thị Thanh Hương; PGS.TS. Dương Văn Huy; TS. Trần Thị Phương Hoa; ThS. Chu Thùy Liên - Hà Nội- Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu về thực trạng nền chính trị - xã hội Đài Loan thời kỳ (1949 – 1986). Đồng thời tìm hiểu về quá trình cải cách chính trị - xã hội ở Đài Loan trong thời kỳ (1987 - 2019). Qua những tìm hiểu, nghiên cứu trên đưa ra một số đánh giá cũng như những bài học rút ra từ quá trình cải cách, phát triển chính trị-xã hội ở Đài Loan cho sự phát triển của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19384

81374.06-2022 **Những giải pháp cơ bản, cấp bách nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dân tộc của hệ thống chính trị vùng dân tộc thiểu số nước ta**/ TS. Đậu Tuấn Nam, TS. Trương Bảo Thanh; TS. Lâm Minh Châu; TS. Phí

Hùng Cường; ThS. Nguyễn Quốc Đoàn; ThS. Trần Minh Đức; TS. Vũ Trường Giang; TS. Nguyễn Thị Hà; PGS.TS. Nguyễn Văn Minh; TS. Vũ Hải Vân; CN. Vũ Thị u; ThS. Mai Bích Huệ; TS. Giang Thị Huyền; ThS. Nguyễn Văn Tặng; ThS. Nguyễn Thị Thêu - Hà Nội- Học viện chính trị khu vực I, 2020 - 04/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khái quát cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác dân tộc của hệ thống chính trị ở vùng dân tộc thiểu số. Nghiên cứu thực trạng chất lượng và hiệu quả công tác dân tộc và nhận diện những vấn đề cơ bản, cấp bách và các thách thức trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân tộc của hệ thống chính trị ở vùng dân tộc thiểu số đến năm 2030. Qua đó, đưa ra các quan điểm và giải pháp cơ bản, cấp bách nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân tộc của hệ thống chính trị ở vùng dân tộc thiểu số đến năm 2030

Số hồ sơ lưu: 19383

81523.06-2022 **Chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương của Mỹ và đối sách của Việt Nam**/ PGS. TS. Cù Chí Lợi, TS. Nguyễn Lan Hương; TS. Lê Thị Thu; TS. Lê Thị Vân Nga; TS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Nguyễn Khánh Vân; ThS. Đỗ Vũ Hưng; ThS. Phạm Thị Hiếu; ThS. Lê Thị Thu Trang; CN. Nguyễn Thị Hương; CN. Ngô Thị Nguyệt - Hà Nội- Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích nội dung và tác động của chiến lược Ấn Độ - TBD của Chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump tới khu vực và Việt Nam và từ đó đưa ra các khuyến nghị chính sách đối với Việt Nam nhằm khai thác những tác động tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của chính sách này. Phân tích những biến đổi môi trường phát triển tại khu vực Châu Á, mục tiêu, nội dung và biện pháp thực thi Chiến lược Ấn Độ - TBD của Mỹ dưới thời kỳ cầm quyền của Tổng thống Donald Trump; Đánh giá những tác động tích cực cũng như tiêu cực của chiến lược Ấn Độ - TBD của Mỹ tới Việt Nam, phản ứng của các nước trong khu vực đối với chiến lược này của Mỹ; Đưa ra các khuyến nghị về phương châm, chính sách đối ngoại của Việt Nam nói chung và với Mỹ và các nước trong khu vực trong những năm sắp tới nhằm khai thác các nhân tố thuận lợi và hạn chế các nhân tố bất lợi trong quan hệ quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 19440

81524.06-2022 **Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc và tác động tới Việt Nam**/ PGS.TS. Cù Chí Lợi, TS. Lê Thị Vân Nga; TS. Nguyễn Lan Hương; TS. Nguyễn Khánh Vân; TS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Hoàng Thế Anh; TS. Phạm Minh Tuấn; ThS. Đỗ Vũ Hưng; ThS. Phạm Thị Hiếu; ThS. Vũ Thị Hưng; ThS. Vũ Thị Thúy Nga; CN. Ngô Thị Nguyệt; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội- Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ, 2020 - 10/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích những nhân tố tác động dẫn tới việc Mỹ phát động

cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc hiện nay, các biện pháp triển khai của Mỹ, các đối sách của Trung Quốc, và xu thế phát triển của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc; Đánh giá những tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc tới kinh tế Mỹ, kinh tếTrung Quốc, kinh tế toàn cầu, và chỉ ra những tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc tới kinh tế Việt Nam và môi trường phát triển của Việt Nam; Đưa ra các khuyến nghị về chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19439

81526.06-2022 **Chính sách an ninh của Mỹ với Đông Nam Á dưới thời tổng thống Donald Trump**/ TS. Phạm Cao Cường, ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh; PGS. TS. Phạm Quý Long; TS. Nguyễn Lan Hươn; TS. Đàm Huy Hoàng; ThS. Lộc Thị Thủy; ThS. Đinh Thị Thùy Linh; CN. Ngô Thị Nguyệt; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội- Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các mục tiêu và sự triển khai chính sách an ninh của Mỹ với Đông Nam Á dưới thời Tổng thống Donald Trump thông qua cách tiếp cận đa phương (ASEAN, ARF) và cách tiếp cận song phương với một số quốc gia thành viên ASEAN từ đó đưa ra những đánh giá, khuyến nghị cho Việt Nam. Phân tích bối cảnh và những nhân tố tác động tới sự điều chỉnh chính sách an ninh của Tổng thống Donald Trump đối với với Đông Nam Á. Làm rõ mục tiêu và triển khai chính sách an ninh của Tổng thống Donald Trump với Đông Nam Á trong so sánh với giai đoạn trước. Phân tích thực trạng và đánh giá chính sách an ninh của Tổng thống Donald Trump đối với Đông Nam Á và nguyên nhân của chúng. Dự báo xu hướng chính sách an ninh của chính quyền Mỹ đối với Đông Nam Á sau thời kỳ của Tổng thống Donald Trump và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19437

81535.06-2022 **Một số vấn đề chính trị nổi bật của khu vực Mỹ Latinh hiện nay**/ TS. Nguyễn Anh Hùng, ThS. Lê Lan Anh; TS. Nguyễn Lan Hương; TS. Lê Thị Vân Nga; TS. Nguyễn Khánh Vân; CN. Ngô Thị Nguyệt; CN. Nguyễn Thị Hương - Hà Nội- Viện Nghiên Cứu Châu Mỹ, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định, nghiên cứu, đánh giá những vấn đề tiêu biểu, nổi bật của nền chính trị khu vực Mỹ Latinh hiện nay. Nhìn nhận bối cảnh chung của khu vực Mỹ Latinh hiện nay và những nhân tố tác động đối với bối cảnh chính trị. Xem xét, phân tích, chứng minh, đánh giá những vấn đề tiêu biểu, nổi bật; những yếu tố quan trọng cơ bản, cụ thể của thực trạng chính trị khu vực Mỹ Latinh hiện nay. Xác định xu hướng phát triển hiện nay của những vấn đề, yếu tố trên, đồng thời hàm ý cho Việt Nam tiếp thu những kinh nghiệm, những vấn đề tích cực, phù hợp trong chính trị nội bộ và trong định hướng, xác lập quan hệ hữu nghị, ổn định, phát triển với các quốc gia Mỹ Latinh.

Số hồ sơ lưu: 19438

81996.06-2022 **Đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế ở nước ta hiện nay: Thực trạng, quan điểm và định hướng chính sách**/ PGS.TS. Nguyễn Văn Vĩnh, TS. Trần Mai Hùng; TS.Ngô Huy Đức; PGS.TS. Tô Huy Rứa; GS.TS. Nguyễn Văn Huyên; TS. Tống Đức Thảo; GS.TS. Chu Văn Cấp; GS.TS. Dương Xuân Ngọc; TS. Nguyễn Trí Tùng; TS. Đoàn Trường Thụ - Hà Nội- Viện Chính trị học, 2020 - 12/2016 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ những yêu cầu và nhiệm vụ của đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế phù hợp với thực tiễn quá trình đổi mới đi lên CNXH ở Việt Nam. Xây dựng khung phân tích mối quan hệ giữa đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế. Nghiên cứu làm rõ kinh nghiệm một số nước trong việc đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế và rút ra bài học cho Việt Nam. Dự báo tình hình, nhân tố tác động và ảnh hưởng đến giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới chính trị và đổi mới kinh tế thời gian tới ở nước ta. Đề xuất quan điểm, định hướng chính sách, nội dung và hệ thống giải pháp chủ yếu nhằm đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế. Đề xuất các kiến nghị về đổi mới hệ thống chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế, góp phần hình thành các luận cứ khoa học cho việc xây dựng các nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19558

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

81059.06-2022 **Hoàn thiện mô hình tổ chức của Bộ, Ngành Tư pháp giai đoạn 2021-2035 đảm bảo nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước**/ TS. Nguyễn Quang Thái, ThS. Nguyễn Hương Ly; TS. Dương Thị Thanh Mai; TS. Nguyễn Thị Kim Thoa; TS. Nguyễn Công Khanh; TS. Nguyễn Ngọc Vũ; ThS. Trần Thị Hải; ThS. Nguyễn Hồng Tuyến; ThS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Bùi Thị Thủy; ThS. Hoàng Huy Trường; TS. Bùi Văn Minh; TS. Lê Thái Phương; TS. Đồng Ngọc Ba; ThS. Lê Thị Thiều Hoa; ThS. Đỗ Thúy Lan; ThS. Phan Xuân Huấn; ThS. Nguyễn Quang Dũng; ThS. Nguyễn Thị Mai; ThS. Trần Thị Phương Hoa; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; CN. Vũ Thị Thu Hiền; CN. Đồng Gia Lượng - Hà Nội- Viện Khoa học pháp lý, 2020 - 04/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề lý luận về mô hình tổ chức của Bộ, ngành Tư pháp. Đánh giá đúng thực trạng thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mô hình tổ chức của Bộ, ngành Tư pháp. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mô hình tổ chức của Bộ, ngành Tư pháp trong thời gian tới. Đề xuất, xác định mô hình tổ chức của Bộ, Ngành bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với Chiến lược cải cách tư pháp, pháp luật, cải cách hành chính, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hội nhập quốc tế nhằm nâng cao chất lượng,

hiệu quả hoạt động của bộ, ngành trong tình hình mới.

Số hồ sơ lưu: 19291

81155.06-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng, hoàn thiện quy định hướng dẫn phụ cấp chức vụ của công chức lãnh đạo Chi cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa**/ CN. Nguyễn Thị Lệ Đam, ThS. Trần Thị Tuyết; ThS. Nguyễn Trung Dũng; ThS. Nguyễn Ngọc Minh; ThS. Đỗ Thị Hải Anh; CN. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thu Hà; CN. Phạm Công Túc; Nguyễn Thị Mỹ Linh - Hà Nội- Vụ Tổ chức Cán bộ, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn phụ cấp chức vụ lãnh đạo Chi cục, lãnh đạo cấp phòng thuộc Chi cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá trực thuộc Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Kết quả của đề án sẽ tạo điều kiện để các chức danh lãnh đạo của Chi cục thuộc Cục được hưởng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo xứng đáng theo đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tiễn quản lý.

Số hồ sơ lưu: 19330

81522.06-2022 **Trách nhiệm kỷ luật đối với công chức ở Việt Nam hiện nay**/ TS. Nguyễn Minh Phú, ThS. Lê Hữu Phước; GS. TS. Phạm Hồng Thái; TS. Nguyễn Minh Sản; PGS. TS. Vũ Thư; ThS. Nguyễn Văn Phong; ThS. Lê Hữu Đạt; ThS. Nguyễn Minh Nghĩa; ThS. Cao Thị Lan Anh; ThS. Nông Thị Loan; CN. Trần Thị Tuyết Lan; CN. Phạm Văn Duệ - Đắk Lắk - Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề lý luận về trách nhiệm kỷ luật đối với công chức; đánh giá được thực trạng pháp luật về trách nhiệm kỷ luật đối với công chức và thực tiễn truy cứu trách nhiệm kỷ luật đối với công chức ở nước ta hiện nay; đưa ra được những quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật về kỷ luật đối với công chức, bảo đảm áp dụng kỷ luật đối với công chức. Đưa ra khái niệm, đặc điểm các yếu tố pháp lý cấu thành vi phạm kỷ luật; trách nhiệm kỷ luật đối với công chức; Chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của pháp luật; đánh giá được thực trạng truy cứu trách nhiệm kỷ luật đối với công chức; Đưa ra những quan điểm, giải pháp có tính khả thi để hoàn thiện pháp luật; bảo đảm áp dụng trách nhiệm kỷ luật đối với công chức.

Số hồ sơ lưu: 19442

81922.06-2022 **Niềm tin của người dân đối với một số dịch vụ công ở khu vực nông thôn một số tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay**/ TS. Nguyễn Văn Kiều, ThS. Phùng Bích Thủy; PGS.TS. Nguyễn Bá Dương; TS. Lê Văn Thái; PGS.TS. Nguyễn Quang Hồng; TS. Phạm Hồng Quý; TS. Lê Sỹ Thọ; ThS. Đỗ Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Tú; Nguyễn Thu Hương; ThS. Tống Minh Hương; Đỗ Anh Đào; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nhàn; CN. Nguyễn Quốc Trung - Hà Nội- Học

viện chính trị khu vực I, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Từ việc phân tích thực trạng niềm tin của người dân đối với một số dịch vụ công (DVC) ở khu vực nông thôn một số tỉnh miền núi phía Bắc, từ đó đề xuất quan điểm và một số giải pháp phù hợp, khả thi nhằm củng cố, định hướng niềm tin của người dân đối với một số DVC ở khu vực nông thôn một số tỉnh miền núi phía Bắc trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Làm rõ khung lý thuyết về niềm tin của người dân đối với một số dịch vụ công ở khu vực nông thôn; Phân tích được niềm tin của người dân đối với một số dịch vụ công ở khu vực nông thôn một số tỉnh miền núi phía Bắc; Đề xuất quan điểm và một số giải pháp phù hợp, khả thi nhằm củng, định hướng cố niềm tin của người dân đối với một số dịch vụ công ở khu vực nông thôn một số tỉnh miền núi phía Bắc hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 19568

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

79750.06-2022 **Quản lý của Hải quan Việt Nam đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong nền kinh tế chia sẻ**/ ThS. Nguyễn Bình Minh, TS. Nguyễn Hồng Phong; ThS. Nguyễn Thị Phúc Hạnh; CN. Nguyễn Thị Thanh Vân; TS. Mai Thị Vân Anh; ThS. Trần Thị Thu Thảo; ThS. Nguyễn Thị Minh Hằng; CN. Nguyễn Xuân Quang; CN. Phùng Thị Thương; CN. Nguyễn Mạnh Vũ - Hà Nội- Viện Nghiên cứu Hải quan, Tổng cục Hải quan, 2020 - 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số lý luận về kinh tế chia sẻ, quản lý nhà nước trong một số lĩnh vực hải quan tham gia vận hành nền kinh tế chia sẻ chia sẻ: đại lý hải quan , bảo lãnh thông quan, thông quan điện tử… Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý của Hải quan các nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong nền kinh tế chia sẻ. Đánh giá thực trạng quản lý hải quan trên các khía cạnh : quản lý rủi ro , quản lý thuế , quản lý đại lý hải quan, quy trình thủ tục , quản lý chuyên ngành đối với đại lý hải quan, bảo lãnh thông quan …Dự báo xu hướng phát triển của mô hình kinh tế chia sẻ của Việt Nam liên quan đến hoạt động XNK và kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động quản lý hải quan trong bối cảnh nền kinh tế chia sẻ

Số hồ sơ lưu: 18769

81353.06-2022 **Các giải pháp cơ bản nhằm phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới**/ GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn, TS. Phạm Sỹ An; PGS.TS. Bùi Quang Tuấn; PGS.TS. Nguyễn An Hà; PGS.TS. Nguyễn Xuân Trung; TS. Lê Văn Hùng; TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Đào Thị Hoàng Mai; TS. Cao Lệ Quyên; TS. Nguyễn Sỹ Linh; TS. Hà Huy Ngọc; CN. Nguyễn Võ Khánh Việt; ThS. Trần Thị Mai Thành; ThS. Ma Ngọc Ngà; TS. Phạm Bích Ngọc; TS. Vũ Tuấn Anh; ThS. Phan Thị Song Thương; TS. Phạm Thị Trầm; PGS.TS. Vũ Hùng Cường; TS. Bùi Thu Trang; ThS. Trần Thị Kim Chi; ThS. Bùi Thị

Hồng Ngọc; TS. Nguyễn Đình Hòa; TS. Đỗ Diệu Hương; PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng; TS. Đặng Thu Thủy; ThS. Trịnh Minh Nguyệt; TS. Nguyễn Thị Mai Lan; TS. Phí Vĩnh Tường - Hà Nội- Viện kinh tế Việt Nam, 2021 - 07/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về phát triển bền vững vùng. Tìm hiểu thực trạng phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng Tây Nam Bộ, đồng thời tìm hiểu thực trạng biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường của vùng để qua đó đưa ra những giải pháp thúc đẩy phát triển bền vững như về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, về giao thông vận tải, về liên kết vùng.. cho vùng Tây Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19379

81553.06-2022 **Giải pháp cân bằng cung cầu thị trường, phát triển bền vững các chuỗi ngành hàng chủ lực vùng Đồng bằng Sông Cửu Long: Xây dựng và triển khai mô hình liên kết sản xuất chuỗi giá trị ngành hàng lúa gạo./** PGS.TS. Nguyễn Văn Sánh, PGS.TS. Võ Thị Thanh Lộc; TS. Lưu Hồng Mẫn; TS. Vũ Anh Pháp; PGS.TS. Huỳnh Quang Tín; TS. Nguyễn Hồng Tín; TS. Võ Văn Tuấn; PGS.TS. Lê Cảnh Dũng; Huỳnh Thế Năng; TS.TS. Trần Hữu Hiệp; KS. Nguyễn Văn Tiến - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021 - 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Dự báo cung cầu thị trường ngành hàng lúa gạo và xây dựng kế hoạch sản xuất lúa gạo dựa vào các chính sách điều tiết vĩ mô và cấp trung được đề xuất để bố trí sản xuất và tiêu thụ theo yêu cầu thị trường của ngành hàng này; triển khai ứng dụng các mô hình dự báo cho các tỉnh/thành vùng ĐBSCL. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu cũng như các mô hình dự báo cung cầu cho ngành hàng lúa gạo; Xây dựng mô hình liên kết giữa các DN cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và tiêu thụ lúa hàng hóa với các HTX sản xuất lúa; Đề xuất các chính sách điều tiết vĩ mô mang tính cơ bản, thiết thực và lâu dài dựa trên phoợng pháp tiếp cận chuỗi giá trị và quy luật thị troợng để phát triển bền vững các chuỗi ngành hàng phục vụ chương trình tái cơ cấu nền nông nghiệp, phục vụ phát triển nông nghiệp nông dân và nông thôn.

Số hồ sơ lưu: 19459

81560.06-2022 **Giải pháp thúc đẩy tích tụ và tập trung ruộng đất trong phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại ở vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới/** GS.TS. Đỗ Hoài Nam, TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; PGS.TS. Bùi Quang Tuấn; GS.TS. Nguyễn Tử Siêm; TS. Trần Thiện Cường; TS. Nguyễn Kim Toàn; TS. Đào Thị Hoàng Mai; TS. Nguyễn Duy Phương; TS. Khúc Thị Thanh Vân; ThS. Nguyễn Hồng Quang - Hà Nội- Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2021 - 07/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tập trung phân tích những điểm nghẽn, lực cản trong tích tụ và tập trung ruộng đất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Phân tích và chỉ rõ

bối cảnh phát triển mới và yêu cầu phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long đặt ra cho sự phát triển nông nghiệp vùng theo hướng hiện đại. Tư duy phát triển mới làm cơ sở cho các giải pháp thúc đẩy tích tụ và tập trung ruộng đất trong phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại vùng Đồng bằng sông Cửu Long dưới tác động của bối cảnh phát triển mới. Đề xuất các luận cứ khoa học về quan điểm và giải pháp thúc đẩy tích tụ và tập trung ruộng đất trong phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Số hồ sơ lưu: 19464

81570.06-2022 **Tác động xã hội trong phát triển đô thị vùng Tây Nam bộ**/ PGS.TS. Phạm Minh Anh, TS. Đỗ Văn Quân; TS. Ngô Ngân Hà; GS.TS. Nguyễn Đình Tấn; GS.TS. Lê Ngọc Hùng; ThS. Nguyễn Ngọc Huy; ThS. Trần Thị Kim Liên; PGS.TS. Lê Thanh Sang; PGS.TS. Nguyễn Tất Giáp; PGS.TS. Nguyễn Chí Dũng - Hà Nội- Viện Xã hội học và Phát triển, 2021 - 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa, xác định những vấn đề lý luận, lý thuyết cơ bản về phát triển đô thị/đô thị hoá trong phát triển bền vững: tìm hiểu các quan điểm, lý thuyết của nước ngoài về đô thị hoá và phát triển bền vững, nhất là các nước trong khu vực có nền văn hoá và trình độ phát triển kinh tế xã hội tương đồng với Việt Nam; Rà soát thực trạng quy hoạch, phát triển đô thị bền vững ở vùng Tây Nam bộ giai đoạn 2010-2019. Trên cơ sở đó đánh giá tác động của quy hoạch trong phát triển đô thị ở vùng Tây Nam Bộ. Nghiên cứu đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm thúc đẩy tác động xã hội (quan hệ sản xuất; quan hệ xã hội; cấu trúc xã hội; phân tầng xã hội; dịch vụ xã hội, an sinh xã hội, văn hóa và lối sống; lao động, việc làm, dân số và di dân, quản lý xã hội..) tích cực, hạn chế tác động xã hội tiêu cực trong phát triển đô thị vùng Tây Nam bộ theo quan điểm phát triển bền vững giai đoạn 2019-2025 tầm nhìn đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19469

50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội

81724.06-2022 **Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về năng suất và chất lượng trên truyền hình năm 2019**/ ThS. Trần Anh Tuấn, CN. Lê Đăng Huyền; ThS. Ngô Văn Trường; ThS. Trần Văn Dư; ThS. Ngô Văn Mạc; ThS. Phùng Mạnh Trường; CN. Đặng Thị Mai Phương; CN. Nghiêm Thanh Hải; CN. Lê Thị Thúy Sâm; ThS. Phạm Thị Phương Thảo; CN. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Vũ Thị Tú Quyên; ThS. Nguyễn Kim Thanh; CN. Hoàng Thị Bích Hạnh; CN. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Nguyễn Ngọc Linh; CN. Trần Kim Chi - Hà Nội- Văn phòng - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2021 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, khảo sát và xây dựng báo cáo đánh giá của công chúng về hiệu quả truyền thông của chương trình năng suất chất lượng đã phát trên VTV1, VTV2 thông qua các chỉ

số khung giờ phát sóng, kênh phát sóng, nội dung chương trình để giúp nhà quản lý đưa ra các giải pháp trong quá trình triển khai các nhiệm vụ tiếp theo. Đồng thời là cơ sở lý luận và thực tiễn để cơ quan quản lý đưa ra các chính sách, biện pháp điều chỉnh, quản lý chương trình được tốt hơn, hiệu quả hơn trong quá trình triển khai thực hiện. Nâng cao nhận thức, kiến thức về năng suất chất lượng cho mọi đối tượng thông qua phổ biến thông tin, chia sẻ kiến thức về năng suất chất lượng, Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trên kênh truyền hình VTV1, VTV2 và thúc đẩy doanh nghiệp hưởng ứng, tham gia phong trào năng suất chất lượng; tạo sự kết nối giữa nhà quản lý, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Số hồ sơ lưu: 19507

81887.06-2022 **Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về nâng cao năng suất và chất lượng thông qua biên soạn, phát hành sách, ấn phẩm và tổ chức các hội nghị, hội thảo năm 2018**/ ThS. Đỗ Thị Hải Anh, ThS. Trần Thị Tuyết; TS. Hà Minh Hiệp; ThS. Lê Minh Tâm; ThS. Nguyễn Ngọc Châm; ThS. Ngô Thị Ngọc Hà; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; ThS. Phạm Công Túc; ThS. Ngô Văn Mạc; CN. Nguyễn Văn Hiền; ThS. Nguyễn Thu Hà; CN. Nguyễn Kim Thanh - Hà Nội- Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2020 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Biên tập, biên soạn khoảng 20 đầu sách/tài liệu mới bổ sung cho Tủ sách năng suất chất lượng được thiết lập năm 2018; Chia sẻ kiến thức, phổ biến kinh nghiệm về thực hiện cải tiến năng suất chất lượng cho các tổ chức, doanh nghiệp thông qua tổ chức các hội thảo khoa học tại 03 miền. Thiết kế, phát hành 02 poster về năng suất chất lượng để tăng cường quảng bá, tuyên truyền thông tin cho mục tiêu năng suất chất lượng.

Số hồ sơ lưu: 19550

81923.06-2022 **Xuất bản Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam Series B phục vụ hoạt động công bố các công trình nghiên cứu khoa học**/ KS. Đặng Ngọc Bảo, Nguyễn Thị Hải Hằng; Nguyễn Thị Hương Giang; Phạm Thị Minh Nguyệt; Vũ Văn Hưng; Phí Công Thường; Ninh Văn Diện; Chu Anh Trà; Đinh Thị Luận; Cao Thị Thu Hằng; Lương Ngọc Quang Hưng; Hoàng Hải Yến; Khổng Thị Thanh Thảo; Lê Thị Bắc; Tăng Xuân Bình - Hà Nội- Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ mục đích của Tạp chí đã được Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt. Tuyên truyền các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đến đông đảo độc giả trong nước và việt kiều ở nước ngoài. Chia sẻ các kết quả nghiên cứu của cá nhân nhà khoa học, của tổ chức khoa học và công nghệ (các trường đại học/ viện nghiên cứu..) đến cộng đồng nghiên cứu. Khẳng định vị trí là một tạp chí quốc gia đa ngành thuộc Bộ Khoa học và công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 19569

599. Khoa học xã hội khác

81015.06-2022 **Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay**/ TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai, PGS.TS. Phạm Minh Tuấn; PGS.TS. Lê Quốc Lý; GS.TSKH. Đào Trí Úc; PGS.TS. Võ Thị Mai; PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn; TS. Trần Thị Minh; PGS.TS. Nguyễn Tấn Vinh; TS. Nguyễn Thị Oanh; ThS. Nguyễn Đức Cường; CN. Trần Tuấn Hinh; TS. Quách Thị Minh Phượng; TS. Lê Thị Anh Đào; TS. Nguyễn Thị Hoa Phượng; TS. Phan Công Khanh; TS. Võ Thành Khối; TS. Nguyễn Văn Điển; TS. Lê Thị Anh Đào; TS. Hà Văn Tác; TS. Thân Ngọc Anh; TS. Nguyễn Thị Hoa Phượng; TS. Bùi Thị Nguyệt Thu; TS. Trần Thị Kim Ninh; TS. Hoàng Thị Ngọc Loan; PGS.TS. Huỳnh Thị Gấm - Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị khu vực II, 2020 - 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa và phát triển cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) phía Nam; xây dựng khung năng lực và tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh vùng KTTĐ phía Nam. Đánh giá khách quan, toàn diện thực trạng đội ngũ cán bộ và công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh vùng KTTĐ phía Nam; xác định và luận giải các nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng; trình bày và luận giải những bài học kinh nghiệm về xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh vùng KTTĐ phía Nam. Xác định quan điểm, đề xuất và luận chứng hệ thống giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh vùng KTTĐ phía Nam.

Số hồ sơ lưu: 19278

81058.06-2022 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng dự thảo Danh mục hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực TCĐLCL và đề xuất thời hạn bảo quản**/ CN. Nguyễn Thị Thảo, CN. Lý Ngọc Mai; CN. Lê Đăng Huyền; ThS. Ngô Văn Trường; CN. Nguyễn Thu Hà - Hà Nội- Văn phòng - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2021 - 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng dự thảo Danh mục hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực TCĐLCL. Đánh giá thực trạng về những tồn tại, bất cập, hạn chế trong công tác quản lý và lưu trữ tài liệu chuyên môn nghiệp vụ ngành tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Tổ chức Hội thảo khoa học lấy ý kiến đề xuất các tài liệu đưa vào Danh mục hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng . Tổng hợp đề xuất của các đơn vị, phân tích các ý kiến góp ý, sử dụng chuyên gia,.. để hoàn thiện dự thảo Danh mục hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực TCĐLCL. Đề xuất thời hạn bảo quản, đồng thời căn cứ tình hình thực tế hoạt động của Tổng cục và các đơn vị trực

thuộc để đề xuất các nội dung cần đưa vào danh mục hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Số hồ sơ lưu: 19295

6. Khoa học nhân văn

60103. Khảo cổ học và tiền sử

81208.06-2022 **Hệ thống giếng cổ Chăm Pa qua nghiên cứu khảo cổ học**/ TS. Nguyễn Tiến Đông, ThS. Thân Văn Tiệp; TS. Nguyễn Ngọc Quý; ThS. Nguyễn Văn Mạnh; ThS. Lê Đức Thọ; Lê Thị Xuân - Hà Nội- Viện Khảo cổ học, 2020 - 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, phân định rõ ràng hệ thống giếng trên từng địa bàn khác nhau của miền Trung. Ở vùng núi, gần như không thấy có giếng. Vùng chân núi và trung du, đặc biệt là vùng ven biển có nhiều giếng với cả ba loại hình: Giếng mở, giếng nửa mở và giếng đóng. Mục tiêu của đề tài nhằm làm rõ đặc trưng của từng loại giếng trên những địa hình khác nhau, cấu tạo địa chất khác nhau. Nhất là vùng các cồn cát ven biển, nơi tưởng như chỉ có nắng, gió và kho hạn thì lại có khá nhiều giếng với chất lượng nước rất tốt và trữ lượng dồi dào. Từ đó, tìm hiểu, nghiên cứu và đánh giá được trình độ, khả năng tìm những mạch nước ngầm có chất lượng cao của người Chăm xưa. Phân loại được các hệ thống, các loại hình của giếng trên từng địa hình (cồn cát, bãi biển, trên núi, đồng bằng, ngoài đảo). Đưa ra nghững đặc trưng của từng loại hình trên những địa bàn, địa hình khác nhau của Trung Bộ Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19331

60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

81306.06-2022 **Bản sắc con người Tây Nam Bộ trong bối cảnh phát triển mới**/ PGS.TS. Lã Thị Thu Thủy, PGS.TS. Lê Thị Thanh Hương; PGS.TS. Phan Thị Mai Hương; PGS. TS. Nguyễn Thị Hoa; TS. Đỗ Thị Lệ Hằng; TS. Nguyễn Thị Phương Hoa; TS. Rơ Đăm Thị Bích Ngọc; ThS. Phạm Minh Thu; PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Châm; TS. Phú Văn Hẳn; CN. Nguyễn Thị Thanh Thủy; TS. Mai Văn Hải; PGS.TS. Bùi Thị Hồng Thái, TS. Đinh Thị Hồng Vân; TS. Huỳnh Văn Chẩn; ThS. Võ Văn Luyến; ThS. Nguyễn Thị Thúy - Hà Nội- Viện Tâm lý học, 2021 - 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và cơ sở pháp lý của vấn đề nghiên cứu, trên cơ sở đó xây dựng khung phân tích bản sắc con người Tây Nam Bộ trong bối cảnh phát triển mới. Tìm hiểu thực trạng, luận giải bản sắc con người Tây Nam Bộ hiện nay và đánh giá vai trò, tác động của bản sắc con người Tây Nam bộ trong phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ. Đề xuất có luận cứ khoa học và thực tiễn các giải pháp phát huy vai trò của bản sắc con người Tây Nam Bộ nhằm phát triển bền vững vùng trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 19353

81556.06-2022 **Xây dựng cơ sở dữ liệu phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ**/ TS. Vũ Tuấn Anh, TS.

Nguyễn Thị Thanh Hương; PGS.TS. Vũ Hùng Cường; GS. TS. Trịnh Duy Luân; PGS.TS. Nguyễn Xuân Mai; TS. Bùi Trinh; TS. Khúc Thị Thanh Vân; TS. Trịnh Tất Đạt; TS. Nguyễn Kim Toàn; TS. Nguyễn Đình Hòa; TS. Phạm Bích Ngọc; TS. Bùi Quang Bình; ThS. Lê Thị Thu Hương; ThS. Bùi Việt Cường; ThS. Nguyễn Hồng Quang; TS. Nguyễn Đình Chúc; ThS. Lương Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Thục; TS. Nguyễn Xuân Khoát; ThS. Phan Thị Thùy Trâm; ThS. Nguyễn Thị Thu Hòa - Hà Nội- Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn về Phát triển, 2021 - 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ luận cứ khoa học cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ. Làm rõ hiện trạng hệ thống thông tin, dữ liệu hiện có về phát triển bền vững ở cấp Trung ương, cấp vùng và các tỉnh Tây Nam Bộ. Xác định bộ chỉ tiêu phát triển bền vững phù hợp cho vùng Tây Nam Bộ. Thu thập thông tin, điều tra bổ sung để hình thành cơ sở dữ liệu phát triển bền vững ban đầu của các tỉnh và toàn vùng Tây Nam Bộ cho khung thời gian 2010- 2018 dựa trên 17 mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu đến năm 2030 của Liên hợp quốc và bộ chỉ tiêu phát triển bền vững do Chính phủ Việt Nam quy định. Xây dựng hệ thống bản đồ về phát triển bền vững cho 13 tỉnh vùng Tây Nam Bộ. Đề xuất hệ thống tổ chức và cơ chế thu thập, cung cấp và sử dụng dữ liệu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ cho thời gian 2020-2030; đề xuất giải pháp kết nối cơ sở dữ liệu này vào hệ thống thông tin phục vụ hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển bền vững quốc gia và quản trị phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19455

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam

81355.06-2022 **Lễ phục triều Nguyễn - Phát huy giá trị**/ TS. Nguyễn Thị Thu Hà, PGS.TS. Phan Thanh Bình; TS. Trần Yên Thế (Trần Hậu Yên Thế); ThS. Nguyễn Đạt Thức; ThS. Lê Thế Anh; ThS. Lê Huyền Trang - Hà Nội- Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, 2021 - 01/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu Lễ phục triều Nguyễn, trên cơ sở coi trang phục truyền thống Việt làm nền tảng, từ đó đánh giá, phần nào từng bước giải mã và hệ thống những yếu tố lịch sử văn hoá, nghệ thuật của Lễ phục triều Nguyễn qua di sản vật thể. Từ những kết quả nghiên cứu ban đầu, đối chiếu với sự bảo tồn, kế thừa và phát huy giá trị Lễ phục triều Nguyễn trong đời sống văn hóa nghệ thuật hiện nay, rút ra những vấn đề cần bảo tồn, kế thừa; những vấn đề cần tiếp thu, sáng tạo và phát triển.

Số hồ sơ lưu: 19387

81566.06-2022 **Văn hóa trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ**/ PGS.TS. Phạm Tiết Khánh, PGS.TS. Trần Thị An; PGS.TS. Diệp Thanh Tùng; ThS. Phạm Thị Tố Thy; TS. Trần Phương Nguyên; TS. Nguyễn Thị Kiều Tiên;

TS. Nguyễn Tiến Dũng; TS. Nguyễn Hữu Thọ; PGS.TS. Nguyễn Xuân Hương; TS. Mai Mỹ Duyên; ThS. Lâm Quang Vinh - Trà Vinh - Trường Đại học Trà Vinh, 2021 - 07/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về văn hóa, văn hóa vùng, văn hóa Tây Nam Bộ, phát triển bền vững và mối quan hệ giữa văn hóa với phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ. Nghiên cứu các bài học kinh nghiệm quốc tế về phát huy vai trò tích cực của văn hóa đối với phát triển bền vững vùng, lựa chọn các bài học có giá trị tham khảo cho vùng Tây Nam Bộ . Nhận diện đặc trưng văn hóa Tây Nam Bộ và xác định vai trò của văn hóa Tây Nam Bộ đến phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới . Đánh giá thực trạng tác động của văn hóa Tây Nam Bộ đến phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ theo hướng bền vững từ năm 1986 đến nay. Xác định quan điểm và định hướng vai trò của văn hóa Tây Nam Bộ trong phát triển bền vững vùng trong bối cảnh mới . Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tác động tích cực của văn hóa Tây Nam Bộ trong phát triển bền vững vùng trong bối cảnh mới giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2050.

Số hồ sơ lưu: 19465

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

81043.06-2022 **Thông tin, truyền thông về phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên các mạng xã hội tại Việt Nam từ 2018 đến năm 2020**/ CN. Phan Thị Hồng Vân, CN. Phạm Thị Lan Yến; CN. Nguyễn Thu Hiền; CN. Phạm Thùy Linh; CN. Trần Thị Trúc Loan; CN. Nguyễn Thu Hiền; CN. Ngũ Văn Hiệp; CN. Nguyễn Trung Thành; CN. Phan Quang Tiến; CN. Trần Quang Hưng - Hà Nội- Công ty TNHH Truyền thông và Quảng cáo May, 2020 - 11/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, về các chủ trương chính sách, pháp luật về phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Phổ biến kiến thức về thị trường KH&CN trong nước và quốc tế, kinh nghiệm tiên tiến và mô hình đổi mới sáng tạo thành công. Quảng bá các kết quả thực hiện Chương trình 2075. Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, công nghệ, kết nối cung-cầu, chuyển giao công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Xây dựng 01 bộ nội dung về cơ chế chính sách mới về thị trường KH&CN trên Hệ thống Chatbot - trả lời tự động tích hợp trên nền tảng facebook messenger của trang thành viên sàn công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 19288

81840.06-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp chính sách gắn kết nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam**/ ThS. Đặng Thu Giang, CN. Hoàng Lan Chi; ThS. Nguyễn Việt Hoà; ThS. Nguyễn Minh Hạnh; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; ThS.

Nguyễn Hồng Anh; ThS. Tạ Doãn Hải; KS. Nguyễn Hữu Thăng - Hà Nội- Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020 - 06/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ kinh nghiệm về xây dựng, thực thi các giải pháp chính sách của một số nước trên thế giới về gắn kết nhiệm vụ khoa học và công nghệ với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Đề xuất các giải pháp nhằm gắn kết các nhiệm vụ khoa học, công nghệ có sự dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước với thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19541

81902.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) cho các sản phẩm, hàng hóa chủ lực và các lĩnh vực liên quan năm 2019**/ ThS. Lê Thành Hưng, ThS. Nguyễn Thành Trung; ThS. Nguyễn Duy Trinh; ThS. Đoàn Thị Thanh Vân; ThS. Trần Thị Thanh Xuân; ThS. Màn Thùy Giang; ThS. Hà Thị Thu Trà; ThS. Lê Thị Thanh Ngọc; ThS. Nguyễn Hải Anh; ThS. Bùi Ngọc Bích - Hà Nội- Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2020 - 01/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng và trình Bộ KH&CN công bố 507 TCVN trên cơ sở chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.., phục vụ yêu cầu chiến lược phát triển kinh tế xã hội, tập trung cho các đối tượng sau: Nhóm đối tượng phục vụ yêu cầu quản lý Nhà nước; Nhóm đối tượng sản phẩm hàng hóa chủ lực phục vụ nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa của Việt Nam; Nhóm đối tượng cam kết hài hòa tiêu chuẩn và hợp chuẩn trong ASEAN; Nhóm đối tượng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Nhóm sản phẩm về đô thị thông minh. Ưu tiên xây dựng TCVN cho các đối tượng sản phẩm, hàng hóa (SPHH) chủ lực, xuất khẩu; TCVN lĩnh vực nông nghiệp (nông nghiệp công nghệ cao; nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ..); Năng lượng (năng lượng tái tạo; năng lượng sạch; tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước..); Đô thị thông minh; Phát triển bền vững; Phát triển công nghệ cơ khí; công nghiệp hỗ trợ; Logictis; Thương mại điện tử..; Phù hợp với quy hoạch phát triển hệ thống TCVN đến năm 2020; Ít nhất 80 % TCVN được xây dựng mới; Tỷ lệ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực tối thiểu đạt 90 %; Tỷ lệ TCVN về yêu cầu kỹ thuật, đặc tính sản phẩm đạt ít nhất 30 %.

Số hồ sơ lưu: 19557

81924.06-2022 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho các sản phẩm, hàng hóa chủ lực và các lĩnh vực liên quan năm 2020**/ ThS. Hà Thị Thu Trà, ThS. Ngô Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Duy Trinh; ThS. Đoàn Thị Thanh Vân; ThS. Trần Thị Thanh Xuân; ThS. Màn Thùy Giang; ThS. Lê Thành Hưng; ThS. Lê Thị Thanh Ngọc; ThS. Nguyễn Hải Anh; ThS. Bùi Ngọc Bích; ThS. Phùng Quang Minh - Hà Nội- Viện Tiêu

chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2020 - 02/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng đủ các Tiêu chuẩn việt Nam (TCVN) đáp ứng giai đoạn 2 (2016 đến 2020): 2.000 TCVN cho các sản phẩm hàng hóa chủ lực của nền kinh tế và các lĩnh vực khác như: đô thị thông minh, năng lượng tái tạo, sử dụng tiết kiệm nước, tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững, mã số mã vạch.v.v. với 90 % hài hoà tiêu chuẩn quốc tế, đạt tỷ lệ 60 % TCVN của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực. Xây dựng 209 TCVN trên cơ sở chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, ..phục vụ yêu cầu chiến lược phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ lực của nền kinh tế; đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước; phát triển kinh tế xã hội, phát triển bền vững và thực thi các Hiệp định thương mại mà Việt Nam tham gia. Trong đó xây dựng mới 171 TCVN (chiếm tỷ lệ 81,8%), soát xét 38 TCVN. Trong số 209 TCVN xây dựng có 200 TCVN hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực và tiêu chuẩn nước ngoài tiên tiến (chiếm tỷ lệ 95,7%). Đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động xây dựng TCVN trong khuôn khổ chương trình quốc gia Năng suất chất lượng; Đề xuất phát triển và hoàn thiện hệ thống TCVN đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 19567

60399. Các vấn đề của triết học và tôn giáo khác

81464.06-2022 **Những vấn đề mới trong tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng dân tộc thiểu số nước ta hiện nay**/ PGS.TS. Hoàng Thị Lan, PGS.TS. Lê Văn Lợi; PGS.TS. Đỗ Lan Hiền; PGS.TS. Chu Văn Tuấn; PGS.TS. Trần Thị Kim Oanh; TS. Bùi Thanh Hà; TS. Lê Tâm Đắc; TS. Trần Thị Thu Hiền; TS. Trần Trung; TS. Phạm Thị Hoàng Hà - Hà Nội- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020 - 04/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống cơ sở lý luận, đề xuất khung lý thuyết nghiên cứu về những vấn đề mới trong tôn giáo, tín ngưỡng và tác động của nó đối với sự phát triển bền vững vùng DTTS. Nghiên cứu kinh nghiệm giải quyết vấn đề mới trong tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng DTTS của một số quốc gia trên thế giới và trong khu vực. Đi sâu phân tích những vấn đề mới trong tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng DTTS từ năm 1986; các yếu tố tác động làm nảy sinh những vấn đề mới trong tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng DTTS hiện nay. Đánh giá tác động của những vấn đề mới trong tôn giáo, tín ngưỡng đến đoàn kết dân tộc, phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng ở vùng DTTS hiện nay. Dự báo xu hướng biến đổi, từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp, kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng DTTS nước ta, thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19417

Phụ lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ c ấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở s ử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhi ệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ . Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn

bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: https://dichvucong.vista.gov.vn, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ https://dichvucong.most.gov.vn, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ https://dichvucong.gov.vn.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.

- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*:* Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai*:*

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- Phiếu mô tả công nghệ.

- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.

- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*